

TRUYỆN NGẮN
ANTON PAVLOVICH
CHEKHOV



SÁCH MỚI.NET - EBOOK



Tác phẩm: Truyện ngắn A. P. Chekhov

Tác giả: A. P. Chekhov

Tủ sách: Truyện ngắn – Văn học nước ngoài

Nguồn: vnthuquan.net

xuanhoanews.com

dactrung.net

vietnamnet.vn

Thực hiện ebook: Zaqqaz

ooO TVE Ooo

MỤC LỤC

ANH BÉO VÀ ANH GẦY

CÁI CHẾT CỦA MỘT VIÊN CHỨC

CASTANCA

CHƯƠNG MỘT: HÀNH VI XẤU

CHƯƠNG HAI: NGƯỜI LẠ MẶT BÍ HIỂM

CHƯƠNG BA: MỘT CUỘC LÀM QUEN RẤT DỄ CHỊU

CHƯƠNG BỐN: CHUYỆN KỶ LẠ

CHƯƠNG NĂM: TÀI NĂNG! TÀI NĂNG!

CHƯƠNG SÁU: MỘT ĐÊM BẤT AN

CHƯƠNG BẢY: CUỘC TRÌNH DIỄN KHÔNG THÀNH CÔNG

CÂU CHUYỆN CỦA PHU NHÂN N.N

CÂY VĨ CÀM CHO ROTHSCHILD

DẤU CHẤM THAN

ĐIỀU THỎ THAN

ĐỊNH NGHĨA TÌNH YÊU

GIẬN DỐI

HÔNG VIỆC

KHÓM PHÚC BỒN TỬ

LÃO QUẢN BI

MỘT CÂU ĐÙA

MỘT CÂU ĐÙA (version 2)

MỘT CHUYỆN ĐÙA

MỘT CUỘC GẶP GỠ

NGƯỜI ĂN MÀY

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ NHỎ

I

II

III

IV

NHU NHƯỢC

TRẦN VÀ THỎ

VỊ HÔN PHU

ANH BÉO VÀ ANH GẦY

Trên sân ga của tuyến đường sắt Nikôlai có hai người bạn cũ gặp nhau: một người béo, một người gầy. Anh béo vừa ăn ở nhà ga xong, môi láng nhẫy bờ như quả đào chín. Người anh ta toát ra mùi rượu nho loại nặng, mùi nước hoa cam. Còn anh gầy thì mới xuống tàu, hai tay lĩnh kính nào vali, nào hộp, nào túi. Người anh ta toát ra mùi thịt ướp, mùi bã cà phê. Sau lưng anh ta là một người đàn bà gầy gò, cầm dài – đó là vợ anh ta, và một cậu học sinh cao lêu đêu mắt nhú lại – đó là con trai anh ta.

– Porphiri đấy à! – Anh béo kêu lên khi vừa nhác thấy anh gầy – Đúng là cậu ư? Ôi, ông bạn thân mến của tôi! Bao đông bao hè chúng mình không gặp nhau rồi!

– Trời! – Anh gầy sửng sốt – Misa! Bạn từ thuở nhỏ của tôi! Cậu ở đâu ra thế?

Hai người bạn ôm hôn nhau đến ba lần, mắt rưng rưng chăm chăm nhìn nhau. Cả hai đều kinh ngạc một cách đầy thú vị.

– Cậu ạ – Anh gầy bắt đầu nói sau khi ôm hôn – Mình quả không ngờ! Đột ngột quá! Nào, cậu nhìn thẳng vào mình xem nào! Ô, trông cậu vẫn đẹp trai như xưa, vẫn lịch thiệp, sang trọng như xưa! Chà, hay thật! À, mà cậu bây giờ thế nào rồi? Giàu không? Lấy vợ chưa? Mình thì có vợ rồi, cậu thấy đấy... Đây, vợ mình đây, Luida, nguyên họ là Vaxenbac, theo đạo Luyte. Còn đây là con trai mình, Naphanain, học sinh lớp ba. Này con, bác đây là bạn hồi nhỏ của bố đấy! Cùng học phổ thông với nhau.

Naphanain ngật ngừng một lát rồi bỏ chiếc mũ mềm xuống.

– Cùng học phổ thông với bố đấy con ạ! – Anh gầy nói tiếp – À này, cậu còn nhớ cậu bị chúng nó trêu chọc thế nào không? Chúng nó gọi cậu là Gêxôxtrat^[i] vì cậu lấy thuốc lá

châm cháy một cuốn sách của thư viện, còn mình thì chúng nó gọi là Ephian^[ii] vì mình hay mách. Hô hô...Đạo ấy bọn mình trẻ con thật! Đừng sợ con, Naphanain! Con lại gần bác chút nữa nào...Còn đây là vợ mình, nguyên họ là Vaxenbac, theo đạo Luyte...

Naphanain suy nghĩ một lát rồi nép vào sau lưng bố.

- Này anh bạn, bây giờ sống ra sao? - Anh béo hỏi, nhìn bạn mình với vẻ đầy hoan hỉ - Làm ở đâu? Thành đạt rồi chứ?

- Ừ, mình cũng có đi làm, anh bạn ạ! Hai năm nay mình là viên chức bậc tám, cũng được mề đay "Xtalixnap". Lương lậu chẳng đáng là bao...nhưng mà thôi, thầy kê nó! Vợ mình dạy nhạc, mình thì làm thêm tẩu thuốc bằng gỗ. Tẩu đẹp lắm cậu ạ! Mình bán một rúp một cái cơ đấy. Nếu ai mua cả chục hay nhiều hơn thì cậu biết đấy, có bớt chút ít. Cũng cố sống qua loa thế nào xong thôi. Cậu biết không, trước mình làm ở cục, bây giờ thì mình được chuyển về đây, thăng lên bậc bảy cũng trong ngành đó thôi...Mình sẽ làm ở đây. Còn cậu sao rồi? Chắc là cỡ viên chức bậc năm rồi chứ? Phải không?

- Không đâu, anh bạn ạ, cao hơn thế nữa đấy. - Anh béo nói - Mình là viên chức bậc ba rồi...có hai mề đay của Nhà nước.

Anh gầy bỗng dựng tái mét mặt, ngây ra như phỗng đá, nhưng lát sau thì anh toét miệng cười, mặt mày nhăn nhúm, dường như mắt anh ta sáng hẳn lên. Toàn thân anh ta rúm rỏ, so vai rụt cổ khúm núm... Cả mấy thứ vali, hộp, túi của anh ta cũng như co rúm lại, nhăn nhó... Chiếc cầm dài của bà vợ như dài thêm ra, thằng Naphanain thì rụt chân vào và gài hết cúc áo lại...

- Dạ, bẩm quan trên, tôi... tôi rất lấy làm hân hạnh ạ. Bạn nghĩa là bạn... từ thuở nhỏ, thế rồi bỗng nhiên làm chức to thế, hi hi hi...

- Thôi, cậu đừng nói thế đi! - Anh béo cau mặt - Sao cậu lại giở giọng thế? Mình với cậu là bạn từ thuở nhỏ, việc gì cậu lại giở giọng quan cách thế?

- Dạ bẩm quan... Quan lớn dạy gì kia ạ... - Anh gầy cười hì hì, người càng rúm ró hơn - Quan lớn chiếu cố cho thế này là đội ơn mưa móc cho kẻ bần hàn đấy ạ... Dạ bẩm quan trên, thưa đây là con trai tôi Naphanain... và vợ tôi là Luida, theo đạo Luyte đấy ạ...

Anh béo định quở trách điều gì thêm, nhưng gương mặt anh gầy toát ra vẻ kính cẩn, lằng lằng hoan hỉ đến mức anh béo cảm thấy buồn nôn. Anh béo ngoảnh mặt đi và đưa tay từ biệt anh gầy.

Anh gầy nắm ba ngón tay anh béo, cúi gập mình xuống chào và cười lên như một chú tễu: “Hì hì hì”. Bà vợ mỉm cười, Naphanain kéo chân lại và buông thõng chiếc mũ xuống. Cả ba người đều sững sờ một cách đầy thú vị.

CÁI CHẾT CỦA MỘT VIÊN CHỨC

Vào một buổi tối thú vị, Ivan Đơmitơrits Tsêviakôp, một viên chức quản trị hành chính không kém phần thú vị hơn, đã ngồi ở hàng ghế bành thứ hai, giương ống nhòm lên sân khấu mà xem vở “Chuông Kornêvin”. Y vừa xem vừa cảm thấy trong lòng khoan khoái vô cùng. Bỗng dưng... Trong các truyện thường gặp chữ “bỗng dưng” này. Các tác giả đã có lý: cuộc đời quả là đầy rẫy những chuyện bất ngờ. Bỗng dưng mặt y nhẩn nhó, mắt hoa lên, hơi thở nghẹn lại... y rời mắt khỏi chiếc ống nhòm, hơi cúi xuống và... hắt xì!! Các bạn thấy đấy, y đã hắt hơi. Không ở đâu lại có lệ cấm người này người nọ hắt hơi cả. Người nhà quê hắt hơi, cảnh sát trưởng hắt hơi, và đôi khi cả các viên chức bậc ba ^[iii] cũng hắt hơi. Ai mà chẳng hắt hơi. Tsêviakôp không hề cảm thấy ngượng ngùng chút nào, y lấy khăn mùi soa ra lau, và như một người lịch sự, y nhìn quanh xem thử cái hắt hơi của mình có trót làm phiền ai không? Liền đấy y cảm thấy bối rối. Y nhìn thấy một người đã có tuổi ngồi trên hàng ghế đầu ngay phía trước y đang lấy giấy tay cẩn thận lau cổ và cái đầu hói của mình, mồm càu nhàu câu gì không rõ. Tsêviakôp nhận ra vị có tuổi là tướng Brigialôp đương nhiệm tại tổng cục đường sắt.

“Mình làm bắn nước bọt vào ngài rồi! – Tsêviakôp nghĩ – không phải thủ trưởng của mình, ở nơi khác, nhưng dù sao thì vẫn không hay ho gì. Phải tạ lỗi mới được”.

Tsêviakôp dặng háng, nghển cổ ra trước, thì thào vào tai vị tướng:

- Thưa ngài, ngài thứ lỗi cho, tôi trót hắt hơi... tôi vô ý...
- Không hề gì, không hề gì...
- Ngài làm ơn làm phúc tha lỗi cho. Tôi... tôi... không muốn thế đâu ạ!
- Thôi! Anh làm ơn ngồi yên cho! Để tôi xem nốt!

Tsêviakôp ngượng ngùng, bối rối cười ngây ngô và lại nhìn tiếp lên sân khấu. Xem thì vẫn xem nhưng không còn cảm thấy khoan khoái nữa, trong lòng đầy thắc thỏm lo âu. Đến giờ giải lao, y mon men đến chỗ Brigialôp, loanh quanh một lúc rồi đánh bạo lấp bắp nói:

- Tôi... tôi trót hắt hơi vào ngài... Xin ngài... thứ lỗi cho... Tôi không... không cố ý... thế.

- Ôi dào, đủ rồi... Tôi đã quên rồi mà anh còn cứ nói mãi!
- Viên trưởng nói, môi dưới dề ra, tỏ vẻ sốt ruột khó chịu.

“Ngài nói ngài quên mà mắt ngài trông giận dữ thế! - Tsêviakôp nghĩ, hồ nghi liếc nhìn viên trưởng - Ngài cũng không muốn nói nữa. Cần phải thanh minh với ngài rằng quả thật là mình không hề cố ý... rằng đó là quy luật của tự nhiên, không thì ngài lại nghĩ rằng mình muốn làm bẩn nước bọt vào ngài. Bây giờ chưa nghĩ thế nhưng sau này có thể nghĩ...”

Khi về nhà, Tsêviakôp kể lại chuyện xảy ra cho vợ nghe. Nhưng y cảm thấy vợ mình quá xem thường chuyện đó, bà ta chỉ hoảng sợ một chút thôi nhưng sau khi biết ngài là thủ trưởng ở nơi khác thì yên tâm trở lại.

- Nhưng mà thôi, ông cứ đến gặp ngài mà xin lỗi đi! - Bà ta nói - Không thì ngài có thể nghĩ rằng ông không biết xử sự cho phải nhẽ ở nơi công cộng!

- Đúng là phải thế! Tôi đã xin lỗi rồi nhưng thái độ của ngài có vẻ khác thường làm sao ấy... Ngài không nói một lời nào đứng đắn cả. Ừ mà cũng chẳng có lúc nào để nói cho ra đầu ra đuôi...

Ngày hôm sau, Tsêviakôp mặc bộ lễ phục mới, húi đầu tử tế rồi đi đến chỗ Brigialôp để thanh minh. Bước vào phòng khách của tướng Brigialôp, y trông thấy nhiều người đang đợi xin gặp và cạnh họ là chính ngài Brigialôp lúc này đã bắt đầu nghe các lời thỉnh cầu. Hỏi một vài người xong, vị tướng đưa mắt nhìn Tsêviakôp

- Dạ thưa ngài... hôm qua ở rạp “Arcadi” ngài còn nhớ không ạ? - Viên quản trị bắt đầu bẩm báo - Tôi... tôi hắt hơi... trót bắn dãi rớt vào... Xin... xin ngài...

– Rõ thật vớ vẩn... Có trời biết là thế nào nữa! Anh muốn gì nào? – Vị tướng quay sang hỏi người tiếp theo.

“Ngài không muốn nói chuyện với mình! – Tsêviakôp tái mặt nghĩ – Thế là ngài giận đấy... Không, không thể để thế được. Mình phải thanh minh với ngài....”.

Khi viên tướng đã nói chuyện xong với người thỉnh cầu cuối cùng và đi vào làm việc ở nhà trong, Tsêviakôp bèn bước theo và lắp bắp nói:

– Thưa ngài, nếu tôi có cả gan dám làm phiền ngài thì cũng chỉ vì, thưa ngài, tôi hối hận lắm ạ!... Tôi không cố ý đâu ạ, chắc ngài đã rõ!

Viên tướng cau mặt khoát tay:

– Này anh kia, có phải anh định giễu tôi không thì bảo! – Viên tướng nói và đi vào trong phòng, đóng cửa lại.

“Mình giễu cợt gì mới được chứ? – Tsêviakôp nghĩ – Ở đây hoàn toàn không có chuyện gì đáng cười cợt cả! Ngài làm tướng mà ngài không hiểu. Nếu vậy thì mình sẽ không đến gặp ngài để xin lỗi nữa. Thôi mặc ngài! Mình sẽ viết cho ngài một bức thư, còn đến đây gặp thì thôi! Ôi dào, thôi không đến nữa!”.

Tsêviakôp đã nghĩ ra thế khi trở về nhà. Thư gửi cho viên tướng y không viết. Y nghĩ hoài, nghĩ mãi cũng không biết phải viết như thế nào. Hôm sau, y lại đến đấy thanh minh lần nữa.

– Hôm qua tôi có đến làm phiền ngài. – Y lắp bắp nói, khi viên tướng đưa mắt về y với ý hỏi – Dạ, không phải là để cười cợt như ngài đã có lời phán đâu ạ. Xin ngài thứ lỗi vì khi hắt hơi đã làm bắn nước bọt ạ... chứ tôi không có ý giễu cợt gì đâu ạ. Tôi đâu dám cười cợt ạ? Nếu như tôi mà giễu cợt thì còn đâu là sự kính trọng... các bậc bề trên nữa ạ...

– Cút ngay! – Viên tướng quát to, người run lên, mặt tái xanh vì giận dữ.

– Sao... kia ạ? – Tsêviakôp khẽ hỏi lại, lặng người đi vì sợ hãi.

– Xéo ngay! – Viên tướng giậm chân quát.

Trong bụng Tsêviakôp như có cái gì vừa bị đứt ra. Không nhìn thấy gì, không nghe thấy gì, y đi giật lùi ra cửa, bước ra ngoài phố và lê bước quay về. Đi về nhà như cái xác không hồn, y mặc nguyên bộ lễ phục, nằm xuống đi vắng và tắt thở...

CASTANCA

CHƯƠNG MỘT: HÀNH VI XẤU

Một con chó tơ màu nâu hung, giống bát-xê lai, có cái mặt giống như mặt cáo, chạy tới chạy lui trên vỉa hè, lo lắng nhìn xung quanh, thỉnh thoảng dừng lại, vừa khóc, vừa co lúc căng này, lúc căng kia bị lạnh cóng lên. Nó không hiểu tại sao mình bị lạc.

Nó nhớ rất rõ những việc đã làm trong ngày cho tới lúc chạy trên cái hè đường lạ hoắc này.

Ngày bắt đầu bằng việc chủ nó, bác thợ mộc Luka Aleksandrych, đội mũ, cắp dưới nách một vật gì đó bằng gỗ gói trong chiếc khăn màu đỏ và gọi:

- Castanca, đi thôi!

Nghe thấy tên mình, con chó lai chui ra từ gầm bàn thợ, nơi nó nằm ngủ trên đồng phoi bào, vươn mình khoan khoái và chạy theo ông chủ. Những khách hàng của Luka Aleksandrych ở xa lắm, vì thế, trước khi tới nhà mỗi người, bác thợ mộc đã kịp rẽ vào quán rượu mấy bận để làm vài chén. Castanca nhớ lại trên đường đi nó đã không giữ phép tắc gì cả. Quá mừng vì được chủ cho đi chơi, nó nhảy nhót, vừa sủa, vừa chạy theo những toa tàu hỏa, tạt vào sân các nhà và đuổi theo những con chó khác. Bác thợ mộc không nhìn thấy nó, đứng lại, bực bội quát mắng ầm ĩ. Có lần bác còn dí nắm đấm vào sát cái tai cáo của nó, giận dữ rít lên từng từ một:

- Cho - mà - chết - bây - giờ, đồ mắc dịch!

Từ nhà những khách hàng trở về, Luca Aleksandrych rẽ vào nhà cô em gái làm mấy chén với đồ nhắm; từ nhà cô em rẽ vào nhà người quen, ông thợ đóng sách; từ nhà ông thợ đóng sách đi tới quán rượu; từ quán rượu đi đến nhà cha đỡ đầu; vân vân. Nói tóm lại, khi Castanca chạy trên hè đường lạ này, cũng là lúc bác thợ mộc đã say khướt như lão thợ đóng giầy. Bác khoa tay, lè nhè:

- Tội lỗi từ khi còn trong bụng mẹ! Ôi, tội lỗi, tội lỗi! Bây giờ chúng mình còn được đi trên phố, được nhìn dưới ánh sáng đèn, chứ lúc chết có mà cháy trong hoả ngục...

Hay bác đổi giọng âu yếm, ôm lấy Castanca và nói với nó:

- Castanca ạ, mày là đồ sâu bọ hèn mọn, không hơn. Mày chẳng là cái thá gì so với con người, như thợ nề làm sao so được với thợ mộc...

Trong khi bác thợ mộc nói với nó như thế, bỗng có tiếng nhạc gầm lên. Castanca ngoái đầu lại và nhìn thấy trên phố một đoàn lính sắp hàng tiến thẳng tới nó. Không chịu được tiếng nhạc âm âm căng thẳng thần kinh, nó chạy rối rít và tru lên. Và nó vô cùng kinh ngạc vì bác thợ mộc, đáng ra cũng phải sợ hãi, phải tru lên và sửa âm ỉ, thì lại ngoác mồm cười, đứng nghiêm, ưỡn ngực, đưa cả năm ngón tay lên chào theo lối nhà binh. Nhìn thấy ông chủ không có vẻ gì chống đối, Castanca càng sửa khoẻ, và không còn nhận ra mình, nó lao qua đường, chạy về phía vỉa hè bên kia.

Khi trấn tĩnh lại, nó không còn nghe thấy tiếng nhạc và đội lính cũng không còn đấy nữa. Nó chạy lại chỗ ông chủ, nhưng, than ôi! bác thợ mộc không còn ở đó nữa. Nó bổ lên phía trước, chạy về phía sau, sau đó lại băng qua đường, nhưng bác thợ mộc, hết như chui xuống dưới đất, đã biến mất tăm... Castanca bắt đầu đánh hơi vỉa hè, hi vọng tìm thấy chủ mình bằng mùi những dấu vết để lại. Song trước đấy, một kẻ mất dạy nào đó đi đôi ủng mới bằng cao su đã lượn qua chỗ này, và giờ đây mùi của ông chủ đã bị hoà lẫn với mùi hôi rức mũi của cao su, vì thế không sao phân biệt nổi.

Castanca chạy tới chạy lui mà vẫn không tìm thấy chủ. Trời chập choạng tối. Hai bên đường đèn đã thấp sáng, ánh lửa hắt ra từ các ô cửa sổ. Những bông tuyết to, xộp, rơi xuống, quét một lớp sơn trắng lên mặt đường, lên lưng những con ngựa, lên mũ những người đánh xe, và không gian càng tối bao nhiêu thì đồ vật càng trở nên trắng bấy nhiêu. Cạnh Castanca, những bước chân khách hàng đi lại không ngớt làm vướng cẳng và cản trở tầm mắt của nó. (Castanca

chia toàn thể nhân loại thành hai phần rất không bằng nhau: những ông chủ và những khách hàng. Hai loại người này có sự khác nhau cơ bản: loại đầu có quyền đánh nó, còn loại thứ hai thì nó có quyền đóp vào bụng chân). Những khách hàng vội vã đi đâu đó, không hề mảy may chú ý tới nó.

Khi trời tối hẳn, Castanca hoàn toàn thất vọng và sợ hãi. Nó nép vào cổng của một ngôi nhà nào đó và bắt đầu khóc cay đắng. Cả ngày dạo chơi với chủ làm nó mệt lử, hai tai và cẳng chân lạnh cóng, bụng đói cồn cào. Trong ngày nó mới ăn có hai bận: một ít bột hồ ở chỗ ông thợ đóng sách và một miếng vỏ giò tìm được gần quán rượu – chỉ có thế. Nếu nó là người, có lẽ nó đã nghĩ:

“Không, không thể sống như thế này được! Cần phải cho một phát đạn vào đầu!”.

CHƯƠNG HAI: NGƯỜI LẠ MẶT BÍ HIỂM

Nhưng nó chẳng nghĩ ngợi gì cả, chỉ khóc. Những bông tuyết mềm mại, xốp nhẹ, phủ kín lưng và đầu nó. Vì kiệt sức, nó chìm vào giấc ngủ. Bỗng nhiên, cánh cổng rít lên, bật mở, đập thẳng vào cạnh sườn nó. Nó bật dậy. Một người nào đó, thuộc loại các khách hàng, từ trong cổng đi ra. Vì Castanca kêu ăng ẳng ngay sát chân, nên ông ta không thể không chú ý tới nó. Ông ta cúi xuống nó và hỏi:

– Chó con, mày từ đâu tới? Tao làm mày đau à? Ôi, con chó nhỏ đáng thương... Thôi, đừng giận dữ, đừng giận dữ nữa, tao có lỗi.

Castanca nhìn người lạ qua những bông tuyết bám trên lông mi. Nó thấy trước mặt mình một người to béo, ngắn ngủn, hai má phúng phính cạo nhẵn, đội mũ ống, mặc áo khoác lông không cài cúc.

– Sao mày cứ rên rĩ mãi thế? – Người lạ mặt tiếp tục, lấy tay gạt tuyết trên lưng nó – Chủ mày đâu rồi? Chắc mày bị lạc hả? Ôi chú nhỏ đáng thương! Biết làm thế nào bây giờ?

Nhận thấy giọng người lạ ấm áp, thương cảm, Castanca liếm tay ông ta và càng rên rĩ náo nùng hơn.

– Mà chú mày trông cũng nhộn thật! – Người lạ mặt nói – Hết như cáo! Đành vậy, biết làm thế nào bây giờ, thôi được, đi với tao! Có thể dùng mày vào việc gì đó... Nào, đi!

Ông chặc chặc miệng, lấy tay ra hiệu cho chú chó, cái dấu hiệu chỉ có mỗi một nghĩa: “Đi!”. Và Castanca đi theo ông.

Nửa giờ sau Castanca đã nằm trên sàn một gian phòng lớn và sáng sủa. Nó ngả đầu vào cạnh sườn, nằm khoanh tròn, âu yếm và tò mò nhìn người lạ mặt đang ngồi ăn sau bàn. Ông vừa ăn, vừa ném cho nó, lúc đầu là mẩu bánh mì với một mẩu pho ma, sau đó một miếng thịt, nửa cái bánh ngọt và xương gà. Nó ăn lấy ăn để, nhanh đến nỗi chẳng kịp nhận

ra mùi vị. Và nó càng ăn bao nhiêu, lại càng thấy đói bấy nhiêu.

– Chủ mày nuôi mày kém quá! – Người lạ mặt nói, nhìn nó tham lam, dữ dằn nuốt những mẩu thức ăn chưa kịp nhai – Mày mới gầy làm sao! Chỉ độc da bọc xương...

Castanca ăn rất nhiều, song vẫn không thấy chán, chỉ bị chướng choáng vì đồ ăn. ăn xong nó nằm giữa phòng, duỗi căng, đuôi ngoe nguẩy, cảm thấy toàn thân mệt mỏi dễ chịu. Trong khi ông chủ mới nằm trên đi văng hút thuốc lá, nó tiếp tục ngoe nguẩy đuôi và bận tâm giải đáp một câu hỏi: – ở đâu tốt hơn – ở nhà người lạ, hay ở với bác thợ mộc? Phòng của người lạ trống trải, không đẹp; ngoài mấy chiếc ghế bành, cái đi văng, mấy ngọn đèn và tấm thảm, ông ta chẳng có gì. Trong khi đó bác thợ mộc có căn hộ đầy những đồ đạc; nào là bàn tiếp khách, bàn thợ, hàng đồng phoi bào, những chiếc bào gỗ, cưa, đục, con dục, chậu gỗ... Trong nhà người lạ chẳng có mùi gì, chứ trong nhà bác thợ mộc lúc nào cũng như có sương mù và bốc lên đủ thứ mùi. Thế nhưng người lạ lại có một ưu điểm vô cùng quan trọng – ông ta cho ăn rất nhiều và, điều này cũng phải nói cho công bằng, khi Castanca ngồi trước bàn nhìn ông một cách cầu khẩn, nịnh nọt, thì ông không hề đánh nó lấy một lần, không dậm chân và không một lần quát lên: “Cút ngay, đồ ba lần đáng nguyên rủa!”

Sau khi hút xong điếu thuốc, ông chủ mới bước ra ngoài, sau đó quay trở về tay cầm một tấm đệm nhỏ.

– Ê, chú chó, lại đây! – Ông gọi và trải tấm đệm vào góc phòng gần đi văng – Nằm xuống đây. Ngủ đi!

Sau đó ông tắt đèn, ra khỏi phòng. Castanca nằm lên tấm đệm, nhắm mắt lại. Từ ngoài phố vẳng tới tiếng chó sủa. Nó muốn đáp lại, chợt một nỗi buồn choán lấy nó. Nó nhớ tới Luca Aleksandrych, con trai ông, thằng Feduiska, cái chỗ nằm ấm áp dưới gầm bàn thợ... Nó nhớ lại những buổi tối mùa đông dài, khi bác thợ mộc cúi kính hay đọc báo thành tiếng, thì Feduiska thường chơi với nó... Thằng bé tóm hai cẳng sau của nó, lôi nó khỏi gầm bàn và cùng với nó làm đủ mọi trò. Nó bắt Castanca đi bằng hai chân sau, biến nó thành quả chuông,

tức là tóm lấy đuôi rồi dốc ngược đầu nó xuống đất, làm nó đau điếng, giãy giụa, kêu ăng ẳng, bắt nó ngủi thuốc lá... Đặc biệt có một trò kinh khủng sau đây: Feduiska lấy một sợi chỉ buộc một mẫu thức ăn và vất cho Castanca, sau đó, khi con chó nuốt miếng thịt thì thằng quý ấy cười hô hố, giật lại miếng thịt từ trong dạ dày của nó. Những kí ức càng rõ nét bao nhiêu, Castanca càng rên rĩ to và thê thảm bấy nhiêu.

Nhưng chẳng bao lâu cái mệt và không khí ẩm áp đã lấn át nỗi buồn... Castanca ngủ thiếp đi. Nó mơ thấy những con chó đang chạy, trong đám đó có một con puden mà nó nhìn thấy ban sáng ở trên phố. Đó là một con chó già lông xù, mắt có nhai quạ, gần mũi có những chiếc lông nhọn tua tủa. Nó nhìn thấy thằng Feduiska tay cầm cái đũa, đuổi theo con puden. Bỗng nhiên mình thấy Feduiska cũng mọc đầy lông xoăn. Thằng bé vui vẻ sữa và chạy tới bên Castanca. Castanca cùng với cậu chủ vồn vã lấy mũi ngửi ngửi nhau rồi cùng chạy trên phố...

CHƯƠNG BA: MỘT CUỘC LÀM QUEN RẤT DỄ CHỊU

Khi Castanca tỉnh dậy trời đã sáng bảnh. Từ ngoài phố vọng lại tiếng ồn, thứ tiếng ồn chỉ ban ngày mới có. Trong phòng không một bóng người. Castanca vươn người, ngáp và bực bội, buồn bã đi khắp phòng. Nó đánh hơi các góc và bàn ghế, nhìn ra phòng ngoài, song chẳng thấy có gì thú vị. Ngoài cái cửa dẫn ra phòng ngoài, còn một cửa nữa. Nghĩ một chút, Castanca lấy hai cẳng trước cào vào cánh cửa và mở nó, rồi đi vào phòng kế tiếp. ở đây có một ông khách hàng đắp chiếc khăn kẻ đang nằm ngủ trên giường. Nó nhận ra đó là người lạ mặt tối qua.

- Gừ, gừ, gừ... - Nó gằm gừ, song nhớ lại bữa ăn tối qua, vẫy đuôi và bắt đầu ngủ.

Nó ngửi quần áo và đôi ủng của người lạ mặt, nhận thấy có mùi ngựa. Trong phòng ngủ có một cái cửa dẫn đi đâu đó, cũng bị khép lại. Castanca cào cửa, lấy ngực ẩy cánh cửa, mở nó ra và ngay lập tức ngửi thấy một mùi lạ, rất đổi khả nghi. Linh cảm một cuộc gặp không mấy dễ chịu, Castanca đi vào một phòng nhỏ có những bức tường bôi giấy bản thủ. Nó hốt hoảng lùi lại, bởi bắt gặp một sự lạ lùng, khủng khiếp. Một con ngỗng xám chúi đầu và cổ xuống đất, hai cánh và lông đuôi xoè ra, rít lên, xông thẳng tới nó. Cách chỗ nó không xa về phía bên, trên tấm đệm nhỏ, một con mèo trắng đang nằm; nhìn thấy Castanca nó đứng dậy gồng lưng, cong đuôi, xù hết cả lông và cũng rít lên. Con chó hết hồn, song không muốn để lộ sự sợ hãi của mình, sủa lên âm ỉ và xông tới con mèo... Con mèo càng gồng lưng khoẻ, rít lên và lấy cẳng đầy móng vuốt chộp vào đầu nó. Castanca lùi lại, đứng thủ thế, tiếp tục sủa inh ỏi; cùng lúc con ngỗng đã tới đằng sau, mổ một nhát như trời giáng vào lưng nó. Castanca bật dậy, nhào vào con ngỗng...

- Cái gì thế này? - Một giọng nói to, tức giận vang lên, và người lạ mặt mặc áo khoác, ngậm điếu thuốc trên môi, bước vào phòng - Thế này là thế nào? Về chỗ!

Ông lại gần con mèo, vuốt cái lưng đang gồng lên của nó và nói:

- Fedor Timofeich, thế là thế nào? Định ẩu đả phỏng? Ê, lão già bịp bợm! Nằm xuống!

Sau đó ông quay sang con ngỗng, quát lên:

- Ivan Ivanych, về chỗ!

Con mèo ngoan ngoãn nằm xuống đệm, nhắm mắt lại. Bằng vào sự biểu lộ của nét mặt và mấy cái ria, xem ra nó không mấy hài lòng về bản thân vì đã nóng nảy tham gia vào cuộc ẩu đả. Castanca tự ái rít lên, còn thằng ngỗng thì vươn cái cổ bắt đầu liến thoắng về điều gì đó, rất sôi nổi, rõ ràng, song hoàn toàn không thể hiểu được.

- Được rồi, được rồi! - Ông chủ vừa nói, vừa ngáp - Phải sống với nhau cho hoà thuận. - Ông vuốt lưng Castanca và tiếp tục: - Còn chú mày, thằng lông hung này, đừng sợ... Đó là những kẻ tử tế, không bắt nạt mày đâu. Hãy hợm, biết đặt cho mày tên gì bây giờ nhỉ? Không có tên là không được rồi, anh bạn.

Người lạ mặt nghĩ một chút rồi nói:

- Thế này... Sẽ gọi chú mình là Chetka nhé... Hiểu không?

Ông nhắc đi nhắc lại mấy lần từ "Chetka" rồi bước ra ngoài.

Castanca nằm xuống và bắt đầu quan sát. Lão mèo ngồi trên tấm đệm, giả vờ ngủ. Thằng ngỗng vươn dài cái cổ, dầm lạch bạch tại chỗ, tiếp tục nói về điều gì đó rất nhanh và sôi nổi. Xem ra đó là một con ngỗng rất thông minh. Cứ sau mỗi đợt độc thoại tràng giang đại hải, nó lại ngạc nhiên đi giật lùi về phía sau, có vẻ ngưỡng mộ giọng của mình... Nghe nó xong và đáp lại bằng những tiếng "gừ, gừ...", Castanca bắt đầu đánh hơi các góc phòng. Trong một góc nó nhìn thấy một cái chậu con bên trong đựng đỗ hạt tán nhỏ và vỏ bánh mì đen. Nó nếm thử hạt đỗ - không thấy ngon, nếm thử vỏ bánh mì - và bắt đầu ăn. Lão ngỗng không hề bực bội vì con chó lạ

ăn thức ăn của mình, mà ngược lại, còn nói hăng hơn, và để chúng tỏ sự tin tưởng của mình, nó tiến lại chiếc chậu gỗ, lấy mỏ cạp chút đồ.

CHƯƠNG BỐN: CHUYỆN KỶ LẠ

Một lát sau người lạ mặt lại bước vào phòng, mang theo một vật gì đó trông rất lạ, giống như cái cổng hay chữ U ngược ^[iv]. Trên một thanh ngang bằng gỗ của chữ U ngược đóng ghép thô kệch ấy, có treo mấy quả chuông và buộc một khẩu súng lục; có hai sợi dây, một đầu buộc vào lưỡi chuông và bao súng. Người lạ mặt đặt chiếc U ngược giữa phòng, tháo buộc cái gì đó một lúc lâu, sau đó nhìn thẳng ngỗng và nói:

- Ivan Ivanych, xin mời!

Thằng ngỗng tiến gần tới chỗ ông ta và dừng lại, có ý chờ.

- Nào, - người lạ mặt nói - chúng ta bắt đầu từ đầu. Trước hết cần phải cúi đầu chào kính cẩn! Mau lên!

Ivan Ivanych vươn cổ, gật gật khắp các phía và dậm chân lạch bạch.

- Thế, giỏi lắm... Bây giờ hãy nằm chết!

Thằng ngỗng nằm ngửa, giơ cả bốn cẳng lên trời. Làm đi làm lại mấy trò không mấy khó đó, người lạ mặt bất thành linh ôm lấy đầu, làm mặt khiếp hãi và gào lên:

- Lính canh đâu! Cháy! Cháy!

Ivan Ivanych chạy tới chữ U ngược, cạp lấy đầu mấy sợi dây và kéo quả chuông.

Người lạ mặt lấy làm hài lòng. Ông vuốt cổ con ngỗng và nói:

- Giỏi lắm, Ivan Ivanych! Bây giờ hãy tưởng tượng mình là một thợ kim hoàn, buôn bán vàng bạc với kim cương. Còn bây giờ hãy tưởng tượng mình đi tới cửa hàng của mình và gặp bọn trộm ở đó. Trong trường hợp này sẽ phải làm thế nào nhỉ?

Thằng ngỗng cạp đầu sợi dây khác và kéo, ngay lập tức một tiếng nổ chói tai vang lên. Castanca rất khoái tiếng

chuông, còn tiếng nổ làm cho nó sững sốt. Nó chạy quanh chữ U ngược và sữa âm lên.

– Chetka, về chỗ! – Người lạ mặt quát nó – Im ngay!

Công việc của ngỗng Ivan Ivanych không kết thúc bằng tiếng súng. Cả một tiếng đồng hồ sau đó người lạ mặt quát roi xuống đất, bắt nó phải chạy xung quanh mình, phải nhảy qua chướng ngại vật và chui qua cái lỗ khoét trên một tấm gỗ, ngồi dựng lên, tức là ngồi trên đuôi và vẫy vẫy hai cẳng. Castanca không rời mắt khỏi Ivan Ivanych, tru lên vì thán phục và mấy lần chạy theo con ngỗng sữa ăng ăng. Hành hạ con ngỗng và bản thân tới mệt lử, người lạ mặt lau mồ hôi trán, cất giọng gọi:

– Maria, đưa Khavronia Ivanovna vào đây!

Sau một phút nghe rõ tiếng ụt ịt... Castanca gầm gừ, tỏ vẻ dửng dưng, nhưng, để phòng bất trắc, nó tiến tới nép sát vào người lạ mặt. Cửa mở, một bà già nhòm vào phòng, nói câu gì đó, rồi thả một con lợn đen xấu xí vào. Không may may để ý tới tiếng sữa của Castanca, con lợn giờ mồm lên và vui vẻ ủn ỉn. Xem ra nó lấy làm dễ chịu khi nhìn thấy chủ của mình, con mèo và Ivan Ivanych. Nó tiến lại gần con mèo, lấy mồm khế ẩ vào dưới bụng nó, sau đó nói gì đó với thằng ngỗng. Trong cử chỉ của nó, trong giọng và dáng điệu ve vẩy chiếc đuôi bé xíu, có cái gì đó thật hiền lành, đôn hậu. Castanca lập tức hiểu rằng gầm gừ và sữa những đối tượng như vậy – chẳng ích lợi gì.

Ông chủ dọn chữ U ngược đi và gọi:

– Fedor Timofeich, xin mời!

Lão mèo đứng dậy, lười biếng vươn người và với vẻ miễn cưỡng, hệt như thể ban ơn, lão đi tới bên con lợn.

– Nào, chúng ta bắt đầu bằng kim tự tháp Ai Cập. – Ông chủ nói.

Ông giải thích điều gì đó rất lâu, sau đó ra lệnh:

“Một... hai...ba!”. Sau từ “ba” ngỗng Ivan Ivanych vẫy cánh nhảy lên lưng con lợn... Sau khi thằng ngỗng lấy được thăng bằng bằng đôi cánh và cái cổ, đứng vững trên tấm lưng phủ lớp lông cứng, Fedor Timofeich uể oải, lười biếng, với thái độ

khinh bỉ không giấu giếm cùng với điệu bộ coi thường và đánh giá cái nghệ thuật của mình không đáng giá một xu, lão leo lên lưng con lợn, sau đó miễn cưỡng leo lên con ngỗng và đứng bằng hai chân sau. Hình thành cái mà người lạ mặt gọi là kim tự tháp Ai Cập. Castanca kinh ngạc rít lên, nhưng cùng lúc đó lão mèo già ngáp một cái, thế là mất thăng bằng, rơi khỏi con ngỗng. Ivan Ivanych loạng chạng và cũng rơi khỏi lưng con lợn. Người lạ mặt kêu lên, giải thích điều gì đó rất lâu. Cả tiếng đồng hồ vật lộn với cái kim tự tháp, ông chủ không biết thế nào là mệt, dạy mèo Fedor Timofeich cưỡi lên lưng con ngỗng, sau đó còn dạy nó hút thuốc và nhiều trò khác nữa.

Buổi học kết thúc bằng việc người lạ mặt lau mồ hôi trán và bước ra ngoài. Fedor Timofeich gù gù một cách khinh thị, nằm xuống tấm đệm nhỏ, nhắm mắt lại, thằng ngỗng đi tới bên chậu thức ăn, còn con lợn bị bà già dắt ra khỏi phòng. Nhờ có hàng loạt những ấn tượng mới mẻ mà ngày qua đi đối với Castanca lúc nào không hay, còn buổi tối nó nằm trên tấm đệm đã được mang vào căn phòng nhỏ có giấy bồi tường bần thủ, ngủ cùng với Fedor Timofeich và thằng ngỗng.

CHƯƠNG NĂM: TÀI NĂNG! TÀI NĂNG!

Một tháng qua.

Castanca đã quen với việc chiều nào nó cũng được ăn ngon và người ta gọi nó là Chetka. Nó cũng đã quen với người lạ mặt và quen với những người bạn mới cùng chung sống với mình. Cuộc đời trôi đi êm ả.

Tất cả mọi ngày bắt đầu giống nhau. Ngỗng Ivan Ivannuch bao giờ cũng dậy trước tiên và ngay lập tức đến bên Chetka hay lão mèo, vươn cổ và bắt đầu liến thoắng nói một cách sôi nổi và khẩn khoản về điều gì đó, song vẫn khó hiểu như trước. Đôi lúc thằng ngỗng ngẩng đầu và làm một tràng độc thoại rõ dài. Những ngày đầu mới quen Castanca cứ nghĩ nói nhiều như vậy hẳn thằng cha này rất thông minh. Nhưng chẳng bao lâu chú chó không còn thấy kính trọng nó nữa; mỗi khi thằng ngỗng tiến lại gần với những tiếng quàng quạc tràng giang đại hải, thì Castanca không vẫy đuôi, và cũng chẳng cần giữ kẽ, nó đáp lại kẻ ba hoa bốc phét không cho ai ngủ, làm cho người ta chán ngấy ấy, bằng những tiếng “gừ, gừ” khinh miệt.

Còn mèo Fedor Timofeich là một ngài thuộc loại khác hẳn. Lúc thức giấc lão không động đậy, thậm chí chẳng thèm mở mắt và không bao giờ gây ra một tiếng động nhỏ. Lão không muốn tỉnh dậy, có lẽ vì không có thiện cảm với cuộc đời. Lão không quan tâm tới một cái gì, luôn tỏ thái độ uể oải, khinh thị tất cả, thậm chí ngay cả lúc được ăn món ngon lão cũng vẫy bừa bãi.

Khi tỉnh dậy Castanca bắt đầu đi dạo các phòng và đánh hơi các góc ngách. Chỉ có nó và lão mèo là được phép đi khắp các phòng. Thằng ngỗng không được phép vượt khỏi ngưỡng cửa gian phòng chật chội có giấy dán tường bản thủ, còn Khavronia Ivanovna sống đâu đó ngoài sân, trong một cái chuồng nhỏ và chỉ xuất hiện vào giờ học. Ông chủ dậy muộn,

sau khi uống trà xong lập tức bắt tay vào những trò của mình. Ngày nào cũng cái chữ U ngược, roi và những dụng cụ học tập khác, và ngày nào cũng diễn ra gần ấy việc giống nhau. Buổi học thường diễn ra ba bốn tiếng đồng hồ, thành thử đôi lúc mèo Fedor Timofeich quá mệt, đi đứng loạng choạng giống như thằng say rượu, ngỗng Ivan Ivanych mở há ra, thở nặng nhọc, còn ông chủ mặt mũi đỏ gay, không kịp lau mồ hôi chảy ròng ròng trên trán.

Các buổi học và những bữa trưa đã làm cho ban ngày thật thú vị, nhưng buổi tối thì có hơi buồn. Các buổi tối ông chủ thường đi đâu đó, mang theo thằng ngỗng và lão mèo. Ở nhà một mình Chetka nằm trên đệm và bắt đầu thấy buồn... Nỗi buồn xuất hiện không rõ rệt, dần dần choán lấy nó, như thể bóng tối choán lấy căn phòng. Bắt đầu bằng việc nó không muốn sữa, ăn và chạy khắp các phòng, thậm chí nhìn ngó. Sau đó, trong giấc mơ nó luôn thấy hai bóng hình nhoè nhoẹt, không ra chó, không ra người, với bản mặt đáng yêu, dễ mến, song không rõ ràng. Khi những hình bóng này xuất hiện Chetka luôn vẫy đuôi mừng rỡ, nó cảm giác như đã từng gặp và yêu mến chúng... Và khi tỉnh dậy bao giờ nó cũng cảm nhận được từ những bóng hình đó mùi keo, mùi phoi bào và mùi dầu bóng.

Khi Chetka đã hoàn toàn quen với cuộc sống mới, và từ một con chó thường gày nhom biến thành một chú chó no đủ, béo tốt, thì có một lần, trước buổi học, ông chủ vuốt ve nó, nói:

- Chetka, đã đến lúc phải làm việc. ăn không ngồi rồi thế là đủ. Tao muốn làm cho mày trở thành một diễn viên. Mày có muốn thành diễn viên không?

Và ông bắt đầu dạy nó các môn học khác nhau. Trong buổi học đầu tiên ông dạy nó đứng và đi bằng hai chân sau và nó thấy thích kinh khủng. Sau buổi học thứ hai nó đã có thể nhảy bằng hai chân sau và đớp được cái kẹo ở tay ông giơ cao trên đầu nó. Đến những buổi học tiếp theo nó đã nhảy múa, chạy trên dây, tru lên theo tiếng nhạc, kéo chuông và bắn súng. Một tháng sau nó đã có thể thay Fedor Timofeich trong

tiết mục “kim tự tháp Ai Cập”. Nó rất thích học và hài lòng với kết quả học tập của mình; chạy trên dây với cái lưới thè ra, nhảy qua vành đai thùng và cười lên lão già Fedor Timmofeich đem lại cho nó khoái cảm tột độ. Mỗi trò diễn thành công luôn kèm theo tiếng sủa vang đầy sự tự ngưỡng mộ của nó, còn thầy giáo thì ngạc nhiên, thán phục ra mặt, hai tay xoa xoa vào nhau.

– Tài năng, tài năng! – Một tài năng không còn nghi ngờ! Nhất định mày sẽ thành công!

Và thế là Chetka đã quen với từ “tài năng”, đến nỗi cứ mỗi lần, khi ông chủ nói tới từ đó, nó lại nghểnh tai, nhìn quanh nghe ngóng, như thể đó là biệt hiệu của mình.

CHƯƠNG SÁU: MỘT ĐÊM BẤT AN

Chetka mơ một giấc mơ của chó, trong đó hình như lão gác cổng cầm cái chổi đuổi theo nó, và nó giật mình tỉnh dậy vì sợ hãi.

Trong gian phòng nhỏ yên lặng, tối đen và rất ngột ngạt. Những con bọ chét cắn nhôn nhốt. Trước đây Chetka không bao giờ sợ bóng tối, thế mà không hiểu tại sao giờ đây nó thấy kinh hãi và chỉ muốn sửa. ở phòng bên ông chủ ngáy rất to, sau đó một lúc, trong cái chuồng nhỏ con lợn ụt ịt, rồi tất cả lại chìm vào im lặng. Chỉ nghĩ về cái ăn thì mới thấy lòng nhẹ được đôi chút, và Chetka nghĩ tới việc lúc tối nó đã đánh cắp của Fedor Timofeich một cái cẳng gà đem giấu đằng sau tủ đứng, nơi toàn những bụi cùng mạng nhện. Liệu mình có nên đi ra xem cái cẳng gà có còn hay không? Rất có thể ông chủ đã tìm thấy nó và ăn mất rồi. Nhưng trước khi trời sáng cấm không được ra khỏi phòng – nội quy đã đề ra như vậy. Chetka nhắm mắt cố ngủ, bởi theo kinh nghiệm cho biết càng chóng ngủ bao nhiêu, trời càng mau sáng bấy nhiêu. Nhưng bất thành linh, cách chỗ nó nằm không xa, có một tiếng kêu rất lạ, khiến nó rùng mình đứng bật dậy. Hoá ra là ngỗng Ivan Ivanych đang kêu, song tiếng kêu của thằng ngỗng không lắm lời và khẩn khoản như mọi khi, mà nghe hoang dã, rít lên không bình thường, như thể tiếng rít của cánh cổng đang mở. Không thể nhìn thấy gì trong đêm tối, và không hiểu gì, Chetka càng cảm thấy sợ và rên lên “gừ, gừ...”.

Thời gian trôi qua, quãng thời gian đủ để gặm xong một khúc xương ngon, tiếng kêu không lặp lại nữa. Chetka cảm thấy yên tâm và bắt đầu ngủ. Nó nằm mơ thấy hai con chó đen to tướng có những đám lông dính bết ở đuôi và ở cạnh sườn, đang tham lam sục vào thùng nước gạo toả khói và bốc mùi thơm ngon. Thỉnh thoảng chúng lại nhìn Chetka, nhe răng và gầm gừ: “Chúng tao không cho mày đâu!” Nhưng từ

trong nhà có một gã mugic mặc áo lông chạy ra, cầm roi đuổi chúng. Chetka đi tới thùng nước gạo và vục mõm xuống ăn. Nhưng gã mugic vừa đi khuất sau cổng, thì hai con chó đen nhất loạt nhảy bổ vào nó, và bỗng nhiên một tiếng kêu rít vang lên “Kéc! Kéc!..” Vẫn là tiếng kêu của Ivan Ivanych.

Chetka choàng tỉnh dậy, không ra khỏi đệm của mình, sửa ầm lên. Nó có cảm giác không phải tiếng kêu của Ivan Ivanych, mà là của một kẻ xa lạ nào đó. Và cũng không hiểu tại sao, trong chuồng con lợn lại khụt khịt.

Nhưng rồi nghe tiếng dép loẹt quẹt và ông chủ mặc áo khoác bước vào phòng, tay cầm cây nến. ánh sáng chập choạng nháy nhót trên những tấm giấy bồi tường bẩn thỉu, trên trần nhà và xua tan bóng tối. Chetka không nhìn thấy một kẻ lạ nào trong phòng. Ivan Ivanych ngồi trên sàn, không ngủ. Hai cánh cửa nó rã xuống, cái mở há ra, như đang khát nước. Dáng vẻ của nó xem ra hết sức mệt mỏi. Mèo Fedor Timofeich không ngủ, chắc nó cũng bị tiếng kêu đánh thức.

– Ivan Ivanych, mày làm sao thế? – Ông chủ hỏi con ngỗng – Mày kêu cái gì! ồm hả?

Con ngỗng im lặng. Ông chủ sờ cổ, vuốt lưng nó và nói:

– Mày gàn dở lắm, đã không ngủ lại còn không cho người khác ngủ.

Khi ông chủ cầm nến bước ra ngoài, bóng đêm lại tràn vào. Con ngỗng không kêu nữa, nhưng Chetka vẫn thấy sợ hãi, vì nó lại đánh hơi thấy kẻ lạ trong bóng tối. Và kinh khủng hơn cả là không thể cắn kẻ lạ đó, vì hắn không có hình thể và không thể nhìn thấy được. Chetka có cảm giác đêm nay nhất định sẽ xảy ra một cái gì đó cực kỳ tồi tệ. Fedor Timofeich cũng không yên. Chetka nghe thấy nó trăn trở trên tấm nệm của mình, ngáp và lắc lắc đầu.

Đâu đó ngoài phố có tiếng đập cổng, trong chuồng con lợn lại ụt ịt. Chetka rên rỉ, nằm choãi ra và gối đầu lên hai cẳng trước. Trong tiếng đập cổng, trong tiếng ụt ịt của con lợn không hiểu sao cũng không ngủ, nó đánh hơi thấy cái gì đó khủng khiếp và u sầu, giống tiếng kêu của Ivan Ivanych. Tất cả cùng lo lắng, bất an, nhưng do đâu vậy? Lẽ lạ không

nhìn thấy đó là ai? Bỗng nhiên, ngay sát cạnh Chetka, trong tích tắc có hai đốm sáng xanh loé lên. Đó là lần đầu tiên trong cả thời gian quen biết, Fedor Timofeich đến sát bên nó. Lão mèo cần gì vậy? Chetka liếm chân lão, và không hỏi vì sao lão lại tới, khẽ tru lên bằng những giọng khác nhau.

– Kéc! – Ivan Ivanych lại kêu – Kéc! Kéc!

Cửa lại mở và ông chủ bước vào, nấn trong tay. Ngõng vẫn ngồi tư thế cũ, mở há ra, cánh rã xuống. Mắt nó nhắm nghiền.

– Ivan Ivanych! – Ông chủ gọi.

Con ngõng không động đậy. Ông chủ ngồi xổm đối diện với nó trên sàn, nhìn nó một phút rồi nói:

– Ivan Ivanych! Sao lại thế này? Mà chết đấy ư? Chết chưa, bây giờ tao mới nhớ ra! – Ông kêu lên, hai tay ôm lấy đầu. – Tao hiểu vì sao rồi! Đó là do hôm nay mà bị con ngựa dẫm phải! Trời ơi, trời ơi!

Chetka không hiểu ông chủ nói gì, song qua nét mặt của ông, nó biết rằng ông đang chờ đợi điều gì đó rất khủng khiếp. Nó vươn mõm tới bên khung cửa sổ tối đen và cảm thấy có kẻ lạ nào đó đang nhòm vào trong phòng. Nó tru lên.

– Chetka ơi, nó đang chết! – Ông chủ nói, hai tay vịn vẹo – Đúng là nó đang chết! Thần chết đã tới nhà chúng ta. Làm thế nào bây giờ?

Ông chủ bắt hạnh hoảng hốt, thở dài và lắc đầu, quay về phòng ngủ. Chetka kinh hoàng khi phải ở lại trong bóng tối, và nó đi theo ông. Ông ngồi trên giường, nhắc đi nhắc lại mấy lần:

– Trời ơi là trời, làm thế nào bây giờ?

Chetka đi quanh chân ông, không hiểu vì sao ông lại khổ sở thế, vì sao tất cả bỗng thấy bất an, và để cố hiểu, nó dũi theo từng cử chỉ của ông. Fedor Timofeich thường ít khi rời khỏi đệm của mình, lần này cũng đi vào phòng ông chủ và cọ vào chân ông. Nó lắc lắc đầu dường như muốn hất những ý nghĩ nặng nề ra khỏi đó và nghi ngờ dòm xuống dưới gầm giường.

Ông chủ cầm một cái bát nhỏ, rót vào đó một ít nước và lại đi tới bên con ngỗng.

– Uống đi, Ivan Ivanych! – Ông nói dịu dàng, đặt trước nó bát nước – Uống đi, bồ câu nhỏ của ta.

Nhưng Ivan Ivanych không động đậy và không mở mắt. Ông chủ đỡ đầu nó, nhúng mỏ nó vào bát nước, nhưng con ngỗng không uống, hai cánh càng rũ ra, và cái đầu của nó nằm bất động bên cạnh bát nước.

– Xong rồi, không còn làm gì được nữa rồi! – Ông chủ thở dài – Tất cả đã kết thúc. Ivan Ivanych mất rồi!

Và hai bên má ông những giọt nước chảy xuống, giống như những giọt nước trên kính cửa sổ lúc trời mưa. Không hiểu chuyện gì xảy ra, Chetka và Fedor Timofeich cùng nép vào chân ông, hãi hùng nhìn con ngỗng.

– Ivan Ivanych xấu số ơi! – Ông chủ nói, thở dài đau đớn – Vậy mà tao đã mơ ước mùa xuân này đưa mày đến nhà nghỉ, cùng với mày dạo chơi trên đồng cỏ non. Con vật nhỏ yêu quý, người bạn tốt của tao, giờ đây mày không còn nữa, ngỗng ơi! Không có mày tao biết làm thế nào bây giờ?

Chetka có cảm tưởng với nó cũng sẽ xảy ra điều tương tự, tức là nếu nó giống như con ngỗng, chẳng hiểu sao mõm cũng há ra, mắt nhắm, nằm xõng xoài, hai chân duỗi thẳng, thì mọi người cũng sẽ kinh hoàng nhìn nó. Có lẽ những ý nghĩ tương tự cũng luẩn quẩn trong đầu Fedor Timofeich. Chưa bao giờ lão mèo già lại âu sầu, ảm đạm như lúc này.

Trời rạng sáng, trong phòng không còn kẻ lạ không hình thù, không nhìn thấy được, kẻ đã làm Chetka sợ chết khiếp. Khi trời sáng hẳn, lão quét cổng tới, cầm hai cẳng con ngỗng xách nó đi đâu đó. Một lúc sau bà già vào phòng, mang cái chậu nhỏ đựng đồ ăn của Ivan Ivannych ra ngoài.

Chetka vào phòng khách và ngó phía sau tủ: ông chủ không ăn mất cái chân gà của nó. Chân gà vẫn còn nằm đó, trên đám bụi và màng nhện. Nhưng Chetka thấy buồn lắm, chỉ muốn khóc. Thậm chí nó chẳng buồn ngửi cái chân gà, chui xuống gầm đi vắng, nằm ở đó và khẽ rên rĩ:

– Gừ-gừ-gừ...

CHƯƠNG BẢY: CUỘC TRÌNH DIỄN KHÔNG THÀNH CÔNG

Vào một buổi chiều đẹp trời ông chủ bước vào căn phòng nhỏ với những bức tường bồi giấy bần thủ, xoa hai tay vào nhau và nói:

- Nào...

Ông muốn nói điều gì đó, nhưng không nói mà lại đi ra. Chetka vốn nghiên cứu rất kỹ mặt ông trên các buổi học, đoán ông đang rất hồi hộp và lo lắng, có lẽ còn tức giận nữa. Một lát sau ông quay lại và nói:

- Hôm nay ta sẽ đưa Chetka và Fedor Timofeich đi cùng. Chetka sẽ diễn trò kim tự tháp Aicập thay cho Ivan Ivanych quá cố. Có quý hiểu được! Chẳng chuẩn bị được gì cả, chưa học thuộc, tập tành còn ít quá! Đến phải chịu nhục nhã mất thôi! Đến thất bại mất thôi!

Sau đó ông lại đi ra, một phút sau quay trở lại, mình mặc áo lông, đầu đội mũ ống. Tới gần con mèo, ông túm lấy hai chân trước của nó, nhắc bổng lên rồi bỏ nó vào ngực, sau lần áo lông. Con mèo hoàn toàn thờ ơ trước việc làm này, thậm chí còn không thèm mở mắt. Đối với nó mọi chuyện hoàn toàn như nhau: nằm hay bị túm chân kéo lên, lăn lóc trên tấm đệm nhỏ hay nằm yên ổn trên ngực ông chủ sau lần áo lông...

- Chetka, đi nào. - Ông chủ gọi.

Chẳng hiểu gì, Chetka vẫy đuôi đi theo ông chủ. Một phút sau nó đã ngồi trên xe ngựa, ngay cạnh chân ông chủ và nghe thấy ông, rúm người lại vì lạnh và vì hồi hộp, lẩm bẩm:

- Đến phải chịu ô nhục mất thôi! Thất bại mất thôi!

Xe ngựa dừng lại gần một ngôi nhà to tướng nom rất lạ, giống như cái tách lớn úp xuống. Lối dẫn vào nhà rất dài được cả tá đèn chiếu sáng. Tiếng chuông vang lên, cửa ra vào mở rộng, giống như cái miệng lớn, nuốt chửng dòng người đang tiến vào. Người nhiều vô kể. Cả ngựa cũng chạy tới chỗ cổng dẫn vào ngôi nhà. Chỉ có chó là chẳng thấy con nào.

Ông chủ bể Chetka lên rồi đút nó vào phía trong áo lông, chỗ Fedor Timofeich đang an tọa. Chỗ đó tối tăm và ngột ngột, song rất ấm. Bất thình lình hai đốm sáng xanh lè loé lên – con mèo mở mắt, khó chịu vì bị mấy cái căng giá lạnh của thẳng hàng xóm chạm phải. Chetka liếm tai nó, và để ngòi cho tiện, nó phải lục sục xoay sở, dẫm cả lên người con mèo và vô tình thò đầu ra khỏi áo lông, song ngay lập tức, nó giận dữ xoay người, rúc sâu vào trong áo. Đường như nó vừa nhìn thấy một gian phòng rất lớn nhưng ít ánh sáng và đầy những vật quái lạ; từ trong hàng rào và lưới ngăn, kéo dài sang hai phía của căn phòng, có những bản mặt trông gớm ghiếc: nào mặt ngựa, mặt những con vật có sừng, những con vật tai dài, có cả một cái mặt to tướng, trên đó, thay vì mũi là một cái đuôi chình ình chính giữa với hai cái xương dài uốn cong mọc ra từ miệng.

Con mèo cất cái giọng meo meo khàn khàn dưới mấy cái chân của Chetka. Cùng lúc đó chiếc áo lông bật mở, ông chủ kêu “Gop!”, Fedor Timofeich cùng với Chetka nhảy xuống sàn. Chúng đã ở trong một gian phòng nhỏ, tường được ghép bằng những tấm gỗ xám. ở đây, ngoài cái bàn gương không lớn lắm, một chiếc ghế đầu và những mảnh rẻ vụn vương vãi ở các góc phòng, không có lấy một thứ đồ gỗ nào khác, và thay vì bóng đèn hay nến, một ngọn lửa hình rẻ quạt cháy sáng trong một cái ống gắn vào tường. Fedor Timofeich liếm áo lông của mình vừa bị con Chetka làm cho nhàu nhĩ, sau đó nhảy lên ghế và nằm trên đó. Ông chủ vẫn còn lo lắng, hai tay vịn vào nhau, bắt đầu cởi quần áo... Ông cởi quần áo giống như vẫn cởi ở nhà, trước lúc nằm dưới tấm chăn carô, tức là cởi hết tất cả, chỉ để lại mỗi quần áo lót. Sau đó ông ngồi lên ghế, nhìn vào gương và bắt đầu làm những việc kì quặc, rất đáng kinh ngạc. Trước tiên ông đội lên đầu một bộ tóc giả rẻ đường ngoi, có hai chỏm tóc xù lên trông giống như hai cái sừng. Sau đó ông xoa rất dày một chất gì trắng lên mặt, và trên lớp sơn trắng đó ông vẽ hai hàng lông mày, râu, và cặp má đỏ. Nhưng những trò nghịch ngợm không dừng lại ở đó. Sau khi bôi bẩn mặt mình, ông mặc một bộ quần áo không

giống ai, thứ quần áo Chetka chưa từng nhìn thấy bao giờ ở trong nhà, cũng như ở ngoài đường. Các vị hãy tưởng tượng một cái quần ống cực rộng, may từ vải màu có những bông hoa to tướng, thứ vải mà trong các gia đình trung lưu người ta thường làm rèm cửa. Hai ống quần rộng được may chên lại ngay ở đầu gối; một ống quần may bằng vải màu nâu, còn ống kia – màu vàng chói. Chìm trong cái quần rộng thùng thình, ông chủ còn mặc thêm một chiếc áo chên cũng may bằng vải hoa, có cổ xếp hình răng cưa, một ngôi sao đằng lưng, đi đôi tất màu sặc sỡ, mang một đôi giầy màu vàng...

Chetka hoa mắt, ù tai. Từ cái thân hình giống như cái bao có khuôn mặt trắng này, toả mùi của ông chủ. Cả giọng nói cũng quen thuộc, giọng của ông chủ. Song có những giây phút, khi Chetka bị nổi nghi ngờ hành hạ, nó chỉ muốn bỏ chạy và sửa văng lên. Địa điểm mới, ngọn lửa hình rẻ quạt, các thứ mùi và sự biến hình đổi dạng xảy ra với ông chủ – tất cả gây ra trong nó nỗi sợ hãi không xác định và nó linh cảm mình sẽ gặp phải một cái gì đó rất kinh khủng, tỉ như cái mặt to tướng có cái đuôi ở chính giữa thay vì chiếc mũi. Đã thế, đằng sau bức tường của gian phòng, từ xa vọng lại cái tiếng nhạc đáng nguyên rủa, thỉnh thoảng lại xen vào tiếng rống không hiểu được. Chỉ có mỗi điều làm cho Chetka thấy an tâm – đó là sự trầm tĩnh của mèo Fedor Timofeich. Nó bình thản ngủ trên ghế và không mở mắt thậm chí cả khi chiếc ghế chuyển dịch.

Có người nào đó mặc áo đuôi tôm, gilê màu trắng, nhìn vào phòng và nói:

– Bây giờ tới lượt cô Arabella. Sau cô ấy – đến anh.

Ông chủ không trả lời. Ông lúi từ dưới gầm bàn một chiếc va li, ngồi xuống chờ. Theo biểu hiện của đôi môi và hai tay, rõ ràng ông rất hồi hộp, và Chetka còn nghe thấy hơi thở của ông run rẩy.

– Ngài Gioczơ, xin mời! – Ai đó gọi to ở đằng sau cửa.

Ông chủ nhồm dậy, ba lần làm dấu thánh, sau đó túm lấy con mèo ở dưới ghế và nhét nó vào trong va li.

– Đi thôi, Chetka! – Ông khẽ nói.

Chetka, không hiểu gì, tiến tới bên tay ông chủ. Ông hôn lên đầu nó và đặt nó bên cạnh Fedor Timofeich. Bóng tối trùm lên... Chetka dẫm lên con mèo, cào vào thành vali và vì quá sợ nó không kêu nổi một tiếng, còn cái vali tròn trành, giống như trôi trên sóng, và run rẩy...

– Là tôi đây! – Ông chủ kêu to – Là tôi đây!

Chetka có cảm giác, sau tiếng kêu đó, chiếc vali chạm vào một vật cứng và thôi không tròn trành nữa. Một tiếng gầm rất to vọng tới: người ta vỗ tay ai đó, và có ai đó (có lẽ là cái bản mặt có đuôi ở giữa thay vì cái mũi) gầm lên, cười to tới mức làm rung cả chiếc khoá va li. Đáp lại tiếng gầm là giọng cười chói tai của ông chủ, kiểu cười mà ông không khi nào cười ở nhà mình.

– Ha! – Ông chủ kêu to, cố tình át tiếng gầm – Xin thưa quý vị khán giả kính mến! Tôi mới từ ga tàu về! Bà cô tôi vừa mất, bà cụ để lại tài sản cho tôi! Trong chiếc vali này có cái gì đó rất nặng – chắc là vàng đây... Ha! hay một triệu rúp cũng nên! Bây giờ chúng ta thử mở để nhìn xem sao...

Khoá vali kêu lách cách. ánh sáng chói loà đập vào mắt Chetka; nó nhảy vọt ra khỏi vali, tai ù đặc vì tiếng gầm. Nó vội vàng chạy quanh ông chủ, sủa inh ỏi.

– Ha! – Ông chủ kêu to – Ông chú Fedor Timofeich! Bà Chetka kính mến! Những người bà con quý mến, quý bắt các người đi!

Ông ngã bò xoài xuống sàn, hai tay túm lấy con mèo và Chetka, ôm lấy chúng. Trong khi được ông chủ ôm vào lòng Chetka vội nhìn cái thế giới mà số phận đã đẩy nó vào và thực sự kinh hoàng bởi sự rộng lớn của nó. Sau một phút sững lại vì kinh ngạc, nó bứt khỏi vòng tay ông chủ, và trước những ấn tượng mạnh, nó cứ quay tròn tại chỗ như một con cù. Cái thế giới thật to lớn và ngập tràn ánh sáng; nhìn bất cứ chỗ nào, từ sàn đến trần, chỉ thấy những khuôn mặt, những khuôn mặt và những khuôn mặt. Không có gì khác.

– Thưa Chetka, xin cô ngồi xuống! – Ông chủ kêu lên.

Nhớ lại điều đó có nghĩa là gì, Chetka nhảy lên ghế và ngồi xuống. Nó nhìn ông chủ. Cặp mắt ông, như mọi khi, nhìn

nó nghiêm khắc và trù mến, nhưng mà khuôn mặt, đặc biệt là đôi môi, lại chú chành ra rất rộng bởi một nụ cười bất động. Bản thân ông thì cười nói, nháy nhót, giật vai, làm như thể ông rất vui được đứng trước hàng nghìn khuôn mặt. Chetka tin vào niềm vui đó, và bằng cả thân thể mình nó bỗng nhiên cảm thấy cả nghìn khuôn mặt cũng đang nhìn nó. Nó ngẩng cái mặt cáo của mình và tru lên.

- Bà Chetka ơi, ngồi xuống đi. - Ông chủ nói với nó - Để tôi với ông chú nhảy điệu camarín.

Fedor Timofeich đang chờ người ta bắt mình làm những trò ngu ngốc. Nó đứng và thờ ơ nhìn các phía. Nó nháy một cách uể oải, cẩu thả, rầu rĩ và căn cứ theo những chuyển động của nó, đuôi và râu nó, thấy rõ nó khinh bỉ sâu sắc cả đám đông, cả ánh sáng chói lọi, cả ông chủ và cả bản thân mình... Nhảy xong phần của mình, nó ngáp và ngồi xuống.

- Nào, bà Chetka ơi. - Ông chủ nói - Chúng mình hát trước, sau đó sẽ cùng nhảy nhé?

Ông rút từ trong túi một cây sáo nhỏ và bắt đầu thổi. Chetka không chịu nổi âm nhạc, bồn chồn nhấp nhੌm trên ghế và bắt đầu tru lên. Từ khắp phía tiếng gào thét và tiếng vỗ tay nổi lên. Ông chủ cúi chào, và khi yên lặng trở lại, ông tiếp tục thổi sáo... Khi tiếng sáo thổi đến một nốt cao nhất, thì ở phía dưới khán giả có ai đó kêu một tiếng ối chà rất to.

- Castanca! - Một giọng trẻ con vang lên - Ớ, mà Castanca đấy!

- Đúng là Castanca rồi! - Một giọng trầm say rượu lè nhè khẳng định - Castanca! Fediuska, đó là trời trừng phạt, Castanca!

Có ai đó huýt một tiếng sáo trên phía tầng thượng, và hai giọng nói, một - của trẻ con, một - của đàn ông, cùng cất tiếng gọi:

- Castanca! Castanca!

Chetka giật mình nhìn lên chỗ có tiếng kêu. Hai khuôn mặt: một râu ria, tóc tai và say sỉn rầu rĩ, một - mũm mĩm, má đỏ hồng và sợ hãi - đập thẳng vào mắt nó, giống ánh sáng chói lọi lúc trước từng đập vào mắt... Nó nhớ lại, ngã từ trên

ghế xuống sàn, sau đó nó nhổm dậy, sung sướng chồm tới những khuôn mặt đó. Tiếng gào rú vang lên, qua những tiếng la hét âm âm là tiếng gọi chói tai của đứa trẻ:

– Castanca! Castanca!

Chetka nhảy qua những chướng ngại vật, sau đó nhảy qua vai ai đó, rơi vào trong lô; để lên được tầng trên nó phải nhảy qua một bức tường cao; Chetka nhảy, song không nhảy được hết tường, nó bò trên tường và lùi về phía sau. Sau đó nó được chuyển từ tay này sang tay khác, nó liếm tay, liếm mặt ai đó, chuyển động cao dần, cao dần, cuối cùng thì lên được tầng thượng...

Nửa tiếng sau Chetka đã đi trên phố với những người bốc mùi keo dán và mùi vécni. Luka Aleksandrych chệnh choạng và theo bản năng, theo kinh nghiệm có được, tránh xa những rãnh nước.

– Tội lỗi, tội lỗi từ lúc trong bụng mẹ... – Ông lẩm bẩm – Còn mày, Castanca, mày có so với người, thì cũng chỉ như thợ nề so với thợ mộc.

Bên cạnh bác là Fediuska đội chiếc mũ lưỡi trai của bố. Castanca nhìn lưng hai người và nó có cảm giác như đã đi sau họ từ lâu lắm rồi, rằng cuộc sống không bị ngắt quãng một phút giây nào.

Nó nhớ lại căn phòng có giấy bồi tường bẩn thỉu, con ngỗng, Fedor Timofeich, những bữa trưa ngon lành, những buổi học, rạp xiếc, song tất cả giờ đây đối với nó chỉ như một giấc mơ dài, lẩn lộn và nặng nề...

Đào Tuấn Ảnh (dịch từ nguyên bản tiếng Nga)

CÂU CHUYỆN CỦA PHU NHÂN N.N

Khoảng 9 năm trước, một buổi chiều vào kỳ cắt rạ, tôi và piotr Xecgeits, lúc ấy làm dự thẩm ở một toà án, cùng cưỡi ngựa ra ga lấy thư về.

Hôm ấy trời rất đẹp, nhưng trên đường về bỗng có tiếng sấm ầm ì, và chúng tôi nhận thấy một đám mây đen hung dữ đang lừ lừ tiến tới gần chúng tôi.

Nổi lên trên nền mây đen xám ngắt thấp thoáng màu trắng trắng của ngôi nhà chúng tôi, những cây phong cao óng ánh bạc. Không khí thoang thoảng mùi mưa và mùi rạ mới cắt. Anh bạn của tôi đang cao hứng lắm. Anh ta cười như nắc nẻ và nói đủ chuyện vu vơ. Anh ta bảo là ví thử bây giờ trên đường đi của chúng tôi thoáng hiện lên một toà lâu đài trung cổ với những ngọn tháp răng cưa có râu phủ, có cú đêm, thì hay quá, chúng tôi sẽ trú mưa và rồi sẽ bị sét đánh chết.

Nhưng kìa trên đám lúa mì đen trên cánh đồng đại mạch đã tràn qua đợt sóng đầu tiên của giông tố. Gió đã nổi và cuốn bụi lên thành từng cột xoáy tít. Piotr cười vang và cựa giầy thúc ngựa.

– Thích thật! – Anh reo lên – Thích quá !

Tôi cũng vui lây. Và khi nghĩ rằng chỉ lát nữa tôi sẽ bị ướt như chuột lột và rất có thể bị sét đánh chết, tôi cũng cười phá lên.

Gió bắc xoáy rất mạnh. Hai con ngựa phi vun vút, khiến cho người ta có cảm giác khó thở, trong lồng ngực chúng tôi thấy hồi hộp, nôn nao. Khi chúng tôi cưỡi ngựa về đến sân nhà, gió đã lặng, những chùm mưa lớn đổ rào rào xuống đám cỏ và mái nhà. Quanh chuồng ngựa không có lấy một bóng người . Piotr tự tay tháo yên cương cho hai con ngựa, dắt chúng vào tàu, trong khi chờ anh xong việc, tôi đứng ở ngưỡng cửa nhìn những làn mưa chên chếp đổ xuống, cái

mùi rạ ngòn ngọt hăng hăng ở đây như thể nồng đượm hơn ở ngoài đồng; mây đen và làn mưa làm cho trời tối mờ đi.

– Sét đánh dữ quá ! – Piotr vừa nói vừa đến cạnh tôi sau một tiếng sét rất dữ dội, mở đầu cho một đợt sấm đổ hồi. Lúc bấy giờ có thể tưởng tượng như trời đã nứt làm đôi.

Anh đứng cạnh tôi trên ngưỡng cửa chuồng ngựa, vẫn còn thở mạnh vì chuyển phi ngựa rất nhanh vừa rồi. Tôi nhận thấy anh đang nhìn tôi mê mải.

– Natalya Vladimirovna ạ, – Anh nói – tôi sẵn sàng hiến dâng tất cả chỉ để được đứng thế này lâu hơn nữa và nhìn cô. Hôm nay cô đẹp quá.

Mắt anh hân hoan và van vỉ, mặt anh tái xanh, trên bộ râu anh có những giọt nước mưa lóng lánh, và hình như mấy giọt mưa ấy cũng âu yếm nhìn tôi.

– Tôi yêu cô. – Anh nói – Tôi yêu cô, và tôi sung sướng được nhìn thấy cô. Tôi biết cô không thể thành vợ tôi được. Nhưng tôi không muốn gì hết, tôi không cần gì hết, chỉ xin cô biết một điều rằng tôi yêu cô. Cô đừng nói, đừng lưu ý làm gì, cô chỉ cần biết là tôi rất quý cô, hãy cho phép tôi, được nhìn cô!

Tâm trạng hân hoan của anh cũng chuyển sang tôi. Tôi nhìn gương mặt phấn khích của anh, lắng nghe giọng nói của anh hoà lẫn với tiếng mưa, mà như bị thôi miên, không sao cử động được.

Tôi muốn nhìn mãi đôi mắt sáng long lanh ấy, nghe mãi giọng nói ấy, muốn vô cùng.

– Cô im lặng như thế là rất hay! – Piotr nói – Cô cứ im lặng như thế đi.

Tôi thấy thích quá. Tôi cười to lên vì sung sướng và chạy ra giữa cơn mưa đang đổ xuống như trút đổ vào nhà. Piotr cũng cười phá lên và nhảy nhót chạy theo tôi.

Hai chúng tôi, như hai đứa trẻ, ồn ào, ướt át, thở hổn hển, nện gót âm âm trên thang gác và chạy ùa vào trong nhà. Cha tôi, vốn không quen thấy tôi vui cười như thế, kinh ngạc nhìn tôi rồi cũng cười phá lên.

Những đám mây giông tố đã kéo đi hết, tiếng sấm đã lặng nhưng trên râu của Piotrvẫn còn long lanh mấy giọt mưa. Suốt buổi chiều hôm ấy, mãi đến bữa ăn tối, anh ca hát, huýt sáo, đùa nghịch âm ã với con chó, đuổi theo nó chạy khắp các phòng, thành thử có lúc suýt xô phải một người nhà đang bung ấm lò đi ra. Trong bữa tối, anh ăn rất nhiều, nói toàn những chuyện ngớ ngẩn và quả quyết hễ mùa đông mà ăn dưa chuột tươi thì trong miệng sẽ sực nức hương bị mùa xuân.

Khi đi ngủ, tôi thắp đèn nến lên và mở toang cửa sổ, và một cảm giác mơ hồ khó hiểu tràn ngập tâm hồn tôi. Tôi nhớ ra rằng tôi tự do, khoẻ mạnh, quyền quý, giàu sang – quyền quý và giàu sang – trời ơi, thích biết chừng nào !... Sau đó, người co ro trong giường vì hơi lạnh thoang thoảng từ vườn đưa vào phòng cùng với sương đêm, tôi cố tìm hiểu xem mình có yêu Piotr Xecgeits không... Rồi không hiểu được chút gì, tôi ngủ thiếp đi.

Và sang hôm sau, khi trông thấy những vệt nắng rung rinh và bóng những cành bồ đề chờn vờn trên đệm, trong ký ức tôi sống dậy những cảnh hôm qua. Tôi thấy cuộc sống sao phong phú, muôn màu muôn vẻ, tràn đầy một vẻ đẹp diệu kì. Tôi vừa hát vừa khe khẽ nhanh nhẹn mặc áo quần và chạy ra vườn...

Rồi sau đó chuyện gì đã xảy ra? Sau đó chẳng có chuyện gì xảy ra cả. Mùa đông, gia đình tôi ở trong thành phố, Piotr Xecgeits vẫn thỉnh thoảng đến chơi. Những người quen ở nông thôn chỉ thú vị khi mình ở nông thôn, vào mùa hè, nhưng ở thành phố, vào mùa đông thì họ mất hẳn đi một nửa phần thú vị. Ở thành phố, khi dọn trà cho họ uống, người ta cứ có cảm giác như chiếc áo họ đang mặc trên người là áo đi mượn của ai, và họ dùng thìa khuấy trà quá lâu. Dạo ở thành phố đôi khi Piotr cũng có nói chuyện yêu đương, nhưng lời lẽ của anh gây một ấn tượng khác hẳn.hồi ở nông thôn. Ở thành phố chúng tôi cảm thấy rõ rệt hơn bức tường ngăn cách chúng tôi: tôi thì con nhà quyền quý và giàu sang, anh ấy thì nghèo; anh là con một ông thầy giúp lễ, đảm đương chức vụ

dự thăm ở một tòa án, và chỉ có thể thôi. Hai chúng tôi – tôi thì vì tuổi trẻ quá, còn anh ấy chẳng biết tại sao – đều cho rằng bức tường ấy quá cao và dày. Cho nên những khi đến chơi nhà chúng tôi, anh thường mỉm cười gượng gạo, và hay lên tiếng phê phán giới thượng lưu hay quý tộc. Và nếu trong phòng có khách, ngoài anh ra còn có một người nào khác, anh thường im lặng và lậm lì. Không làm gì có được bức tường nào không thể đập thủng được, nhưng các nhân vật trong tiểu thuyết ngày nay, vốn quá rụt rè, nhu nhược, lười biếng và dễ chạnh lòng, họ quá nhanh chóng cam tâm chấp nhận cái ý nghĩ cho mình là kẻ bất đắc chí, mình bị cuộc đời riêng lường gạt; đáng lẽ đứng dậy đấu tranh thì họ chỉ bình phẩm phê phán, gọi xã hội thượng lưu là tầm thường dung tục, và quên mất rằng chính những lời phê phán của họ cũng dần dần chuyển sang tầm thường sung tục.

Tôi được yêu, hạnh phúc đến với tôi rất gần gũi, tưởng như đang sống vai kề vai bên tôi; tôi sống trong tiếng hát giọng cười, không cố gắng hiểu mình, không biết mình chờ đợi gì và ước mong gì ở cuộc sống, trong khi đó, thời gian cứ trôi đi, trôi đi.... Đã bao nhiêu người đã qua cuộc đời tôi với mối tình của họ, những ngày quang đãng và những đêm ấm áp tiếp theo nhau lướt nhanh qua trong tiếng hót củ chim họa mi và trong mùi hương của rơm rạ, và tất cả những hình ảnh, những chuỗi ngày đã để lại bao nhiêu kỷ niệm đáng yêu, huyền diệu ấy, ở tôi cũng như ở mọi người khác, đều trôi qua rất nhanh, không để lại dấu tích gì, không được quý trọng và đều tan biến đi trong sương mù. Những chuỗi ngày êm đềm ấy nay còn đâu...

Cha tôi mất, tôi già đi; tất cả những gì đã làm cho tôi yêu thích, đã mơ ước tôi, đã cho tôi hi vọng – tiếng mưa rơi, tiếng sấm rền, những ý nghĩ về hạnh phúc, những câu chuyện về tình yêu – tất cả đều chỉ còn là kỷ niệm. Và trước mắt tôi là một khoảng không gian xa tắp, phẳng lặng, vắng vẻ; trên đồng bằng không có lấy một sinh linh, và ở chân trời sao tối tăm, khủng khiếp quá.

Có tiếng chuông reo ngoài cổng... Ấy là Piotr đến chơi. Mùa đông, cứ mỗi khi tôi nhìn bóng cây và nhớ lại màu xanh rờn của nó dạo hè, tôi lại thì thầm:

- Ôi, người bạn yêu dấu của tôi!

Và mỗi khi tôi gặp lại những người đã ở bên tôi, hỏi tôi đang sống qua mùa xuân của đời mình, tôi lại thấy buồn buồn và âm ỉm trong lòng, và tôi lại thì thầm câu ấy.

Từ lâu nhờ sự che chở của cha tôi, anh ấy đã được đổi về thành phố. Anh hơi già đi, dáng người như hơi trĩu xuống. Anh đã từ lâu không bày tỏ tình cảm, không nói chuyện lẩn thẩn nữa, anh không ưa thích gì công việc ở sở, sức khỏe anh sút giảm vì một chứng bệnh gì đấy, anh thất vọng về một nỗi gì không rõ, anh đã khoát tay phó mặc đời và sống một cách miễn cưỡng.

Giờ đây anh ngồi bên lò sưởi, im lặng nhìn ngọn lửa bập bùng. Không biết nói chuyện gì, tôi hỏi anh :

- Có chuyện gì không?

- Chẳng có gì... - Anh đáp.

Lại im lặng. Ánh lửa đỏ rực chập chờn trên gương mặt rầu rầu của anh.

Tôi nhớ lại dĩ vãng, và vai tôi chợt run lên, đầu tôi cứ gục xuống và tôi khóc òa lên cay đắng. Tôi thấy xót xa không sao chịu nổi, xót cho mình, xót cho người ấy, và tôi thấy thèm khát vô cùng những gì đã qua mà giờ đây cuộc sống đã khước từ không chịu trả cho chúng tôi. Và bây giờ tôi không còn nghĩ đến chuyện mình quyền quý và giàu sang nữa.

Tôi khóc nức nở, hai bàn tay ép lên thái dương và lẩm bẩm:

- Trời ơi, trời ơi, còn gì là đời nữa...

Anh ngồi yên, lặng thinh, không nói với tôi: " Cô đừng khóc." Anh hiểu rằng tôi cần khóc và bây giờ đã đến lúc phải khóc như vậy. Nhìn mắt anh tôi thấy rõ anh thương tôi; tôi cũng thấy thương anh, và cũng giận con người rụt rè kia, đã không biết cách thu xếp cho đời tôi mà cũng chẳng biết cách thu xếp cho đời mình.

Khi tôi tiễn anh về, ra đến phòng ngoài tôi có cảm giác như anh cố ý mặc áo khoác rất lâu. Anh im lặng hôn tay tôi hai ba lần và hồi lâu nhìn đăm đăm vào khuôn mặt ướt đẫm nước mắt của tôi. Tôi chắc lúc ấy anh nhớ lại cơn giông, những làn mưa chênh chếch, tiếng cười của hai đứa chúng tôi, khuôn mặt tôi hồi ấy. Anh muốn nói với tôi một điều gì, mà giá nói được chắc anh sẽ mừng lắm, nhưng rồi anh chẳng nói gì, chỉ lắc đầu và xiết chặt tay tôi. Thôi, cầu Chúa phù hộ cho anh ấy!

Tiếp anh về rồi, tôi trở vào phòng sách và lại ngồi xuống tấm thảm trải trước lò sưởi. Những súc than đỏ đã phủ tro và bắt đầu toàn lụi dần. Băng giá kêu rảng rặc trên cửa sổ càng giận dữ hơn, và gió hát một giai điệu mơ hồ trong ống khói lò sưởi.

Người hầu gái bước vào, tưởng tôi đã ngủ thiếp đi, liền cất giọng gọi.

Cao Xuân Hạo dịch

CÂY VĨ CẦM CHO ROTHSCHILD

Đó là một thị trấn nhỏ, còn tồi tệ hơn một cái làng, trong đó dân cư hầu như toàn ông già bà lão, chết hiếm tới mức khó chịu. Bệnh viện và nhà tù cần rất ít quan tài. Nói tóm lại, công việc ở đây rất chán. Giá lakov Ivanovich làm nghề đóng quan tài ở trên tỉnh thì có lẽ lão đã có một ngôi nhà riêng hẳn hoi, và ở đó người ta gọi lão là ông lakov Matveevich, chứ không như cái giống dân mách què ở đây, gọi trống không cái tên lakov, đã thế còn đặt cho lão cái biệt danh “lão Đồng”, hoá có trời mới hiểu là gì. lakov sống nghèo khổ như một gã mugic tầm thường, ngôi nhà gỗ cũ kỹ chật chội, trong đó cả lão, Marpha, cái bếp lò, cái giường đôi, đóng quan tài và các thứ đồ đạc khác đều nhét vào một cái phòng duy nhất.

lakov đóng những chiếc quan tài đẹp và chắc chắn. Đối với đám mugic và cánh đàn ông thị trấn, lão đóng quan tài theo kích cỡ của bản thân và chưa một lần nhầm lẫn, bởi vì có bói cũng không ra một người cao to, chắc khỏe như lão, kể cả trong nhà tù, mặc dù lão đã bảy mươi tuổi. Đối với đám người có máu mặt và phụ nữ, những cỗ quan tài được đóng theo kích thước của họ mà lão đo rất kỹ bằng cái thước sắt. Còn quan tài đặt cho con trẻ lão nhận một cách miễn cưỡng, đóng chẳng theo một kích cỡ nào, và lúc nhận tiền công bao giờ cũng nói:

- Thật tình, tôi chả thích làm nhưng việc vất vả thế này.

Ngoài nghề đóng quan tài, lão còn chơi đàn thuê để kiếm thêm chút đỉnh. Ở thị trấn, trên các đám cưới, người ta hay gọi đội nhạc Do thái tới chơi. Đội nhạc do lão thợ thiếc Moise Ilich Sakhkes làm ông bầu và thường thu về cho mình già nửa số thu nhập. Vì lakov kéo vĩ cầm rất hay, nhất là những bài hát Nga, nên Sakhkes thỉnh thoảng vẫn mời lão chơi trong đội nhạc của mình và trả cho lão năm mươi copek một ngày,

không tính những món thưởng của khách. Cứ thoát ngòi vào ban nhạc là bao giờ người lakov cũng đắm mồ hôi và mặt thì đỏ gay đỏ gắt; không khí nóng nực nồng nặc mùi tỏi đến ngạt thở, tiếng violon rít lên, tiếng contrebasse khàn khàn bên tai trái, còn bên tai phải là tiếng sáo nức nở của gã Do Thái tóc hung, gầy nhom, mặt chằng chịt những đường gân xanh đỏ, mang cái tên của Rothschild, một người giàu nổi tiếng. Và gã Do Thái đáng nguyên rủa này, kể cả những lúc vui vẻ nhất, vẫn cố tình thổi sáo thật náo nùng. Không có một nguyên cớ rõ ràng nào, nhưng trong người lakov cứ dần dần tích tụ sự ganh ghét và lòng khinh bỉ đối với dân Do Thái, đặc biệt với Rothschild; lão nhiech móc, chửi mắng gã bằng đủ lời xấu xa, có lần còn định tấn cả gã nữa. Rothschild giận giữ, làu bàu, nhìn lão, rít qua kẽ răng:

– Nếu không trọng cái tài của ông thì tôi đã ném ông qua cửa sổ từ lâu rồi.

Sau đó gã bật khóc. Chính vì thế người ta mời lão Đồng rất hân hỷ, chỉ trong trường hợp vắng mặt một nhạc công Do Thái nào đó.

lakov không bao giờ có được tâm trạng sáng khoái bởi lão luôn phải chịu những thất thu ghê gớm. Ví dụ, chủ nhật và những ngày lễ làm việc là có tội, còn thứ hai – húy nhật, chính vì thế trong một năm, muốn hay không, phải có tới gần hai trăm ngày ăn không ngồi rồi. Thiệt hại mới lớn làm sao! Này nhé, có những đám cưới lại không cần nhạc, hay Sekhkes không mời lakov, thế là thiệt rồi. Cảnh sát trưởng hai năm liền ốm đau, tàn tạ và lakov mong chờ lão chết từng ngày, ấy vậy mà lão lại lên tỉnh chữa bệnh rồi ngoẻo luôn ở đó. Này nhé, thiệt hại có khi lên tới cả mười rúp, nếu như buộc phải đóng một cái quan tài đắt tiền có hoa văn phủ nhũ. Những tính toán thua lỗ thường dày vò lakov vào ban đêm; lão đặt chiếc vĩ cầm lên chần, và khi đủ mọi ý nghĩ vớ vẩn len vào đầu, lão lại bật giầy đàn, cây vĩ cầm phát ra những âm thanh trong bóng tối khiến lão nhẹ lòng hơn.

Ngày mừng sáu tháng năm năm ngoái Marpha bỗng nhiên lặn ra ốm. Bà thở nặng nhọc, uống nhiều nước và đi

đứng loạng choạng, thế mà buổi sáng vẫn tự mình nhóm lò, thậm chí còn đi kín nước. Tối chiều bà nằm một chỗ. Iakov chơi đàn suốt ngày, tối mịt mới xem đến quyển sổ ghi chép những thất thu hàng ngày, và vì buồn chán lão làm bản tổng kết cả năm. Tổng cộng mất tất cả hơn nghìn rúp. Điều đó làm lão sốc tới mức vút toẹt quyển sổ xuống sàn và di di chân lên. Sau đó lão lại vớ lấy cái bàn gậy và tính toán rất lâu, thở dài căng thẳng. Mặt mũi lão đỏ gay và đẫm mồ hôi. Lão nghĩ hơn nghìn rúp thất thu đó nếu đem gửi nhà băng thì mỗi năm lãi suất cũng chẳng được là bao – có 40 rúp. Có nghĩa 40 rúp này cũng là một mất mát nữa. Nói tóm lại, dù có xoay xở như thế nào, thì ở đâu cũng độc thấy mất mát, không hơn.

– Iakov! – Marpha bất ngờ gọi lão – Tôi chết đến nơi rồi.

Lão nhìn bà vợ. Mặt bà đỏ rực vì nóng, sáng rỡ và sung sướng khác thường. Lão Đồng quen nhìn thấy mặt bà nhợt nhạt, len lét thảm hại, giờ đây lão thấy lúng túng. Hình như bà lão đốc chứng chết thật và tỏ ra sung sướng vì cuối cùng đã vĩnh viễn rời khỏi cái nhà này, thoát khỏi đống quan tài và khỏi Iakov... Bà nhìn lên trần, đôi môi động đậy, nét mặt của bà thật hạnh phúc, như thể bà đã nhìn thấy cái chết, người giải thoát cho bà, và đang thăm thì với nó.

Trời hửng sáng, từ cửa sổ nhìn thấy rõ bình minh đang cháy rực. Nhìn bà vợ già, Iakov không hiểu sao nhớ ra rằng cả cuộc đời chưa một lần lão vuốt ve bà, chưa từng thương xót bà, chưa bao giờ nghĩ tới việc mua cho bà lấy một tấm khăn choàng nhỏ, mà chỉ la mắng bà, chửi bới vì thua lỗ, nhào tới bà với những nắm đấm. Thật ra thì chưa bao giờ lão đánh vợ cả, nhưng mỗi lần dọa nạt như thế cũng đã đủ làm cho bà sợ rúm cả người. Ngoài ra, lão còn không cho bà uống trà, sợ tốn kém, và bà chỉ uống nước trắng. Chính vì vậy nên lão hiểu được vì sao nét mặt bà giờ đây thật kỳ lạ, sung sướng và lão cảm thấy khiếp hãi.

Chờ cho sáng hẳn, lão mượn ngựa của hàng xóm và chở Marpha tới bệnh viện. Ở đó không nhiều bệnh nhân lắm, vì thế lão không phải đợi lâu, chỉ mất có ba tiếng. Và thật quá may cho lão, lần này tiếp bệnh nhân không phải là quan đốc,

vì bản thân ngài cũng bị ốm, mà là viên y tá Maksim Nikolaich, người mà cả thị trấn kháo nhau rằng mặc dù là tay bợm rượu và thích gây gổ, song còn biết việc hơn đốc tờ.

- Xin chào ngài. - Iakov vừa dìu vợ vào phòng khám, vừa chào hỏi - Xin được thứ lỗi, chúng tôi tới quấy quả ngài, Maksim Nikolaich, vì việc vặt này. Chả là bà xã chúng tôi vừa mới bị ốm. Nói thế nào nhỉ, bạn đời, như người ta thường gọi, dạ, xin lỗi ngài về cách nói năng...

Cau đôi lông mày bạc và vuốt cái ống nghe, viên y tá bắt đầu khám cho bà già. Marpha ngồi trên ghế đẩu người gập xuống, gầy gò, mũi nhọn với cái miệng há ra, nhìn nghiêng trông bà giống như con chim đang khát nước.

- Rồi... Xong rồi - Viên y tá chậm chạp nói và thở dài - Bội nhiễm, mà cũng có thể sốt nóng. Hiện đang có dịch thương hàn ở thành phố. Biết làm sao được? Bà già sống thế cũng là đủ rồi, lạy trời... Bà ấy bao nhiêu tuổi vậy?

- Thiếu một tuổi tròn bảy mươi, thưa ngài Masim Nikolaich.

- Biết làm sao? Bà già sống đủ rồi. Đã đến lúc được về với Chúa.

- Dạ, ngài dạy thật chí lý, Masim Nikolaich. - Iakov nói, mỉm cười nhũn nhặn - Xin được đa tạ lòng tốt của ngài, nhưng chúng tôi cũng xin phép được trình bày, mọi loài sâu bọ đều muốn sống cả ạ.

- Chứ lại à! - Viên y tá nói với cái giọng như thể sự sống chết của bà già phụ thuộc cả vào lão - Thôi, thế này nhé, ông bạn, đắp khăn nhúng nước lạnh lên đầu bà ấy và cho bà ấy uống chỗ thuốc bột này, ngày hai lần. Còn bây giờ xin tạm biệt.

Căn cứ vào nét mặt của viên y tá, Iakov hiểu rằng việc của vợ lão hỏng rồi và chẳng có thuốc bột nào có thể cứu nổi. Lão hiểu rất rõ rằng Marpha sẽ chết rất nhanh, chỉ nay mai thôi. Lão khẽ nắm khuỷu tay viên y tá, nháy mắt và nói thầm:

- Masim Nikolaich, hay đặt giác hút cho bà ấy?

- Không có thời giờ, không có thời giờ. Làm ơn đưa bà ấy ra ngoài. Đi ngay cho. Tạm biệt.

- Xin ngài làm ơn, làm phúc. - Iakov van nài - Tự ngài cũng biết đấy, nếu như bà ấy bị đau bụng hay đau cái gì bên trong cơ, lúc đó mới dùng đến thuốc bột, thuốc nước, đằng này bà ấy lại bị cảm! Trong trường hợp bị cảm thì việc đầu tiên là phải rút bớt máu, Maksim Nikolaich.

Viên y tá đã gọi bệnh nhân tiếp theo. Một mụ đàn bà dẫn một đứa trẻ bước vào phòng.

- Ra ngoài đi, đi đi... - Lão cau có nói với Iakov - Đừng làm vướng tôi.

- Thôi thì ít nhất ông cũng đặt cho bà ấy một con đĩa vậy! Được thế chúng tôi sẽ suốt đời cầu nguyện cho ông!

Viên y tá nổi đóa, gất lên:

- Cứ lải nhải mãi! Đồ ngu...

Iakov cũng tức điên, mặt đỏ tía, nhưng lão không nói một lời, chỉ đỡ Marpha dậy và dìu bà ra khỏi phòng khám. Mãi tới lúc ngồi vào trong xe ngựa lão mới nhìn cái bệnh viện một cách nghiệt ngã và nhạo báng, nói:

- Người ta tổng bọn bay vào cả đây, lũ nghệ sĩ! Đám nhà giàu chúng bay đặt giắc hút, còn người nghèo thì tới một con đĩa cũng không cho. Quân bạo chúa!

Khi về tới nhà, Marpha đứng một lúc, tay vịn vào bếp lò. Bà sợ rằng nếu như đi nằm thì thể nào Iakov cũng sẽ lại than vãn về tiền nong, thua lỗ và chửi mắng bà cứ nằm đấy, chả chịu làm việc. Còn Iakov nhìn bà ngán ngẩm và nhớ ra rằng ngày mai là ngày lễ Thánh Ioan, ngày kia là ngày lễ Thánh Nikolai Ban Phép Lạ, sau đó là chủ nhật, còn sau nữa, thứ hai - húy nhật. Cả bốn ngày không được làm việc, mà Marpha có thể sẽ chết vào một trong những ngày này; nghĩa là quan tài phải đóng ngay ngày hôm nay. Lão cầm lấy cái thước sắt, tiến tới bên vợ để lấy số đo của bà. Sau đó bà đi nằm, còn lão làm dấu thánh rồi bắt tay vào việc.

Khi đóng xong cỗ quan, lão Đồng đeo kính và ghi vào quyển sổ của mình: "Quan tài cho Marpha Ivanovna - giá 2 rúp 40 copek".

Và lão thở hắt ra. Trong thời gian đó bà già vẫn nằm, mắt nhắm nghiền. Nhưng tới chiều, lúc chạng vạng, bỗng nhiên bà

gọi chồng.

– Mình còn nhớ chứ, Iakov? – Bà vừa hỏi, vừa nhìn lão vui vẻ – Mình còn nhớ cách đây năm mươi năm Chúa đã cho chúng ta một đứa trẻ tóc vàng? Mình với tôi khi đó thường hay ra ngồi ở bờ sông, cùng hát... dưới một cây liễu. – Và bà cười cay đắng, nói thêm – Con gái bé bỏng chết mất rồi.

Iakov căng óc, nhưng không thể nào nhớ nổi, cả đứa bé, lẫn cây liễu.

– Bà nằm mơ đấy thôi. – Lão nói.

Ông mục sư tới ban phép Mình Thánh và xúc dầu cho bà. Sau đấy Marpha bắt đầu lảm nhảm những câu khó hiểu và tới gần sáng thì chết.

Các bà già hàng xóm tới tắm rửa, khâm liệm và đặt bà vào áo quan. Để khỏi phải chi phí cho người trợ tế, Iakov tự đọc lấy thánh thi, còn về phần mộ thì lão không phải trả một đồng nào, vì người gác nghĩa địa là cha đỡ đầu của lão. Bốn mugíc khiêng quan tài tới nghĩa địa cũng không lấy tiền, vì quý trọng Marpha. Đi sau quan tài là những bà già, những người hành khất, hai người tàn tật. Những người gặp trên đường đều làm dấu thánh một cách sùng kính. Iakov lấy làm hài lòng vì đã thu xếp công việc ổn thỏa, hết lòng, lại không tốn kém, không làm mất lòng ai. Khi từ biệt Marpha lần cuối, lão sờ chiếc quan tài, bụng nghĩ: “Cỗ quan tốt thật!”.

Nhưng trên đường từ nghĩa địa về nhà bỗng nhiên một nỗi buồn ghê gớm choán lấy lão. Iakov thấy mình không được khoẻ: hơi thở nóng và nặng, hai chân bủn rủn, khát nước. Đã thế đủ mọi ý nghĩ cứ len vào đầu. Lại nghĩ tới việc cả đời chưa một lần thương xót Marpha, chưa một lần âu yếm bà. Năm mươi hai năm sống chung dưới một mái nhà, vậy mà chưa một lần lão nghĩ tới vợ, không để ý, như thể bà là con mèo hay con chó. Thế mà chính bà hàng ngày nhóm lò, nấu nướng, kín nước, bổ củi, nằm cùng một giường với lão, khi lão từ những đám cưới trở về say khướt, bao giờ bà cũng sùng kính đỡ lấy cây vĩ cầm, treo lên tường, giúp lão đi ngủ. Bà làm tất cả những việc đó một cách thâm lặng, đáng vẻ rụt rè, lo lắng.

Trên đường lão gặp Rothschild đang đi tới. Thằng Do Thái vừa cười, vừa cúi chào.

- Thế mà cháu cứ đi tìm bác mãi! - Gã nói - Ông Moisei Ilich gửi lời chào bác và mời bác tới ngay chỗ ông ấy.

Iakov chẳng còn bụng dạ nghĩ tới việc đó. Lão chỉ muốn khóc.

- Để tao yên! - Lão nói và đi tiếp.

- Thế là thế nào? - Rothschild lo lắng, chạy lên phía trước - Ông Moisei Ilich giận chết! Ông ấy bảo phải đến ngay!

Iakov khó chịu bởi thằng Do Thái thờ hỗn hển, mắt hấp háy, mà sao mặt nó lại nhiều tàn nhang màu hung đỏ thế. Nhìn chiếc áo khoác màu xanh lá cây với những mụn vá sẫm màu và cả cái thân hình mảnh khảnh, yếu ớt của nó mà phát ốm.

- Sao mày cứ thọc vào chuyện của tao thế hả, đồ tội lép?

- Iakov hét lên - Đừng có bám lấy tao!

Thằng Do Thái cũng nổi xung, quát lại:

- Xin ông bé cái miệng đi cho, kẻo tôi cho ông bay qua bờ giậu bây giờ!

- Xéo ngay cho khuất mắt tao! - Iakov gào lên và nắm tay xấn tới - Không sao sống nổi với loài sâu bọ này!

Rotsild chết lặng vì sợ hãi, ngồi thụp xuống, hai tay quơ quơ trên đầu như thể đỡ đòn, sau đó nó bật dậy, ba chân bốn cẳng chạy mất hút. Trên bờ sông nó nhảy tung tung, hai tay vung vẩy, và thấy rõ cái lưng dài, còm nhom của nó cứ giật lên. Đám trẻ con mừng rỡ gặp dịp, chạy theo nó, la hét: "Thằng Do Thái! Thằng Do Thái!". Đàn chó cũng đuổi theo nó, sủa văng lên. Có ai đó cười hô hố, sau đó huýt sáo, đàn chó nhâu nhâu sủa dữ hơn... Sau đó chắc có một con cắn Rothschild, bởi vọng lại tiếng thét đau đớn, tuyệt vọng của nó

Iakov dạo trên bãi chẵn gia súc, sau đấy, không mục đích, lão đi ra phía ngoài thị trấn. Đám trẻ con la lên "Lão Đồng kìa! Lão Đồng kìa!". A mà con sông đây rồi. Ở đó những con giẽ giun và những con vịt trời kêu chí chöhe. Trời nắng gắt, mặt nước phản chiếu ánh sáng làm chói cả mắt. Iakov men

theo con đường hẹp dọc bờ sông và nhìn thấy từ bến tắm một bà béo tốt, má đỏ hồng, đi lên, lão thoáng nghĩ: “Rõ thật, một con rái cá!” . Cách bến tắm không xa bọn trẻ con đang câu tôm bằng mỗi thớt. Nhìn thấy lão chúng gào lên một cách độc địa: “ Lão Đồng! Lão Đồng!”. A mà cây liễu to lớn, già nua với cái hốc tướng đầy ròi, và trên cây sao mà lấm tởm... Bỗng nhiên trong trí nhớ của lão hiện lên hình ảnh một đứa trẻ tóc vàng, như sống thật, và cả cây liễu mà Marpha đã nói tới. Đúng rồi, nó đây rồi, chính là cây liễu đó – nó vẫn còn xanh, nhưng im lặng và buồn bã... Nó đã già quá rồi, cây liễu khốn khổ!

Lão ngồi dưới gốc cây và bắt đầu nhớ lại. Ở bờ bên kia, nơi hiện đang là cánh đồng cỏ ngập nước, trước đây là một cánh rừng bạch dương bạt ngàn, còn trên quả đồi trọc nổi rõ phía chân trời, ngày xưa là một rừng thông già xanh ngắt ngất. Trên sông xà lan xuôi ngược. Còn bây giờ tất cả bình địa, bằng phẳng, và bên bờ bên kia còn mỗi cây bạch dương non trẻ, cân đối, giống như một cô nương, đứng trơ trọi một mình. Trên sông chỉ thấy ngỗng và vịt, không giống với cảnh xà lan đi lại. Có cảm tưởng khác với ngày xưa, đến ngỗng cũng trở nên ít hơn. Iakov nhắm mắt và trong óc tưởng tượng của lão từng đàn ngỗng lớn nối tiếp nhau bơi qua bơi lại.

Lão không sao hiểu nổi, tại sao lại như thế, tại sao có đến bốn, năm mươi năm lão không ra sông lấy một lần, mà giá có ra tới đây thì chắc gì lão đã để ý tới nó? Vậy mà đây là một con sông thật lớn, hoàn toàn không phải loại vớ vẩn; trên sông có thể lập những khu đánh bắt cá để bán cho đám thương gia, cho những công chức và các hàng ăn ở trên bến và sau đó tiền thu được đem gửi vào nhà băng; có thể dong duổi trên thuyền từ trang ấp này tới trang ấp khác và chơi đàn, mọi người đua nhau mời lão đi biểu diễn và sẽ trả tiền; cũng có thể thử vài chuyến xà lan – làm việc này còn tốt hơn chán vạn nghề đóng quan tài; và cuối cùng, có thể nuôi ngỗng, mổ thịt, tới mùa đông chuyển lên Moskva. Trời đất, mỗi con ngỗng quèn một năm cũng cho tới cả chục rúp. Thế mà lão đã bỏ qua, chẳng làm một việc gì như thế cả. Những

tổn thất mới lớn làm sao! Ôi chao là thiệt hại! Mà nếu như làm tất cả cùng một lúc, cả đánh cá, kéo vĩ cầm, chở xà lan và giết ngỗng, thì sẽ kiếm được bội tiền! Nhưng tất cả những việc đó ngay cả trong mơ lão cũng không nghĩ ra, cuộc đời trôi qua chẳng ích lợi, chẳng vui thú gì, trôi qua vô tích sự, chẳng ra đâu vào đâu; phía trước không còn tương lai, mà ngoái lại đằng sau thì chẳng có gì hết, ngoài những mất mát, những mất mát lớn đến nỗi chỉ nghĩ tới thôi đã thấy ớn lạnh cả người. Mà tại sao con người ta lại không có thể sống như thế nào đó, để khỏi phải chịu những thiệt hại, mất mát nhỉ? Thử hỏi, vì sao người ta lại chặt cả cánh rừng bạch dương và đồi thông đi như thế? Vì sao những bãi thả gia súc quý như vậy lại bị bỏ hoang? Tại sao người ta luôn làm những việc chẳng cần thiết? Vì sao lakov cả đời lúc nào cũng luôn miệng chửi bới, găm gù, xấn xỏ đấm đá, bắt nạt vợ mình? Thử hỏi, cần gì phải dọa nạt, lăng mạ một thằng Do Thái? Vì sao mọi người lại cứ cản trở nhau, không cho nhau sống? Chính điều này gây biết bao tổn thất! Những tổn thất khủng khiếp! Nếu không có sự ganh ghét, đố kỵ và độc ác, mọi người có thể mang lại cho nhau những lợi ích lớn đến nhường nào.

Cả buổi tối và suốt đêm lão toàn mơ thấy đứa trẻ sơ sinh, cây liễu, cá, những con ngỗng bị đập chết, Marpha nhìn nghiêng giống như con chim khát nước, khuôn mặt nhợt nhạt, thảm hại của Rothschild, và những bộ mặt các kiểu từ mọi phía kéo đến nói về sự thiệt hại. Lão trở mình hết bên nọ sang bên kia và năm lần tỉnh dậy để kéo đàn.

Đến sáng lão gắng hết sức đứng dậy để tới bệnh viện. Cũng vẫn Masim Nikolaich yêu cầu đắp khăn lạnh lên đầu, uống thuốc bột, và qua nét mặt cùng giọng nói của viên y tá, lakov hiểu rằng việc của lão đã hỏng và không một thứ thuốc bột nào có thể cứu giúp được. Trên đường về nhà lão nghĩ cái chết chỉ mang lại ích lợi mà thôi: khỏi phải ăn, chẳng cần uống, lại không phải đóng thuế, không làm mếch lòng ai, và bởi vì con người nằm dưới đất không phải một, hai năm, mà hàng trăm, hàng nghìn năm, do đó, nếu tính hết, thì cả một nguồn lợi lớn. Cuộc sống đem lại cho con người sự thiệt thòi,

còn cái chết lại cho nó những lợi lộc. Ý nghĩ này, tất nhiên, có lý, song dù sao nó cũng xúc phạm và thật cay đắng: vì sao lại tồn tại trên đời một trật tự lạ lùng vậy, cuộc sống mà con người chỉ được hưởng một lần duy nhất, lại trôi qua chẳng chút ích lợi gì?

Chết lão không tiếc, nhưng khi về tới nhà, nhìn thấy cây vĩ cầm, tim lão thắt lại và lão bắt đầu thấy tiếc. Cây đàn này không mang xuống mồ được, giờ đây nó sẽ đơn côi và sẽ không tránh khỏi số phận của những cây bạch dương, của rừng thông già. Mọi thứ trên thế giới này đã mất đi và sẽ còn mất nữa! Iakov bước ra, ngồi trên bậc cửa nhà, ôm riết cây đàn vào ngực. Trong khi vẫn nghĩ tới cuộc sống mất mát, chẳng chút lợi lộc, lão bắt đầu kéo đàn, bản thân cũng không hiểu tại sao, nhưng tiếng đàn của lão vang lên rầu rĩ và cảm động. Những giọt nước mắt lăn trên má lão. Và lão càng nghĩ thì tiếng hát của cây đàn càng buồn thảm.

Thanh chốt cửa kẹt lên vài tiếng và Rothschild xuất hiện trong cổng. Nó mạnh bạo đi được nửa sân, nhưng khi nhìn thấy Iakov, đột nhiên nó khựng lại, cả người co quắp, và chắc vì sợ hãi, nó không nói, mà chỉ làm những động tác như thể muốn ra hiệu bằng mấy ngón tay báo giờ cho lão.

– Lại đây, đừng sợ. – Iakov dịu dàng nói và đỡ nó lại gần
– Lại đây nào.

Rothschild nhìn lão ngờ vực, tiến thêm mấy bước và dừng lại cách lão một sazen ^[v].

– Xin bác đừng đánh cháu! – Nó nói, hơi chùng người xuống – Ông Moisêi Ilich lại phái cháu tới mời bác. Ông bảo đừng có sợ, cứ đến nhà ông Iakov và bảo không có bác là không xong. Thứ năm này có một đám cưới... Vâng, phải! Ngài Sapovalov gả con gái cho một người tử tế. Mà đám cưới to lắm nhé, u...u ^[vi]! – Gã Do Thái nói thêm, hấp háy một bên mắt.

– Bác không thể... – Iakov phều phào, thở nặng nhọc – Bác không được khỏe, anh bạn ạ.

Rồi lão tiếp tục kéo đàn, những giọt nước mắt rỏ xuống cây vĩ cầm. Rothschild nghe chăm chú, đứng nghiêng người về phía lão, hai tay khoanh trước ngực. Nỗi sợ hãi, nghi ngại trên nét mặt nó dần dần biến thành nỗi sầu muộn, đau khổ. Nó trợn ngược mắt, dường như đang chịu đựng một khoái cảm đớn đau, thì thào: “Vakhkhkh!..”. Và những giọt nước mắt từ từ chảy dài trên má nó, nhỏ xuống chiếc áo khoác màu lá cây.

Sau đó lakov nằm cả ngày, buồn bã. Đến tối, lúc ông mục sư tới làm lễ rửa tội, hỏi lão có nhớ một tội lỗi nào thật đặc biệt mà lão đã mắc phải lúc sinh thời. lakov cố căng cái trí não đã trở nên yếu ớt, chợt nhớ lại khuôn mặt bất hạnh của Marpha, tiếng hét tuyệt vọng của thằng Do Thái bị chó cắn, lão thều thào:

- Cây vĩ cầm cho thằng Rothschild.

- Được rồi. - Ông mục sư đáp.

Hiện cả thành phố đều thắc mắc không biết thằng Rothschild kiếm đâu ra cây vĩ cầm tốt thế? Nó mua hay đánh cắp được, cũng có thể nó kiếm được từ hiệu cầm đồ? Nó đã bỏ ống sáo từ lâu, và hiện giờ chỉ kéo vĩ cầm. Dưới cần đàn tuôn chảy những âm thanh nào nùng giống như những âm thanh của cây sáo trước đây, nhưng khi nó thử chơi lại những gì mà lakov đã chơi lúc ngồi ở bậc cửa, thì tiếng đàn của nó u sầu, thê lương tới mức khiến tất cả những người nghe đều phải khóc. Cả bản thân nó, cuối cùng thể nào nó cũng trợn ngược mắt và thều thào: “Vakhkhkh!”. Bài hát mới đó được người ta ưa thích đến nỗi những thương gia và các viên chức giành giật nhau mời Rothschild về nhà và bắt nó chơi đi chơi lại cả chục lần liền.

Đào Tuấn Ảnh dịch từ nguyên bản tiếng Nga

DẤU CHẤM THAN

Đây là một trong những truyện ngắn ở giai đoạn sáng tác đầu tiên của A. Chekhov, lần đầu tiên được dịch ra tiếng Việt. Xin trân trọng giới thiệu với bạn đọc.

Yefim Formich Perekladin, một viên chức khả kính đi nằm với một tâm trạng vô cùng bức tức, thậm chí ông như phát khùng lên khi vợ ông hỏi có chuyện gì mà lại khó chịu đến vậy, ông gầm lên, hét thẳng vào mặt vợ: “Giời ạ, đừng có mà âm lên như thế, đồ quỷ già!”.

Sự thế là ông vừa mới trở về từ một buổi tiệc ồn ào mà ở đó, mọi chuyện cứ như chỉ nhằm vào có mỗi một mình ông, làm ông vô cùng ảm ức mà chẳng thể làm gì!

Lúc đầu, họ ngồi với nhau trò chuyện chung chung về vấn đề giáo dục. Nhưng dần dần họ chuyển sang bàn tán về chất lượng đào tạo của các viên chức hành chính trong bộ, mà cũng như ông, chẳng được bài bản cho lắm. Từ đó, họ đưa ra những nhận xét châm chọc, mỉa mai, rồi họ cười khẩy đầy vẻ chế nhạo. Thế rồi, vẫn như người Nga thường làm khi nói chuyện về những chủ đề như vậy, họ mào đầu bằng những chuyện vô thưởng vô phạt để rồi ngay sau đó nhằm thẳng ngay vào một cá nhân cụ thể!

Một anh trẻ tuổi quay sang Yefim Formich Perekladin nói: “Còn bác thì sao, bác Yefim Formich Perekladin? Bác đúng là một ví dụ đấy, bác cũng giữ một vị trí kha khá đấy chứ, phải không nào? Một vị trí cũng khá quan trọng đúng không? Nhưng bằng cấp của bác thì sao nhỉ?”. “Ồ, không nhiều!” – ông trả lời cộc lốc – “Nhưng cậu biết đấy, chúng tôi đâu có cần bằng này bằng nọ, công việc của chúng tôi là làm sao viết cho đúng chính tả là được, chỉ cần có thế!”. “Nhưng ở đâu dạy cho bác viết đúng chính tả, viết đúng ngữ pháp nào?” – anh trẻ tiếp tục. “Ồ, cậu biết đấy, tôi vẫn học theo cách thông thường ấy mà, sau bốn mươi năm làm một công việc gì đó thì

chính cậu cũng sẽ trở thành một chuyên gia ngay thôi mà! Dĩ nhiên, lúc đầu cũng sẽ có khó khăn đấy, tôi cũng vậy, nhưng sau đó thì sẽ tìm ra một bí quyết nào đó, ai chả thế!” – ông đáp. “Thế bác sử dụng dấu chấm câu như thế nào?” – anh trẻ hỏi. “Dấu chấm câu ư? Chẳng có vấn đề gì cả, tôi dùng chúng một cách thuần thục!”. “Hừ...” – anh trẻ tuổi im lặng một lát rồi tiếp tục – “Nhưng làm mãi mới tìm ra một cách nào đó thì không phải do bằng cấp đúng không nào! Bác có thể chấm các dấu chấm câu rất đúng chỗ nhưng thế thì chưa đủ, bác phải hiểu tại sao bác lại làm như vậy. Nếu bác muốn đánh một dấu phẩy thì chí ít bác cũng phải biết tại sao lại là dấu phẩy mà không phải một dấu nào khác. Thưa bác, việc đánh dấu với bác chỉ là bản năng, chỉ là thói quen không hơn không kém, còn đâu là nguyên tắc của nó thì... đó chỉ là một hành động máy móc, bản năng!”.

Yefim Formich Perekladin chẳng nói được câu nào, cố mở ra một nụ cười gượng gạo (bởi vì anh trẻ lại là con trai một của một vị kha khá trong bộ, và chính anh cũng đang giữ một vị trí chắc chắn trong bộ giáo dục!). Nhưng giờ đây, khi đã về nhà mình, càng cố ngủ thì ông lại càng ấm ức, trần trọc mà không tài nào ngủ được. “Mình đã làm việc được bốn mươi năm” – ông nghĩ – “Cho đến giờ vẫn chưa ai bảo mình là người ngốc ngếch, thế mà cái thằng nhóc này lại dám bảo mình như vậy, mình mà lại chỉ làm theo thói quen ư? Chỉ là “phản ứng có điều kiện”, là “hành động máy móc” thôi ư? Ôi! Quỷ tha ma bắt anh đi! Đồ trứng khôn hơn vịt!... Tôi biết những điều tôi làm hơn anh chứ, rõ ràng là như vậy mặc dù tôi chưa bao giờ thềm học ở cái trường chính quy của anh cả!”.

Giờ đây, trong hơi ấm của chăn bông và sau khi đã rửa thậm cái anh chàng trẻ tuổi thích xoi mói bằng những lời lẽ thậm tệ nhất mà ông biết, ông cũng thấy hả giận phần nào và thấy như dễ chịu hơn. Ông vừa nghĩ ngợi vừa lẩm bẫm trong khi đã cảm thấy buồn ngủ: “Tôi biết... tôi hiểu chứ... tôi không bao giờ đặt một dấu hai chấm ở chỗ của dấu phẩy, đúng không nào... Vì thế là tôi biết tôi đang làm gì chứ! Còn

anh đấy, anh bạn trẻ, hãy cứ làm đi... Hãy cứ sống thêm một ít nữa đi rồi anh sẽ tha hồ mà cạnh khỏe lão già này...!”.

Ông thấy bay ngang qua đôi mắt nhắm nghiền của mình trong bóng tối những cái dấu phẩy và cả những cái cười mỉa mai bay chập chờn trong một đám mây bụi, chúng lóe sáng như những vệt sao băng rồi bốc cháy. Cái thứ nhất... cái thứ hai... cứ thế hiện ra vô số những chiếc dấu phẩy nhấp nháy nhấp nháy, chập chờn bay lượn... “Cút hết đi, đồ chết tiệt”, Yefim Formich Perekladin rửa thầm trong đầu khi ông cảm thấy tay chân trở nên nặng nề, ông sắp chìm vào một giấc ngủ mỗi mệ... “Tôi biết quá đi chứ về những con dấu... Tôi biết quá rõ về những con dấu... Tôi sẽ nói cho anh rõ các con dấu khác nhau chỗ nào nếu anh muốn, tôi biết mình đang làm gì chứ chẳng phải ngẫu nhiên mà làm đâu! Kiểm tra đi, rồi anh sẽ thấy!.. Này nhé... Dấu phẩy được đặt ở nhiều chỗ khác nhau, đôi khi chúng cần thiết, đôi khi không. Một tài liệu mà càng phức tạp thì anh lại phải dùng đến chúng càng nhiều. Chúng luôn đứng trước các đại từ chỉ định những khi ta không muốn nhắc lại trong câu những chữ như: “cái mà”, “người mà”... và nếu anh có một danh sách các quan chức cần phải kể ra thì anh phải phân biệt người này với người kia bằng những dấu phẩy... Tôi biết rõ như vậy đấy!”.

Lại một con dấu phẩy vàng rực, hiện ra lượn lờ xoay tít rồi lại biến mất nhưng ngay lập tức, một con dấu chấm câu sáng lấp lánh hiện ngay ra... “Dấu chấm câu ư?... Anh phải đặt nó vào khi muốn kết thúc hoặc muốn một khoảng thời gian ngắn để ngừng lại lấy hơi và ngược lên nhìn vào những người đang nghe anh đọc. Sau tất cả các đoạn dài dài một tí, anh cũng phải dùng một dấu chấm, để khi cô thư ký đọc, cô ta sẽ không bị hụt hơi và nói lắp! Đấy, cách dùng dấu chấm câu chỉ đơn giản có thế!”.

Những dấu phẩy như mạ vàng lại xuất hiện trở lại, chúng nhập vào với những dấu chấm rồi xoay tít mù, chập chờn, chập chờn... rồi sau đó Yefim Formich Perekladin lại nhìn thấy một lũ những dấu chấm phẩy và dấu hai chấm... “Tôi biết rõ những con dấu này.” – ông nghĩ – “Khi mà dấu phẩy không

thể dùng được mà dấu chấm đã quá nhiều thì người ta sẽ dùng đến dấu chấm phẩy, mình luôn đặt dấu chấm phẩy trước “nhưng” và “vì thế”. Còn dấu hai chấm thì sao? Thì chúng luôn được đặt trước những từ đại loại như một quyết định hay một mệnh lệnh nào đó...”. Những dấu chấm phẩy và hai chấm nhạt dần rồi hiện ra một loạt các dấu chấm hỏi. Chúng như thoát ra khỏi bóng tối và cứ như đang nhảy theo điệu cancan của người Pháp.

“Nào, bây giờ đến dấu hỏi chấm đây, có hàng nghìn dấu hỏi chấm chứ gì? Được rồi, ta sẽ tìm ra chỗ đứng cho chúng mày. Người ta thường đặt chúng vào cuối những câu hỏi hoặc yêu cầu gì đó ví dụ như: “Trong quỹ của bộ còn bao nhiêu tiền?” hoặc “Bên công an chắc sẽ không tìm ra đâu nhỉ?”, còn khi mà các dấu chấm hỏi đứng thẳng lên trong trường hợp dùng cho các câu có tính chất phê chuẩn hoặc mệnh lệnh thì chúng lại trở thành các dấu chấm than... Hừ... Bây giờ đến cái dấu luôn được dùng khi bắt đầu những lá thư, khi “Kính thưa ngài!” hoặc khi “Thưa đức ông cao quý, người đỡ đầu của tôi!”... Nhưng đối với một bản báo cáo thì sao nhỉ? Dấu chấm than thường đứng cao hơn so với các con chữ, chúng có tính chất chờ đợi, mong chờ một điều gì đó xảy ra... Trong một báo cáo, chúng được dùng khi... khi mà... khi nào nhỉ???... Khi... thực ra là... khi nào nhỉ... xem nào, nghĩ một tí xem nào... Hừ!...”.

Yefim Formich Perekladin trở mình, mở mắt ra, nhưng khi vừa mới nhắm mắt lại thì những chiếc dấu chấm than lại hiện ngay ra trong bóng tối rõ mồn một. “Ôi quỷ tha ma bắt chúng đi! Mà khi nào thì dùng dấu chấm than nhỉ?” – ông tự hỏi rồi cố quên đi những vị khách không mời mà đến đang lờn vờn trong đầu. “Có phải mình đã thực sự quên cách dùng dấu chấm than không nhỉ? Hay là mình chưa bao giờ phải dùng đến chúng cả?”.

Yefim Formich Perekladin cố nhớ lại tất cả các báo cáo mà mình đã viết trong suốt 40 năm qua ở công sở. Nhưng càng suy nghĩ, cân nhắc, ông lại càng không tìm ra câu trả lời thỏa đáng. Ông không thể nào tìm ra một lần nào trong suốt

thời gian qua đã dùng đến dấu chấm than cả. “Hãy tưởng tượng xem, một nhân viên hành chính sự nghiệp mà trong suốt bốn mươi năm phục vụ chưa một lần dùng đến dấu chấm than! Chúng biến đi đâu hết cả nhỉ, cái con quỷ gầy gò dài ngoằng ấy!”.

Từ phía sau hàng dấu chấm than nhấp nháy như lửa cháy ấy lấp ló bộ mặt của cái anh trẻ tuổi, khuôn mặt ấy như đang cười cợt một cách đầy ác cảm và đắc thắng, những cái dấu cũng như cười cợt theo rồi chúng họp nhau lại thành một cái dấu chấm than to đùng trong bóng tối. Yefim Formich Perekladin lắc đầu rồi mở mắt ra. “Ôi đồ quỷ sứ.” – ông nghĩ – “Mình phải dậy thật sớm ngày mai mà những điều đáng nguyên rủa này lại không để mình yên, cứ bám riết lấy mình... Đồ chết tiệt!”.

“Nhưng chúng biến đi đâu được nhỉ, suốt bao năm làm việc mới rút ra được kinh nghiệm mà bỗng dưng với cái dấu chấm than này mình lại trở thành người vỡ nợ, một kẻ ngã ngựa giữa đường! Bốn mươi năm mà chưa một lần dùng dấu chấm than, thật kỳ lạ!”.

Yefim Formich Perekladin làm dấu, nhắm mắt lại rồi lại mở ngay ra nhưng cái dấu chấm than to tướng đó vẫn hiện ra rõ mồn một. “Sao thế, không ngủ được à?” – Mafusa, vợ ông hỏi. “Đúng rồi, thử hỏi bà ấy xem!” – ông quay sang phía vợ – “Bà ấy vẫn luôn luôn khoe khoang là học sinh của một trường nổi tiếng dành cho nữ sinh cơ mà”. Ông liền hỏi: “Bà nó này, bà có biết là dấu chấm than được dùng như thế nào không?”. “Tất nhiên rồi” – bà trả lời. “Thế ông nghĩ là tôi đã bỏ phí bảy năm để học trong một trường chuyên à! Tôi thuộc lòng cách dùng của tất cả các loại dấu, dấu chấm than thì dùng cho những câu cảm thán, chào hỏi, sự bột phát, bùng nổ, khi vui sướng thích thú hoặc tức giận và những cảm giác đại loại như thế”. “Vậy à...” – Yefim Formich Perekladin nghĩ ngợi.... “Vui sướng, giận hờn hoặc những cảm giác đại loại như thế...”.

Yefim Formich Perekladin lại chìm vào suy nghĩ... “Trong bốn mươi năm qua mình đã từng viết báo cáo, hàng nghìn, hàng chục nghìn cái báo cáo nhưng không thể nhớ lại một

dòng nào có cái tâm trạng đại loại như vui sướng, giận dữ hoặc tâm trạng tương tự như vậy trong các báo cáo của mình cả!... “Và những tâm trạng đại loại như vậy...” – ông phân vân, tự hỏi: “Nhưng có cần tâm trạng, cảm xúc gì không trong công việc của một viên chức thư ký hành chính như mình? Thật ra viết báo cáo thì chẳng cần có cảm xúc gì với chúng đâu!”.

Khuôn mặt khó chịu của cái anh trẻ lại lộ ra, thập thò hé nhìn từ phía sau cái dấu chấm than đỏ rực ấy, cười cười như thương hại... Yefim Formich Perekladin ngồi dậy, cảm thấy đầu đau như búa bổ, mồ hôi rịn ra trên trán... ngọn đèn nhỏ mập mờ, le lói... vẫn những đồ đạc được xếp đặt ngăn nắp, sạch sẽ và luôn bóng bẩy vì luôn được một bàn tay phụ nữ mềm mại dịu dàng chăm sóc. Nhưng Yefim Formich Perekladin, viên chức hành chính sự nghiệp mẫn cán vẫn cảm thấy ảm đạm, lạnh lẽo cứ như là người đang lên cơn sốt phát ban làm ông mệt mỏi, chán chường!

Cái dấu chấm than không còn ở trong bóng tối, phía sau mí mắt ông nữa mà như hiện ra hẳn trước mắt ông, gần ngay bàn trang điểm của vợ ông luôn nhấp nháy, nhấp nháy một cách ác độc. “Một cái máy viết”, nó lằm rằm y như một con ma, “một cái máy viết” rồi như thở ra một luồng hơi lạnh lẽo bao trùm lên ông: “Một tên làm khoán cục mịch đần độn”. Ông liền kéo cái chăn trùm kín mít lên đầu nhưng cái con ma chết tiệt ấy vẫn chẳng chịu rời. Ông úp mặt vào vai vợ nhưng cái bóng ma quái ác vẫn không chịu biến mất mà lại hiện ra ngay trước mắt ông phía bên kia vai bà Mafusa.

Thế là suốt cả đêm Yefim Formich Perekladin tội nghiệp bị những bóng ma con dấu ám ảnh. Thậm chí cả lúc ban ngày những bóng ma ấy cũng không chịu rời khỏi ông. Ông thấy chúng ở khắp mọi nơi, ở trong giày khi ông xỏ giày, ở trong chén trà khi ông uống nhằm tỉnh táo hơn, thậm chí cả trên chiếc huy chương đeo lủng lẳng trên ngực áo ông. “Những cảm xúc tương tự...” – ông nghĩ – “Sự thật là như vậy, mình không có cảm xúc, mình sẽ đến để nói với ông giám đốc. Nhưng ông ta biết làm gì đây với những cảm xúc? Không,

chẳng để làm gì cả, ông ta cũng chỉ là một cái máy. Một viên chức máy!”.

Khi Yefim Formich Perekladin đi ra đến đường, gọi một anh đánh xe, trông anh ta cũng như một chiếc dẫu chấm than đang đánh xe vậy, cả cái anh vẫn đứng gác ở cổng lối ra vào phòng ông giám đốc nữa, cũng giống y một cái dẫu chấm than nốt... Tất cả như đang thể hiện với ông về niềm vui, tức giận và cả căm hờn... Cả cái cán bút và cái ngòi bút của ông trông cũng y xì như một cái dẫu chấm than! Yefim Formich Perekladin cầm nó lên, hờ hững viết ra cái tên và chức danh của mình: “Yefim Formich Perekladin, thư ký bộ giáo dục!!!”. Khi ông đánh ba dẫu chấm than ấy, trong ông dâng lên một cảm xúc thật kỳ lạ, vừa vui vẻ, vừa tức giận lại như vừa có chút gì như sung sướng trào lên trong lòng.

“Đây! Hãy giữ lấy, giữ lấy!” – ông lầm bầm, nhấn mạnh vào cây bút trong tay ông. Cái dẫu chấm than đỏ rực như đã mãn nguyện vụt biến mất.

1885

Thái Đức Khải dịch từ bản tiếng Anh

ĐIỀU THỞ THAN

LỜI GIỚI THIỆU CỦA DỊCH GIẢ:

Anton Chekhov (1860–1904), nhà viết kịch và bậc thầy truyện ngắn người Nga, tốt nghiệp khoa y Đại học Moscow năm 1884 nhưng nuôi gia đình bằng nghề viết văn và viết báo. Đến 1888 ông mới xuất hiện trên một tạp chí văn học uy tín với truyện vừa Step (Thảo nguyên).

Trong thập niên 1890, ông viết Ostrov Sakhalin (1893–94; Đảo Sakhalin) về chế độ lao tù Nga hoàng, và nhiều vở kịch như Dyadya Vanya (1897; Cậu Vanya), Yubiley (1891; Sinh nhật). Năm 1892, ông mua một điền trang ở Melikhovo, tại đây ông viết những truyện ngắn xuất sắc nhất của mình như Chorny Monakh (1894, Tu sĩ đen), Ubiystvo (1895; Án mạng), Muzhiki (1897; Những nông dân)... gây nhiều tiếng vang trong văn giới. Giai đoạn này ông theo chủ thuyết của L. Tolstoy (sống đơn sơ và không chống lại cái ác) nhưng rồi ông từ bỏ tư tưởng ấy qua một loạt truyện ngắn khác, như Palata No. 6 (1892; Phòng số 6), Chayka (1897; viết lại năm 1904; Hải âu). Hai vở kịch cuối cùng của ông là Tri sestry (1901, Ba chị em) và Vishnyovy sad (1904; Vườn anh đào) viết cho Nhà hát Moscow.

Tuy được tôn xưng ở Nga nhưng ông chỉ nổi tiếng thế giới sau Thế chiến 1, khi các tác phẩm của ông được dịch sang tiếng Anh và các ngôn ngữ khác. Tác phẩm của ông thường đơn giản, ngắn gọn, có thể xuất phát từ những sự kiện rất nhỏ nhặt, nhưng có nội dung xã hội sâu sắc luôn khiến người đọc dễ dàng rút ra những nhận định triết học và xã hội. Do đó, truyện của ông dễ đọc, dễ cảm, khác hẳn bút pháp “tảng băng trôi” của E. Hemingway trong đó phần chìm nhiều hơn phần nổi. Đó cũng là lý do khiến truyện của ông giảm đi sức quyến rũ đối với thế hệ độc giả hiện đại.

Trời nhá nhem tối. Tuyết ướt át dây đặc bay cuồng quanh những ngọn đèn đường mới thấp, và đóng thành những lớp mỏng xốp trên mái nhà, trên lưng ngựa, trên vai và nón người. Bác phu xe Iona Potapov đã trắng xóa cả người và trông cứ như một bóng ma; lão ta gập đôi người đến hết cỡ mà thân người có thể gập lại; lão đang ngồi trong chỗ điều khiển ngựa; chẳng cử động gì. Nếu có cả cơn bão tuyết đổ ập lên người, thì có vẻ như lão cũng không thấy là cần phải rũ tuyết đi. Con ngựa nhỏ thó của lão cũng trắng xóa, và cũng đứng bất động; sự bất động của nó, dáng gầy gò của nó, và những cái chân thẳng đơ như bằng gỗ, dù nhìn kỹ, cũng khiến nó có vẻ như một con ngựa rẻ tiền chỉ đáng một đồng kopek (xu). Rõ ràng nó cũng chìm vào suy tư. Nếu bạn bị lôi khỏi bấp cày, khỏi khung cảnh xám nhờ quen thuộc, rồi bị quăng vào cái chốn ướt át này đầy những ánh đèn ma quái, tiếng ồn bất tận và những con người tất tả, hẳn bạn cũng thấy không thể không ngẫm nghĩ.

Iona và con ngựa nhỏ bé của lão không rời khỏi chỗ đó suốt một lúc lâu. Họ rời bãi ngựa trước giờ ăn tối, và cho đến tận lúc này chẳng có được một người khách. Sương đêm đang phủ xuống thành phố, nguồn ánh sáng của những ngọn đèn thay thế những tia nắng, và tiếng ồn trên phố âm ỉ hơn. “Đi Viborg!” Đột nhiên Iona nghe. “Phu xe!”

Iona bật dậy, và qua hàng mi bám tuyết lão trông thấy một viên chức mặc áo khoác với tấm trùm đầu đã kéo lên phủ kín.

“Phố Viborg!” – ngài viên chức lập lại – “Còn ngủ hả? Phố Viborg!”

Với cái gạt đầu hiểu ý Iona kéo dây cương lên làm những lớp tuyết trên cổ và lưng con ngựa rơi tuột xuống. Viên chức ngồi vào ghế, lão đánh xe liếm môi để kích lệ con ngựa, vươn cổ ra như một con thiên nga, ngồi thẳng dậy, và, do thói quen hơn là cần thiết, vung roi lên. Con ngựa nhỏ bé cũng rướn cổ, co duỗi những cái chân trông như bằng gỗ, và nhúc nhích một cách lưỡng lự.

“Làm cái gì đó, đồ ma sói!” – Iona nghe quát lên từ cái khối đen thui đang di chuyển tới lui ngay khi cỗ xe chuyển động.

“Lão đi cái lối ma quỷ nào đó? Qua bên phải-ả-i!”.

“Ông không biết đánh xe sao? Giữ lề phải!” – ngài viên chức kêu lên giận dữ.

Một tay đánh xe ngựa gia đình mắng vào mặt lão; một khách bộ hành, vừa chạy băng qua đường và chạm sọt vai vào con ngựa, nhìn lên lão một cách tức giận trong khi phủ tuyết bám trên tay áo. Iona nhấp nhồm trên ghế cứ như đang ngồi trên những cây kim, quơ quơ hai cùi chỏ như đang cố giữ thăng bằng, và há hốc miệng nhìn quanh như một kẻ đang bị bóp cổ, không hiểu tại sao mình ở đây.

“Đúng là một lũ vô lại!” – ngài viên chức nói đùa – “Trông cứ như tất cả bọn họ đã hè nhau xô vào ông hay ngã bổ xuống chân ngựa của ông.”

Iona quay nhìn ngài viên chức và mấp máy môi. Rõ ràng lão muốn nói gì đó, nhưng chỉ phát ra mỗi một âm thanh khụt khịt.

“Cái gì?” – ngài viên chức hỏi.

Iona nhăn nhó một nụ cười, và bằng một nỗ lực lão nói với giọng khàn khàn:

“Con trai tôi, thưa ngài, mới chết tuần này”.

“Hừm! Chết vì cái gì vậy?”.

Iona quay hẳn người lại phía người khách và nói:

“Ai mà biết được! Họ bảo là sốt cao. Nó nằm ba ngày trong nhà thương, rồi chết... Ý Chúa muốn thôi”.

“Queo đi! Đồ ma!” – có tiếng quát trong bóng tối – “Chết rấp rồi hả, chó già? Mở mắt ra đi chứ!”.

“Tới đi, tới đi,” – ngài viên chức kêu – “nếu không thì đến mai vẫn chưa tới nơi. Nhanh lên một tí!”

Lão đánh xe lại vươn cổ ra, thẳng lưng lên, rồi, với dáng điệu khó coi, lão vung vút cây roi lên. Một đôi lần lão quay lại nhìn người khách, nhưng ông ta đã nhắm mắt lại và rõ ràng chẳng muốn nghe gì cả. Sau khi thả người khách xuống phố Viborg, lão đậu xe ngoài một quán rượu, gặp đôi người trên

ghế và lại bất động, trong khi một lần nữa tuyết lại khởi sự phủ lên người lão và con ngựa. Một giờ, và một giờ nữa... Rồi, dọc theo lối đi, với tiếng ửng cao su cọt két và tiếng cũi cọ, xuất hiện ba thanh niên, hai đứa gầy và cao, đứa thứ ba thấp và lưng gù.

“Xe, đi cầu Police!” – gã lưng gù kêu lên với giọng bức bối – “Ba đứa hai hào!”.

Iona nhắc dây cương lên, và liếm môi. Hai hào là giá chẳng ngon lành gì, nhưng lão chẳng quan tâm chuyện đó là một đồng hay năm xu – với lão bây giờ thì tất cả cũng như nhau, miễn đó là tiền xe. Những thanh niên, xô đẩy nhau và ăn nói tục tĩu, họ tiến lại chiếc xe, và cả ba lập tức chen vào chỗ ngồi; rồi bắt đầu cãi cọ xem hai đứa nào sẽ ngồi và đứa nào phải đứng. Sau cuộc tranh cãi chửi rủa lẫn nhau, với rất nhiều câu gắt, cuối cùng họ quyết định rằng gã gù sẽ phải đứng, vì gã nhỏ con nhất.

“Nào, nhanh lên!” – gã gù nói với giọng oang oang khi bước vào chỗ của mình và thở vào cổ Iona – “Già râu! Ê, nè, ông có cái mũ gì quái thế! Tìm cả Peterburg này cũng chẳng thấy cái nào tệ hơn!...”.

“He-he! He-he!” – Iona cười hềnh hệch – “Thật là...”.

“Này lão “thật là”, lệ lên, ông tính đi cả cuộc xe theo cái kiểu này hả? Phải không?... Ông muốn lãnh một cú vào gáy không?”.

“Đầu tao như muốn nổ tung.” – một tên cao kều trong bọn nói – “Tối hôm qua ở chỗ Donkmasov, Vaska với tao uống sạch cả bốn chai cognac”.

“Tao không hiểu mày khoác lác làm gì!” – tên cao kều kia nói – “Mày nói láo như quỷ.”

“Chúa phạt tao đi, chuyện đó thật mà!”.

“Thì cũng thật như chuyện rận biết ho vậy mà!”.

“He-he...” – Iona nhăn nhó cười – “Mấy cậu này vui thật!”

“Phù, quỷ bắt lão đi!” – gã gù cau có nói.

“Ông có tính đánh xe hay là không đó, lão già dịch? Đánh xe kiểu vậy hả? Xài cái roi một chút coi! Nào, đồ quỷ, nào, quất cho nó vài cái coi!”.

Iona cảm thấy ở lưng mình gã trai nhỏ thó đó đang vặn vẹo người, và kiêu run rẩy trong giọng nói của ỹ. Lão lắng nghe những lời mắng mỏ, nhìn những con người quanh đó, và từ từ vui dần cảm giác cô đơn. Gã gù cứ tiếp tục rửa xả cho đến khi vướng vào một câu rửa độc địa nào đó, hay chết ngạt vì ho. Hai tên cao kều bắt đầu nói chuyện về một cô Nadejda Petrovna họ. Iona vài lần ngoảnh lại nhìn họ; lão chờ lúc họ ngớt chuyện, rồi quay người lại, lão lẩm bẩm:

– Con trai tôi... mới chết tuần này.

“Người ta ai chẳng chết” – gã gù thở hắt ra, chùi miệng sau một cơn ho dữ dội – “Thôi, ẹ lên, ẹ lên! Quý ngài ạ, tao thực sự không thể đi tới đâu theo cái kiêu này! Chừng nào lão mới đưa mình tới nơi?”.

“Mày kích vào cổ lão một tí đi!”.

“Lão già thối, nghe chưa, tôi lóc xương cổ lão bây giờ! Cứ đối xử tử tế với bọn người như lão thì chắc người ta phải đi bộ hết. Nghe chưa, đồ rắn già Gorinytch! Hay có nhổ vào đầu thì lão cũng cóc cần?”.

Iona nghe thấy hơn là cảm thấy những cú đấm họ dành cho lão.

“He-he” – lão cười – “Bọn thanh niên này vui thật. Chúa thương chúng mày!”.

“Nè phu xe, lão có vợ chưa?” – một tên cao kều hỏi.

“Tôi hả? He-he, các cậu trai vui tính! Bây giờ tôi chỉ còn một mụn vợ với nắm đất ẩm... Hê, hô, hô... tức là, nắm mộ. Con trai tôi chết rồi, còn tôi thì sống... Một điều kỳ lạ, thần chết vào nhầm cửa... Thay vì bắt tôi thì nó lại bắt con trai tôi...”.

Iona quay lại để nói cho họ nghe con trai lão đã chết thế nào, nhưng ngay lúc đó, gã gù thở ra và thông báo: “Tạ ơn Chúa, sau cùng ta cũng đến nơi,” và Iona nhìn theo bọn họ khuất vào khung cổng tối đen. Lần nữa lão còn lại một mình, và lại chìm trong im lặng... Nỗi buồn của lão, vừa dịu được một lát, giờ đã trở lại và dày vò con tim lão dữ dội hơn. Với tia nhìn bồn chồn và sốt ruột, lão tìm trong đám đông qua lại hai bên đường để tìm xem có ai chịu nghe lão nói không. Nhưng

đám đông vội vã đi qua không buồn để ý đến lão hay tâm sự của lão. Mà đó lại là một nỗi buồn lớn lao bất tận. Nếu như tim lão vỡ tan và nỗi buồn tuôn ra, thì nó sẽ tràn khắp trái đất, có lẽ thế, vậy mà chẳng ai thấy cả. Nó đã xoay xở ẩn náu trong một lớp vỏ tầm thường đến độ không ai có thể trông thấy ngay cả lúc ban ngày và với một ngọn đèn.

Iona trông thấy một anh gác cửa đang lúi húi làm gì đó, và quyết định bắt chuyện với anh ta.

“Anh bạn, giờ này cỡ mấy giờ rồi nhỉ?” – lão hỏi.

“Hơn chín giờ. Ông đậu ở đây làm gì? Đi đi!”.

Iona chuyển tới trước vài bước, gập người lại và buông mình cho nỗi buồn. Lão thấy kêu cầu ai đó giúp đỡ quả là vô ích. Chưa được năm phút, lão đã thẳng người dậy, ngẩng cao đầu cứ như vừa cảm thấy một cơn đau dữ dội nào đó, và giật cương ngựa; lão không chịu nổi nữa. “Về bãi thôi,” lão nghĩ, và con ngựa nhỏ làm như thấu hiểu, cất bước vào nước kiệu.

Một giờ rưỡi sau Iona đã ngồi cạnh một bếp lò bần thủ. Quanh lò, trên sàn, trên các băng ghế, đầy những người đang ngáy pho pho; không khí đặc quánh và nóng đến ngộp thở. Iona nhìn những người đang ngủ, gãi gãi trên người, và thấy tiếc vì đã về sớm như thế.

“Mình kiếm chưa đủ tiền rơm cho ngựa.” – lão nghĩ – “Rắc rối của mình là chỗ đó. Một người biết việc mình làm, kiếm đủ ăn cho mình và cho ngựa, thì lúc nào cũng ngủ được yên giấc”.

Một anh phu xe trẻ ở trong góc lơ mơ thức dậy, âm ừ ngái ngủ, và thò tay về phía xô nước.

“Muốn uống nước hả?” – Iona hỏi.

“Bộ tôi không biết khát sao?”.

“Thế à? Cứ khỏe đi! Mà nghe nè, anh bạn, anh biết không, con trai tôi chết rồi... Anh nghe không? Mới tuần này, trong nhà thương... Chuyện nó dài lắm”.

a nhìn xem lời nói của mình có tác động gì không, nhưng chẳng thấy gì cả – gã thanh niên đã dúm mặt xuống và say ngủ trở lại. Ông già thở dài và lại gãi đầu. Cũng như gã thanh niên muốn uống nước, lão cũng muốn nói chuyện. Nay mai là con

lão chết được một tuần rồi, mà lão vẫn chưa thể nói hết đầu đuôi chuyện này với bất cứ ai. Người ta phải kể chuyện này một cách chậm rãi và chi tiết; con lão bệnh thế nào, nó đau đớn ra sao, nó nói gì trước khi chết, rồi chết như thế nào. Ta phải tả tỉ mỉ chi tiết của lễ tang, rồi chuyển trở lại nhà thương để lấy quần áo của nó. Con gái lão, Anissia, vẫn ở dưới quê – mình cũng phải nói về nó nữa. Bộ lão chẳng có gì để kể sao? Chắc chắn người nghe sẽ há hốc mồm và thở dài, rồi thông cảm với lão sao? Tốt hơn là nói chuyện với đàn bà; tuy họ gốc nghềch, chỉ hai chữ là đủ cho họ bật khóc.

“Mình phải đi chăm con ngựa.” – lão nghĩ – “Có khối giờ để ngủ. Chẳng sợ gì chuyện đó!”.

Lão mặc áo khoác và đi ra chuồng ngựa; lão nghĩ đến bắp, cỏ khô và thời tiết. Khi chỉ có một mình, lão không dám nghĩ về đứa con; lão có thể nói về nó với bất cứ ai, nhưng nghĩ về nó, mừng tượng ra hình ảnh nó, quả là đau đớn không chịu nổi.

“Mày ăn ngon không?” – Iona hỏi con ngựa, nhìn vào đôi mắt sáng của nó – “Nào, ăn đi, dù mình kiếm không được bắp thì mình vẫn có thể ăn cỏ khô. Phải! Tao già quá không đánh xe nổi nữa – con trai tao thì được, tao thì không. Nó là phu xe nhất hạng. Giá như nó còn sống!”.

Iona im lặng một lát, rồi tiếp:

“Chuyện vậy đó, ngựa già ạ. Không còn thằng Kuzma Ionitch nữa. Nó đã bỏ bọn mình ở lại sống, còn nó thì chết. Nói giả tử, mày có một chú ngựa con, còn mày là ngựa mẹ, rồi bất ngờ, giả tử, con mày chết để mày ở lại sống một mình. Thật là buồn, phải không?”.

Con ngựa nhỏ nhai nhai, lắng nghe, và thở vào bàn tay của ông chủ...

Iona không ngăn nổi những cảm xúc nữa, và lão kể lại toàn câu chuyện cho con ngựa nhỏ nghe.

Phạm Viêm Phương dịch

ĐỊNH NGHĨA TÌNH YÊU

Câu chuyện này được phỏng dịch theo truyện ngắn "Concerning Love" của nhà văn Anton Tchekhov. Ông đã viết rất nhiều chuyện như là "The Seagull" "Uncle Vanya"... Ngoài ra ông cũng viết những chuyện ngắn như "The black monk and other stories" "Lady with the dog and other stories"... Ông được xem như là một thiên tài trong lĩnh vực truyện ngắn.

Trần Thanh Tùng

Buổi ăn trưa ngày hôm sau họ được thưởng thức những món ăn ngon như tôm tích, bánh mì salad... Trong khi đang dùng bữa thì ông Ninh, người đầu bếp, đi lên cầu thang và hỏi họ muốn dùng gì cho bữa chiều. Ông ta là một người có kích thước trung bình, má phệ và mắt hí. Bộ râu được cạo nhẵn cáo chỉ. Hàm râu như bị nhổ từng sợi một thay vì cạo.

Kim bắt đầu kể cho những người khách biết là cô Nga đã thương ông đầu bếp này. Nhưng dù sao cô nàng vẫn không chịu lấy ông ta vì ông ta là một người say rượu và hay gở. Tuy vậy, cô sẵn sàng đồng ý để "sống chung với ông". Ngược lại, ông ta là một người đạo đức, đạo của ông không cho phép ông "chỉ sống chung với nàng." Một là cô nàng cưới ông, còn không thì ông không cần. Ông chửi cô và đánh đập cô. Cô phải núp trên lầu, khóc lóc một mình, mỗi khi ông uống rượu say. Kim và những người làm của anh ta thường hay phải ở nhà để bảo vệ cô.

Câu chuyện bắt đầu chuyển đề tài qua tình yêu.

"Cái gì làm cho người ta yêu nhau?" – Kim hỏi. "Tại sao Nga không thương một người khác, một người giỏi hơn và đẹp trai hơn? Một người xứng với cô hơn? Tại sao cô ta phải thương ông Ninh – "ông mặt bự" như mọi người hay gọi ông – khi biết rằng hạnh phúc cá nhân của cô là yếu tố rất quan trọng trong tình yêu? Điều này quả thật là huyền bí và có

nhiều cách giải thích. Qua Kinh Thánh, chúng ta đã từng được nghe định nghĩa đích thực của tình yêu: Đây là một sự huyền bí. Ngoài ra, những bài viết hay những câu nói khác đều không làm chúng ta thỏa mãn về ý nghĩa chân chính của nó. Chúng nó có thể định nghĩa được tình yêu trong hoàn cảnh này hay hoàn cảnh khác nhưng không thể nào giải được ý nghĩa của nó trong mọi hoàn cảnh. Nếu mà như vậy thì chúng ta nên định nghĩa tình yêu trong từng hoàn cảnh một, thay vì đi tìm một ý nghĩa đích thực, chung cho mọi hoàn cảnh. Chúng ta cần phải phân tách từng hoàn cảnh một, như các bác sĩ thường hay nói."

"Rất đúng." – Ban đồng ý.

"Những người dân Nga thường hay bị phiền phức về những bài toán nhức óc này. Trong khi người ta choàng lên tình yêu của họ những đóa hồng, những hạt kim cương thì chúng ta, những người Nga, lại choàng lên nó những nghi vấn và những thắc mắc mà hầu như không bao giờ giải đáp được. Khi tôi còn là một sinh viên ở Mát-Cơ-Va, tôi có một người bạn : một người con gái dễ thương. Mỗi lần khi tôi ôm nàng trong lòng, tôi luôn tự hỏi mình: tiền lương hàng tháng mình cần đưa cho nàng bao nhiêu và bây giờ bao nhiêu tiền một cân thịt bò. Đừng chế tôi, chúng ta đều giống nhau cả. Một khi chúng ta rơi vào biển tình, chúng ta luôn luôn thắc mắc, nghi ngờ, và hay tự đặt câu hỏi cho chính mình. Chúng ta chân thành hay giả dối? Thông minh hay ngu dốt? Cái tình yêu này, nó sẽ có kết cục ra sao? Vân vân và vân vân. Tôi không biết cảm tưởng như vậy là đúng hay sai, nhưng nó rất phiền phức. Nó có mang lại sự thỏa mãn và tức giận hay không, cái đó tôi không biết."

Hình như anh ta có một câu chuyện đang muốn kể. Những người sống một mình thường hay có tâm sự trong lòng mà họ rất muốn thổ lộ. Những người chưa lập gia đình thường hay lui tới những buồng tắm công cộng, những nhà hàng trong phố, để mà nói, và đôi khi họ kể những câu chuyện lý thú, hấp dẫn thu hút cả những người bồi bàn và công nhân làm việc trong phòng tắm. Những người sống

ngoài thành phố thì thường trao gửi bầu tâm sự của họ cho bạn bè và khách khứa. Qua cửa sổ, mây đen phủ kín bầu trời, những hạt mưa bao trùm không gian và cây cối.

Tôi đã từng sống và làm ruộng ở vùng Sông-Phi-Nô này, tôi bắt đầu làm việc ở đây sau khi học xong đại học (Kim bắt đầu). Tôi được lớn lên một cách thoải mái, không phải làm gì, chỉ phải học. Vì việc học của tôi mà ba tôi đã phải nợ đầy mình. Ông phải dùng ruộng vườn của mình làm của thế chân để mượn tiền cho tôi đi học. Sau khi học xong, tôi quyết định ở lại trên mảnh ruộng của ba tôi để làm việc cho tới khi nào trả hết nợ. Tôi đã quyết định như vậy và bắt đầu làm việc, tuy rằng vẫn có chút tiếc rẻ trong đó. Đất đai trong vùng này không được màu mỡ cho lắm. Nếu muốn lời, một là mình phải mướn thêm tay làm hai là phải tự mình nai lưng ra mà làm; không còn cách trốn lựa thứ ba. Tôi gom góp những người trong làng lại, đàn ông cũng như đàn bà, để làm việc cho tôi. Chúng tôi không để yên một mảnh đất nào, chúng tôi làm việc quần quật như trâu. Tôi cũng tự mình xới đất, tự gieo hạt, và gặt lúa. Lưng quần lên vì vất vả trong khi môi phệ ra vì chán nản. Cả mình tôi đau nhức còn chân tôi thì liệt đi như muốn chết. Lúc đầu tôi tưởng là mình có thể dùng những gì học hỏi được ở trường lớp để đỡ nhọc nhằn. Tôi tưởng rằng chỉ cần tạo cho mình một thời khóa biểu và làm việc theo nó thì mọi việc sẽ đâu vào đấy. Tôi dọn lên ở phòng tốt nhất trên lầu; xấp xếp để café và rượu được dọn lên mỗi bữa ăn trưa, chiều; và đọc báo "Thời Sự Âu Châu" mỗi một đêm trước khi đi ngủ. Nhưng mục sư Văn, người linh hướng của làng chúng tôi, một hôm đến thăm và đã nuốt hết những bầu rượu thơm của tôi. Còn con gái ông ta thì công về hết tất cả những tờ "Thời Sự Âu Châu". Tôi cũng không buồn. Tôi không cần những tờ báo đó vì từ khi bắt đầu công việc đồng áng, tôi chưa tối nào được đặt lưng trên giường mình. Nhất là trong những tháng cắt mạ, tôi thường ngủ trong chuồng bò hay trong túp lều của anh đốn củi. Dần dần tôi dọn phòng ngủ của tôi xuống dưới lầu để ngủ chung với những người làm mướn. Tôi cũng chẳng còn cái gì yêu quý cả ngoại trừ những người này, những người

trước kia đã làm công cho ba tôi và bây giờ lại làm cho tôi, những người mà tôi không bao giờ và không thể nào xua đuổi cho dù mai này có thể nào đi chằng nữa.

Trong những năm đầu tiên sống ở đây, tôi đã được trọn làm giám thị. Vì vậy nên tôi hay ra tỉnh để để làm việc và hay tham gia vào những vụ xử kiện trên đó. Điều này làm tôi rất thích. Một khi đã bị gò bó suốt mấy tháng trời trong nông trại, nhất là vào mùa đông, thì không có gì mong muốn cho bằng được khoác chiếc áo choàng thâm của mình. Khi làm việc trên tỉnh, tôi cần phải có áo choàng thâm, đồng phục, và áo đuôi dài. Toàn là những luật sư và những người có học trên đó. Họ là những người mà tôi có thể nói chuyện với một cách dễ dàng.

Tôi lúc nào cũng được hoan nghênh trên tỉnh. Tôi rất thích làm quen với những người bạn mới. Trong số bạn mới của tôi, anh chàng đứng đắn nhất – và, thật tình, đáng mến nhất – là anh Lữ, phó giám đốc tỉnh. Hai bạn chắc cũng đã biết anh ta: một con người... quả nhiên là một nhân vật rất quyến rũ. Tôi được gặp anh ta trong một vụ án về hỏa hoạn rất nổi tiếng. Vụ án được xử trong hai ngày liên tiếp. Khi kết thúc, mọi người đều mệt rũ cả người. Anh Lữ nhìn về phía tôi: "Hay là tới nhà tôi ăn cơm chiều nha!" – anh mời.

Tôi rất là ngạc nhiên, tôi vừa mới biết anh ta, mà lại, chúng tôi chỉ quen nhau qua việc làm mà thôi. Tôi chưa bao giờ tới nhà anh ta cả. Sau khi trở lại khách sạn để tắm rửa, tôi tới nhà anh. Buổi cơm chiều đã mở đường cho tôi gặp An, vợ anh Lữ. Nàng còn rất trẻ, hai mươi hai tuổi là cùng, đứa con đầu lòng của nàng mới chào đời cách đây chưa đầy sáu tháng. Chuyện này đã xảy ra qua lâu rồi, tôi không còn nhớ rõ, hay nói một cách khác, khó mà giải thích được ngay lúc đó điều gì về nàng đã mê hoặc tôi đến thế. Nhưng khi ngồi vào bàn ăn, tôi đã hiểu rõ. Tôi thấy nàng, một người đàn bà trẻ, đẹp, hiền lành, thông minh và hấp dẫn – không như bất kỳ một cô gái nào mà tôi đã gặp trước đây. Ngay lập tức, tôi cảm thấy nàng thật là ngân gửi, tôi có cảm tưởng như mình đã quen nàng từ lâu – tôi tưởng như đã gặp khuôn mặt ấy, cặp mắt khêu gợi và

sáng sửa ấy khi tôi còn là một đứa bé đang mở nhìn trộm những cuốn an-bum trong ngăn tủ mẹ tôi.

Trong vụ án hỏa hoạn, bốn người Do Thái bị kết án khủng bố – tôi hết sức không bằng lòng với phán quyết này của tòa án. Tôi không thể ngồi yên khi dùng bữa – nói thật, tôi rất bực mình – tôi không còn nhớ mình đã nói gì trong bữa đó, tôi chỉ nhớ thấy An cứ lắc đầu và nói với chồng mình: "Em không thể nào tin được anh ạ!".

Lữ là một người tốt, tuy rằng hơi ngây thơ một tý. Anh ta nghĩ rằng những gì quan tòa phán quyết đều là đúng, nếu muốn kháng án, người ta cần phải làm đầy đủ những thủ tục, hồ sơ cần thiết, và nộp lên những nơi chính đáng đã quy định theo luật pháp – bàn ăn, theo anh, không phải là một trong những chỗ đó. "Em và anh đâu có nổ lửa đốt nhà đâu." – anh nói nhỏ nhẹ – "Anh và em đâu có bị kết án và giam tù".

Cả hai vợ chồng họ cố mời và ép đồ ăn cho tôi. Qua những khía cạnh mà tôi theo dõi – cách mà họ bắc café chung với nhau, cách mà họ hiểu nhau trước khi mở miệng – tôi kết luận rằng, họ đang sống trong cảnh hòa bình và êm ấm, họ rất vui khi được tiếp đón và làm vui lòng một người khách trong nhà họ. Sau cơm chiều, chúng tôi chơi pi-a-nô. Khi màn đêm bắt đầu kéo, tôi xin phép họ để trở về khách sạn.

Câu chuyện vừa rồi xảy ra vào đầu mùa xuân, sau khi đó, tôi rời tỉnh để trở về nông trại của tôi ở Sông-Phi-Nô. Tôi ở đó suốt mùa hè. Tôi hết sức bận rộn nên không còn thì giờ nghĩ đến những việc trên tỉnh. Nhưng ngày nào tôi cũng đều bị ám ảnh bởi hình dáng của người con gái tha thướt, yêu kiều đó. Nàng đã in lên tâm trí tôi một cái bóng phất phơ, nhỏ nhẹ.

Vào cuối mùa thu, một chương trình ca vũ từ thiện được tổ chức trên tỉnh. Tôi được mời ngồi chung với ông thống đốc. Khi tôi bước vào, An và Lữ đã ngồi đó, bên cạnh bà vợ ông thống đốc. Một lần nữa, con người tôi lại bị choáng váng bởi nét đẹp kiều diễm đầy khuyến rũ, bởi đôi mắt kêu mời, tran trứa tình bạn của nàng. Và một lần nữa, tôi cảm thấy như đang chia sẻ với nàng một cái gì đó rất mật thiết và gần gũi.

Tôi ngồi xuống bên cạnh nàng. Nàng quan sát rằng tôi có phần nào gầy hơn trước. Tôi có bị ốm không?

"Cám ơn, vai tôi thường hay bị nhức. Nó hành tôi rất khó ngủ nhất là vào mùa mưa".

"Nhìn anh có vẻ bệ rạc quá. Khi anh dùng bữa chung với chúng tôi mùa xuân rồi, nhìn anh còn trẻ và tự tin lắm mà. Lúc đó anh còn nói nhiều, còn pha trò, còn quậy nữa mà. Quả nhiên lúc đó anh thật là hấp dẫn. Ngay lúc ấy, một phần nào đó, tôi đã bị anh mê hoặc. Không biết tại sao suốt mùa hè qua, lâu lâu tôi lại liên tưởng đến anh. Khi tôi chuẩn bị để đi coi hát, tôi biết chắc rằng thế nào cũng gặp anh".

Nàng cười. "Nhưng hôm nay nhìn anh bệ rạc quá!" – nàng lặp lại – "Nhìn anh trông già hẳn đi!".

Ngày hôm sau, tôi dùng cơm trưa tại nhà Lữ. Sau bữa cơm, họ mời tôi ra thăm căn nhà nghỉ mát của họ. Tôi đi với họ, tôi về với họ, và vào nửa đêm tôi uống trà với họ trong không khí yên tĩnh của mái nhà họ: bên cạnh lò lửa đang bùng cháy, nóng hổi, với người mẹ trẻ lâu lâu lại đi ra đi vào để trông giấc ngủ cho con. Sau ngày hôm đó, khi nào có dịp lên tỉnh là tôi ghé thăm Lữ. Càng ngày chúng tôi càng thân hơn, đôi khi tôi tới nhà anh ta bất chợt, không cần nói trước. Họ xem tôi như một thành viên trong nhà.

"Ai vậy?" – giọng nàng vọng ra từ cuối nhà, ngân nga, đầy khuyến rủ.

"Ông Kim" – người giúp việc trả lời, và An xuất hiện với nét mặt đầy lo lắng. Tại sao tôi không đến thăm nàng sớm hơn? Chuyện gì đã xảy ra?

Cái nhìn của nàng, cái vòng tay nõn nà, xinh xắn, bộ đồ nàng mặc trong nhà, cách làm tóc của nàng, giọng nói, tiếng bước chân của nàng... lúc nào cũng làm cho tôi có cảm tưởng như một cái gì đó mới mẻ, bất thường, một cái gì đó quan trọng đang xảy đến với tôi. Chúng tôi thường có những buổi nói chuyện thật dài – và cũng có những lúc im lặng thật lâu, mỗi một người như bị cuộn lại trong suy tư của mình. Những lúc không có ai ở nhà, tôi thường ngồi đợi, nói chuyện với người vú, chơi với đứa nhỏ, hay duỗi chân trên cái ghế bành

để đọc một tờ báo. Khi An về, tôi chạy ra gặp nàng ở hành lang và giúp nàng mang hàng mới mua vào. Tôi bê những hàng hóa đó một cách trù mẫn và hảnh diện – như một đứa bé mới biết bê đồ lần đầu.

Lữ và những người khác trong gia đình không hề để ý, họ chẳng bao giờ làm phiền tôi. Họ tiếp tục tiếp đón tôi. Nếu lâu không thấy tôi lên tỉnh thì hai vợ chồng lại sốt ruột, lo lắng. Nhất định là tôi bị ốm hay có chuyện gì không may xảy đến với tôi. Cái mà làm cho họ lo lắng nhất là tôi, một người có học, biết nhiều thứ tiếng, lại không ở trong văn phòng mà sống ở ngoại ô, suốt ngày quần quít với máy say bột và những thửa ruộng cần cỗi. Họ nghĩ rằng tôi không bao giờ hạnh phúc, những lúc tôi cười nói trong bữa ăn chỉ là để che đậy tâm hồn đau khổ của tôi. Cả những khi tôi thật sự hạnh phúc và thoải mái, họ vẫn nhìn tôi với ánh mắt đầy lo lắng. Những khi tôi bị kẹt, chủ nợ đòi tiền hay không có tiền chi tiêu hàng tháng, hai vợ chồng hay thầm thì với nhau. Sau đó, anh chồng thường đi tới bên cạnh tôi với một gương mặt trịnh trọng.

"Nếu anh có hơi bị thiếu, Kim, vợ chồng tôi sẵn sàng giúp một tay. Anh đừng ngại." – Hai tai anh ta đỏ ngầu vì mắc cỡ.

Hay là có khi anh đến bên tôi, hai tai đỏ ngầu sau khi nói chuyện với vợ, và thuật lại với tôi rằng vợ anh "hết lòng muốn tôi nhận một chút quà này. "Sau khi nói xong anh ta thường đưa cho tôi một số đinh tán, hộp thuốc lá, hay một cái đèn điện. Để trả ơn, tôi thường hay biếu họ những món quà từ vùng ngoại ô như một con chim non, bơ, hoa... Cả hai vợ chồng hình như đều có tiền riêng. Tôi vẫn hay mượn tiền của người khác, không cần biết là của ai hay bao nhiêu – tôi mượn ở bất kỳ chỗ nào cho phép. Nhưng mà không có một mảnh lụa nào có thể bắt tôi xoè tay mượn tiền của gia đình Lữ được. Cần tôi giải thích thêm không?

Tôi buồn. Ở nhà, trên đồng áng, hay trong chuồng bò tôi luôn nghĩ đến nàng. Tôi cố gắng tìm hiểu sự kỳ bí của người con gái trẻ, đẹp và thông minh ấy, người vợ của một ông chồng xấu, đứng tuổi, và người mẹ của những đứa con anh

ta. Tôi cũng cố gắng tìm hiểu sự kỳ bí của người chồng này, một anh chàng thiếu nhan sắc, tốt tính, dễ dãi, với những cách nhìn ngây thơ và vớ vẩn, người mà mỗi khi đi dự tiệc thường hay dạy đời người ta... còn người mà vẫn còn tin tưởng là mình có quyền để được hạnh phúc và có quyền để làm chồng nàng. Tại sao, tôi vẫn nghĩ, nàng không gặp tôi trước hẳn? Vì mục đích gì mà lại có sự sai lầm đến thế?

Những lần lên tỉnh, qua ánh mắt của nàng, tôi biết rằng nàng đang đợi tôi, có lần nàng thú nhận với tôi là trước khi tôi đến, nàng thường hay có những cảm giác rất kỳ lạ – giống như nàng đã biết trước thế nào tôi cũng tới. Chúng tôi tiếp tục những buổi nói chuyện, xen lẫn với những phút thinh lặng thật dài, không ai dám nói lên tình yêu của mình nhưng giấu kỹ một cách sợ sệt và ghen ghét. Chúng tôi sợ, sợ tất cả những gì có thể bộc lộ ra cái bí mật ấy. Mặc dù cái tình yêu mềm mại đó đã cắm rễ quá sâu trong lòng, tôi luôn cố gắng để cho đầu óc sáng suốt, xét đoán xem những giông tố nào có thể xảy ra nếu chúng tôi không có đủ nghị lực để kềm chế chính mình. Tôi không thể nào hình dung ra được, hay nói đúng hơn, không muốn tin rằng một tình yêu thầm kín, cô đơn như của tôi, lại có thể bỗng nhiên và thô bạo phá tan cuộc đời ấm cúng của người chồng và những đứa con; lật úp luôn cả căn nhà mà tôi vẫn mãi yêu thương và tin tưởng. Đây có phải là thái độ của một người đàn ông đứng đắn không? Nàng sẽ đi với tôi – nhưng mà... đi đâu? Tôi có thể dẫn nàng đi đâu? Mọi việc sẽ khác hẳn nếu như tôi là một người đàn ông lãng mạn và có tiền, nếu như tôi là một quân nhân anh dũng đang chiến đấu cho lý tưởng tự do của nhân loại, hay nếu như tôi là một người ca nghệ sĩ nổi tiếng được nhiều người thán phục. Nhưng tôi chỉ là một người nông dân nghèo. Tôi chỉ có thể đưa nàng từ cuộc sống bạc bẽo này đến cuộc đời bạc bẽo khác, hay còn tồi tệ hơn thế nữa. Hạnh phúc của chúng tôi sẽ kéo dài được bao lâu? Nếu không may tôi chết đi thì nàng sẽ làm sao? Còn nếu như chúng tôi không yêu nhau nữa? Và còn...

Nàng cũng nghĩ như tôi. Nàng nghĩ đến chồng nàng, con nàng, mẹ nàng, người mà thương yêu chồng nàng như con ruột. Nếu nàng nghe theo cảm xúc của mình thì một là nàng phải nó dối hai là nói sự thật, nhưng cả hai đều khó khăn và nguy hiểm cho nàng trong hoàn cảnh này. Nàng suy tư trong đau khổ: tình yêu của nàng sẽ mang lại cho tôi hạnh phúc không? Có làm cho đời sống của tôi thêm phiền phức không? Có làm cho nó tẻ nhạt và đầy sóng gió không? Nàng cảm thấy nàng quá già đối với tôi, nàng không còn đủ sức và nghị lực để bắt đầu lại một cuộc sống mới. Nàng thường nói với chồng nàng là tôi cần phải cưới một người con gái hiền lành, thông minh, một người nội trợ và giúp việc tốt – nhưng theo nàng thì hầu như không có người con gái nào như vậy trên tỉnh (chỉ trừ nàng).

Trong khi đó, năm tháng lại tiếp tục trôi đi. Bây giờ An đã có hai con. Mỗi khi tôi tới thăm gia đình, người làm công vẫn cười nói với tôi, mấy đứa trẻ thì bám víu lấy chú Kim của chúng, la hét lên vì vui mừng, và mọi người đều vui vẻ. Không hiểu được nỗi lòng thâm kín của tôi, họ tưởng rằng tôi cũng đang vui với họ. Họ coi tôi như là sự hiện thân của lòng chính trực. Người lớn cũng thế mà con nít cũng vậy, họ tưởng rằng sự chính trực đang đi giữa họ – sự quan hệ giữa tôi và họ làm cho cuộc đời họ tinh khiết và mỹ miều hơn. An và tôi vẫn hay đi coi hát chung với nhau. Chúng tôi ngồi cạnh nhau, vai liền vai, tôi nhẹ nhàng lấy cặp mắt kính của nàng, ý thức rằng nàng đang ở cạnh tôi, tưởng tượng như nàng là của tôi, chúng tôi không thể nào sống sót nếu như bị chia rẽ. Nhưng lần nào cũng vậy, sau khi màn biểu diễn kết thúc, chúng tôi ngượng ngịu chia tay nhau, ra đi như những người xa lạ. Không biết người nói gì về chúng tôi trên tỉnh, nhưng không một câu nào của họ là đúng cả.

Trong những năm vừa rồi, An về thăm mẹ và em nhiều hơn. Nàng hay buồn rầu và chán nản: tâm trạng của nàng làm nàng ý thức được rằng cuộc sống của nàng chưa đầy đủ và thiếu ý nghĩa. Những khi đó nàng thường lánh mặt chồng và

con cái. Cái tình trạng này kéo dài và nặng hơn, bắt buộc nàng phải điều trị về bệnh tâm lý.

Mặc dù vậy chúng tôi vẫn giấu kín những gì mình muốn nói. Những lúc gặp mặt, nàng hay tức tối với tôi một cách kỳ lạ. Nàng chống đối tôi trên mọi phương diện; nếu tôi có bàn luận hay cãi nhau với một người khác, nàng lập tức đứng về phe của họ. Nếu không may tôi làm rơi một vật gì, nàng nhìn tôi và nói một cách lạnh nhạt: "Hay quá ha." Mỗi khi tôi quên mang kính đi xem hát, nàng cho tôi biết rằng nàng đã biết trước thế nào tôi cũng quên.

Hên hay xui, bất kỳ cái gì trong cuộc đời chúng ta, không sớm thì chiều, cũng phải kết thúc. Bây giờ đã đến lúc chúng tôi phải chia tay nhau: Lữ đã kiếm được việc làm tốt hơn ở miền tây. Họ bán tất cả: nhà, bàn ghế, và ngựa. Lái xe ra khỏi nhà, khi chúng tôi ngoảnh mặt nhìn lại lần cuối góc vườn xinh xắn với mái ngói phủ đầy giây leo, mọi người đều cảm thấy buồn, còn tôi... tôi biết đã đến lúc phải ra đi, bỏ lại không chỉ một căn nhà bé nhỏ. Chúng tôi đã quyết định để An tới Ki-Mi-A trước và Lữ sẽ mang các con tới sau.

Một đoàn người chúng tôi tới ga xe lửa để tiễn chân An. An đã chào tạm biệt chồng nàng và các con... xe lửa bắt đầu chuyển bánh... thì... tôi vút nhanh lên khoang tàu của nàng, đặt lên đồ đạc cái rổ mà tí nữa nàng đã quên. Bây giờ đến lượt tôi chào tạm biệt. Cặp mắt chúng tôi gặp nhau trên khoang tàu, và chúng tôi không thể kiềm chế được nữa. Tôi ôm chàng lấy nàng, nàng áp mặt vào ngực tôi, và nước mắt bắt đầu chảy. Hôn mặt nàng, hôn vai nàng, hôn đôi tay xinh xắn chứa đầy nước mắt – hai chúng tôi quả thực quá hạnh phúc – tôi bày tỏ tình yêu của tôi cho nàng. Với nỗi thống khổ bùng cháy trong tim... tôi thấy những gì đã cản trở tình yêu chúng tôi, những gì đã bóp ghet tình yêu của chúng tôi bấy lâu, quá sức là nhỏ bé, tầm thường và hão huyền. Tôi ý thức được rằng, một khi tôi yêu, tôi cần đặt định nghĩa tình yêu của tôi trên một cái gì đó cao thượng và quan trọng hơn là hạnh phúc hay đau khổ, tội lỗi hay trong sạch: những ý nghĩ tầm thường

mà mọi người vẫn dẫn đo một khi yêu. Nếu không được như vậy, thì thà rằng chúng ta đừng định nghĩa tình yêu thì hơn.

Tôi hôn nàng lần cuối, nắm chặt tay nàng, và rồi chúng tôi chia cách – mãi mãi. Xe đang chạy. Tôi ngồi xuống khoang bên cạnh, trống rỗng... ngồi đó và khóc cho tới khi xe dừng lại ở trạm kế tiếp. Tôi quốc bộ về Sông-Phi-Nô.

Trời đã tạnh trong khi Kim đang kể chuyện, mặt trời đã ló rạng. Ban và Văn rời chỗ ngồi ra lan can. Trước mặt họ là vẻ lộng lẫy của khu vườn, và ánh sáng lấp lánh của dòng sông trong những tia nắng mặt trời. Lòng họ say mê trước cảnh vật nhưng cũng không quên hối tiếc cho người đàn ông với cặp mắt hiền lành và trong sáng ấy – người mà trong giờ qua đã bày tỏ cho họ những tâm tư thầm kín và chân thành nhất – con người mà cuộc đời ngày qua ngày vẫn tiếp tục xoay quanh mảnh ruộng và cối xay gạo, vẫn tiếp tục nghèo khổ mà không làm gì để tiến lên được. Họ cũng liên tưởng đến sự thống khổ của nàng khi anh ta phải chia tay nàng trên khoang tàu, đặt lên vai và trán nàng những nụ hôn nồng cháy. Họ đã gặp nàng một vài lần trên tỉnh. Ban là bạn thân của nàng và biết rằng nàng rất đẹp.

Dịch giả: Trần Thanh Tùng

GIẬN DỐI

- Quý tha ma bắt cô đi? Cô làm gì từ sáng đến giờ mà cơm nước tanh bành thế này. Tôi đi làm hùng hục cả ngày, về đến nhà được cô cho ăn uống thế này sao? Á, à, cô định không cho tôi nói hả? Tôi cứ bắt đầu lên tiếng là cô lại giở cái võ nước mắt ra chứ gì? Thà chết còn hơn lấy phải cô vợ thế này.

Vừa gằm gừ, người chồng vừa gõ thìa vào đĩa, rồi ném khăn ăn xuống bàn, tức giận bỏ sang phòng khác sau khi đập mạnh cánh cửa. Người vợ bật khóc, lấy khăn tay chấm nước mắt rồi cũng bỏ sang phòng khác. Bữa ăn kết thúc ở đó.

Người chồng vào phòng đọc, gieo mình xuống đi văng, giúi mặt vào gối.

"Đúng là điên thì mới lấy vợ! - Anh ta nghĩ - Cuộc sống gia đình mới "ấm áp" làm sao! Thật không còn gì để nói nữa. Vừa mới lấy vợ được mấy tháng đã muốn treo cổ tự vẫn rồi".

Mười lăm phút sau có tiếng bước chân khe khẽ ở ngoài cửa phòng đọc...

"Biết ngay mà. Hành hạ người ta, chửi rủa người ta, bây giờ lại định đến làm lành ấy à? Quên đi nhớ? Thà chết chứ nhất định lần này mình không chịu nhún!".

Có tiếng kẹt cửa. Ai đó bước vào phòng, nhẹ nhàng đi về phía đi-văng.

"Được rồi, cứ xin lỗi đi! Cứ khóc lóc, vật nài đi! Tôi sẽ cho cô biết thế nào là lễ độ. Tôi thà chết chứ nhất định không thềm đáp lời cô đâu!".

Người chồng giúi sâu mặt vào gối làm bộ như đang ngủ say. Nhưng xem ra đàn ông cũng yếu đuối như đàn bà, cũng dễ mủi lòng lắm chứ. Khi thấy có một bàn tay ấm nóng đặt lên lưng. Người chồng vờ ngả sang một bên.

"Á à, lại sắp giở cái trò ôm ấp, hôn hít ra đây mà. ôi, mình không thể cầm lòng trước sự dịu dàng như thế này

được! Nhưng dù sao cũng phải tha lỗi cho cô ấy. Không nên làm cô ấy quá xúc động, lo lắng khi bụng mang dạ chứa thế này. Chỉ dày vò chút xíu thôi, phạt một chút xíu thôi rồi tha cho cô ấy vậy!".

Người chồng nghe thấy tiếng thở dài ngay bên tai mình và cảm nhận được một bàn tay nhỏ bé đang chạm vào vai và cổ.

"Đây là lần cuối cùng mình tha thứ cho cô ấy. Dày vò cô ấy thế là đủ rồi. Thực ra mình cũng có lỗi trong chuyện này. Chỉ vì một chuyện vớ vẩn mà mình đã làm âm lên rồi...".

- Thôi được rồi, anh không giận em nữa đâu, em yêu! - Người chồng quờ tay ra phía sau ôm lấy cái thân thể ấm áp ấy.

- Ối!

Người chồng quay đầu lại, hóa ra đó là con chó Đanka lông xù.

Người dịch: Hà Việt Anh

HỒNG VIỆC

Tôi muốn khóc, khóc thật to, hoặc gào lên cho nhẹ bớt cõi lòng.

Hôm ấy là một ngày tuyệt đẹp. Tôi ăn vận thật sang trọng, tóc chải bóng mượt, xịt nước hoa thơm lừng, tóm lại hào hoa như Đông Joăng để đến gặp nàng. Nàng sống ở nhà nghỉ tại Xacônhi. Nàng trẻ trung, xinh đẹp, có một món hồi môn là 30.000 đồng vàng, nàng có học đôi chút và yêu tôi, một nhà văn quèn, yêu kinh khủng, với một tình yêu hết sức dịu dàng.

Khi đến Xacônhi tôi bắt gặp nàng ngồi trên chiếc ghế quen thuộc của chúng tôi dưới hàng thông mọc thẳng tắp. Thoáng nhìn thấy tôi nàng đứng dậy, nét mặt rạng rỡ:

– Chàng thật tề? – Nàng cất lời – Vì sao chàng lại có thể đến muộn như vậy? Chàng biết là em rất buồn và mong chàng kia mà. Chàng thật là...

Tôi hôn bàn tay thon thả của nàng rồi vội vã ngồi xuống ghế cạnh nàng. Lòng tôi rạo rực, xốn xang có cảm giác trái tim tôi đập loạn nhịp và muốn vỡ tung ra...

Có gì là lạ đâu cơ chứ? Hôm nay tôi đến đây là để quyết định số phận của mình mà. Cuộc đời tôi từ ngày mai sẽ ra sao hoàn toàn phụ thuộc vào cuộc gặp gỡ chiều hôm nay. Tiết trời thật đẹp, nhưng tôi đâu có tâm trí nào mà để ý đến thời tiết cơ chứ! Thậm chí tôi còn không nghe thấy cả tiếng chim họa mi hót líu lo trên cao.

– Sao chàng cứ im lặng mãi thế? – Âu yếm nhìn tôi, nàng khẽ hỏi.

– Ừ, tại vì trời hôm nay đẹp quá! Thế... mẹ em hôm nay có được khoẻ không?

– Cám ơn chàng, bà vẫn khoẻ.

– Em biết không, Varvara Petrôpna, tôi muốn nói với em rằng... Hôm nay tôi đến đây để nói với em rằng... suốt bao

tháng qua tôi đã im lặng như một tảng ngọc... Còn bây giờ đây tôi nghĩ mình không thể im lặng thêm được nữa.

Varia e lệ nhìn xuống đất, những ngón tay của nàng run run vuốt ve bông hoa nhỏ. Chắc nàng cũng đoán được là tôi định nói gì. Tôi im lặng giây lâu rồi nói tiếp:

- Chính tôi cũng không hiểu nổi vì sao mình lại có thể im lặng được lâu như vậy... Nhưng dù có rứt rề, có nhút nhát đến đâu đi chăng nữa thì cũng đến lúc tôi phải thú thật với em rằng... Có thể em sẽ giận tôi, sẽ trách cứ tôi nhưng... - Tôi dừng lại một phút, cố gắng chọn những từ thích hợp.

- Hãy nói đi chàng - Đôi mắt nàng như giục giã - Sao chàng cứ ấp a ấp úng mãi thế?

- Chắc hẳn em cũng đoán được rằng tại sao chiều nào tôi cũng đến đây và làm vướng mắt em... Làm sao một con người nhạy cảm như em lại không đoán được cơ chứ? Có lẽ từ lâu rồi... em đã cảm nhận được tình cảm mà tôi dành cho em, đúng không Varvara Petrôpna?

Varia cúi đầu xuống thấp hơn nữa, những ngón tay nàng xoắn lấy nhau

- Varvara Petrôpna!

- Chàng gọi em à?

- Tôi... Tôi... thật sự không biết phải diễn đạt tình cảm của mình như thế nào đây? Tôi... yêu em. Vâng, tôi yêu em nhiều lắm. Chỉ có mấy từ ấy thôi mà mãi tôi không thốt được thành lời... Tôi yêu em... Biết nói thế nào cho em hiểu được những tình cảm mà tôi dành cho em bây giờ? Xin em hãy tìm tất cả những lời tỏ tình nồng nàn nhất, những lời thể son sắt nhất trong những trang tiểu thuyết tình yêu lãng mạn nhất có trên đời này, vâng, tất cả những thứ đó cộng lại sẽ là những gì đang dâng lên nghẹn ngào trái tim tôi lúc này. Varvara Petrôpna, tại sao em lại không nói gì thế?

- Chàng bảo sao cơ ạ?

- Chẳng lẽ em lại từ chối tình yêu của tôi?

Varia ngẩng đầu lên và mỉm cười với tôi. Trời ơi, nhìn đôi môi nàng kìa! Nàng như muốn nói với tôi: "Em đồng ý!".

Tôi cầm lấy đôi tay tuyệt đẹp của nàng mà hôn say đắm. Nàng đẹp quá! Trong lúc tôi âu yếm đôi bàn tay nàng, nàng ngả mái đầu xinh xắn của mình vào ngực tôi. Lần đầu tiên tôi chợt nhận ra rằng nàng có một mái tóc bông bênh rất dễ thương. Tôi hôn lên mái tóc thơm nồng ấy mà trong lồng ngực thấy ấm áp lạ kỳ, cứ như thể có một chiếc ấm Xamôva nóng hôi hổi đang ở trong đó vậy. Varia ngược mặt lên nhìn tôi. Không biết phải làm gì hơn tôi đặt lên môi nàng một nụ hôn nồng ấm.

Vào đúng lúc nàng đã nằm trọn trong vòng tay tôi, lúc mà 30.000 đồng vàng sắp sửa thuộc về tôi, vâng vào cái giây phút mà tôi sắp làm chủ tương lai sáng lạn, có vợ đẹp, tiền đầy túi, sự nghiệp hứa hẹn rộng mở thì không hiểu sao tôi lại lờ lờ...

Tôi bỗng muốn khoe mẽ, phô trương trước mặt nàng. Đến tận bây giờ tôi vẫn không hiểu được lúc ấy thực ra mình muốn cái gì nữa.

- Varvara Pêtrópna - Sau nụ hôn đầu tiên tôi nói - Trước khi ngỏ lời cầu hôn chính thức với em tôi thấy mình có trách nhiệm cao cả là phải tâm sự thẳng thắn với em một số điều. Tôi sẽ nói ngắn gọn thế này... Varvara, em có biết tôi là một người như thế nào không? Đúng, tôi là một con người trung thực, một con người cần cù. Tôi là một con người kiêu hãnh? Tôi sẽ có một sự nghiệp của mình... nhưng tôi... tôi rất nghèo. Tôi không có gì hết.

- Em biết. - Nàng nói - Nhưng có nhiều tiền không chắc đã có hạnh phúc.

- Đúng. Nào tôi có định nói về chuyện tiền bạc đâu. Tôi đâu có hổ thẹn vì sự nghèo khó của mình Những cô-pếch mà tôi kiếm được từ những tập bản thảo của mình không bao giờ tôi đổi lấy tiền trăm, bạc vạn mà người khác...

- Em hiểu mà...

- Tôi đã quen với sự túng bấn, đối với tôi nó không hề đáng sợ. Tôi có thể nhịn đói cả tuần... Nhưng còn em, liệu em có thể đi được hai bước mà không có xe ngựa không? Có thể không sắm những chiếc váy áo mới không? Có thể vài ngày

chỉ ăn bánh mì và uống nước lã xuyên không? Em đã quen ném tiền qua cửa sổ mà không hề thấy tiếc. Vậy liệu em có thể vì tôi mà hy sinh hết những sung sướng, tiện nghi mà bấy lâu nay em đã quen không?

- Nhưng em có của hồi môn, em có một khoản tiền kha khá mà.

- Mấy chục ngàn ấy thì có ý nghĩa gì? Với số tiền ấy liệu chúng ta sẽ sống được mấy năm? Rồi sau đó thì sao? Là sự thiếu thốn, túng quẫn. Rồi những giọt nước mắt, những nếp nhăn, những sợi tóc bạc sẽ nhanh chóng xuất hiện. Hãy tin tôi, tôi biết tôi đang nói gì mà. Để đấu tranh với sự đói nghèo con người cần phải có một nghị lực phi thường mà không phải ai cũng có được.

"Ôi tôi đang nói năng luyện thuyên cái gì thế không biết!"

- Tôi dừng lại giây lát, rồi tiếp tục thao thao bất tuyệt:

- Tôi xin em hãy suy nghĩ cho thật chín chắn trước khi quyết định gắn bó cả cuộc đời với tôi. Nếu em có được cái nghị lực ấy thì hãy đi theo tôi, bằng không hãy từ chối lời cầu hôn của tôi khi còn chưa muộn. Thà rằng tôi mất em còn hơn phải chứng kiến cảnh em sống cực khổ. Một trăm rúp nhuận bút mà hàng tháng tôi nhận được không đủ cho em tiêu vặt. Em hãy nghĩ kỹ trước khi đã quá muộn.

- Nhưng em có của hồi môn mà?

- Là bao nhiêu tiền nào? Hai mươi ngàn? Ba mươi ngàn ư? Hay là một triệu? Tôi là một con người tự trọng, làm sao tôi có thể tiêu tiền bố mẹ cho em được. Không, không đời nào?

Tôi đứng bật dậy, đi vòng quanh chiếc ghế. Varvara đắm chiêu suy nghĩ. Tôi hân hoan ra mặt. Rõ ràng là nàng phải rất kính trọng tôi thì những tâm sự của tôi về lòng tự trọng mới khiến nàng đắm chiêu, tư lự đến thế.

- Em hãy quyết định đi, một đằng là có tôi và mất tất cả, một đằng là không có tôi nhưng em sẽ có một cuộc sống giàu sang, hạnh phúc. Liệu em có đủ nghị lực vứt bỏ tất cả?

Tôi đã luyện thuyên như thế rất lâu. Hình như càng nói tôi càng hăng thì phải. Khi lảm nhảm những điều vớ vẩn ấy, người tôi như bị tách làm hai. Một nửa thì suy nghĩ như

những điều tôi nói, nửa kia lại ngạo nghễ: "30.000 đồng vàng thì tiêu đến bao giờ mới hết đây?".

Varia kiên nhẫn nghe tôi nói, cuối cùng nàng đứng dậy, nắm lấy tay tôi và nói:

- Cám ơn chàng. - Giọng nàng run run làm tôi thấy ớn lạnh. Tôi nhìn vào đôi mắt ngấn lệ của nàng. Hai má nàng cũng đã ướt nhòa nước mắt.

- Cám ơn chàng vì sự chân thật của chàng. Chàng đã thật cao thượng khi nói thật những điều đó với em. Đúng là em rất yếu đuối... Em sẽ không thể chịu nổi những khó khăn như thế... Chàng nói đúng. Em với anh không không thể nên vợ nên chồng được....

Rồi nàng khóc rưng rức. Tóc tôi dựng ngược cả lên. Tôi luôn cảm thấy khó ở mỗi khi nhìn thấy đàn bà khóc. Trong khi tôi đang loay hoay không biết phải xử trí thế nào thì nàng lấy khăn tay thấm khô nước mắt và nói:

- Chàng nói đúng. Nếu em nhận lời lấy chàng tức là em lừa dối chàng. Em là con gái cành vàng, lá ngọc, yếu đuối lắm. Em không thể làm vợ của một người như chàng. Cả đời em đã quen ăn sung, mặc sướng, ra đường một bước là có xe đưa, xe rước, bữa nào cũng ăn sơn hào, hải vị. Chưa bao giờ biết đến món súp sông... Rồi váy áo thời trang nữa chứ. Mà chàng thì lấy đâu ra tiền... Xin vĩnh biệt? Em thật không xứng với chàng. Vĩnh biệt!

Nói xong những lời ấy nàng quay gót vào nhà. Còn tôi cứ đứng trân trân nhìn theo bóng nàng. Đầu óc tôi trống rỗng, tôi bỗng thấy mặt đất dưới chân mình chao đảo. Khi bình tâm trở lại và biết được là mình đang ở đâu và vừa tuôn ra những lời ngớ ngẩn gì thì không còn thấy bóng nàng đâu nữa. Tôi muộn hét lên thật to: "Xin em hãy quay trở lại?", nhưng đã quá muộn.

Ba ngày sau tôi trở lại nhà nàng. Mọi người nói cho tôi biết rằng nàng không được khỏe và dự định đến Sang Peterburg thăm bà nội cùng cha nàng.

Giờ đây nằm trên giường, tôi tự đâm ngực mình thùm thụp. Trái tim tôi như bị ai đó cào xây xước. Bạn đọc ơi, làm

thế nào để thay đổi tình thế được bây giờ? Làm thế nào để lấy lại những điều đã trót nói ra? Tôi sẽ phải thanh minh với nàng ra sao đây? Thực sự là tôi không biết mình phải làm gì bây giờ. Chỉ vì khoe mẽ vớ vẩn mà tôi đã làm hỏng việc lớn. Rõ là ngớ ngẩn!

Người dịch: Hà Việt Anh

KHÓM PHÚC BỒN TỬ

Đánh máy: Thăng Khờ 1986 2001

Từ sáng sớm, những đám mây đen mọng nước đã phủ kín bầu trời; không gian im ắng, dìu dịu mát mẻ và buồn tẻ như vẫn thường thấy trong những ngày u ám, khi trên khắp cánh đồng mây đen đã giăng đầy, trời sẽ mưa và chưa mưa. Bác sĩ thú y Ivan Ivanuts và ông giáo trường làng Burkin đã mỏi rời cả chân, và cánh đồng trước mắt đối với họ tưởng như đang kéo dài vô tận. Phía đằng xa tít tắp, trông không rõ hình chiếc cối xay gió làng Mirônôxitxki, phía bên phải những ngọn đồi cao thấp nối tiếp theo nhau chạy dài rồi khuất mất sau xóm. Cả hai người đều biết rằng đó là mạn bờ sông, phía ấy có những bãi cỏ mênh mông, những hàng cây liễu rũ, những trang ấp, và nếu đứng trên đỉnh ngọn đồi thì từ đó có thể nhìn thấy cả cánh đồng rộng lớn, nhìn thấy nhà dây thép và đoàn tàu như một con sâu đang chậm rãi bò đi; vào những ngày tiết trời trong sáng, từ ngọn đồi có thể nhìn thấy cả thành phố. Bây giờ, vào lúc trời im lặng, khi mọi cảnh vật xung quanh đang hiện ra với vẻ tư lự đáng yêu, Ivan Ivanuts và Burkin đều cảm thấy cả cánh đồng trải rộng mênh mông này thân thiết quá, hai người đều nghĩ rằng, đất nước hùng vĩ và xinh đẹp biết bao.

– Lần trước, khi chúng ta đứng trước nhà kho của ông lý trưởng Prôkôfi. – Burkin nói – Anh có định kể cho tôi nghe một chuyện cơ mà.

– Đúng rồi, lần ấy tôi muốn kể về người em trai của tôi.

Ivan Ivanuts hít vào thật sâu, rồi thở ra, lấy tẩu thuốc và hút, sắp vào câu chuyện, thì vừa lúc trời bắt đầu mưa. Chừng năm phút sau, cơn mưa chuyển thành nặng hạt, xối xả, dày đặc, và khó có thể biết bao giờ thì ngớt. Ivan Ivanuts và Burkin dừng lại phân vân; hai con chó đi theo, lông ướt sũng, đuôi cụp xuống, đứng yên nhìn chủ với vẻ trung thành tận tụy.

- Chúng ta phải trú tạm vào một chỗ nào thôi. - Burkin nói - Ta đến nhà Aliôkhin đi, cũng gần đây thôi.

- Ừ, phải đấy.

Hai người rẽ sang bên, đi băng qua cánh đồng mới gặt, lúc đi thẳng, lúc vòng sang bên phải mãi mới ra được đường cái. Một lát sau, đã hiện ra những cây dương, khu vườn, rồi những mái nhà kho ngói đỏ; dòng sông lấp lánh sáng, một đầm nước rộng gần bên chiếc cối xay gió và một nhà tắm quét vôi trắng. Đó là một làng Xôphinô, nơi ở của Aliôkhin.

Cối xay gió quay nhanh át đi cả tiếng mưa rào rào, con đập chắn nước như đang rung lên. Bên cạnh những cỗ xe, có những con ngựa đang đứng cúi đầu, nhiều người đang đi đi lại lại áo hơi ướt khoác trên mình. Trời ảm ướt mặt đất lầy lội nhớp nháp, khu đầm nước trong lạnh lẽo và giận dữ. Ivan Ivanuts và Burkin cảm thấy toàn thân mình ướt át, lấm láp, khó chịu, đôi chân nặng chình chịch vì bết đất; và khi qua bờ đập, bước chân lên dãy nhà kho của chủ nhân, họ im lặng như đang có chuyện gì câu giện nhau vậy.

Trong một căn nhà kho, có tiếng máy quạt lúa quay vù vù, cánh cửa mở rộng, bụi từ trong nhà bay ra tơi tấp. Trên ngưỡng cửa chính là Aliôkhin, một người đàn ông trạc bốn mươi tuổi, to cao, để tóc dài, trông giống một vị giáo sư hay một họa sĩ hơn là một vị điền chủ. Ông ta mặc một chiếc áo sơ mi đã lâu không giặt, ngang mình thắt dây lưng, mặc một chiếc quần đi ngựa, đôi ủng bám đầy đất quện rơm. Mắt và mũi dính đầy bụi bặm. Ông ta nhận ra ngay Ivan Ivanuts và Burkin, và trông rõ là ông ta mừng rỡ.

- Mời hai vị vào nhà tôi chơi. - Ông ta vừa nói vừa cười - Tôi về ngay bây giờ đây.

Nhà Aliôkhin khá to, gồm hai tầng. Aliôkhin ở tầng dưới trong hai căn phòng trần cuốn vòm và cửa sổ nhỏ -đấy là chỗ ở ngày xưa của người quản gia; nơi ăn chốn ở của Aliôkhin có một vẻ giản dị đơn sơ, thoang thoảng mùi bánh mì đen, mùi rượu vốt-ca rẻ tiền và mùi yên cương.

Ông ta ít khi lên gác, nơi có phòng lớn sang trọng hơn, ông chỉ lên đó khi có khách thôi. Bước vào nhà, Ivan Ivanuts

và Burkin gặp người hầu gái, một phụ nữ còn trẻ, xinh đẹp đến mức mà cả hai người bất giác cùng đứng sững lại và nhìn sang nhau.

– Các vị không thể hình dung nổi, tôi mừng thế nào khi gặp được các vị đâu. – Aliôkhin nói trong khi bước theo họ vào tiền sảnh – Tôi cũng không ngờ! Đây cô Pêlagâya, – Ông ta nói với người hầu gái – cô lấy cho mấy vị khách này quần áo khô để thay nhé. Tôi cũng phải thay quần áo. Nhưng mà trước tiên là phải đi tắm một cái đã chứ không lâu quá rồi, có lẽ từ dạo xuân tới giờ tôi chưa tắm. Hai vị cùng đi tắm với tôi đi, tắm xong thì cô cũng sẽ sửa soạn xong quần áo thay.

Cô Pêlagâya xinh đẹp, điệu bộ lịch sự, dáng vẻ dịu dàng, mang đến cho họ khăn tắm và xà phòng, Aliôkhin và hai vị khách đi ra nhà tắm ngoài đầm.

– Phải rồi, lâu lắm rồi tôi chưa tắm. – Aliôkhin vừa cởi quần áo ngoài vừa nói – Nhà tắm của tôi, các vị thấy đấy, cũng đẹp lắm chứ, làm từ thời còn cha tôi kia, nhưng mà cũng chẳng lúc nào rồi rãi mà tắm.

Ông ta ngồi xuống bậc, dội lên mái tóc dài, lên cổ, nước bên cạnh ông ngả sang màu nâu sẫm.

– Lâu lắm tôi không tắm rồi – Aliôkhin ngượng ngùng nhắc lại, ông ta lại xịt xà phòng dội nước lần nữa, nước bên cạnh chỗ ông ta ngồi lại hóa ra màu đen sẫm như màu mực.

Ivan Ivanuts bước ra ngoài cầu, nhảy ùm xuống nước, sỏi tay bơi dưới trời mưa, sóng tỏa chung quanh, những bông hoa súng trắng dập dình trên mặt sóng. Ivan Ivanuts bơi đến giữa đầm thì lặn xuống, một lát sau nổi lên ở chỗ khác, bơi một quãng rồi lại hụp xuống cố lặn tới đáy. “Chà, mát quá... – Anh thích thú nhắc lại – Chà, mát quá...”. Bơi đến bên cối xay gió, anh dừng lại nói chuyện với những người nông dân, rồi bơi ngược trở về, đến khoảng giữa đầm, anh bơi ngửa, để cho mưa rơi xuống mặt mình. Burkin và Aliôkhin đã mặc quần áo và sắp sửa vào nhà, mà Ivan Ivanuts thì vẫn còn bơi và ngụp lặn.

– Chà, mát ghê... – Anh nói – Cầu trời phù hộ...

- Anh sẽ gặp may đấy! - Burkin nói to xuống đầm cho Ivan Ivanuts nghe thấy.

Mọi người trở vào nhà. Và chỉ đến khi đèn đã chầm sáng trong căn buồng trên gác, Burkin và Ivan Ivanuts đã mặc bộ quần áo thoáng rộng, bằng lụa toàn tơ, đi giày ấm và ngồi trong ghế bành, còn Aliôkhin thì sạch sẽ, chải chuốt trong bộ cánh đen đi đi lại lại trên gác như để thưởng thức tất cả vẻ ấm áp, sạch sẽ, quần áo thơm tho, đôi giày mềm nhẹ, khi cô Pêlagâya xinh đẹp bước êm êm trên tấm thảm dài và dịu dàng cười bưng khay trà và bánh qui lên, chỉ đến khi đó, Ivan Ivanuts mới bắt đầu vào câu chuyện; và anh có cảm tưởng rằng, không phải chỉ Burkin và Aliôkhin nghe anh kể thôi đâu mà những bà mệnh phụ cả trẻ lẫn già, những ngài mặc quần phục đang lặng lẽ, nghiêm nghị đứng trong những khung ảnh mạ vàng nhìn xuống cũng chăm chú lắng nghe.

- Chúng tôi là hai anh em. - Ivan Ivanuts bắt đầu kể - Tôi và em tôi là Nhicôlai Ivanuts, kém tôi hai tuổi. Tôi theo đuổi việc học và trở thành bác sĩ thú y, còn Nhicôlai thì từ năm mười chín tuổi đã đi làm viên chức ở sở thuế vụ. Ông thân sinh chúng tôi là Trimsa Ghimalaixki, vốn là con nhà lính. Nhưng sau khi được phong hàm sĩ quan thì đã để lại cho chúng tôi danh hiệu quý tộc truyền đời và một trang ấp nhỏ. Sau khi ông thân sinh mất đi, tôi phải bán trang ấp để trả nợ, nhưng dù thế chẳng nữa, tuổi thơ ấu của chúng tôi cũng đã trôi qua dưới quầng trời khoáng đãng ở chốn thôn quê. Như tất cả lũ trẻ thôn quê khác, suốt ngày, suốt tối chúng tôi ở ngoài đồng, trong rừng, đi chăn ngựa, bóc vỏ cây, câu cá, bày đủ thứ trò chơi... Các vị có biết không, ai trong đời mình dù chỉ một lần câu được con cá rô, hoặc là đã nhìn thấy về mùa thu đàn chim sáo bay về phương Nam, vào những ngày tiết trời mát mẻ, quầng mây giăng hàng bay qua làng, thì người ấy không còn là dân thành phố nữa và cho đến khi chết, người ấy vẫn ước ao được sống giữa chốn thôn quê thoáng đãng. Làm ở sở thuế, em tôi cũng cảm thấy buồn tẻ lắm. Năm tháng cứ trôi qua, mà nó vẫn phải ngồi mãi một chỗ, ngày này qua ngày khác viết đi viết lại một thứ giấy tờ, lúc nào cũng mơ

ước được về sống nơi thôn dã. Dần dần, nỗi buồn nhớ của chú ấy biến thành một nguyện vọng cụ thể, ao ước làm sao tậu được một trang ấp nhỏ ở một nơi nào đó ven sông, hay ven hồ.

Em tôi là một người tốt bụng, dễ mến, tôi rất yêu cậu ta nhưng mà cái ao ước tự khóa chặt cả đời mình vào trong một trang ấp thì tôi không bao giờ thông cảm được. Người ta thường quen nói rằng con người chỉ cần ba thước đất. Nhưng chẳng phải là chỉ có xác chết mới cần ba thước đất, chứ con người đâu chỉ cần có thế! Bây giờ người ta cũng hay nói rằng nếu giới trí thức chúng ta để tâm nhiều hơn đến ruộng đất và ai nấy đều muốn về trang ấp thì đó là một điều đáng mừng. Nhưng rời bỏ thành phố, lánh xa những cuộc đấu tranh, lánh tránh cuộc sống sôi nổi, lẩn trốn về trang ấp của mình nơi thôn dã, đó không phải là sự sống, mà là sự ích kỷ, lười nhác, một kiểu đi tu, nhưng đi tu mà không lập nên kỳ tích gì. Con người không phải chỉ cần ba thước đất, không phải chỉ cần một trang ấp nhỏ, mà là tất cả trái đất, tất cả thiên nhiên; trên cả miền đất bao la ấy, con người mới có thể bộc lộ được hết phẩm chất và đặc điểm của tinh thần tự do của mình.

Những lúc ngồi bên bàn giấy, em tôi đã mơ tưởng đến ngày sẽ được ăn đĩa súp bắp cải hái từ vườn nhà mình tỏa mùi thơm phức, ngon lành khắp sân, mơ tưởng những bữa ăn dọn ngay trên thảm cỏ xanh, được ngủ trong khu vườn râm mát dưới ánh mặt trời, được ngồi hàng giờ liền trên chiếc ghế băng dài đặt ở lối cổng mà nhìn ra phía đồng và cánh rừng xa. Những cuốn sách nhỏ về nghề nông, những lời khuyên trong các cuốn lịch đã đem đến cho chú ấy niềm vui và là món ăn tinh thần chủ yếu; chú ấy ham đọc các báo, nhưng chỉ đọc trong đó những lời rao bán bao nhiêu mẫu đất, bãi cỏ cùng với những trang ấp có vườn, có cối xay gió, có sông lạch, ao đầm... Và trong đầu chú hiện ra hình ảnh những con đường nhỏ chạy quanh co trong khu vườn bên những khóm hoa, cây quả, chuồng chim sáo sậu trên cây cao và những đàn cá chép dưới ao, các vị biết đấy tưởng tượng theo lối đó thì vô cùng. Khi đọc những lời rao trên báo, chú ấy hình dung ra đủ những

bức tranh khác nhau, nhưng không hiểu vì lẽ gì trong những bức tranh thế nào cũng phải có khóm phúc bồn tử. Chúng ta không thể nào hình dung ra một trang ấp, một chốn đầy thơ mộng, mà lại thiếu khóm phúc bồn tử được.

- Cuộc sống nơi thôn quê có những thú vị riêng. - Nhiều lần chú ấy nói - Ngồi trên ban công uống trà, dưới ao, đàn vịt của anh đang bơi lội, hương cây ngào ngọt, và...và khóm cây phúc bồn tử mỗi ngày một lớn...

Chú ấy vạch ra viễn cảnh của trang ấp tương lai, và lần nào cũng vậy, viễn cảnh ấy hiện ra theo trình tự như sau: a) nhà trang chủ, b) nhà cho người làm, c) vườn rau, d) khóm phúc bồn tử. Chú ấy chi tiêu rất dè sẻn, ăn không no, uống không đủ, mặc xoàng xĩnh thế nào xong thôi, trông như kẻ hành khất, dành dụm được đồng nào chú ấy đều gửi vào nhà băng tất, tính tình chú ấy trở nên tham lam. Trông thấy chú ấy, tôi động lòng thương, thỉnh thoảng vào các dịp lễ tết, tôi cũng gửi giúp ít tiền, nhưng chú ấy đều để dành, không tiêu đến. Nếu người ta đã mãi mê theo đuổi một ý định gì, thì chẳng biết khuyên can thế nào được nữa.

Năm thánh qua đi, chú ấy chuyển sang làm ở một tỉnh khác, tuổi đã ngoài bốn mươi, thế mà chú ấy vẫn theo dõi đọc những lời rao vặt trên báo và dành dụm tiền. Sau đó tôi nghe là chú ấy lấy vợ. Cũng vẫn với mục đích làm sao mua được một trang ấp nhỏ có khóm cây phúc bồn tử chú ấy đi lấy một bà góa già, xấu xí mà lòng không chút yêu đương nào, chỉ bởi một lẽ rằng bà ta có một món tiền kha khá. Chú sống với vợ vẫn theo lối dè sẻn, hà tiện, cho bà ta ăn uống kham khổ, bao nhiêu tiền của bà ấy chú đều gửi tất cả vào nhà băng theo tên mình. Ngày trước bà ta lấy một ông chủ sự bưu điện; sống với ông ấy, bà ta quen được ăn các thứ bánh ngọt ngon lành, uống rượu mùi hảo hạng, còn bây giờ sống với chồng mới, bà dần dần héo mòn, ốm yếu trong cảnh sống như thế, chỉ khoảng ba năm sau là đã về chầu thượng đế. Và tất nhiên người em trai không bao giờ nghĩ rằng chú ấy có lỗi trong cái chết của bà ta. Tiền bạc, như rượu trắng, biến tâm tính con người thành kỳ quặc. Ở ngoài thành phố tôi ở, có một gã lái

buôn hấp hối, trước khi chết y bảo người nhà mang đến một đĩa mật rồi chấm mật ăn hết số tiền và vé số trúng của mình, để số tiền đó không rơi vào tay ai khác. Có lần tôi đang khám cho một đám súc vật trên ga thì có một tay buôn ngựa bị ngã vào trước đày tàu đang chạy, anh ta bị cụt mất một chân. Chúng tôi khiêng anh ta vào phòng trong ga, máu chảy lên lán, thật là khủng khiếp, thế mà anh ta chỉ một mực đòi mọi người tìm lại cho anh ta đoạn chân đã bị cụt, anh ta lo lắng một điều rằng trong đôi ủng nơi cẳng chân cụt của anh ta có nhét vào hai mươi rúp, chỉ sợ số tiền ấy bị mất.

- Anh kể lạc đề rồi đấy. - Burkin nói.

- Sau khi vợ chết, - Ivan Ivanuts nghĩ ngợi một lát rồi kể tiếp - người em trai tôi bắt đầu đi tìm một trang ấp. Tất nhiên là dù rằng có tìm chọn suốt dăm năm chẳng nữa, cuối cùng vẫn có thể phạm sai lầm, mua phải nơi khác xa mơ ước của mình. Qua một tay môi giới, chú ấy đã mua một khu đất rộng

một trăm hai mươi đêxiachin ^[vii], có nhà lớn dành cho trang chủ, nhà cho người làm, có vườn hoa, nhưng không có vườn cây ăn quả, không hề có khóm phúc bồn tử nào, không có ao đầm vẹt lội; kể bên một dòng sông nhưng nước đen sẫm như nước cà phê vì một bên sông là nhà máy gạch ngói, một bên nữa là nhà máy nung xương. Nhưng anh chàng Nhicôlai của tôi không lấy làm buồn; chú ấy đặt mua liền hai mươi khóm phúc bồn tử đem về trồng và bắt đầu sống cuộc đời một nhà điền chủ.

Năm ngoái tôi có đến thăm chú ấy. Tôi định đến xem người em ăn ở ra sao. Trong những bức thư gửi cho tôi, anh ta tự gọi trang ấp của mình là “bãi hoang Tsum-ba-rốc-lốp”, “Ghi-ma-lai-xkô-ê-tôs”. Quá trưa hôm đó, tôi đến “Ghi-ma-lai-xkô-ê-tôs”. Trời nóng bức. Chỗ nào cũng thấy mương rãnh ngang dọc, nhiều hàng thông non mới được trồng, không thể biết được lối nào là lối đi vào sân, chỗ nào là chỗ buộc ngựa. Tôi bước lại gần ngôi nhà; đi ngược về phía tôi là một con chó lông màu vàng sẫm, béo phịch phịch như lợn... Chắc nó muốn sữa lắm, nhưng lười nhác nên lại thôi. Một mụ

đầu bước ra, chân đi đất, cũng béo ục ịch như lợn, bà ta nói rằng ông chủ đang nằm ngủ sau bữa ăn trưa. Tôi vào trong phòng người em trai, anh ta ngồi trên giường, chân phủ kín chân; trông chú ấy già đi, người béo bệu trắng nhợt, má, mũi và đôi môi cứ chảy ra.

Chúng tôi ôm nhau, sụt sịt khóc một chút, phần vì mừng quá, phần thì buồn rầu nghĩ rằng mới ngày nào còn trẻ trung mà bây giờ cả hai tóc đều đã lốm đốm bạc, chẳng mấy chốc là đến lúc chết rồi. Anh ta mặc quần áo vào rồi dẫn tôi đi xem trang ấp của mình.

- Thế nào, chú sống ra sao? - Tôi hỏi.

- Nhờ trời, không đến nỗi nào, cũng thoải mái anh ạ.

Đây không còn là chàng viên chức nghèo rụt rề ngày xưa, mà đã là một điền chủ thực sự, một ông bá hộ. Anh ta đã sống quen ở đây, quen với nếp sống nhàn nhã mới, ăn rất nhiều, tắm trong nhà tắm, người dần phát phì ra, đã có chuyện kiện cáo với những kẻ giàu sang trong vùng và với hai nhà máy bên sông; mỗi lần nông dân không thừa gởi với chú ấy bằng chữ “bẩm ngài” thì chú ấy nổi giận thật sự. Chú ấy cũng biết lo đến nơi đến chốn cho phần hồn của mình, theo lời người giàu; và chú ấy làm những việc từ thiện không phải là một cách giản đơn mà đầy vẻ hệ trọng. Những việc từ thiện là việc gì? Là chữa các thứ bệnh cho nông dân bằng nước xô-đa, bằng dầu thầu dầu, vào những ngày thánh trùng tên với mình thì làm lễ tạ ơn ở giữa làng, rồi sau đó cho đem đến nửa thùng rượu và nghĩ rằng cần thiết phải làm thế. Chao ôi, những thùng rượu nửa vò như thế thật là khủng khiếp! Hôm nay ngài địa chủ béo bệu lôi đến nhà hội đồng hương chính bắt vạ những người nông dân vô ý để ngựa ăn lúa, thế mà hôm sau, vào ngày lễ, ngài ấy đã đem đặt giữa sân một thùng rượu lưng lưng, và những người nông dân xúm vào uống, miệng kêu gào tung hô ông chủ, say mềm phủ phục dưới chân người làm phúc! Cuộc sống thay đổi theo chiều hướng đầy đủ hơn, sự no nê, nhàn rỗi - những cái đó đã làm tăng lên trong con người Nga cái tính hợm hĩnh tự phụ, điều đáng ghê tởm nhất. Anh chàng Nhicôlai xưa kia, hồi còn làm ở bàn giấy sở thuế,

nhút nhát đến mức không dám có ý kiến riêng, bây giờ thì lại chỉ nói rất những điều chân lý, với cái giọng hệt như ngài bộ trưởng, đại loại: “Học thức là cần thiết, nhưng đối với dân chúng thì hơi sớm”. “Nhục hình nói chung là có hại, nhưng trong một vài trường hợp thì nó cũng giúp ích và không thể thay thế được.

- Tôi hiểu đám dân chúng và biết cách đối xử với họ. - Anh ta nói - Dân chúng kính nể tôi. Tôi chỉ cần giơ ngón tay trở lên là bọn họ sẽ làm tất cả những gì tôi muốn.

Các vị nên để ý rằng, chú ấy nói những lời ấy với nụ cười ra vẻ thông minh và phúc hậu. Có đến hai chục lần tôi nghe thấy chú ấy nói: “những nhà quý tộc”; chắc hẳn là chú ấy đã quên mất rằng ông nội chúng tôi là nông dân, còn ông thân sinh vốn là lính. Thậm chí cả cái họ Trimsa-Ghimalaixki thực ra nghe cũng chẳng lấy làm gì thuận tai cho lắm, đối với anh ta bỗng trở nên thú vị, êm tai, nghe rất kêu và đầy vẻ quý phái.

Nhưng điều đáng nói là không phải về phần chú ấy, mà là về phần tôi. Tôi muốn kể cho các vị nghe những gì đã đổi thay trong tôi vào thời gian ngắn ngủi tôi đến thăm trang ấp. Buổi tối, khi chúng tôi ngồi uống trà, mụ đầu bếp bưng lên bàn cả một đĩa đầy quả phúc bồn tử. Đó không phải là của đi mua về, mà là của nhà hái lần đầu tiên kể từ khi những khóm phúc bồn tử được trồng sau vườn nhà. Nhicôlai Ivanuts cười thích chí, rồi im lặng nhìn đĩa phúc bồn tử một lúc, ứa nước mắt - anh ta không thể nói được câu gì vì xúc động, lát sau anh ta đưa lên miệng một quả, nhìn tôi với vẻ đắc thắng của đứa trẻ cuối cùng đã có được thứ đồ chơi nó mơ ước và nói:

- Chà, ngon quá!

Anh ta ăn nghiêng ngấu, luôn mồm nhắc lại:

- Chà, ngon thật! Anh ăn thử mà xem!

Thứ quả ấy vừa cứng vừa chua, nhưng như Puskin đã nói: “bóng tối của chân lý còn đáng quý hơn là sự giả dối tâng bốc chúng ta”. Tôi đã nhìn thấy một người hạnh phúc, ước mơ ấp ủ bấy lâu đã biến thành sự thực, anh ta đã đạt được mục tiêu trong cuộc sống, đã có được cái mà anh ta muốn, đang

thỏa mãn với số phận của mình, thỏa mãn với chính bản thân con người mình. Không hiểu vì đâu những ý nghĩ riêng của tôi về hạnh phúc con người bao giờ cũng pha lẫn buồn rầu; và đến lúc này, khi nhìn thấy trước mặt một con người thỏa mãn hạnh phúc, một cảm giác nặng nề gần như tuyệt vọng đã choán cả lòng tôi. Nhất là về đêm khuya. Người hầu soạn dọn chỗ ngủ cho tôi trong văn phòng bên cạnh giường ngủ của em tôi, và tôi nghe rõ anh ta trằn trọc không ngủ được, chốc chốc lại trở dậy, bước ra chỗ bàn đặt đĩa phúc bồn tử và nhặt từng quả đưa lên miệng. Tôi nghĩ rằng, quả thật đã có quá nhiều người thỏa mãn, hạnh phúc! Đó là cả một sức đè nặng ghê gớm! Các vị hãy thử nhìn kỹ vào cuộc đời này: sự đê tiện, nhàn hạ của những kẻ có quyền thế và sự u mê, lam lũ như súc vật của những người bị trị, chung quanh là cảnh nghèo khổ đến cùng cực, chật chội, tha hóa, rượu chè, nghiện ngập, đạo đức giả, dối trá... Thế mà trong tất cả các ngôi nhà, trên tất cả mọi đường phố vẫn im lặng, yên tĩnh; trong cả số năm mươi vạn người sống trong thành phố, không có lấy một người hét to lên, giận dữ. Chúng ta nhìn thấy những người đi chợ mua rau, mua thịt, ban ngày thì ăn, ban đêm thì ngủ, những người nói với nhau những lời vô vị vô nghĩa, lấy vợ, lấy chồng sinh con để rồi già đi, những người lặng lẽ và vô tư đưa người thân ra chốn nghĩa trang, nhưng chúng ta không nghe thấy, không nhìn thấy những người đang đau khổ, và dường như những điều kinh khủng trong cuộc sống chỉ diễn ra ở một nơi nào khuất kín. Mọi sự đều yên tĩnh, êm thấm, và chỉ có những con số thống kê âm lạnh là biết phản đối: bao nhiêu người đã phát điên, đã uống hết bao nhiêu thùng rượu, bao nhiêu trẻ con bị chết yểu vì thiếu ăn... Và cái thứ trật tự ấy chắc là cần thiết; rõ ràng là kẻ hạnh phúc cảm thấy mình sung sướng chỉ vì rằng những người bất hạnh đã im lặng chịu đựng gánh nặng đè lên đầu, lên cổ mình; không có sự im lặng ấy thì không thể có hạnh phúc cho những người kia. Đó là một trạng thái mơ ngủ khắp nơi. Cần phải làm sao để cứ ở ngoài cửa buồng mỗi kẻ an nhàn, sung sướng có một người đứng cầm búa và luôn tay gõ vào cửa nhắc nhở rằng hiện đang có

những người bất hạnh, rằng dù anh sung sướng đến đâu sớm hay muộn rồi cuộc sống cũng sẽ cho anh biết thế nào là móng vuốt của nó. Tai họa sẽ giáng xuống đầu anh, đó là nghèo đói, bệnh tật, thua lỗ, và sẽ không ai nghe thấy, nhìn thấy anh ta cũng giống như bây giờ anh ta không nhìn thấy, nghe thấy một ai khác. Nhưng không có ai cầm búa gõ, kẻ thỏa mãn vẫn sống bình yên, và những lo toan nhỏ nhặt ngoài đời chỉ làm tâm trí anh ta khẽ xao động như cành dương trước làn gió nhẹ – và vạn sự đều êm thắm cả.

– Vào đêm hôm ấy, tôi hiểu rõ rằng, chính tôi cũng là một kẻ thỏa mãn, sung sướng. – Ivan Ivanuts đứng dậy nói tiếp – Tôi cũng thuyết lý về cách sống, cách cai trị dân chúng, về đức tin trong bữa ăn và trong lúc đi săn. Tôi cũng nói rằng học thức là ánh sáng, rằng học thức là cần thiết, nhưng đối với quảng đại dân chúng thì bây giờ chỉ cần biết chữ thôi cũng được rồi. Tôi nói, tự do là một quyền lợi lớn, cần thiết như khí trời không thể không có được, nhưng cần phải chờ đợi mới có. Phải rồi, tôi đã nói như thế, và bây giờ tôi xin hỏi: vì lẽ gì mà phải chờ đợi như vậy? – Ivan Ivanuts hỏi, cúi kính nhìn vào Burkin – Vì lẽ gì mà phải chờ đợi, tôi xin hỏi các vị. Vì những lý sự gì? Người ta nói với tôi rằng tất cả không phải là có ngay trong một lúc, mọi ý định trong cuộc sống đều được thực hiện dần dần, đúng lúc, đúng thì của chúng. Nhưng điều đó ai nói? Có gì chứng minh rằng điều đó là đúng? Họ viện vào cái gọi là trật tự tự nhiên của sự vật, vào tính quy luật của mọi hiện tượng, nhưng liệu có chút quy luật nào trong trường hợp nếu tôi, một người đang sống, biết suy nghĩ, đứng bên cạnh một cái hào và chờ cho nó tự lấp, hay là bùn lấp lấp cho nó, trong khi tôi có thể tự nhảy qua hoặc là đặt qua nó một cái cầu? Và vấn đề là vì lẽ gì mà phải chờ đợi? Chờ đợi khi không còn sức để sống, trong khi cần phải sống và muốn sống!

Sáng sớm hôm sau tôi rời khỏi trại người em và từ đó tôi không thể nào chịu được mỗi khi phải ở trong thành phố. Sự im lặng, yên tĩnh, êm thắm chung quanh làm lòng tôi nặng trĩu, tôi sợ hãi không dám nhìn lên những khung cửa sổ, bởi vì đối với tôi bây giờ không có cảnh nào kinh khủng hơn

là cảnh một gia đình yên ấm ngồi quây quần quanh bàn và uống nước chè. Tôi đã già, không còn sức tranh đấu, thậm chí tôi không còn sức để cảm giận nữa. Tôi chỉ còn biết buồn bã trong lòng, bức bối, khó chịu, đêm đêm đầu tôi quay cuồng với những ý nghĩ theo nhau dồn dập đến, và tôi không thể nào ngủ được. Ôi, nếu tôi còn trẻ trung!

Ivan Ivanuts xúc động đi đi lại lại trong phòng và nhắc lại:

- Ôi, nếu tôi còn trẻ trung!

Bất ngờ, ông bước lại gần Aliôkhin, lần lượt nắm cả hai tay Aliôkhin và nói với giọng gần như cầu khẩn:

- Paven Kônxtanchinuts! Đừng an phận, đừng để cho còn người mình mê ngủ! Bây giờ anh còn trẻ, khỏe, đầy nghị lực, hay hãy làm nhiều việc thiện, đừng mệt mỏi! Hạnh phúc không có, và không thể có, nhưng nếu trong cuộc sống có ý nghĩa và mục đích, thì ý nghĩa, mục đích đó chắc chắn hoàn toàn không phải ở trong hạnh phúc của riêng ta mà là ở một cái gì cao cả hơn, hợp lý hơn. Anh hãy cố làm nhiều điều thiện!

Tất cả những lời đó, Ivan Ivanuts nói với nụ cười đáng thương, đầy vẻ khẩn cầu, dường như anh nói những lời đó để khẩn cầu cho riêng mình.

Sau đó, cả ba người đều ngồi trong những chiếc ghế bành đặt ở góc khác nhau trong phòng khách, và cùng im lặng. Câu chuyện của Ivan Ivanuts không làm cho Burkin, không làm cho Aliôkhin cảm thấy thỏa mãn chút nào. Khi mà những vị tướng, những bà mệnh phụ vào buổi chiều tà trông như người sống thực đang từ trên khung ảnh mạ vàng nhìn xuống gian phòng thì thật là buồn tẻ khi phải nghe câu chuyện về anh viên chức nghèo ăn phúc bốn tử. Không hiểu vì sao, trong khung cảnh ấy người ta muốn được nghe về những người đẹp đẽ, về những phụ nữ. Và cái mà tất cả- từ những chùm đèn treo đang phủ vải, đến ghế bàn, đến thảm trải dưới chân- đều nhắc nhở rằng nơi đây ngày xưa các bà, các ông đang nhìn từ trong khung cảnh dát vàng kia đã từng đi lại, ngồi uống trà, và cả cái điều rằng trước mắt ba người giờ đây,

cô Pêlagâya xinh đẹp đang nhẹ nhàng bước đi, những điều ấy còn thú vị hơn cả mọi câu chuyện.

Aliôkhin cảm thấy buồn ngủ ghê ghớm; để lo việc đồng áng, ông ta đã dậy rất sớm, từ lúc ba giờ sáng, và bây giờ mắt ông ta díp lại; nhưng sợ rằng, khi vắng mặt mình, nhớ khách lại kể chuyện gì lý thú, nên ông vẫn ngồi nguyên, không bỏ đi. Những điều Ivan Ivanuts vừa nói có thông minh không, có đúng không, Aliôkhin cũng chẳng cất công nghĩ ngợi làm gì; các vị khách không nói về lúa má, rơm mạ, về nhựa thông, mà họ nói về một chuyện gì chẳng có quan hệ trực tiếp đến cuộc sống của ông, và ông thấy vui vui, muốn họ tiếp tục câu chuyện.

– Nhưng mà cũng đến giờ đi ngủ rồi đấy! – Burkin, vừa đứng dậy vừa nói – Cho phép tôi chúc ông đêm nay ngủ ngon.

Aliôkhin chào khách rồi trở xuống buồng ngủ của mình dưới nhà, khách thì ở lại trên gác. Chủ dành cho khách cả căn buồng to với hai chiếc giường gỗ rộng đầy đường nét chạm trang trí, trong góc phòng có đặt bức tượng chúa Giêsu bị đóng đinh câu rút bằng ngà voi; khăn gối mát dịu mà cô Pêlagâya xinh đẹp vừa soạn dọn tỏa ra mùi thơm tho, sạch sẽ.

Ivan Ivanuts lẳng lẽ cởi quần áo ngoài và nằm xuống giường.

– Xin các đấng bề trên tha tội cho chúng con! – Ông lâm lâm nói và lấy chăn che kín đầu.

Từ cái tẩu cháy dở của ông đặt trên bàn tỏa ra một mùi thuốc lá khen khét; rất lâu Burkin không ngủ được, không biết cái mùi khen khét khó chịu đó ở đâu ra.

Ngoài song cửa sổ, mưa vẫn đều đều rơi suốt đêm.

1898

LÃO QUẢN BI

– Quản Bi, ngày mừng ba tháng chín anh phạm vào tội phỉ báng bằng lời nói và việc làm đối với trương tuần Di, với thẩm phán trong quận, bá hộ E, các chức sắc Va và Ga, và sáu nông dân. Anh phỉ báng ba người trên trong khi họ thi hành nhiệm vụ. Anh có nhận là anh phạm tội không?

Bi-chi-bép, người quản lợm khộm nhăn nheo, râu cạo lởm chởm, một cách rất nhà binh, úp bàn tay vào đường can ống quần, trả lời bằng một giọng khàn và nén xuống, dẫn vào từng tiếng như là y vẫn thường chỉ huy:

– Kính bầm cụ lớn chánh án, chiếu theo các điều khoản trong luật pháp, thì có một lối để chứng thực mọi tình huống bằng cách cho đối chất. Kẻ phạm pháp không phải là tôi, mà chính là những người khác. Cả cái chuyện này gây ra là do một cái xác chết – xin Trời hãy thương lấy linh hồn kẻ đó. Bữa mồng ba tháng này, tôi đang đi với bà An nhà tôi một cách thong dong và đường hoàng, thế rồi tôi thấy ở bờ sông cả một đám đông gồm đủ hạng người. Tôi hỏi họ xem căn cứ vào cái quyền gì mà bọn họ túm tụm lại đó? Tại làm sao lại như thế? Trong luật pháp có chỗ nào nêu lên là người ta phải đi hàng đàn không? Tôi la lên: “Các anh tản ra đi!” Tôi bèn xô dõn mọi người để cho ai nấy đều về nhà, tôi ra lệnh cho ông bá phải tống cổ họ đi...

– Khoan đã, anh không phải là trương tuần, cũng không phải là ông cụ; việc của anh có phải là việc bắt mọi người phải giải tán đi không?

– Không phải việc của anh ta! Không phải việc! từ các góc phòng, nhiều tiếng nhao nhao lên. Bầm quan lớn, anh ta không để yên cho chúng con làm ăn!... Chúng con chịu đựng anh ta đã mười lăm năm nay... Từ khi anh ta giải ngũ về làng, có thể nói là chúng con đều muốn bỏ làng mà đi! Anh ta dõn mọi người đến chỗ cùng đồ!

Ông Cự, được đòi ra tòa dẫn chứng, nói:

- Có như thế đó, bầm Quan lớn. Quả là dân làng đều có kêu ca. Cũng không còn cung cách gì mà sống được cùng anh ta nữa! Hoặc là chúng tôi rước tranh thờ, hoặc là có đám cưới xin, hoặc là nói tóm lại, trong mọi việc, là đều thấy anh ấy quát tháo, hò hét, đòi dẹp cái này dẹp cái khác... Anh ta béo tai con trẻ, nom dòm đàn bà để đừng xảy ra việc nọ việc kia, in tuồng anh là bố chồng người ta ấy... Một bữa nọ, anh đi tua quanh khắp các nhà và ra lệnh không ai được ca hát và tối không được thắp đèn; anh ta giải thích là không thấy có luật lệ nào cho phép hát hồng...

Quan tòa ngắt:

- Hãy khoan, sẽ tới lúc các anh dẫn chứng ra sau. Hãy để cho Bi-chi-bép tiếp tục trình bày những gì cần nói ra. Bi-chi-bép, cứ tiếp tục đi!

Giọng viên hạ sĩ khàn khàn:

- Xin tuân lệnh ngài! Bầm Cự Lớn, ngài có hạ cố mà phân xuống rằng ra lệnh cho mọi người giải tán là không phải cái việc của con. Bầm ngài, cũng cho là như vậy đi! Và giả thử có xảy ra một vài tình trạng hỗn loạn? Thử hỏi rằng có thể để cho mọi người làm loạn không? Xin cho biết xem luật pháp có cho mọi người ai muốn làm gì thì làm không? Thưa ngài, tôi không thể dung tha những cái như thế! Nếu không là tôi bắt họ giải tán đi đi và đe nẹt họ, thì là ai đây? Không một ai am tường những quy chế xác thực và trong làng, bầm Cự Lớn, có thể nói rằng chỉ có một mình con là hiểu được cái cách đối xử với cái bọn ti tiện; và bầm Cự Lớn, con có thể hiểu tất cả. Con không phải là bần cố nông, mà là hạ sĩ quan ở bộ phận cung cấp nay về hưu trí, đã từng phục vụ ở Vác-xô-vi, tại bộ tham mưu; thêm nữa, xin ngài biết cho là sau khi được chuyển ngành, con có vào lính chữa cháy; rồi vì lý do thiếu sức khỏe và bệnh tật, con không ở đội cứu hỏa, và xin vào làm gác cổng trường trung học sơ cấp chính cống của thanh niên được hai năm... Thưa ngài, các thứ nội quy, tôi đều biết hết thảy. Mà cái đám dân quê đều là những người ngờ nghệch, họ chẳng nghe thủng cái gì cả; mà họ phải tuân theo tôi bởi vì tôi

xử sự như thế là chính vì lợi ích của họ. Xin đưa ra việc này làm ví dụ... Tôi bảo mọi người phải giải tán đi, và trên bãi cát bờ sông lại có cái xác một người chết trôi nằm ềnh ra đó. Tôi xin hỏi rằng kẻ chết kia vin vào cái lý lẽ gì mà nằm ra đó? Cái đó có là trật tự không? Thế trương tuần để làm gì? Tôi mới hỏi trương tuần rằng, tại sao bác không đi trình các quan? Có thể là kẻ quá cố chết trôi kia trẫm mình, hoặc cũng có thể là một vụ xổng tù có dính đến bọn phạm nhân phát vãng đi Xi-bê-ri đó chẳng? Có thể lại là một vụ án mạng... Và bác trương tuần Di cũng chẳng chú ý gì đến; bác ta cứ kéo tiếp mỗi thuốc mà nói: “Chuyện chi mà anh cứ làm như là một người ra mệnh lệnh ấy? Cái người truyền lệnh đó, mọc ra từ đâu vậy? Không có anh ta đó thì chúng tôi đây há lại không biết công việc chúng tôi phải làm hay sao?”. Vì thế cho nên con mới bảo anh ta là đồ ngu, anh chẳng biết gì cả, chúng có là anh ngồi lì ra đấy mà chẳng chú ý đến gì hết. Anh ta bảo: “Ngay từ hôm qua, tôi có trình với xã tuần”. Tôi hỏi lại là tại sao lại trình cái việc như thế với xã tuần? Dựa vào điều nào của mặt luật? Xã tuần có thể giải quyết được tới mức nào những vụ chết trôi hoặc bóp cổ, hoặc những vụ na ná như rứa? Tôi bảo hẳn anh ta rằng đây là một vụ án về mặt hình, mặt hộ... Tôi có bảo việc này anh phải cấp tốc cho chạy công văn lên quan dự thẩm và các vị chánh án, tôi nhờ anh cứ làm đúng như thế cho! Và trước hết, xin anh hãy làm một cái biên bản, và gửi lên quan chánh án. Thế là anh ta, một anh trương tuần, cứ nghệt ra mà nghe và nhả răng cười! Lại cả cái đám bần nông nữa... Bẩm Cụ Lớn, tất cả chúng nó đều cười. Về điểm này, tôi xin thể mà khai như vậy. Người này cười, người nọ cũng cười, và lão Di cười. Tôi vặn họ lại tại sao họ nhe cả răng ra? Thế rồi trương tuần mới đứng đĩnh nói: “Những việc như thế này, không thuộc phạm vi giải quyết của ông chánh án”. Những chữ đó đã làm cho tôi nóng máu lên... Này, – Bi-chi-bép quay hỏi trương tuần Di – này, trương tuần, anh có nói đúng như thế chứ?

– Phải, tôi có nói thế.

– Mọi người đã nghe rõ anh nói như vậy trước tất cả nhân dân: “Những việc thế này không thuộc phạm vi giải

quyết của ông chánh án”. Mọi người đều có nghe thấy! Việc này làm tôi nổi nóng lên, bầm Cự Lớn, và tôi lại còn lo sợ nữa. Tôi bảo: “Này người kia, hãy nhắc lại, thử nhắc lại cái câu mà vừa nói!”. Và hẳn ta đã nhắc lại câu đó... Tôi, tôi liền xông tới phía hắn. Tôi hỏi: “Đối với quan chánh án, tại sao mi dám ăn nói như vậy? Mi là trương tuần, mà mi lại chống lại chính quyền? Hả? Mi có biết rằng, chỉ riêng những lời lẽ như thế, quan chánh án có thể, nếu ngài muốn, tổng giam mi ở cục Hiến binh vì tình nghi về thái độ? Phải đó, vì những câu nói có tính chất chính trị như vậy, mi có biết rằng quan chánh án còn cho mi đi tới những đâu nữa không?”. Và ông thẩm phán cũng chen vào: “Quan chánh án cũng không thể làm quá được ngoài quyền hạn của mình. Chỉ những việc nhỏ là thuộc phạm vi giải quyết của ngài”. Ngay ông ta cũng nói như vậy; mọi người đều nghe cả đó! Tôi bảo: “Sao anh dám hạ uy tín của chính quyền? Mà này, khá chớ có cốt nhả với ta; bằng không, chú kia, sẽ có chuyện chẳng hay xảy ra giờ!”. Trước kia, ở Vác-xô-vi, hoặc khi tôi còn gác cổng trường trung học sơ cấp chính cống của thanh niên, mỗi lần tôi nghe thấy những danh từ lệch lạc, là tôi ngó ra ngoài phố xem xem có người lính sen-đầm nào để bảo họ: “Anh kỵ mã, hãy lại đây” – và tôi sẽ phản ánh lại hết với anh ta. Nhưng mà, ở làng thì sẽ nói với ai đây?... Tôi liền nổi giận. Sự xao lãng bốn phận trong những cái nông nghênh và những việc bất phục tùng của mọi người ngày nay đã làm cho tôi phải chướng tai gai mắt; và tôi đã giơ cánh tay lên... dĩ nhiên là không có gì là mạnh quá, nhưng mà nó như thế này này, một cách bình thường, nhẹ nhàng, để cho họ hết ăn nói như thế đối với Cự Lớn đây... Trương tuần bèn thẩm phán. Và cho nên, tôi đã đánh trương tuần... Và cứ thế đó... Bầm Cự Lớn, tôi đã phát khùng lên, nhưng có thể nào mà lại không dùng đến võ lực được không? Người ta thật là có điều không phải với lương tâm khi mà người ta không đánh những đứa ngu ngốc; nhất là khi mà một cái điều... và nếu lại có sự hỗn loạn...

– Hãy khoan! Để phòng ngừa những việc rối trật tự, đã sẵn có người hẳn hoi. Về những việc ấy, đã có trương tuần, lý

cựu, bá hộ...

- Trương tuần không thể trông nom hết được, và anh ta không hiểu hết được những cái mà tôi hiểu thấu...

- Nhưng mà anh phải biết rằng đây không phải là cái việc của anh!

- Sao, thưa ngài? Không phải phận sự tôi? Thưa ngài, thế này thì dị kỳ thật!... Có những kẻ đứng ra làm loạn, mà lại không dính dáng đến phận sự của tôi! Ý chừng tôi phải khen thưởng họ chắc! Họ kêu ca rằng tôi ngăn cấm họ hát... Mà có gì hay hóm trong các điệu hát? Đáng lý ra phải chuyên tâm vào việc làm ăn, thì họ hát... Rồi họ lại còn vẽ trò ra mà tối tối thấp đèn. Phải đi nằm đi rồi ngủ, thì họ gẫu chuyện và cười cợt! Thưa ngài, tôi có ghi cả đấy!

- Anh đã ghi những gì?

- Những người nào mà nhà có giông đèn.

Bi-chi-bép rút ở túi ra một mảnh giấy nhờn mỡ, chính là mắt kính và đọc:

- Những nông dân buổi tối có thấp đèn: I-van, Sa-va, Pi-ốt, vợ Chút là vợ góa một thầy quyền nay ăn nằm bữa bãi với Sê-mi..., I-nhát làm trò tà thuật và vợ y là một con mẹ phù thủy đêm đêm lên đi vắt sữa ở bò mọi nhà.

- Thôi được! - Quan tòa truyền.

Và ngài bắt đầu hỏi các nhân chứng.

Lão quản Bi-chi-bép đẩy cặp mắt kính lên quá trán, ngạc nhiên mà nhìn ông chánh án đã hiển nhiên không đứng về phía lão. Cặp mắt lồi của lão nhấp nhánh; cái mũi lão trở nên đỏ gắt. Lão nhìn quan tòa, nhìn các người làm chứng; lão không thể hiểu được tại sao quan chánh án lại xúc động đến thế, và tại sao từ góc này góc nọ phòng họp lại thấy nổi lên lúc thì những tiếng xì xào lúc thì những tiếng cười cố nén lại. Đối với lão, bản án cũng thật là khó hiểu: một thàng tù ngồi. Lấy làm không hiểu nổi, lão dang cả hai cánh tay:

- Sao lại thế được? Luật nào vậy?

Cũng đã khá rõ ràng để lão thấy rằng cuộc đời đã chuyển biến và khó mà sống được giữa cuộc đời này. Người lão tràn ngập những ý nghĩ u ám, bi ai. Nhưng ra khỏi phòng và nhác

thấy đám nông dân quần tam tụ ngũ bàn tán cái này cái khác,
và cũng do tật cũ không sao bỏ được, lão lập chính mà quát,
giọng khàn và khùng:

– Bọn các người, giải tán ngay!... Không được tụ tập lại!
Ai về nhà nấy!

Nguyễn Tuân dịch

MỘT CÂU ĐÙA

Văn tặng H. [viii]

Buổi trưa một ngày đông khô sáng...

Trời giá cóng đến xé đá ra. Na đưa tay cho tôi khoác, và Na có những món tóc quấn xòa xuống mang tai và hơi sương làm ánh lên những tơ lông măng nơi môi trên nàng. Hai đưa tôi ở trên một ngọn đồi tuyết cao. Từ chân chúng tôi xuống tới mặt đất, trên một cái mặt bằng thoai thoải xuống, ánh dương hắt lại như từ trong một tấm gương. Kề chỗ chúng tôi, là những xe trượt băng xinh xắn phủ dạ đỏ ngòm. Tôi liền năn nì:

- Chúng ta lao dốc đi, Na ơi. Một lần thôi! Anh quả quyết rằng chúng ta không việc gì đâu!

Nhưng Na sợ. Từ chỗ đôi giày xinh đẹp của nàng tới chân ngọn đồi tuyết, đối với nàng, cả cái khoảng rộng đã trở thành một cái vực ghê gớm, thăm thẳm khôn lường. Nàng thất thần, hơi thở ngừng lại mà nhìn xuống phía dưới, khi tôi mới gạn thử nàng là ngồi vào xe trượt băng, và có chỉ là đáng phải ngại ngừng nếu nàng dám mạnh dạn mà lao xuống vực. Nàng sẽ chết mất, nàng phát cuồng mất! Tôi nói:

- Anh van em đi! Không nên sợ sệt! Em phải biết rằng như thế là bạc nhược, là nhút nhát.

Sau cùng nàng cũng chiều theo và trông diện sắc nàng, tôi biết nàng đã làm theo với nỗi e ngại cho tính mệnh. Tôi đặt nàng ngồi vào xe trượt băng, nàng tái mét, run lẩy bẩy, tôi ôm nàng ngang lưng và cùng nhau đổ xuống vực thẳm.

Chiếc xe trượt băng vèo bay như một phát đạn. Khoảng không khí mà chúng tôi xé đôi ra đã quất mạnh vào mặt, tru tréo lên, kêu vo vo bên tai, làm nóng da mặt lên, véo mạnh, như muốn ngút đầu văng ra khỏi đôi vai. áp lực của gió chặn thở. Người ta tưởng như ma quỷ hiện hình tóm lấy hai đứa tôi và gào thét lôi chúng tôi xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh

tan nhòa thành một vệt dài tẩu thoát cực kỳ nhanh... Thêm một chút nữa thôi, tôi cho rằng hai đứa tôi sẽ hết sống. Tôi cất tiếng khẽ khàng:

- Na ơi, anh yêu em!

Xe trượt băng bắt đầu chậm lại, tiếng rú của gió và tiếng nghiêng của đế xe trượt đã đỡ rợn, hơi thở đã đỡ nghẹt, và rốt cục, chúng tôi đã xuống tới nơi. Na sợ khiếp vía tưởng chết được. Nàng tái đi, hơi thở thoi thóp... Tôi đỡ nàng dậy.

- Không đời nào, tôi làm lại nữa, nàng vừa nói vừa nhìn tôi với đôi mắt to đầy kinh hãi. Không khi nào! Tôi hút chết!

Chừng một lúc, nàng hồi lại và trở lại nhìn thẳng vào mắt tôi với cái vẻ dò xét: có phải đích là tôi đã nói lên năm cái tiếng kia hay chỉ là nàng ngờ ngợ bắt nghe được trong cơn cuồng lốc nó rú lên? Tôi, tôi thẳng mình, đứng cạnh nàng, tôi hút thuốc lá và ngắm nghía chiếc bút tất tay một cách chăm chú.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi nhẩn nha hồi lâu quanh đồi tuyết. Thật là hiển nhiên, điều bí ẩn đã làm nàng mất sự yên ổn. Những tiếng phát thanh ra đó là có hay là không có? Có, hay là không? Có, hay không? Đây là một vấn đề của tự ái, của danh dự, của đời sống, của hạnh phúc, một vấn đề rất nghiêm trọng, nghiêm trọng nhất đời. Nàng tia sang tôi những cái liếc mắt bồn chồn, rĩ rầu, những cái nhìn xoi mói, nàng tránh câu hỏi, trông chờ tôi nói lên. Chà! Thật là đầy ý vị, cái khuôn mặt xinh xắn duyên dáng ấy thật là ý nhị! Tôi biết mà, nàng đấu tranh với nàng, nàng thấy cần phải nói, nàng có một câu hỏi muốn đặt ra nhưng mà nàng không tìm được ra chữ, nàng lúng túng, nàng sợ, nỗi vui làm nàng mất tự nhiên...

Nàng nói, không nhìn tôi:

- Anh biết đấy chứ?

- Gì vậy? - Tôi hỏi.

- Đây... ta lại lao dốc nữa đi.

Chúng tôi leo cấp thang lên tới đỉnh đồi. Lần nữa, tôi đặt Na tái mét lấy bẫy lên xe trượt băng, lần nữa, chúng tôi lao xuống cái vực hãi hùng, lần nữa gió lại rống lên và đế xe trượt

lại nghiêng lên và, giữa lúc chúng tôi đổ xuống loang loáng trong tiếng sấm sét, lần nữa, tôi lại bỏ nhỏ:

- Na ơi, anh yêu em!

Lúc xe trượt băng ngừng lại, tầm mắt nàng ôm lấy cả khu đồi tuyết chúng tôi vừa băng qua, rồi nàng dò la nét mặt tôi rất lâu, nghe ngóng cái giọng dửng dưng và lạnh lùng của tôi, và tất cả người nàng, tất cả, kể cả cái mũ lông trùm đầu và cái ống bao tay, tất cả người nàng lộ ra một vẻ ngẩn ngừ đến cao độ. Và người ta như đọc thấy trên mặt nàng:

- Cái gì đã xảy ra thế hở? Ai đã nói lên những tiếng gọi đó? Chàng, hoặc chỉ là ta chiêm bao thôi?

Nỗi bán tín bán nghi ấy hành hạ nàng, làm nàng mất kiên tâm. Hỏi gì cô gái tội nghiệp đều không trả lời, trở nên nhẩn nhó, chỉ còn thiếu khóc. Tôi bảo:

- Hay là ta đi về?

- Ô! Tôi... tôi, tôi thích xe trượt băng, nàng đỏ mặt mà nói. Hay là ta lại lao dốc một lần nữa?

Cái xe trượt băng “hợp ý” nàng, nhưng cũng như những lượt trước, mỗi khi nàng ngồi vào xe, nàng vẫn nhợt tái đi, thoi thóp vì sợ hãi, run cầm cập.

Hai đứa tôi lao dốc lần thứ ba, và tôi thấy Na nhìn đau đáu vào mặt tôi và theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy mùi-xoa để lên môi tôi, đặng hắng, và lúc chúng tôi tới lưng chừng dốc, tôi cố nói lên được:

- Na ơi, anh yêu em!

Và sự bí ẩn vẫn là bí ẩn! Na lặng lẽ, nghĩ miên man... Tôi đưa nàng từ con đường dốc về nhà nàng, nàng cố ghìim bước đi, kéo lê bước chân và luôn luôn tự hỏi xem tôi có buột miệng mà nói ra không.

Tôi hiểu nàng đau khổ trong tâm khảm, nàng phải cố dần lòng để khỏi phải thốt ra:

- Cái này không thể do trận gió nói lên được như vậy. Và tôi không bằng lòng cho dù chỉ là trận gió!

Hôm sau, tôi nhận được mảnh thư: “Nếu anh chơi xe trượt băng hôm nay, anh đến rủ tôi. N.” Và từ đó, tôi hằng

ngày cùng nàng chơi xe trượt băng, và giữa lúc lao dốc, mỗi lần tôi đều nhắc lại vẫn bấy nhiêu tiếng:

- Na ơi, anh yêu em!

Chẳng bao lâu nữa, nàng nhiễm phải câu nói ấy, cũng như người ta nại tính đối với tinh thuốc phiện. Nàng không thể sống mà thiếu được cái thói quen ấy. Thực ra, lao dốc bằng xe trượt băng, nàng vẫn run sợ như trước đây, nhưng bây giờ sợ hãi và lộng hiểm làm tăng thêm hứng thú cho những lời yêu thương, những lời mà trước đây, đã cấu thành một điều bí ẩn, và đã làm rầu héo tâm tư nàng. Nhưng mỗi ngày vẫn hướng mãi vào hai nhân và vật ấy: trận gió và tôi... Ai đây trong hai thứ nọ sẽ thú thực tình yêu với nàng, nào nàng có hay, nhưng, cứ bề ngoài mà xét, thì với nàng, điều ấy cũng chẳng có gì đáng bận tâm: có thể chỉ cái bình đựng, cốt sao say được mà thôi!

Một hôm, vào quãng trưa, tôi đi trượt băng một mình; lẫn vào đám đông, tôi nom thấy Na đi gần lại đồi tuyết và đưa mắt ra ngóng tìm tôi... Rồi nàng rụt rè bước lên cấp thang. Sợ thật, lao dốc một mình, chà, dễ sợ thật! Nàng trắng toát như tuyết, nàng run, người ta tưởng đâu như nàng bước ra pháp trường, nhưng với biết bao kiên quyết, nàng đi lên không chút quay nhìn lại. Rõ quá, nàng, rớt cục, đã nhất định thể nghiệm để xem xem: cái lúc mà tôi không có ở đấy, rồi nàng có còn nghe thấy nữa không những chữ êm đềm kỳ diệu? Tôi thấy nàng ngồi lên xe trượt băng, người tái đi, miệng phá ra nỗi sợ hãi, mắt nhắm lại, và lao xuống, sau khi vĩnh biệt trái đất... Rít rít rít... để xe trượt nghiêng kêu lên. Nàng có nghe thấy những tiếng gọi không? Tôi không rõ... Tôi chỉ thấy nàng đứng vươn lên khỏi xe trượt, mệt lử, kiệt sức. Nhìn mặt nàng, người ta cũng đoán ngay rằng chính nàng cũng không rõ là có nghe thấy hay không nghe thấy một điều gì. Nỗi khiếp sợ trong cơn lao dốc làm cho nàng mất mất cái năng khiếu nghe ngóng, phân biệt âm thanh, và hiểu biết...

Nhưng đây rồi tháng ba, cái tháng của mùa xuân... Mặt trời trở nên vồn vã hơn. Núi tuyết của hai đứa tôi xấp lại, mất màu chói sáng, và sau cùng, tan chảy. Hết rồi những cuộc

chơi xe trượt băng. Không còn đâu nữa những nơi để cô Na tội nghiệp nghe những tiếng gọi, không còn ai nữa để nói lên những lời gọi ấy, bởi cái lẽ rằng làn gió vốn kín tiếng và tôi thì rồi sẽ đi Xanh Pê-téc-bua thật lâu, có thể là bút hẩn nơi đây.

Một lần, trước lúc tôi lên đường, ấy là trước hai ngày chi đó, tôi ngồi trong chiều tà giữa khu vườn nhà tôi cách nhà Na một hàng giậu cao lỏm chớm ngọn rào... Trời còn lành lạnh, dưới chân đồng phân ủ vẫn còn tuyết, cây cối chết còi, nhưng mà tất cả đã chớm bốc lên cái mùi mùa xuân, và những con quạ tìm ngủ đã kêu lên quang quác. Tôi men gần lại phía hàng rào và nhìn một hồi lâu qua khe rào. Tôi thấy Na ra đứng ở bậc thềm và ngẩng đưa lên trời cặp mắt ủ rầu khổ não... Như roi da, gió xuân quất mạnh vào khuôn mặt nàng xám bệch vỡ vàng. Gió gọi nhắc lại với nàng cái thứ gió gào bên tai trên núi mỗi lần nghe thấy năm tiếng gọi, và mặt nàng đượm một vẻ buồn, buồn thật, một giọt nước mắt sa theo gò má... Cô gái tội nghiệp rướn đôi cánh tay lên như là khẩn cầu trận gió hãy đem những lời gọi tới cho mình một lần nữa. Thế rồi tôi, rình chờ một cơn gió thoảng, tôi nói nhẹ nhẹ:

- Na ơi, anh yêu em!

Trời ơi, cái gì đã vụt xảy đến cho Na? Nàng rú lên một tiếng, một nụ cười hăng sáng khuôn mặt hân hoan, hả hê, đấm lòng!

Tôi, tôi vào sửa soạn hành trang...

Chuyện này kể ra cũng đã lâu ngày! Na, bây giờ đã là người lập gia đình: người ta gả chồng cho nàng, hay là nàng đã tự nguyện làm vợ một thầy ký văn thư ở phòng hộ khẩu đám quý tộc, cái đó cũng không hề chi, và nàng đã có được ba con. Nàng không quên được cái thời mà hai đứa tôi cùng nhau chơi xe trượt băng, cái thời mà làn gió đã đưa tới cho nàng năm tiếng gọi: “Na ơi, anh yêu em!”; với Na, giờ đây, đó là cái kỷ niệm vui sướng nhất, thống thiết nhất, đẹp sáng nhất trong đời nàng...

Còn tôi, bây giờ đã đứng tuổi, tôi không hiểu tại sao tôi đã thốt ra những tiếng gọi ấy, tại sao tôi đã cười cợt được với việc hú tim ấy.

Nguyễn Tuấn dịch

MỘT CÂU ĐÙA (version 2)

*Bức thư đầu tiên anh viết cho em có "Một trò đùa" của
Shekhop
(Nước Nga - Grigori)*

Một buổi trưa mùa đông trong sáng. Lốp băng cứng kêu lách tách. Nadenka khoác tay tôi, một lớp sương giá lấp lánh ánh bạc phủ trên những lọn tóc ở hai thái dương nàng và hàng lông tơ phía trên môi nàng. Chúng tôi đứng trên một quả đồi cao. Trái đất từ chân chúng tôi xuống mé dưới là một mặt phẳng thoải sáng loáng trong nắng như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt nhỏ, bọc nỉ màu đỏ tươi.

– Chúng mình trượt xuống dưới kia đi, Nadenka! – Tôi khẩn khoản – Một lần thôi! Anh cam đoan với em rằng chúng mình sẽ không sao đâu.

Nhưng Nadenka sợ khoảng không gian từ đôi giày xinh nhỏ của nàng xuống đến chân quả đồi phủ băng này, nàng thấy giống như một vực thẳm hun hút vô tận khủng khiếp chỉ mới nhìn xuống phía dưới, chỉ mới nghe tôi bảo ngồi vào xe trượt, nàng đã lặng người và hơi thở của nàng đã đứt quãng, chứ nếu liều mạng lao xuống cái vực thẳm kia, thì nàng sẽ ra sao đây! Nàng sẽ chết mất, nàng sẽ phát điên lên mất.

– Trượt xuống cùng với anh đi – Tôi năn nỉ – Em đừng sợ! Em phải hiểu rằng sợ như thế là hèn lắm, là nhát lắm.

Cuối cùng, Nadenka nhân nhượng và qua vẻ mặt nàng tôi thấy rõ nàng vẫn nghĩ rằng đó là một sự nhân nhượng có thể nguy hiểm đến tính mạng. Tôi đỡ nàng vào xe mà mặt nàng tái mét, người nàng run bần bật. Tôi vòng tay ôm lấy nàng rồi cùng nàng lao xuống vực. Chiếc xe trượt bay nhanh như một viên đạn. Làn không khí bị rệp toác đập vào mắt, gào rú, rít lên trong tai, như cắn như cấu, như muốn bứt đầu ra khỏi cổ. Gió mạnh đến nghẹt thở. Cảnh vật xung quanh quện vào

nhau thành một dải dài, chạy nhanh vùn vụt. Tưởng như chỉ một chớp mắt nữa thôi, là chúng tôi sẽ chết.

- Anh yêu em, Nadenka - Tôi thì thầm.

Chiếc xe bắt đầu trượt chậm dần, tiếng gào của gió và tiếng rít của đế trượt không còn đáng sợ lắm, mệt, hơi thở đã không còn, tưởng như bị đứt, và cuối cùng, chúng tôi đã ở dưới chân đồi. Mặt nàng tái nhợt, nàng chỉ còn thoi thóp thở.. Tôi giúp nàng đứng lên.

- Sẽ không bao giờ em trượt lần nữa đâu. - Nàng nói, nhìn tôi bằng đôi mắt mở to đầy khiếp hãi - Không đời nào! Em suýt nữa thì chết đây này!

Ít lâu sau nàng dần dần hồi lại và nhìn thẳng vào mắt tôi như muốn hỏi. Có phải tôi nói bốn cái từ kia không, hay là nàng chỉ tưởng như thế giữa tiếng gió ào ào? Còn tôi, tôi đứng cạnh nàng, hút thuốc và chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi đi dạo hồi lâu ở gần quả đồi. Hình như điều bí ẩn ấy không để nàng yên. Những lời ấy có phải là ai nói lên hay không? Có hay không? Đó là vấn đề tự ái, danh dự, cuộc sống, hạnh phúc. Đó là vấn đề rất quan trọng, quan trọng nhất trên đời này. Nadenka bồn chồn và buồn rầu nhìn đăm đăm vào mặt tôi, nàng trả lời câu được, câu chẳng, nàng chờ đợi xem tôi có nói ra điều gì không? Ôi gương mặt đáng yêu của nàng trông mới sinh động làm sao, như hàm chứa muôn vàn tâm trạng! Tôi thấy nàng đang tự đấu tranh với bản thân, nàng đang cần nói một điều gì đó, hỏi một điều gì đó, nhưng nàng không tìm ra lời lẽ. Nàng lúng túng, nàng sợ hãi, nàng khó nói vì lòng nàng đang tràn ngập sướng vui

- Này anh... - Nàng ngập ngừng, không nhìn tôi.

- Gì cơ? - Tôi hỏi.

- Chúng mình trượt xe lần nữa đi.

Chúng tôi leo bậc thang lên đồi. Tôi lại đỡ nàng. Nadenka tái nhợt, run rẩy vào ra, chúng tôi lại đẩy xuống vực thẳm khủng khiếp, gió lại gào rú và đế trượt lại rít lên, và giữa

lúc xe trượt đang lao nhanh nhất, các âm thanh đang vang lên ồn ã nhất, tôi lại thì thầm:

- Anh yêu em, Nadenka!

Khi chiếc xe dần dần dừng lại, Nadenka đưa mắt nhìn một lượt quả đồi chúng tôi vừa trượt xuống. Sau đó nàng chăm chú nhìn rất lâu vào mắt tôi, lắng nghe giọng nói của tôi, một giọng nói thản nhiên và hờ hững, và toàn bộ, toàn bộ nàng, kể cả chiếc bao tay và tấm khăn trùm của nàng, toàn bộ thân hình nàng, tất cả đều thể hiện vẻ cực kỳ ngỡ ngàng. Và mặt nàng như muốn hỏi:

- Thế là thế nào nhỉ? Ai đã nói những lời đó? Anh ấy hay là ta chỉ tưởng như nghe thấy.

Tình trạng mập mờ đó không để nàng yên, nó làm nàng phát cáu. Cô gái tội nghiệp không trả lời những câu tôi hỏi, nàng chau mày, chực khóc.

- Chúng mình về nhà thôi chứ? - Tôi hỏi.

- Em... Em thích trượt xe lắm - Nàng nói, mặt đỏ bừng - Chúng mình trượt lần nữa được không?

Nàng nói "thích" trượt, nhưng khi ngồi vào xe, cũng như hai lần trước, nàng nhợt nhạt, chỉ còn thở thoi thóp vì khiếp sợ, người run bần bật.

Chúng tôi trượt lần thứ ba, và tôi thấy nàng nhìn vào mặt tôi, dõi theo đôi môi tôi. Nhưng tôi đã đưa khăn tay lên che miệng giả vờ ho vài tiếng và khi xe xuống đến lưng chừng đồi, tôi vẫn kịp nói:

- Anh yêu em, Nadenka!

Vậy là điều bí ẩn vẫn bí ẩn! Nadenka im lặng, ngẫm nghĩ gì đó. Tôi đưa nàng về nhà, nàng cố đi thật khẽ khàng, chân bước chậm lại và luôn chờ xem tôi có nói với nàng mấy lời kia không? Và tôi thấy nàng dần vật đau khổ, nàng cố ghìm lại để khỏi nói:

- Không thể có chuyện gió nói lên những lời đó! Và em không muốn đó là gió nói..

Sáng hôm sau tôi nhận được một mảnh giấy : " Nếu hôm nay anh ra đồi trượt xe, thì hãy rủ em cùng đi.N" Và từ hôm đó, ngày nào tôi cũng cùng Nadenka ra đồi trượt, và khi xe

trượt đang lao như bay xuống, lần nào tôi cũng thì thầm nói vẫn những lời ấy:

-Anh yêu em, Nadenka!

Chẳng bao lâu Nadenka quen dần với câu nói đó như người ta quen với rượu hoặc morphine. Nàng không thể sống nổi nếu thiếu câu đó. Quả thật lao như bay từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ đối với nàng, nhưng bây giờ, nỗi sợ và sự nguy hiểm lại đem lại sức quyến rũ đặc biệt cho những lời về tình yêu, những lời vẫn vô cùng bí ẩn giày vò tâm hồn nàng, bị nghi ngờ vẫn chỉ có hai: tôi và gió - Ai trong hai số đó đã tỏ tình với nàng, nàng không biết, nhưng hình như nàng thấy điều ấy đã không còn quan trọng: Ta uống rượu ở bình nào chả được, miễn là ta say.

Một buổi trưa tôi đến bãi trượt một mình, đứng lẫn vào đám đông, tôi trông thấy Nadenka tới gần quả đồi, thấy nàng đưa mắt tìm tôi... Sau đó nàng rụt rè leo lên các bậc thang... Thật đáng sợ khi trượt một mình. Ôi thật là đáng sợ. Mặt tái

nhợt, nàng run run, nàng đi như đi đến chỗ chết^[ix], nhưng nàng vẫn đi, không ngoái lại vẻ cương quyết. Chắc hẳn cuối cùng nàng đã quyết định thử xem khi không có tôi thì nàng có nghe thấy những lời dịu ngọt tuyệt diệu kia không? Tôi thấy nàng mặt tái mét, miệng há ra vì khiếp sợ, ngồi và xe trượt, nhắm mắt lại và vĩnh biệt mặt đất, nàng để xe bắt đầu trượt đi. "Ri-i-ít" để trượt rú lên. Nadenka có nghe thấy những lời ấy không? Tôi không biết. Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe mệt nhoài, yếu ớt. Và qua vẻ mặt nàng có thể thấy rõ chính nàng cũng không biết nàng có nghe thấy gì không. Nỗi sợ khi nàng lao xuống dưới đã khiến nàng không còn nghe thấy gì nữa, không còn phân biệt được các âm thanh và hiểu được điều gì.

Nhưng đã tới tháng ba, mùa xuân... Ánh nắng trở lên dịu dàng hơn. Quả đồi băng của chúng tôi sẫm lại không còn bóng láng lên nữa và cuối cùng thu cạn dần. Chúng tôi thôi không trượt xe. Nadenka tội nghiệp không còn nơi đây để nghe những lời ấy nữa. Và lại cũng chẳng còn ai để mà nói

những lời ấy, bởi vì không có tiếng gió, còn tôi thì chuẩn bị đi Peterburg. Đi rất lâu, có lẽ đi mãi mãi.

Một lần, trước khi đi khoảng hai hôm, tối ấy tôi ngồi ở mảnh vườn ngăn cách với nhà Nadenka bởi một hàng rào cao có nhô lên những đầu sắt nhọn. Trời còn khá lạnh, bên dưới lớp phân súc vật hãy còn tuyết, cây cối trông vẫn như đã chết, nhưng đã thoang thoảng hương vị mùa xuân, và khi về nơi trú đêm, lũ quạ kêu quang quách âm ỉ. Tôi tới gần hàng rào và nhìn rất lâu qua một cái khe. Tôi thấy Nadenka bước ra thêm và buồn rầu nhìn lên bầu trời như nhớ nhung điều gì. Làn gió xuân thổi thẳng vào gương mặt xanh xao ử dột của nàng. Nó khiến nàng nhớ tới làn gió gào rú hôm xưa trên đồi, khi nàng nghe thấy bốn từ kia, và thế là mặt nàng trở lên buồn rầu vô kể, trên má nàng lăn dài giọt lệ... Và cô bé tội nghiệp đưa cả hai tay ra như cầu xin làn gió này đem lại cho nàng những lời ấy lần nữa. Và tôi, chờ đang lúc có một làn gió thổi qua, thì thầm:

– Anh yêu em, Nadenka!

Trời ơi! Có chuyện gì đang xảy ra với Nadenka thế này? Nàng reo lên, mỉm cười rạng rỡ cả khuôn mặt và đưa hai tay đón gió, vui sướng, hạnh phúc, xiết bao xinh đẹp.

Còn tôi, tôi quay vào nhà thu xếp hành lý.

Chuyện ấy đã lâu rồi. Bây giờ Nadenka đã có chồng, và nàng đã có ba đứa con. Nhưng kỷ niệm xưa kia hai chúng tôi cùng trượt xe và làn gió đem bốn từ "Anh yêu em, Nadenka" thì không bị lãng quên. Đối với nàng bây giờ, đó là kỷ niệm hạnh phúc nhất, cảm động nhất và đẹp đẽ nhất trong đời.

Còn tôi, giờ đây khi đã nhiều tuổi hơn, tôi không hiểu tại sao hồi đó tôi lại nói những từ ấy, và tôi đùa để làm gì.

1886

MỘT CHUYỆN ĐÙA

Sưu tâm: Conbo2

Nguồn: hanoicorner.com

1887

Dịch theo bản Pháp văn

"Une Rencontre", của Génia CANAC MIENG

Paris, Mai 1998–Aout 2000

Một buổi trưa mùa đông trong sáng... Trời giá lạnh, rét cóng. Nadia khoác tay tôi. Những hạt bụi tuyết nhỏ trắng xóa bám lên mấy món tóc xoắn vòng rủ hai bên thái dương nàng, lên hàng lông tơ mịn phía trên môi. Nàng và tôi đứng trên một ngọn đồi cao. Từ chỗ chúng tôi đứng, sườn đồi đổ dài thoải thoải xuống lấp loáng dưới ánh nắng, như một tấm gương. Bên cạnh chúng tôi là một chiếc xe trượt tuyết nhỏ bọc một lớp dạ màu đỏ tươi.

– Chúng ta cùng trượt xuống dưới đi, Nadia! – Tôi van nài nàng – Một lần thôi! Tôi cam đoan với cô là chúng ta sẽ chẳng hề gì đâu.

Nhưng Nadia sợ. Cả khoảng gian từ đôi giày cao su nhỏ nhắn của nàng đến chân quả đồi phủ băng này đối với nàng thật ghê sợ, tưởng như là một vực sâu vô tận. Đứng đây, nàng chỉ mới đưa mắt nhìn xuống dưới, hay tôi chỉ mới gợi ý bảo nàng ngồi vào xe trượt tuyết là nàng đã sợ hết hồn, không thở được nữa, huống hồ nếu nàng liều mạng lao xuống cái vực sâu kia thì không biết rồi ra sao! Nàng sẽ chết mất, sẽ phát điên mất.

– Ta trượt đi cô! – Tôi cố nài – Việc gì mà sợ! Cô phải biết sợ thế là nhát gan, xoàng lắm cô ạ!

Cuối cùng, Nadia cũng ưng thuận, nhưng qua nét mặt nàng, tôi biết rằng nàng liều mạng mà nghe lời tôi. Tôi đỡ nàng vào xe trượt; nàng run rẩy, gương mặt nàng tái nhợt. Tôi vòng tay qua giữ lấy Nadia và cùng nhau lao xuống.

Chiếc xe lao đi vun vút như một viên đạn. Làn không khí bị xé ra quạt vào mặt, gào rít bên tai dữ tợn đâm vào da buốt nhói, gió như muốn giật phăng đầu ra khỏi vai. Gió ép mạnh, đến nghẹt thở. Tưởng chừng như có một con quỷ nào đang giơ tay nắm lấy chúng tôi và vừa rú lên vừa kéo xuống địa ngục. Mọi vật chung quanh nhập lại thành một vệt dài vun vút lao về phía sau... Chỉ một giây lát nữa thôi có lẽ chúng tôi sẽ chết!

- Nadia, anh yêu em! - Tôi thì thào nói.

Chiếc xe trượt dần dần chạy chậm lại, tiếng gió gào và tiếng càn trượt xe rít lúc này đã không còn đáng ghê sợ, ngực đã thấy dễ thở, và thế là chúng tôi đã xuống đến chân đồi. Nadia sợ tưởng chết đi được, gương mặt tái nhợt, nàng thở không ra hơi... Tôi đỡ nàng đứng dậy.

- Các vàng tôi cũng không trượt lần nữa đâu! - Nàng nói và đưa cặp mắt mở to đầy sợ hãi, nhìn tôi - Các vàng tôi cũng chịu! Chỉ thiếu chút nữa là tôi chết!

Một lát sau, nàng dần dần hết sợ và đã bắt đầu nhìn vào mắt tôi với vẻ dò xét: có phải tôi đã nói bốn tiếng ấy, hay chỉ là trong tiếng gió gào rít nàng nghe thấy như vậy? Còn tôi, tôi đứng bên cạnh nàng, lấy thuốc lá ra hút và chăm chú nhìn chiếc găng tay của mình.

Nàng khoác tay tôi và chúng tôi cùng nhau dạo chơi hồi lâu bên đồi tuyết. Hình như điều bí ẩn làm nàng thấy trong lòng băn khoăn. Có phải anh nói ra những lời đó không? Có những lời đó hay không? Có hay không? Đó là một câu hỏi của lòng tự trọng, của danh dự, của cuộc đời và niềm hạnh phúc - một câu hỏi rất hệ trọng, hệ trọng nhất trên đời này. Nadia chăm chăm nhìn tôi bằng cặp mắt buồn rầu nôn nóng bồn chồn. Nàng chậm rãi do dự trả lời những câu hỏi của tôi như chờ mong tôi sẽ tự nói ra cái điều bí ẩn ấy. Ôi, khuôn mặt nàng lúc ấy đáng yêu biết bao, ý nhị biết bao! Tôi thấy rõ nàng đang tự day dứt với mình, nàng cần nói một điều gì, cần hỏi một điều gì, nhưng nàng không tìm được lời, nàng cảm thấy rụt rè kinh sợ, một niềm vui nào đang ngăn trở nàng nói...

- Này anh... - Nàng nói, mắt không nhìn tôi.

- Cái gì vậy? - Tôi hỏi.

- Chúng ta cùng nhau... lao dốc lần nữa đi.

Chúng tôi lần theo những bậc thang trèo lên đồi. Tôi lại đỡ Nadia lên xe, mặt nàng tái nhợt, và toàn thân run run. Chúng tôi lại lao xe về phía vực thẳm khủng khiếp và, gió lại gào, tiếng xe lại rít lên. Và cũng đúng vào lúc chiếc xe lao nhanh nhất, tiếng gió gào rít ghê gớm nhất, tôi lại nói:

- Nadia, anh yêu em!

Khi chiếc xe dừng lại, Nadia vội đưa mắt nhìn quanh quả đồi mà chúng tôi vừa trượt xuống, rồi nhìn đăm đăm vào mặt tôi, lắng nghe giọng nói thờ ơ lãnh đạm của tôi và toàn thân nàng, cả từ cái mũ, cái bao tay và dáng người nàng nữa, đều toát lên một cái gì hồ nghi khó hiểu. Trên gương mặt nàng như hiện lên các câu hỏi:

"Điều gì đã xảy ra? Ai nói những lời ấy? Anh ấy hay là chỉ do ta nghe được?"

Điều bí ẩn ấy làm nàng không yên lòng chút nào, nàng không chịu được nữa. Cô bé đáng thương ấy không trả lời nổi những câu hỏi, nét mặt rầu rĩ như muốn khóc.

- Chúng ta về nhà thôi nhé? - Tôi hỏi.

- Không, không... tôi thích... trượt xe thế này. - Nàng nói, mặt ửng đỏ lên. - Hay là chúng ta cùng nhau trượt lần nữa đi?

Nadia nói rằng nàng "thích" cái trò trượt này, thế mà khi ngồi lên xe, nàng vẫn run, gương mặt nàng vẫn tái nhợt, hơi thở vẫn ngắt quãng vì sợ hãi như những lần trước.

Lần thứ ba chúng tôi trượt xuống. Tôi thấy nàng đăm đăm nhìn lên mặt tôi. theo dõi đôi môi tôi. Nhưng tôi lấy chiếc khăn tay che miệng đi rồi khẽ đằng hắng lên mấy tiếng, và khi xe lao xuống lưng chừng đồi, tôi còn kịp nói:

- Nadia, anh yêu em!

Điều bí ẩn vẫn là điều bí ẩn! Nadia im lặng, nàng đang nghĩ ngợi điều gì... Tôi tiễn nàng từ sân trượt về nhà. Nàng cố đi chậm lại, chờ xem tôi có nói với nàng những lời ấy không. Tôi cảm thấy tâm hồn nàng đang đau khổ, nàng đang cố dằn lòng để khỏi phải thốt lên:

- Không, gió không thể nói được những lời ấy! Mà tôi cũng không muốn tin rằng gió đã nói những lời ấy!

Sáng hôm sau, tôi nhận được một mảnh giấy của nàng: "Nếu hôm nay anh có đi trượt tuyết, đến rủ tôi cùng đi nhé! Nadia". Từ hôm đó, ngày nào tôi và Nadia cũng lên đồi và mỗi lần lao xe từ trên đồi xuống, tôi lại thì thào nhắc lại những lời đó:

- Nadia, anh yêu em!

Chẳng bao lâu sau, Nadia quen nghe những lời ấy như quen uống rượu, hay dùng moócphin. Nàng không thể sống thiếu những lời đó nữa. Thực ra, lao xe từ trên đồi xuống vẫn đáng sợ như xưa, nhưng giờ đây chính cái nguy hiểm, cái kinh sợ đó lại đem đến một cái gì đặc biệt đắm say cho những lời yêu đương ấy, những lời vẫn là điều bí ẩn và dần vật lòng người như trước... Kể bị nghi ngờ vẫn là gió và tôi... Ai, gió hay là tôi, đã thổ lộ với nàng những lời yêu đương ấy, nàng không biết được; nhưng hình như nàng không để ý đến điều đó nữa bởi vì tục ngữ nói uống rượu từ bình nào, có gì đáng bận tâm đâu, chỉ cốt sao say được thôi.

Có lần vào một buổi trưa, tôi đến sân trượt một mình; đi lẫn trong đám đông. Tôi bỗng nhìn thấy Nadia đang đi về phía đồi và đưa mắt tìm tôi... Rồi nàng chậm chạp bước theo bậc thang trèo lên đỉnh đồi... Trượt xe một mình thật đáng ghê sợ biết bao, ôi, thật đáng ghê sợ! Mặt nàng tái nhợt, trắng như tuyết, toàn thân run rẩy, nàng bước đi hết như đến nơi chịu án tử hình, nhưng nàng vẫn xăm xăm đi, đầu không ngoái lại. Chắc là cuối cùng nàng quyết định thử xem: nàng có còn nghe thấy những lời ngọt ngào say đắm ấy nữa không, khi không có tôi bên cạnh? Tôi nhìn thấy nàng tái nhợt, miệng há ra vì sợ hãi; ngồi lên xe, nhắm mắt lại và, sau khi vĩnh biệt trái đất, bắt đầu lao xuống chân đồi... Tiếng còi trượt xe rít lên... Nadia có nghe thấy những lời đó nữa không, tôi không biết... Tôi chỉ thấy nàng bước ra khỏi xe một cách mệt nhọc, gầy như kiệt sức. Qua nét mặt nàng có thể thấy rằng chính nàng cũng không biết nàng có nghe được những lời đó hay không. Nỗi sợ hãi khi xe lao xuống đồi đã làm nàng không còn khả

năng nghe được, phân biệt được các âm thanh, không còn khả năng hiểu nữa...

Thế rồi những ngày xuân tháng Ba đã tới... Mặt trời như trở nên dịu dàng hơn. Quả đồi tuyết của chúng tôi bắt đầu sẫm lại, dần mất đi cái vẻ óng ánh của nó, và cuối cùng thì tan đi. Chúng tôi thôi không trượt xe nữa. Nadia đáng thương cũng không còn nơi nào để nghe những lời ấy nữa, bởi vì gió thì không còn thổi nữa, mà tôi thì sửa soạn đi Pêterburg – đi rất lâu, có lẽ là suốt đời.

Có lần khoảng hai ngày trước khi đi Petersburg vào một buổi chiều tà, tôi ngồi trong khu vườn nhỏ. Một hàng rào cao có đỉnh nhọn ngăn cách khu vườn ấy với sân nhà Nadia... Trời hãy còn lạnh, tuyết hãy còn đọng lại dưới đám phân cây cối vẫn trơ trụi, nhưng hương vị mùa xuân đã đến, từng đàn quạ bay về tổ, trú đêm kêu lên quàng quạc. Tôi đến bên hàng rào và ghé nhìn qua khe hở. Tôi thấy Nadia bước ra thêm và đưa mắt nhìn lên trời buồn bã... Làn gió xuân nhẹ thổi qua khuôn mặt nhợt nhạt râu rĩ của nàng... Làn gió xuân gọi lại cho nàng cái tiếng gió rít trên đồi tuyết, khi nàng nghe thấy bốn tiếng ấy, và gương mặt nàng trở nên buồn bã lạ thường, nước mắt lặng lẽ chảy trên má... Nàng đáng thương đưa hai tay mình về phía trước như muốn cầu xin làn gió đem đến cho nàng những lời yêu đương đó một lần nữa. Và tôi, chờ khi có làn gió đến, thì thào nói:

– Nadia, anh yêu em!

Trời, điều gì đã xảy ra với nàng lúc ấy! Nadia khẽ kêu kên và khuôn mặt nàng bỗng chan hoà một nụ cười rạng rỡ. Nadia đưa hai tay lên đón lấy gió, trông nàng lúc ấy thật là mừng rỡ, đẹp xinh và hạnh phúc.

Còn tôi, tôi trở vào nhà và đi thu xếp đồ đạc...

Chuyện ấy đã qua lâu rồi. Bây giờ Nadia đã có chồng, gia đình nàng gả chồng cho nàng hay nàng tự nguyện lấy? – Điều ấy cũng chẳng có gì đáng bận tâm. Chồng nàng là thư ký hội đồng giám hộ trẻ con quý tộc. Nadia đã có ba con. Nhưng chút kỷ niệm cùng nhau trượt băng và gió lúc ấy đem đến cho nàng bốn tiếng: "Nadia, anh yêu em!" thì nàng không quên

được; đối với nàng, điều ấy đã trở thành kỷ niệm hạnh phúc nhất, xúc động nhất, đẹp đẽ nhất trong đời nàng...

Còn tôi, bây giờ tôi đã đứng tuổi, tôi không hiểu nổi vì lẽ gì tôi đã nói những lời đó, làm sao tôi đã đùa như thế...

MỘT CUỘC GẶP GỠ

Efrème Denissov mơ màng nhìn vùng đất trơ trụi chung quanh. Cái khát quằn quại, anh khổ sở vì đau đớn khắp châu thân. Con ngựa cũng có vẻ mệt lả, kiệt sức dưới cái nóng thiêu đốt và không được ăn uống từ lâu, rũ đầu buồn bã. Con đường dốc lải lải xuống khu rừng thông mênh mông. Những ngọn cây tan loãng tới tận xa tít, cùng màu xanh với bầu trời. Người ta chỉ thấy chim uể oải bay và bầu không khí run rẩy trong những ngày hè oi bức nhất. Khu rừng nổi lên như những ụ đất, càng lúc càng cao và cái thảm xanh quý quái kinh dị này dường như vô tận.

Efrème tới từ làng sinh quán, thuộc tổng trấn Kursk, để quyên tiền cho ngôi nhà thờ bị cháy. Trong xe ^[x] đặt một tranh thánh vẽ trên gỗ, Đức Mẹ Kazan, mà nắng mưa đã làm phồng hở và dộp vảy. Trước bức tranh là hộp quyên tiền bằng sắt trắng, thành vách lồi u lên hé một khe khá rộng có thể nhét cái bánh bích qui vào không khó khăn gì.

Một tấm biển trắng đóng đinh sau xe, viết lớn bằng chữ in ngày tháng năm, ở làng Malinovstsy,

"Vì thánh ý Chúa, lửa của cơn hoả hoạn đã thiêu hủy nhà thờ", rằng với sự cho phép và ban ơn của những vị có thẩm quyền, cộng đồng đã quyết định phái "những người tình nguyện" đi quyên tiền về xây lại thánh đường. Bên cạnh xe treo cái chuông buộc vào một thanh ngang, nặng khoảng mười kí lô.

Efrème không định được mình đang ở đâu và khu rừng mênh mông không hứa hẹn có cư dân nào ở gần. Anh dừng một lát, sửa lại đai mông ngựa và cẩn trọng đi xuống con đường dốc. Chiếc xe rung rinh, chuông phát ra những âm thanh làm gián đoạn cái im vắng chết người của một ngày nóng thiêu nóng đốt.

Trong rừng, bầu không khí ngọt ngào mùi nhựa gai thông, mùi rêu và mùi lá mục rục lên đón khách. Người ta chỉ nghe tiếng vo ve nhẹ nhàng vang vang quấy rầy của muỗi và bước chân Efrème dính tai nhức óc. Xuyên qua rừng xanh, các tia nắng lướt mình dọc thân cây và những nhánh chồi bên dưới rồi tạo nhiều vòng tròn nhỏ trên nền đất râm chổng chất gai thông. Đó đây một cây dương xỉ hay cây mận còi chìa lên bên cạnh thân cây ; chung quanh chẳng có gì khác.

Efrème vừa bước bên cạnh xe vừa khuyến khích ngựa. Đôi khi bánh xe vấp vào rễ cây bò ngang qua đường, cái chuông kêu leng keng phàn nàn như thể ngay cả nó cũng mệt bỏ hơi.

Một giọng cứng ngắt chói tai bỗng vang lên cạnh Efrème:

- Chào ông nội! Chúc đi đường bình an!

Một nông dân khoảng ba mươi, cặp giò dài, đang nằm cạnh đường, đầu gối lên tổ kiến. Gã bận chiếc sơ mi vải và chiếc quần bó không phải kiểu nhà quê, hai gấu nhét vào ủng đỏ, thấp. Cạnh đầu gã là cái mũ cát-két của nhân viên nhà nước, dơ tới nỗi chỉ một cái dấu nhỏ của chiếc phù hiệu mới cho phép đoán được màu nguyên thủy. Giấc nghỉ ngơi của gã nông dân có vẻ không yên tĩnh : trong khi Efrème quan sát thì tay chân gã quơ quậy không ngừng như thể bị muỗi xé xác hoặc bị bệnh ghẻ hành hạ. Nhưng mặt mày gã thì coi còn dị hợm hơn quần áo hay cử chỉ nữa. Cả đời, Efrème chưa gặp ai như vậy bao giờ. Xanh xao, tóc thưa thớt, cằm vểnh ra, một nhúm lông điểm phía trên trán, nhìn nghiêng trông mặt gã như vàng trắng lười liềm. Mũi và hai tai nhỏ dị kỳ, mắt không linh động và nhìn chăm chặp vào một điểm trong không như mắt kẻ đần hay người bị điều gì làm kinh ngạc. Và để cho sự kỳ dị được trọn vẹn, cái đầu gã bẹp dí xuống hai bên làm lộ nửa vòng tròn bên dưới của sọ. Efrème hỏi:

- Nè con chiên, nói nghe, từ đây tới làng có xa không ?

- Không, không xa lắm. Tới thị trấn Maloié chừng hơn

năm cây số thôi [xi].

- Tớ khát không chịu nổi.

Gã nông dân lạ lùng nói với một nụ cười:

- Làm sao không khát được. Trời nóng khủng khiếp! Nóng tới năm mươi độ hay hơn... Người ta tên gì nhỉ?

- Efrème, anh bạn ạ.

- Còn tớ tên là Kouzma. Đẳng ấy có biết câu ngạn ngữ của mấy bà mai không: "Tôi có Kouzma trong tay, ngày mai sẽ là ngày cưới".

Đặt chân trên bánh xe, gã leo lên, chu môi hôn bức tranh thánh, hỏi:

- Đẳng ấy đi xa hả?

- Xa, anh bạn ạ!... Tôi ở tổng trấn Koursk, tận Moscou, mà bây giờ thì vội vàng tới Nijni cho kịp bữa hội chợ.

- Đẳng ấy đi quyên cho nhà thờ hả?

- Cho nhà thờ, anh bạn ạ. Cho bà hoàng của các thượng đế Kazan... Nhà thờ chúng tôi bị cháy rồi!

- Sao mà bị cháy?

Lưỡi dày cộm lên vì mệt, Efrème bắt đầu kể hôm trước ngày thánh Elie, sấm sét đã rớt xuống nhà thờ Malinovstsy như thế nào. Như một sự cố tình, hôm đó cả dân làng và các tu sĩ đều ở ngoài đồng.

- Những người còn ở trong làng thấy khói, muốn đánh chuông báo động, nhưng phải tin là nhà tiên tri Elie phần nộ chúng tôi : nhà thờ khoá cửa, và như vậy là cả gác chuông làm mồi cho lửa, không cách nào tới chỗ cái chuông được... Chúng tôi từ đồng trở về thấy toàn thể nhà thờ bị thiêu hủy. Chúa ơi, thấy mà sợ không dám tới gần!

Kouzma vừa nghe vừa đi theo người khách. Gã chưa ăn uống gì mà bước chân thì như người say: hai cánh tay đong đưa, khi thì bước bên cạnh xe, khi thì đi phía trước... Gã dò hỏi:

- Vậy thì họ trả lương cho đẳng ấy hay sao?

- Lương gì? Chính vì cho linh hồn mà tôi làm. Cộng đồng gửi tôi đi...

- Vậy thì đẳng ấy làm miễn phí à?

- Bạn muốn ai trả công tôi? Tôi không đi tự nguyện, cộng đồng cử tôi đi, rồi chính cộng đồng sẽ gặt hái, sẽ gieo mạ và

sẽ trả thuế cho tôi... Như vậy thì đâu có miễn phí!

- Đẳng ấy sống bằng cái gì?

- Tôi nhân danh Chúa xin của bố thí.

- Và con ngựa thiến này, nó thuộc về cộng đồng à?

- Thì chớ sao...

- Đây, đây... Đẳng ấy có thuốc lá chứ?

- Tôi không hút thuốc bạn ạ.

- Nếu con ngựa kiệt sức thì đẳng ấy làm sao? Làm sao đẳng ấy di chuyển?

- Sao lại kiệt sức? Nó không kiệt sức đâu...

Kouzma còn ba hoa đặt cả lối câu hỏi nữa : tiền và con ngựa sẽ ra sao nếu Efrème chết? Nếu cái hộp đầy tới miệng thì người ta bỏ tiền vào đâu? Chuyện gì sẽ xảy ra nếu cái đáy hộp sút ra? Efrème không trả lời được và chỉ vừa thở vừa nhìn người bạn đồng hành, rất đỗi ngạc nhiên.

Kouzma nắm tay đẩy cái hộp và liến thoắng:

- Ê, nó đầy quá nè! Nó nặng cách gì! Chắc chắn là nó có cả khối tiền bằng bạc trong đó, nhỉ? Và nếu chỉ toàn những đồng bằng bạc? Đây, đẳng ấy gom góp được nhiều chớ hả?

- Tôi không đếm, tôi không biết. Người cho tiền đồng, người cho tiền bạc. Nhưng bao nhiêu thì tôi không thấy.

- Còn bạc giấy, có chứ hả?

- Người giàu và nhà buôn có cho bạc giấy.

- Những tờ giấy bạc đó, đẳng ấy cũng để trong hộp à?

- À không! Bạc giấy mỏng manh dễ rách... Tôi bọc trong túi trước ngực.

- Và đẳng ấy có được bao nhiêu?

- Khoảng hai mươi sáu rúp ^[xii].

- Hai mươi sáu rúp. - Kouzma vừa nói vừa so vai - Quê tớ ở Katchabrov - muốn hỏi ai thì cứ hỏi - nội mấy cái cây trồng ở nhà thờ mà người ta đã cho ba ngàn rúp rồi! Tiền của đẳng ấy không đủ để mua đinh! Thời buổi này, hai mươi sáu rúp không hơn cái khắc! Bạn già ơi, nội giá trà, đã là một rúp rưỡi nửa kí lô rồi, mà người ta còn không muốn bán... Đẳng ấy thấy thuốc tớ hút đây không? Với tớ thì được, vì tớ chỉ là

nông dân, một người giản dị. Nhưng nếu một sĩ quan hay sinh viên...

Kouzma thành linh chặp hai tay lại và luôn luôn tươi cười:

- Tại bót cảnh sát, cùng lúc với tớ có một người Đức làm việc ở sở hoả xa. Cái gã ấy, ô bạn già ơi, gã hút xì gà mỗi điếu giá mười kô-pếch. Hả? Mười kô-pếch! Họ đốt để dành cả trăm rúp mỗi tháng như không. Ông nội nghĩ sao về chuyện đó?

Gã suýt nghẹt thở vì kỷ niệm để chịu này, và cặp mắt bất động bắt đầu nhấp nháy. Efrème hỏi :

- Vậy là bạn đã trải qua bót cảnh sát à?

- Gì mà họ chỉ mới thả tớ ra hôm qua thôi. - Kouzma vừa nói vừa nhìn lên trời - Tớ ở đó một tháng tròn.

Chiều xuống. Mặt trời đã lặn rồi mà cái nóng ngộp thở vẫn không giảm. Kiệt sức, Efrème ơ hờ nghe người bạn đường. Họ gặp một nông dân và biết là thị trấn Maloié chỉ còn cách xa chừng hơn cây số. Lại thêm một đoạn đường nữa rồi chiếc xe ra khỏi rừng ; một khoảng rừng trống hiện ra, và như được tạo nên bởi quyền năng ảo thuật, một bức tranh sống động tràn ngập ánh sáng và tiếng ồn xuất hiện trước mắt hai người bộ hành. Chiếc xe đựng một đàn bò, cừu và ngựa bị xích chân. Bên kia đàn thú vật là đồng cỏ, lúa mì và đại mạch xanh ngắt, hoa mạch ba góc nở trắng toát. Xa hơn, thị trấn Maloié và ngôi nhà thờ thấp như sát xuống đất. Sau làng là một khu rừng khác hầu như đen kịt, trải dài ra xa. Kouzma nói :

- Moloié đây rồi. Nông dân ở đây được nuông chiều sung sướng, nhưng toàn là một bọn cướp đấy.

Efrème bỏ mũ ra và rung chuông. Hai nông dân ở gần giếng bìa làng bước tới cạnh xe. Họ hôn tranh thánh và hỏi những câu quen thuộc như bạn đi đâu, bạn từ đâu tới...

- Đây bà con ơi, phải cho người của Chúa uống cái đã. - Kouzma bắt đầu liến thoắng vừa vỗ vai hai người - Nhanh lên!

- Làm sao mà tao có họ hàng với mày được? Từ bao giờ?

- Giáp trưởng của anh với của tui là bà con cô cậu. Bà ngoại anh đã kéo râu ông nội tui từ làng Krasnoié!

Suốt thời gian chiếc xe tới làng, Kouzma không ngừng tía lia và níu kéo người qua kẻ lại. Gã lấy cái mũ của người này, nện nắm tay vào bụng người khác, kéo râu người kia. Gã gọi các bà các cô nông dân là cứng, là nhỏ, là mẹ thương yêu của gã. Đối với các ông thì tùy theo điểm đặc biệt bên ngoài của họ, hoặc là anh tóc hung, chàng ngựa hồng, anh mũi lõ, anh chột... Cách pha trò này gợi được tiếng cười vui nhộn thẳng thắn. Chẳng bao lâu gã gặp mấy người quen. Nhiều tiếng kêu nổ ran : "A, bồ đấy hả Kouzma Chkvoren! Chào anh bị treo cổ! Được ra tù bao giờ vậy?"

- Cho người của Chúa uống cái đã, các bồ ơi! - Kouzma vừa lặp đi lặp lại vừa đong đưa hai tay - Nhanh lên ! Nhanh hơn nữa !

Gã làm vẻ quan trọng và hét thật to, tự cho mình vai trò che chở hay hướng dẫn "người của Chúa".

Người ta chỉ định Efrème qua đêm trong căn nhà gỗ của bà cụ Avdotia, dân hành hương hay bộ hành thường trú ngụ ở đấy. Efrème thông thả tháo ngựa rồi dẫn tới máng nước gần giếng và tán gẫu với mấy người nông dân cả nửa tiếng đồng hồ. Rồi anh đi nghỉ. Kouzma đã đợi anh trong căn nhà gỗ.

- A, ông bạn đây rồi! - Gã nông dân kỳ dị kêu lên vui vẻ - Tới quán uống trà không?

- Trà hả? Tốt quá, - Efrème vừa nói vừa gãi - tốt quá, hẳn rồi, nhưng tôi không có gì cả bạn ạ. Bạn mời tôi hay sao?

- Mời đằng ấy à... tiền đâu?

Thất vọng, Kouzma dậm chân tại chỗ, rồi ngồi xuống nghĩ ngợi. Về phần Efrème thì vừa thở dài vừa gãi gãi với cử chỉ vụng về, anh đặt bức tranh thánh và hộp quyên tiền dưới

bàn thờ của căn nhà [\[xiii\]](#), rồi cởi bỏ quần áo giày vớ, ngồi xuống. Một lát, anh đứng lên, đặt hộp quyên tiền lên ghế dài, ngồi xuống lại và bắt đầu dùng bữa. Anh nhai chậm chạp như bò cái và uống nước ồn ào.

- Mình nghèo quá! - Kouzma thở ra - Bây giờ mà uống được miếng vodka hay miếng trà thì tuyệt...

Hai cửa sổ nhìn ra đường chỉ để lọt vào chút ánh sáng dè xẻn. Bóng tối bao trùm cả làng, những căn nhà gỗ trở nên tối tăm, đường biên của ngôi nhà thờ đã mờ nhạt, trải rộng ra và dường như chui vào lòng đất... Một ánh đỏ yếu ớt của mặt trời lặn phản chiếu lại, lấp lánh nhẹ nhàng trên chiếc thập giá gác chuông.

Xong bữa, Efrème ngồi bất động hồi lâu, tay đan trên gối, dán mắt vào cửa sổ. Anh đang nghĩ ngợi gì? Trong cái im lặng của chiều, khi người ta chỉ thấy trước mặt mình một cái cửa sổ mờ đục và phía sau nó thiên nhiên từ từ dịu xuống, khi người ta nghe tiếng sủa khàn khàn của những con chó lạ và tiếng đàn ắc-co-đê-ông the thé, thì khó lòng mà không tưởng nhớ tới gia đình. Những kẻ sống lang thang, kẻ mà cái khốn cùng, điều bất đắ dĩ hay chỉ vì do gàn dờ khiến họ phải cách xa người thân – mới hiểu thấm thía là buổi tối yên tĩnh ở một vùng quê xa lạ mới dài dằng dặc và kinh khủng cỡ nào.

Rồi thì, Efrème, đứng trước tượng thánh, ân cần đọc kinh thật lâu. Vừa ngả lưng lên băng ghế để ngủ, anh thở hắt ra một hơi dài và ngay là anh, cũng phải thốt lên :

- Cậu rõ là một người buồn cười... Chỉ trời mới biết cậu được tạo ra như thế nào!

- Tại sao vậy?

- Tại vì... Cậu không giống người ta. Cậu thường cười ngớ ngẩn, cậu nói không lý do, cậu vừa từ bót cảnh sát ra ...

- Đẳng ấy chỉ chực có vậy thôi! Nhiều khi có nhiều ông rất bảnh ở bót cảnh sát đấy! Đẳng ấy này, bót cảnh sát chẳng là cái quái gì cả, tớ muốn ở đó cả năm, nhưng mà nhà tù thì hoàn toàn khác hẳn. Thiệt tình là tớ đã vào tù ra khám ba lần rồi, và không tuần nào mà ở toà án nông dân, người ta không quết cho tớ một trận... Tụi nó đều chống lại tớ, mấy thằng khốn ấy... Cộng đồng muốn đày tớ đi Sibérie. Họ đã tuyên bố bản án rồi.

- Chắc cậu cũng xứng với hình phạt đó chứ?

- Tớ cóc cần! Người ta có thể sống ở Sibérie như ở mọi nơi khác.

- Còn bố mẹ cậu, còn sống chứ?

- Ông bà rầy rà tở quá. Ừ, ông bà còn sống, chưa nghèo...

- Cậu đã làm gì cho bố mẹ mở mày mở mặt chưa?

- Tở cóc cần... Đối với tở thì bố mẹ tở là kẻ thù ghê gớm nhất của tở, chính ông bà đánh mất tở! Ai đã khiến cho cộng đồng chống lại tở? Ông bà chớ ai, và cái ông chú Stéphane của tở nữa... Không ai khác cả...

- Làm sao cậu biết được, hả chàng ngốc? Cộng đồng không cần tới ông chú Stéphane mới biết cậu là người thế nào... Và còn tại sao mấy người nông dân ở đây lại gọi cậu là "anh bị treo cổ"?

- Tại vì, khi tở còn bé, thiếu chút nữa là mấy cha nông dân giết tở rồi. Họ treo cổ tở lên cây, mấy thằng chết tiệt đó. Tạ ơn Chúa, mấy người nông dân Ermolinsk đi ngang qua thấy, đã cứu tở...

- Một phần tử vô ích của xã hội!

Efrème vừa nói vừa thở ra. Rồi anh quay mặt vào tường, chẳng bao lâu đã ngáy.

Giữa đêm anh thức dậy ra thăm ngựa thì Kouzma không có đó. Một con bò cái trắng đứng trước cửa mở toang, êm ả nhìn vào lối đi và cạ sừng vào khung cửa. Mấy con chó đang ngủ say. Bầu không khí bình yên tĩnh lặng. Xa xa trong bóng tối, giữa cái im vắng ban đêm, một con gà nước gáy to lên và con chim cú nức nở từng tràng dài.

Tới bình minh, khi Efrème tỉnh dậy lần thứ hai thì Kouzma đang ngồi ở bàn, trên chiếc băng dài, vẻ trầm ngâm. Một nụ cười ngây ngô của người say rượu đông cứng lại trên khuôn mặt xanh xao của gã. Những ý nghĩ hân hoan kích động chắc đang chao lượn trong cái đầu bẹp dí; gã hỗn hển như thể vừa leo núi.

- A, người của Chúa! - Gã nói khi thấy Efrème thức dậy, rồi tiếp theo với nụ cười ngượng nghịu - Đẳng ấy muốn bánh mì trắng không?

- Cậu đi đâu vậy? - Efrème hỏi.

- Hi-i-i, hi-i-i.

Kouzma làm như vậy cả chục lần và không bỏ nụ cười đông cứng trên mặt, rồi cuối cùng người lão đảo vì cái cười co giật :

- Tớ uống... trà... trà... và rượu vodka.

Rồi gã bắt đầu đông dài kể trong quán rượu, gã đã uống trà và vodka với những người chạy xe hàng ghé qua như thế nào. Vừa nói, gã vừa rút trong túi ra mấy que diêm, một phần tư gói thuốc và vài cái bánh mì trắng nhỏ...

- Đây là diêm Thủy Điển, cầm này ! Pxi... - Vừa nói gã vừa lần lượt đốt mấy que diêm và châm diếu thuốc - Diêm Thủy Điển chính cống! Xem này!

Efrème vừa ngáp vừa gã, rồi thỉnh thoảng như bị chích, anh nháy dưng, vén sơ mi lên và sờ mó chiếc ngực trần. Rồi cứ dậm chân tại chỗ như gấu, anh cầm từng cái quần cái áo cũ mềm lên khám xét, nhìn dưới chiếc ghế dài, mần mò vào ngực...

- Tiền biến mất rồi ! - Anh nói.

Anh bất động trong nửa phút nhìn sững cái ghế với vẻ ngờ ngác rồi bắt đầu tìm kiếm.

- Thánh Nữ Đồng Trinh, tiền biến mất rồi! Cậu nghe không? - Anh nói với Kouzma - Tiền biến mất rồi!

Kouzma chăm chú ngắm nghía hình vẽ trên hộp diêm, im lặng.

- Tiền đâu? - Efrème vừa hỏi vừa bước tới phía Kouzma.

- Tiền gì? - Kouzma hờ hững hỏi giữa hai kẻ rặng, không rời mắt khỏi hộp diêm.

- Thì tiền... mà tôi giữ trên ngực đấy!

- Tại sao đằng ấy quấy rầy tớ vậy? Nếu mất tiền thì tìm đi!

- Tìm ở đâu? Tiền đâu?

Kouzma nhìn khuôn mặt đỏ rựng của Efrème và bắt giác mặt gã đỏ theo :

- Tiền gì? - Gã vừa la to vừa đứng lên.

- Tiền! hai mươi sáu rúp ấy !

- Chắc là tao lấy hả? Mà làm phiền tao quá, thẳng khốn!

- Chẳng có gì là khốn nạn cả. Chỉ cần nói cho tôi biết tiền đâu?

- Chính tao lấy hả? Tao? Nói nghe đi : tao lấy hả? Tao sẽ làm cho mày thấy tiền, đồ chết tiệt, sau đó thì mày sẽ không còn nhận ra cha mẹ mày nữa!

- Nếu không phải mày thì tại sao mày cầm môm? Chắc chắn là mày thôi! Chớ tiền nào mà mày tiệc tùng suốt đêm ở quán, rồi còn mua thuốc lá bằng cách nào? Mày chỉ là một thằng ngốc, một thằng buồn cười! Có phải mày gây thiệt hại cho tao đâu. Không, mày gây thiệt hại cho Chúa đấy!

- Tao... tao lấy tiền hả? Bao giờ vậy? - Kouzma la lên với giọng chát chúa. Gã đưa tay lên và giáng quả đấm vào ngay mặt Efrème.

- Này, cho mày đây! Muốn nữa không? Tao đếch cần mày là người của Chúa hay không.

Efrème đành lắc đầu và không nói không rằng, bắt đầu mang giày.

- Đồ bịp bợm, - Kouzma la càng lúc càng kích động - nó lấy tiền uống rồi bây giờ buộc tội người khác, cái con chó già này! Tao, tao sẽ đi kiện! Mày sẽ nếm mùi lao tù vì tội vu khống và không được thả ra ngay đâu!

- Nếu mày không lấy tiền, thì thôi im đi. - Efrème bình tĩnh nói.

- Này, mày cứ soát tao đi.

- Tại sao mày lại muốn tao lục soát mày, nếu mày không lấy gì cả? Không phải là mày thì thôi được rồi... La lối vô ích : mày không la to bằng Chúa đâu.

Efrème mang giày xong và ra khỏi nhà. Khi anh trở lại, Kouzma mặt vẫn còn đỏ rực, đang ngồi bên cửa sổ, chăm một điếu thuốc với hai tay run run. Gã gầm gừ :

- Quỷ già à, bọn chúng rất đông la cà ở đây và đánh lừa thiên hạ. Chỉ với tao, mày vô phước, bạn già à. Mày không đánh lừa được tao đâu. Tao biết rõ mấy trò này quá rồi. Đi tìm

người đại diện [xiv] đi.

- Để làm gì?

- Để lập bản án. Để người ta xử tội mình trước tòa án nông dân!

- Xét xử chúng ta vô ích. Tiền không phải của tao, nó là của Chúa. Để Chúa phán xét chúng ta.

Efrème đọc kinh và mang tranh thánh cùng hộp tiền, ra khỏi căn nhà gỗ. Một giờ sau xe anh vào rừng. Làng Maloié, ngôi nhà thờ thấp, khu rừng thưa cùng ruộng đồng đã lùi xa và biến mất trong sương mù buổi sáng. Mặt trời đã lên nhưng còn ẩn mình sau khu rừng, chỉ ửng vàng các bià mây hướng về phía đông.

Kouzma lảo đảo theo xe cách một quãng. Gã có vẻ như người bị xúc phạm nặng nề và bất công. Bị cái háo hức muốn nói găm nhấm nhưng gã làm thinh, cố chờ chính Efrème phá tan bầu im lặng.

- Gây chuyện với đảng ấy chẳng thú vị gì cho tở, nếu không tở sẽ cho đảng ấy nếm đủ mùi - Gã nói như nói với chính mình - Tở sẽ dạy đảng ấy vụ khống người khác, đồ quý sỏi...

Nửa giờ trôi qua trong im lặng. Người của Chúa vừa đọc kinh vừa bước, làm dấu thánh vôi vàng, thở ra thật sâu và bắt đầu tìm bánh mì trong xe.

- Tội mình sắp tới Telibéievo rồi. - Kouzma bắt đầu

- Tòa hoà giải của tội tở ở đó. Đảng ấy cứ việc kiện đi.

- Cậu nói để chẳng nói gì cả. Chuyện đó ăn nhằm gì tới ông tòa? Có phải tiền của ông đâu? Tiền của Chúa. Cậu sẽ biện minh trước Chúa thôi.

- Thằng chả chỉ biết lải nhải : Chúa! Chúa! Cứ như con quạ. Như vậy nè : nếu tở ăn cắp, phải xét xử tở. Nếu không thì đảng ấy phải trả lời về tội vụ khống của mình.

- Làm như thế tôi có thì giờ chạy theo mấy cái tòa án!

- Vậy thì đảng ấy không tiếc tiền à?

- Tại sao tôi lại tiếc ? Không phải tiền của tôi, tiền của Chúa mà...

Efrème miễn cưỡng trả lời, không xao động, và mặt anh lạnh lùng thản nhiên như thể không tiếc tiền hay đã quên sự

mất mát rồi. Vẻ lạnh lùng này làm Kouzma bối rối và kích động bởi đối với gã đó là điều khó hiểu.

Đáp lại sự tội lỗi bằng mưu mẹo hay hung bạo là chuyện bình thường, chớ lảng nhục bằng sự thản nhiên như vậy gây nên một nỗi dằn vặt làm kẻ gây hấn trở thành bị tấn công. Nếu Efrème phản ứng như mọi người, tức nếu anh giận dữ, nếu anh gây gổ với kẻ tấn công, nếu anh đâm đơn kiện và quan toà kết án tù Kouzma hay xếp vụ án lại vì "thiếu bằng cứ", thì hẳn Kouzma đã được yên lòng ; còn bây giờ, bước theo chiếc xe, gã có vẻ như người thiếu thốn một cái gì.

- Tớ không lấy tiền của đảng ấy ! - Gã nói.

- Cậu không lấy thì thôi, đừng nói tới chuyện đó nữa.

- Khi tới Télibéievo, tớ sẽ kêu cứu người đại diện. Ông ta sẽ làm sáng tỏ vấn đề!

- Không có gì phải làm sáng tỏ cả. Tiền không phải của ông ta. Còn cậu, anh bạn ạ, tốt hơn là cậu để tôi yên. Hãy đi đường của cậu đi! Tôi đã chán nhìn thấy cậu rồi.

Kouzma nhìn trộm hồi lâu, bối rối, cố tìm hiểu những ý nghĩ trong đầu bạn đồng hành và ý đồ khủng khiếp chắc phải che dấu trong lòng ; cuối cùng gã quyết định đổi giọng :

- Đồ láu cá, ngay cả cười với thằng chả cũng không được nữa - gã chột nổi nóng ... Ê đây này, tiền của ông đây này! Chỉ là đùa chơi ấy mà!

Gã rút ra khỏi túi mấy tờ bạc một rúp và chìa cho Efrème.

Như đã chờ đợi chuyện này, không biểu lộ ngạc nhiên, cũng không vui, người này cầm tiền và im lặng nhét vào túi.

- Tớ chỉ muốn đùa một tí - Kouzma vừa tiếp lời vừa dò xét nét mặt dửng dưng của người kia - tớ muốn làm cho đảng ấy sợ. Tớ tự nhủ ê, mình sẽ làm cho anh chàng hoảng lên, rồi sáng hôm sau thì trả lại. Có hai mươi sáu rúp tất cả, còn lại chín hay mười... Mấy thằng cha xe hàng lấy hết của tớ... Đừng giận nghe, ông nội! Không phải tớ uống đâu, mấy thằng ôn dịch xe hàng đấy... Tớ thể trước Chúa!

- Tại sao tôi phải giận? Tiền của Chúa mà. Không phải cậu tấn công tôi đâu, mà là tấn công bà Hoàng của các Thượng đế đấy...

- Tớ chỉ uống có một rúp thôi, chính cống...

- Ăn thua gì tới tôi cơ chứ? Cậu có thể xài hết cho việc nhậu nhẹt, tôi cũng cóc cần. Là một rúp hay một kô-pếch, đối với Chúa cũng như nhau. Cũng cùng một giá.

- Thôi đừng giận mà, ông nội! Thiệt tình, đừng giận. Thiệt mà!

Efrème giữ im lặng. Kouzma nhấp nhấp mí mắt, khuôn mặt gã diễn tả vẻ trẻ thơ và thảm hại.

- Tha lỗi cho tớ, vì tình yêu của Chúa. - Gã nói và nhìn vào gáy Efrème với vẻ van nài - Đừng giận, ông nội à. Chỉ là đùa chơi thôi mà!

- A, cuối cùng thì cậu quấy rầy tôi quá! - Efrème nói, bực dọc - Tôi đã nói với cậu rồi, không phải tiền của tôi. - Cậu hãy xin Chúa tha tội cho, còn tôi thì chẳng liên can gì vào đó cả.

Kouzma nhìn bức tranh thánh, bầu trời, cây cối, như thể tìm kiếm Chúa, rồi mặt gã co lại trong nỗi khiếp hãi. Trước sự im vắng của khu rừng, vẻ nghiêm nghị của bức tranh, sự thản nhiên khác thường và vô nhân đạo của Efrème, gã cảm thấy lẻ loi, vô phương tự vệ, như bị giao cho một Thượng đế hung ác và giận dữ phán xét.

Gã chạy lên đến trước mặt Efrème nhìn thẳng vào mắt anh như để tin chắc là gã không phải một mình :

- Tha lỗi cho con, nhân danh Chúa - gã nói, run rẩy cả người - tha lỗi cho con, ông nội ơi!

- Để tôi yên nào!

Kouzma nhìn một lần nữa lên trời, cây cối, chiếc xe, bức tranh thánh, rồi sụp xuống chân Efrème. Trong cơn hãi hùng, gã bập bẹ cái gì không đầu đuôi, đập trán xuống đất, ôm ghì lấy chân Efrème và oà khóc như một đứa bé.

- Ông nội thân yêu! Bạn thân yêu! Người của Chúa!

Trước tiên là lúng túng, Efrème lùi lại đẩy người van nài, rồi tới phen anh lại chiêm ngưỡng bầu trời với lòng sợ hãi. Cảm thấy nỗi lo âu và tội nghiệp đưa ăn cắp, anh thuyết giáo :

- Khoan đã nào, anh bạn, nghe tôi này! Nghe những điều tôi sắp nói đây này, anh ngốc ạ! Ế, gì mà tử tế như đàn bà vậy!

Này, nếu cậu muốn Chúa tha tội cho, thì ngay khi về tới làng cậu, hãy đi tìm ông giáp trưởng... Cậu nghe không đấy?

Và anh bắt đầu giải thích cho Kouzma nghe làm thế nào để xoá bỏ tội lỗi : trước hết là phải thú tội với ông giáp trưởng, làm phép giải tội, rồi thì thu góp và gửi tới Malinovsty số tiền đánh cắp uống rượu ; và trong tương lai thì phải cư xử ngay lành chân thật, phải nhã nhặn đúng tư cách một người có đạo. Nghe mấy lời đó, Kouzma dịu dần; chẳng bao lâu gã có vẻ như quên mất nỗi buồn; gã chọc phá Efrème, gã liến thoắng... Không một phút ngừng nói, gã kể chuyện của những người sống sung sướng được nuông chiều, chuyện ở bót cảnh sát, chuyện người Đức, chuyện trong tù – tóm lại, gã lặp lại những gì đã kể hôm trước. Rồi gã cười dòn tan, chập tay lại, bước lùi về nghiêm trọng như thể kể điều gì mới mẻ lắm. Gã diễn tả một cách thoải mái với cung cách của người mài nhẫn gọt giày khắp nơi, điểm câu chuyện bằng những câu khôi hài hay châm ngôn; coi vậy chớ nghe thì khiếp lắm, bởi vì gã lặp đi lặp lại, thường ngừng giữa chừng để nắm bắt ý nghĩ lạc lối, rồi nhíu mày, xoay vòng, vung vẩy cánh tay... Và toàn là những điều huênh hoang láo lếu!

Đến trưa, khi xe dừng lại ở Télibéievo, Kouzma vào quán rượu. Efrème nghỉ ngơi hai tiếng đồng hồ mà người kia cũng chưa rời khỏi quán. Người ta nghe tiếng gã thề thốt, khoe khoang và đập tay lên quầy, trong khi những nông dân say sưa thì chế diễu gã. Và khi Efrème rời làng, một trận xô xát bắt đầu xảy ra trong quán : Kouzma hăm dọa ai đó với giọng chói tai và la to lên là gã sẽ đi tìm cảnh sát.

NGƯỜI ĂN MÀY

Dịch giả: Trần Lê Thanh Hà

Đánh máy: Nguoimesach

“Thưa ngài, xin hãy rủ lòng thương một người nghèo khổ. Tôi không có cả năm ko-pech để tìm chỗ ngủ qua đêm. Xin thể có Chúa! Tôi là một thầy giáo làng trong năm năm và bị mất việc làm vì những âm mưu của hội đồng khu vực. Tôi là nạn nhân của những bằng chứng giả. Tôi bị mất việc làm đã một năm nay”.

Ông luật sư Petersburg Skvortsov nhìn chiếc áo khoác màu xanh dương rách tả tơi của người đang nói, đôi mắt say sưa màu bùn đất, những nốt đỏ trên má y và có cảm giác đã nhìn thấy y trước đây.

“Và bây giờ người ta cho tôi một việc làm ở vùng Kaluga,” – người ăn mày nói tiếp – “nhưng tôi không có tiền để đi tới đó. Xin hãy rộng lòng cứu giúp tôi! Tôi rất xấu hổ phải xin, nhưng... tôi bị hoàn cảnh bắt buộc”.

Skvortsov nhìn đôi giày của y, một chiếc có hình dáng chiếc giày bình thường, trong khi chiếc kia cao đến gần đầu gối như một chiếc ủng và sực nhớ ra.

“Này, ngày hôm kia tôi gặp anh ở đường Sadovoy.” – ông nói – “Và lúc đó anh nói với tôi anh là một sinh viên bị đuổi chứ không phải là thầy giáo làng. Anh còn nhớ không?”.

“Không, không thể được!” – người ăn mày lẩm bẩm – “Tôi là thầy giáo làng, nếu ông muốn tôi có thể đưa giấy tờ cho ông xem.”

“Nói dối đủ rồi! Anh xưng mình là sinh viên và còn kể tôi nghe lý do bị đuổi nữa. Anh nhớ ra chưa?”.

Skvortsov đỏ bừng mặt vì giận và quay đi không nhìn người kia.

“Thật đê tiện!” – ông giận dữ quát – “Đồ lừa đảo! Tôi sẽ giao anh cho cảnh sát, đồ chết tiệt! Anh nghèo đói, nhưng

không có nghĩa là anh được quyền nói dối trâng tráo như vậy!”.

Người kia níu lấy quả đấm cửa và tuyệt vọng nhìn quanh phòng như chim bị sập bẫy.

“Tôi... tôi không nói dối.” – anh ta lẩm bẩm – “Tôi có thể chứng minh bằng giấy tờ”.

“Ai tin anh được?” – Skvortsov vẫn giận dữ nói tiếp – “Lợi dụng sự thương mến của mọi người với thầy giáo làng và sinh viên. Thật thấp hèn, thật bỉ ổi, thật bẩn thỉu! Thật ghê tởm!”.

Skvortsov càng lúc càng giận dữ hơn, ông mắng chửi người ăn mày không chút xót thương. Sự dối trá láo xược của con người rách rưới này đã làm ông căm ghét và phẫn nộ, là một sự xúc phạm đến những điều ông, Skvortsov, yêu thích và tự hào về chính mình: lòng tốt, một trái tim nhạy cảm, sự thông cảm với những người bất hạnh. Bằng những lời dối trá, bằng sự phản bội lại những điều đó, y đã làm ô uế lòng từ thiện ông thích ban cho người nghèo không chút nghi ngại. Lúc đầu người ăn mày còn thể thốt để tự bảo vệ, rồi y im lặng và xấu hổ cúi đầu.

“Thưa ông,” – y nói, tay đặt trên ngực – ”quả thật tôi đã... nói dối! Tôi không phải là sinh viên cũng không là thầy giáo làng. Tôi đã bị bịa đặt ra tất cả! Trước đây tôi ở trong đội đồng ca Nga và đã bị đuổi việc vì tội uống rượu. Nhưng tôi có thể làm gì được? Vì Chúa, xin hãy tin tôi, tôi không thể sống nếu không nói dối. Khi tôi nói thật, sẽ không ai cho tôi chút gì. Nếu nói thật người ta có thể chết vì đói rét khi không có nơi ngủ qua đêm! Ông nói rất đúng, tôi hiểu như vậy, nhưng... tôi phải làm gì?”.

“Anh phải làm gì? Anh hỏi anh phải làm gì à?” – Skvortsov vừa quát, vừa bước lại gần y – “Làm việc!... Đó là điều anh phải làm! Anh phải làm việc!”.

“Làm việc... Tôi cũng biết như vậy, nhưng tôi biết kiếm việc làm ở đâu?”.

“Vô lý. Anh còn trẻ, khỏe, có sức lực, anh có thể kiếm việc làm được ngay nếu muốn. Nhưng anh biết mình lười biếng, quen hưởng thụ, say sưa! Anh sắc mùi rượu Vodka như

một quán rượu! Anh đã trở thành đối trá và hư hỏng đến tận xương tủy, chỉ biết xin xỏ và nói dối! Nếu anh chịu khó làm việc, anh có thể làm ở văn phòng, trong một dàn đồng ca Nga, hoặc người ghi điểm ở tiệm bida, ở đó anh sẽ có lương và không phải làm việc! Nhưng làm gì anh chịu lao động chân tay được? Tôi dám chắc anh sẽ không chịu làm người gác cửa hay thợ trong xí nghiệp. Anh quý phái quá mà!”.

“Những điều ông nói, quả thật...” – người ăn mày nói với nụ cười cay đắng – “Làm sao tôi kiếm được công việc lao động chân tay? Đi buôn bán thì đã trễ rồi, muốn buôn bán người ta phải bắt đầu từ khi còn nhỏ; không ai muốn tôi làm người gác cửa vì tôi không thuộc tầng lớp đó... Và tôi không thể làm việc trong xí nghiệp vì phải có tay nghề mà tôi lại không có”.

“Vô lý! Anh luôn luôn biện hộ! Anh có muốn chẻ củi không?”.

“Tôi không từ chối, nhưng hiện giờ những người chẻ củi chuyên nghiệp cũng đang thất nghiệp.”

“Ồ, những người lười biếng lúc nào cũng nói vậy! Người ta đề nghị việc gì là anh từ chối liền. Anh có muốn chẻ củi cho tôi không?”.

“Chắc chắn là có...”.

“Tốt lắm, để xem... Tuyệt. Để rồi xem!” – Skvortsov vội vã nói, hơi bị kích động và không phải không có một niềm vui thích ác ý, xoa tay, gọi bà đầu bếp đang ở trong bếp.

“Này, Olga!” – ông bảo bà – “Hãy dẫn ông này vào nhà kho và giao cho ông ấy chẻ ít củi”.

Người ăn mày nhún vai như đang bối rối miễn cưỡng đi theo bà đầu bếp. Thái độ của y tỏ ra rằng y bằng lòng chẻ củi không phải vì đói và muốn kiếm tiền mà chỉ vì xấu hổ và tự hào vì phải giữ lời. Rõ ràng là y đang say rượu Vodka, y không khỏe và không hề muốn làm việc chút nào.

Skvortsov vội vàng đi vào phòng ăn. Từ cửa sổ nhìn ra sân ông có thể thấy nhà chứa củi và mọi chuyện trong sân. Ông đứng ở cửa sổ, nhìn bà đầu bếp và người ăn mày đi lối sau vào sân, đạp lên lớp tuyết lẫn bùn tới nhà chứa củi. Olga giận dữ nhìn người đi bên bà từ đầu đến chân rồi dùng khuỷu tay

đẩy bật chốt cửa kho chứa củi làm cánh cửa mở bung ra kêu đánh rầm.

“Có lẽ mình đã gọi khi bà ấy đang uống cà phê” – Skvortsov nghĩ – “Trông bà ấy giận dữ quá!”.

Rồi ông thấy người thầy giáo làng và sinh viên giả hiệu ngồi xuống một khúc củi lớn, tựa hai bên má đỏ ửng vào hai nắm tay, dăm chiêu suy nghĩ. Bà bếp quẳng chiếc rìu xuống kế chân y, giận dữ nhổ xuống đất và, theo cử động của đôi môi, ông đoán bà bắt đầu chửi rửa y. Người ăn mày uể oải kéo một khúc củi lại, đặt nó đứng giữa hai chân và thận trọng đưa lưỡi rìu chẻ dọc nó. Khúc củi tách đôi và ngã xuống. Y kéo nó lại, thối vào hai bàn tay lạnh cóng và lại thận trọng đưa lưỡi rìu chẻ dọc nó như sợ đụng vào đôi giày hay chặt mất mấy ngón tay. Khúc củi lại ngã xuống.

Cơn giận của Skvortsov đã tan, ông cảm thấy ái ngại và xấu hổ vì đã bắt một người không quen làm việc, say rượu và có lẽ đang bệnh làm việc vất vả trong giá lạnh.

“Mặc kệ, cứ để y làm...” – ông nghĩ trong khi đi sang phòng làm việc – “Mình làm như vậy để cho y được tốt!”.

Một giờ sau Olga xuất hiện và báo là củi đã chẻ xong.

“Đây, đưa cho y nửa rúp.” – Skvortsov nói – “Nếu y muốn, y có thể đến chẻ củi vào đầu mỗi tháng... sẽ luôn luôn có việc cho y làm”.

Vào ngày đầu tháng người ăn mày lại đến và kiếm được nửa rúp mặc dù y đứng không vững. Từ đó y đến thường xuyên và luôn luôn có việc làm: có lúc y gom tuyết thành đống, hay dọn nhà kho, có lúc y đập và giữ những tấm thảm, những tấm nệm. Mỗi lần như vậy y được nhận ba đến bốn kopech và có lần còn được cho một cái quần cũ.

Khi dọn nhà, Skvortsov sai y đóng gói và khiêng đồ đạc, lúc này y tỉnh táo, buồn rầu và im lặng; hầu như không đụng vào đồ đạc, cúi đầu đi sau những chiếc xe chở đồ, không cần làm ra vẻ tất bật; y chỉ rung lên vì lạnh và rất bối rối khi bị người khác cười nhạo sự chậm chạp, yếu ớt và chiếc áo trước kia sang trọng giờ rách tả tơi. Sau khi dọn nhà xong Skvortsov cho gọi y đến.

“À, tôi thấy anh có làm theo lời tôi.” – ông nói và đưa y một rúp – “Đây là tiền công của anh. Tôi thấy anh không còn say sưa và không phải không muốn làm việc. Tên anh là gì?”.

“Lushkov”.

“Tôi có thể tìm cho anh công việc tốt hơn và không quá vất vả. Anh có biết viết không?”.

“Thưa ông, có”.

“Vây anh cầm giấy này, ngày mai đến gặp bạn đồng nghiệp của tôi và ông ấy sẽ cho anh làm việc giấy tờ... Hãy làm việc, đừng uống rượu và nhớ những điều tôi dặn anh. Tạm biệt”.

Hài lòng vì đã đưa một người vào con đường ngay thẳng, Skvortsov vỗ nhẹ vai Lushkov và còn bắt tay anh ta trước khi chia tay.

Lushkov nhận lá thư ra đi và từ đó không trở lại làm việc nữa.

Hai năm trôi qua. Một ngày kia khi Skvortsov đang đứng mua vé trước quầy bán vé nhà hát, ông thấy một người đàn ông nhỏ bé mặc áo khoác cổ lông cừu và đội mũ da mèo cũ kỹ. Y rụt rè hỏi mua một vé loại rẻ tiền nhất và trả bằng tiền lẻ.

“Lushkov, phải anh đó không?”.

Skvortsov hỏi khi nhận ra người chẻ củi trước đây của ông.

“Ồ, lúc này anh làm gì? Sống có ổn không?”.

“Cũng khá... Tôi đang làm ở văn phòng công chứng viên. Tôi kiếm được ba mươi lăm rúp”.

“Ồ, nhờ trời, như vậy là ngon lành quá rồi. Tôi mừng cho anh. Tôi thật tình rất vui, Lushkov. Anh biết không, ở một mức độ, anh là con đỡ đầu của tôi. Chính tôi đã đưa anh vào con đường ngay thẳng. Anh còn nhớ tôi đã chửi mắng anh thế nào không? Lúc đó anh gần như ở tận đáy.Ồ, cảm ơn anh vì đã nhớ lời tôi, anh bạn thân mến ạ”.

“Tôi cũng phải cảm ơn ông” – Lushkov nói – “Nếu tôi không gặp ông ngày hôm đó, có lẽ tôi vẫn còn tự coi mình là

thầy giáo làng hay sinh viên. Vâng, trong ngôi nhà của ông tôi đã được cứu và thoát khỏi cái hố đó”.

“Tôi rất vui mừng”.

“Cám ơn ông về những lời nói và hành động tử tế của ông. Những lời ông nói ngày đó rất tuyệt vời. Tôi biết ơn ông và bà bếp của ông. Xin Chúa phù hộ cho người phụ nữ có tấm lòng vàng đó. Những lời ông nói ngày đó rất tuyệt vời; dĩ nhiên là ngày nào còn sống là tôi còn chịu ơn ông, nhưng chính bà bếp của ông, Olga, mới là người cứu vớt tôi thật sự”.

“Như vậy nghĩa là sao?”

“Ồ, chuyện là như thế này. Trước đây tôi đến chẻ củi cho ông và bà ấy bắt đầu nói: “Ôi, anh chàng say rượu! Con người bị Chúa ruồng bỏ! Và anh còn chưa bị cái chết bắt đi!” – rồi bà ngồi trước mặt tôi, nhìn mặt tôi và than khóc – “Con người bất hạnh! Anh không có niềm vui nào trong thế giới này, còn trong kiếp sau anh sẽ bị thiêu trong địa ngục, con người say sưa đáng thương! Sinh vật buồn rầu khốn khổ!”. Bà cứ tiếp tục than van như vậy, ông biết không. Tôi không thể kể hết bao nhiêu lần bà ấy đau khổ và đã đổ bao nhiêu nước mắt vì tôi. Nhưng điều làm tôi xúc động nhất: bà đã chẻ củi cho tôi! Thưa ông, ông có biết không, tôi chưa bao giờ chẻ một khúc củi nào cho ông. Bà đã làm lấy tất cả! Tôi không thể giải thích bà đã cứu tôi bằng cách nào, tại sao tôi thay đổi khi nhìn bà và bỏ rượu. Tôi chỉ biết là những lời bà nói và cách cư xử cao quý của bà đã làm tâm hồn tôi thay đổi và tôi sẽ không bao giờ quên. Nhưng đã đến giờ tôi phải đi, người ta sắp rung chuông báo hiệu mở màn”.

Lushkov cúi chào và đi đến khu khán giả hạng vé rẻ tiền.

NGƯỜI ĐÀN BÀ CÓ CON CHÓ NHỎ

Cách đây mấy năm, một cô gái khá xinh đẹp đã có chồng con than thở với tôi rằng cô cảm thấy cô đơn, buồn chán, thậm chí muốn chết. Tôi “bắt mạch” và phán rằng: “Em thiếu tình yêu đấy thôi!”. Cô gái hỏi: “Tình yêu là gì?”. Tôi bảo định nghĩa tình yêu rất khó, nhưng em hãy đọc truyện ngắn nổi tiếng “Người đàn bà có con chó nhỏ” của văn hào Nga A.P.Chekhov thì sẽ hiểu tình yêu là gì.

I

Mọi người kháo nhau rằng ở ngoài bãi biển có một người mới đến nghỉ: người đàn bà có con chó nhỏ. Đơmitri Đơmitrit Gurốp, một người mới đến lanta từ hai tuần nay và đã quen với cảnh sống ở đây, cũng bắt đầu tò mò muốn biết những người mới tới. Anh ngồi trong quán cà phê Vécne bốn phía trống trải và từ đó, anh nhìn thấy trên bãi biển, một phụ nữ còn trẻ, người tầm thước, có bộ tóc hung hung vàng, đầu đội bê-rê; đằng sau nàng, có một con chó nhỏ lông trắng đang chạy theo.

Và rồi những ngày sau, hôm nào anh cũng thấy nàng vài lần, khi thì ở trong công viên thành phố, khi thì ở vườn hoa nho nhỏ. Nàng dạo chơi một mình, đầu vẫn đội chiếc bê-rê ấy, con chó trắng vẫn chạy theo sau; không ai biết nàng là ai và mọi người đều gọi nàng một cách giản tiện: người đàn bà có con chó nhỏ.

“Nếu nàng ở đây một mình, không có chồng bên cạnh, không có người quen – Gurốp nghĩ – thì việc bắt chuyện làm quen với nàng có lẽ không phải là thừa”.

Gurốp tuổi chưa đầy 40, nhưng anh đã có một đứa con gái 12 tuổi và hai đứa con trai bé đã đi học ở trường. Gia đình cưới vợ cho anh rất sớm, từ khi anh còn là sinh viên năm thứ hai, và bây giờ thì vợ trông già hơn anh đến hàng chục tuổi. Vợ anh là một người đàn bà dong dỏng cao, dáng người rất thẳng và đường hoàng, có đôi lông mày đen rậm. Nàng tự cho mình là một người có đầu óc suy nghĩ. Nàng đọc rất nhiều sách, không bao giờ viết dấu cứng đằng sau phụ âm và gọi tên chồng là Đimitri chứ không phải là Đơmitri. Còn anh, anh thậm chí nghĩ rằng, nàng là một người hẹp hòi, thiếu cận, thô kệch; anh sợ nàng và không thích ở nhà nhiều. Từ lâu, Gurốp đã ngoại tình, ngoại tình luôn luôn; có lẽ vì vậy mà hầu như

bao giờ anh cũng nói đến phụ nữ với một thái độ thù ghét khinh bỉ. Khi có ai bàn đến phụ nữ trước mặt anh thì anh gọi họ thế này:

- Loại người hạ đẳng!

Anh ta có cảm tưởng rằng, anh có đủ kinh nghiệm cay đắng để muốn gọi phụ nữ thế nào thì gọi; nhưng mặc dầu thế, không có “loại người hạ đẳng” ấy, anh ta không sao sống quá được hai ngày. Giữa đám đàn ông, bao giờ anh cũng cảm thấy tẻ nhạt, gượng gạo và trở nên lạnh lùng ít nói. Nhưng bên cạnh phụ nữ thì anh lại thấy thoải mái và biết phải nói gì, đối xử ra sao; ngay cả khi im lặng trước mặt họ, anh cũng cảm thấy mình nhẹ nhõm. Trong tính tình, diện mạo của Gurốp cũng như trong cả cốt cách của anh có một cái gì quyến rũ rất khó nói, một cái gì thu hút những người đàn bà, hấp dẫn họ. Anh biết điều đó, và chính bản thân anh cũng bị một sức mạnh vô hình cuốn về phía họ.

Từ lâu, kinh nghiệm cay đắng nhiều lần đã dạy anh rằng, những cuộc gẫu gụi mới đầu có vẻ thú vị, làm cho đời thêm phần hoa lá, những cuộc phiêu lưu êm ái, nhẹ nhàng đối với những người đàn ông đứng đắn, nhất là những người đàn ông Matxcova chậm chạp và thiếu cương quyết, cuối cùng bao giờ cũng trở thành cả một bài toán cực kỳ nan giải, có kết cục thật là nặng nề. Nhưng rồi mỗi lần gặp được một người đàn bà xinh đẹp hấp dẫn mới, cái kinh nghiệm ấy lại rơi đi đâu mất và anh lại muốn sống, lại cảm thấy cuộc đời thật giản đơn và ngộ nghĩnh.

Có lần, vào một buổi chiều, khi đang ăn trong vườn, anh thấy người đàn bà đội mũ bê-rê ấy chậm rãi bước tới ngồi xuống bên chiếc bàn cạnh đó. Nhìn nét mặt, dáng đi, kiểu tóc và xống áo nàng mặc, có thể đoán được rằng nàng thuộc loại người khá giả, con nhà gia giáo, đã có chồng và lần đầu tiên đến Ianta; nàng đi một mình và cảm thấy cuộc sống ở đây rất tẻ nhạt. Trong những lời đồn đại về chuyện thiếu đạo đức ở vùng nghỉ mát này có nhiều điều không đúng sự thật, anh coi khinh những lời ấy và cho rằng phần lớn là do một số người dựng lên- những người sẵn sàng phạm phải những điều thiếu

đạo đức đó, nếu họ có khả năng làm được chuyện ấy. Nhưng đến khi người đàn bà ngồi xuống bên chiếc bàn chỉ cách anh mấy bước, anh sực nhớ đến chuyện chinh phục dễ dàng, những buổi lên núi chơi và cái ý nghĩ đầy ma lực thu hút về một cuộc chung đụng ngắn ngủi chóng vánh, về mối tình với một người đàn bà xa lạ, không biết tên họ, bỗng xâm chiếm lòng anh.

Anh âu yếm vẫy gọi con chó bông trắng nhỏ đến bên mình, rồi khi nó tới gần, anh giơ ngón tay ra dọa dẫm. Con chó khẽ gầm gừ. Anh lại giơ ngón tay lên dọa.

Người đàn bà vội đưa mắt về phía anh và lại cúi xuống ngay.

- Nó không cắn đâu. - Nàng nói và khuôn mặt nàng ửng đỏ.

- Có thể cho nó ăn xương được không? - Gurốp nói và khi thấy nàng gật đầu, anh lại hồ hởi hỏi tiếp: “Chị đến lanta đã lâu chưa?”.

- Dăm ngày rồi.

- Còn tôi thì đã gắng gượng ở đây đến tuần thứ hai.

Cả hai cùng yên lặng một lát.

- Thời gian trôi qua thật nhanh chóng mà ở đây thì thật là buồn tẻ - Nàng nói, mắt không nhìn về phía anh.

- Đó chỉ là điều người ta mặc nhiên quen nói với nhau rằng ở đây buồn tẻ. Một người tầm thường sống trong nhà mình ở Bêlép hay ở Giurđora (tên những thành phố hẻo lánh nhỏ bé của nước Nga-ND) thì chẳng thấy buồn chán, thế mà vừa đặt chân đến đây thì đã kêu lên: “Ôi buồn tẻ quá! Toàn bụi là bụi!”. Cứ như thế là anh ta đã từ Grênađa tới.

Nàng khẽ bật cười. Và sau đó, cả hai lại lặng lẽ tiếp tục ăn, như những người không quen biết. Nhưng, ăn xong, thì họ đã đi bên nhau; một cuộc nói chuyện nhẹ nhàng đùa giỡn bắt đầu, - một cuộc nói chuyện giữa những người sống thoải mái, khoan khoái tự do, những người đi đâu cũng được, nói chuyện gì cũng được. Họ dạo chơi và nói với nhau rằng ánh sáng trên biển kỳ lạ biết bao, mặt nước tím tím màu hoa xiren thật mềm mại và ấm áp; trăng rọi chiếu thành từng dải ánh

vàng rực. Họ nói với nhau rằng sau một ngày nắng gắt trời trở nên oi bức ghê gớm. Gurốp kể rằng anh là người Maxcova, tốt nghiệp khoa ngữ văn nhưng lại làm việc ở nhà băng, đã có lúc định hát cho một gánh hát tư nhưng sau lại bỏ, anh có hai ngôi nhà ở Maxcova... Nghe nàng kể, Gurốp biết được rằng nàng lớn lên ở Pêtécboa, nhưng sau đó thì đi lấy chồng ở X. Nàng đã sống hai năm ở đấy. Nàng sẽ ở lại Ianta độ khoảng một tháng và có lẽ sắp tới, chồng nàng cũng sẽ đến đây nghỉ. Nàng không thể nói được là chồng nàng làm việc ở đâu, - ở hội đồng hành chính tỉnh hay là ở hội đồng hương chánh, - điều ấy làm nàng tự cảm thấy buồn cười. Gurốp còn biết thêm rằng nàng tên là Anna Xécghêépna.

Sau đó, trong căn phòng của mình, Gurốp nghĩ đến nàng, nghĩ rằng chắc chắn ngày mai nàng sẽ gặp anh. Chắc chắn là như thế. Khi lên giường ngủ, Gurốp nhớ rằng mới cách đây không lâu nàng còn đi học như đứa con gái anh, nhớ đến những nét rụt rè ngượng ngập trong tiếng cười, trong cách nói chuyện của nàng với một người lạ, - chắc đó là lần đầu tiên nàng sống một mình trong môi trường như thế, nơi mọi người đều đi theo nàng, ngắm nhìn nàng, nói chuyện với nàng chỉ để nhằm một mục đích bí hiểm mà nàng không thể đoán ra được. Anh nhớ đến cái cổ thanh thanh yếu ớt, đôi mắt màu xám rất đẹp của nàng.

“Ở nàng vẫn có một cái gì đó tội nghiệp đáng thương” - Anh nghĩ vậy rồi ngủ thiếp đi.

II

Một tuần đã trôi qua kể từ ngày họ quen nhau. Đó là một ngày chủ nhật. Trong các căn phòng đều oi bức, và ngoài trời thì gió cuốn bụi bay mù, hắt mũ xuống đất. Suốt ngày khát nước, Gurốp chốc chốc lại ghé sang quán giải khát và mời Anna Xécghêépna khi thì uống nước xirô khi thì ăn kem. Chẳng còn biết đi đâu.

Buổi chiều, khi mà gió đã ngớt đi ít nhiều, họ cùng nhau đi ra bờ biển xem tàu thủy đến. Trên bến, nhiều người đang dạo chơi, nhiều người tay ôm hoa chờ đón ai. Đám người nghỉ mát sang trọng ở lanta, có hai điều đặc biệt dễ làm mọi người chú ý: đó là những bà đứng tuổi ăn vận như thiếu nữ và nhiều ngài sĩ quan cấp tướng.

Vì biển động, tàu thủy đến muộn, khi mặt trời khuất bóng, con tàu lượn vòng rất lâu rồi mới cập bến. Anna Xécghêépna giơ cặp kính nhòm nhìn lên tàu, lên những hành khách như để kiểm tìm người quen và khi nàng quay lại phía anh, đôi mắt nàng sáng lên. Nàng nói nhiều, những câu hỏi nàng đặt ra vội vàng hấp tấp, nói xong lại quên ngay những điều mới hỏi, sau đó, đánh rơi mất cặp kính giữa đám đông người.

Đám người sang trọng lúc này đã tản đi hết, không còn nom rõ mặt người, gió đã lặng hẳn, nhưng Gurốp và Anna Xécghêépna vẫn đứng lại như cố chờ xem còn ai trên tàu xuống bến nữa không. Anna Xécghêépna không nói nữa, nàng khẽ thơm những bông hoa, mắt không nhìn Gurốp.

– Buổi tối trời dễ chịu hơn đấy! – Anh nói – Bây giờ thì chúng ta đi đâu? Hay là chúng ta lên xe đi đâu xa một lúc?

Nàng lặng yên không trả lời.

Lúc ấy Gurốp dăm dăm nhìn nàng rồi bất ngờ anh ôm lấy nàng và hôn lên môi, anh cảm thấy bên mình mùi hương của

những bông hoa ước át. Ngay lúc đó, Gurốp sợ sệt nhìn quanh: có ai nhìn thấy không?

– Về nhà cô đi... – Anh nói nhỏ.

Và hai người rảo bước quay lại.

Căn phòng của nàng rất bí, toả mùi nước hoa mà nàng đã mua ở một cửa hiệu Nhật Bản. Vừa nhìn nàng, Gurốp vừa nghĩ: “Không biết trong đời mình còn thiếu những cuộc gặp gỡ nào nữa!”. Quá khú để lại trong anh những kỷ niệm về những người đàn bà vô tư, tốt bụng; vui sướng vì tình yêu, cảm ơn anh vì niềm hạnh phúc, cho dù là rất ngắn ngủi thôi mà anh đã mang lại. Anh nhớ đến những người đàn bà như vợ anh chẳng hạn, không thành thật yêu anh, nhiều lời và lăm cách bày vẽ, hay dằn vặt với cái vẻ muốn tỏ rằng đây không phải tình yêu, không phải lòng say mê mà là một cái gì còn lớn hơn thế nữa. Anh nhớ đến một vài người đàn bà khác, rất xinh đẹp, lạnh lùng ở họ có khi tự nhiên, lộ ra vẻ hung dữ, mong ước ngang bướng muốn lấy, muốn đoạt ở cuộc đời nhiều hơn khả năng cho phép của nó. Những người này không còn trẻ trung nữa, họ đỏng đảnh, không biết suy đoán, ít thông minh, cảm thấy mình đầy quyền lực, và khi Gurốp trở nên lạnh lùng với họ, vẻ đẹp của những người đàn bà ấy gây cho anh một sự căm ghét, và những viên đá ten trên áo của họ chỉ làm anh nghĩ đến những đám mây loang lổ.

Nhưng ở nàng vẫn giữ nguyên được vẻ rụt rè, ngượng ngập, chưa từng trải của tuổi trẻ, vẻ bối rối như khi có ai thỉnh linh gõ cửa nhà mình. Anna Xécghêépna, người đàn bà có con chó nhỏ ấy, đối với sự việc vừa xảy ra có một thái độ khác thường, rất thận trọng – tuồng như đó là sự sa ngã của nàng – có thể cảm thấy như thế, và điều này có chút gì lạ lùng và lạc lõng. Nét mặt nàng mỗi mệ, những món tóc dài của nàng buồn bã xoã xuống hai bên mặt. Nàng lặng lẽ suy nghĩ, dáng trông rầu rĩ như người đàn bà có tội trong bức tranh cổ.

– Không tốt đâu. – Nàng nói – Như vậy anh đã là người đầu tiên không tôn trọng tôi.

Trên bàn trong phòng có một quả dưa hấu. Gurốp cắt cho mình một miếng và chậm rãi nhai. Ít ra là nửa giờ đã trôi

qua trong im lặng.

Anna Xécghêépna ra chiều xúc động, ở nàng toát ra một cái gì trong trắng, thơ ngây của một người đàn bà chưa từng trải; trên bàn, cây nến đơn độc đang cháy dở nhẹ hắt những tia sáng mờ mờ lên gương mặt nàng, tuy thế vẫn có thể thấy rõ ràng lòng nàng đang nặng trĩu.

- Làm sao mà anh có thể không tôn trọng em nữa? - Gurốp hỏi - Chính em cũng không biết em đang nói gì.

- Ôi, trời hãy tha tội cho tôi! - Nàng nói, và mắt nàng đầm lệ - Điều ấy thật khủng khiếp.

- Em đang cố tự bào chữa cho mình đấy.

- Bào chữa thế nào được? Tôi xấu xa, tôi là một người phụ nữ thấp hèn, tôi tự khinh mình và không mong gì tự bào chữa cả. Không phải tôi lừa chồng mà tự lừa dối mình. Từ lâu rồi chứ không phải chỉ bây giờ mới lừa đâu. Chồng tôi có lẽ là một người tốt, một người trung thực nhưng anh ấy là một người nô bộc! Tôi không biết anh ấy làm gì, làm việc thế nào, chỉ biết anh ấy là một người chuyên hầu hạ kẻ khác. Khi lấy chồng, tôi 20 tuổi, một nỗi khát khao cái mới giày vò tôi, tôi muốn được một cái gì tốt đẹp hơn, tôi tự nhủ: có chứ, có một cuộc sống khác chứ. Tôi muốn sống! Sống và sống... Lòng hiếu kỳ thiêu đốt tôi... anh không hiểu được điều đó đâu, nhưng, có trời chứng giám, tôi đã không thể tự làm chủ mình được nữa, có một cái gì đã đến với tôi, không sao ngăn mình lại được nữa; tôi nói với chồng rằng tôi ốm và thế là tôi đến đây... Và ở đây, lúc nào tôi cũng lang thang ngơ ngác như người mất hồn... thế rồi tôi trở thành một người đàn bà tầm thường, rẻ tiền mà ai cũng có thể khinh bỉ được.

Gurốp cảm thấy tởm nhạt khi nghe những lời đó; cái giọng thơ ngây, cái bất ngờ tự thú không đúng lúc ấy như chọc tức anh; nếu không nhìn thấy mắt nàng đầm lệ thì đã có thể tưởng rằng nàng đang đùa hay đang đóng kịch.

- Anh không hiểu - Gurốp nói nhỏ - em muốn gì?

Nàng gục đầu vào ngực anh và nép chặt vào anh.

- Hãy tin tôi, hãy tin tôi đi, tôi van anh... - Nàng nói - Tôi yêu một cuộc sống trong sạch, trung thực, tôi ghê tởm những

điều tội lỗi, chính tôi cũng không biết tôi đang làm điều gì. Những người dân thường nói: bị ma quỷ lấy mất hồn. Giờ đây tôi cũng có thể nói về mình rằng tôi bị ma quỷ lấy mất hồn rồi.

– Đủ rồi, đủ rồi... – Gurốp lẩm bẩm nói.

Anh nhìn vào đôi mắt sợ hãi, không động đậy của nàng, hôn nàng, nói những lời âu yếm nhỏ nhẹ, và nàng thấy yên tâm đôi chút, niềm vui trở lại với nàng; cả hai người cùng bật cười.

Sau đó, họ bước ra khỏi nhà, ngoài bãi biển không còn một ai, thành phố với những bóng cây tùng lặng yên như chết, nhưng sóng biển thì vẫn ào ào vỗ vào bãi cát. Một chiếc thuyền phao dập dình trên sóng, chiếc đèn hiệu nhỏ trên đó toả một ánh sáng lờ mờ ngái ngủ.

Họ tìm được một người đánh xe và cùng nhau đi đến Ôrêanđã.

– Lúc này ở chỗ ra vào, anh mới biết họ của em: trên tấm bảng có đề Fôn Đidêrít. – Gurốp nói – Chồng em là người Đức à?

– Không, hình như ông của anh ấy mới là người Đức, còn chính anh ấy thì là người theo dòng đạo Vizanchi.

Ở Ôrêanđã, họ ngồi lặng yên trên ghế đá cách nhà thờ không xa, đưa mắt nhìn xuống biển. lanta mờ mờ hiện ra sau màn sương sáng. Những đám mây trắng lững lờ bao phủ những đỉnh núi cao. Lùm cây lặng yên không xào xạc, chỉ có tiếng ve kêu ra rả, và tiếng sóng biển rì rào đơn điệu vọng lên từ phía dưới ấy gợi cho chúng ta một sự yên tĩnh, một giấc ngàn thu đang đợi mỗi chúng ta. Âm thanh ấy có từ khi chưa có lanta, chưa có Ôrêanđã, giờ đây vẫn tiếp tục vọng lên và sẽ rì rào một cách khô khan lãnh đạm như thế, khi mà chúng ta không còn nữa. Trong cái đơn điệu, trong cái lãnh đạm hoàn toàn đối với cuộc sống và cái chết của mỗi chúng ta có lẽ đã ẩn giấu cội nguồn cứu cánh vĩnh viễn của chúng ta, quá trình vận động không ngừng của cuộc sống trên trái đất, sự hoàn thiện không ngừng. Ngồi bên một người đàn bà trẻ tuổi, mà sớm mai đến lại càng trở nên xinh đẹp, lòng cảm thấy yên tĩnh và say mê cái cảnh thần tiên của biển, trời, mây, núi,

Gurốp nghĩ rằng, thực ra, nếu suy nghĩ cho thật kỹ, thì sẽ thấy trên thế giới này vạn vật, trừ những cái mà chúng ta tự suy tưởng và làm ra, đều đẹp đẽ, khi mà chúng ta quên hết những mục đích cao siêu của cuộc sống, quên hết cái gọi là phẩm chất con người của mình.

Có ai, chắc là một người tuần canh, đi tới gần phía họ, nhìn tận mặt họ rồi lại bỏ đi. Cả điều ấy nữa cũng trở nên bí ẩn và cũng thành đẹp đẽ. Đã có thể nhìn rõ tàu thủy đang từ Phêôđôxia tới, đèn trên đó đã tắt và con tàu rạng rỡ nắng mai.

– Sương đọng trên cỏ đấy. – Anna Xécghêépna nói sau một hồi im lặng.

– Ờ, có sương. Đến lúc phải về thôi.

Và họ cùng nhau trở về thành phố.

Những ngày sau, vào buổi trưa, họ lại gặp nhau trên bờ biển, cùng ăn sáng, ăn trưa với nhau, cùng dạo chơi, cùng say sưa ngắm nhìn biển cả. Nàng than phiền rằng nàng khó ngủ, rằng trái tim nàng đầy xao xuyến, lo âu. Nàng cứ hỏi đi hỏi lại một số câu. Tâm trí nàng không lúc nào yên, lúc thì nàng ghen, lúc thì sợ hãi rằng Gurốp không tôn trọng nàng đúng mức. Nhiều lần, trong công viên hay trong vườn, khi xung quanh không có ai, Gurốp thường kéo nàng lại gần mình và hôn nàng say đắm. Cảnh nhàn hạ hoàn toàn, những cái hôn giữa ban ngày với vẻ e dè sợ sệt người chung quanh nhìn thấy; cái nóng, cái mùi vị của biển và, quang cảnh những người no nê sang trọng chốc chốc lại đi qua trước mắt, những điều ấy như làm Gurốp sống lại: anh nói với Anna Xécghêépna rằng nàng đẹp, nàng hấp dẫn biết bao, anh tỏ ra nôn nóng đắm say và không rời nàng nửa bước; còn nàng thì trầm ngâm và thường bắt anh tự thú rằng anh chưa tôn trọng nàng, chưa yêu nàng một tí nào, mà chỉ thấy nàng là một người đàn bà tầm thường rẻ rúng. Gần như tối nào chừng khuya khuya họ cũng đi chơi đâu ra ngoài thành phố, đi Ôrêanda hay là lên thác nước; và lần nào cũng vậy, những buổi dạo chơi ấy đều để lại những ấn tượng đẹp đẽ, diệu kỳ.

Họ chờ xem bao giờ thì Fôn Đidêrít đến. Nhưng rồi nàng nhận được thư chồng báo rằng mắt anh ta bị đau nặng và xin

nàng trở về nhà càng sớm càng tốt. Anna Xécghêépna ra chiều vội vã.

- Tôi đi khỏi nơi này là rất tốt.- Nàng nói với Gurốp - Đó là ý muốn của số mệnh.

Nàng lên xe ngựa đi và Gurốp theo tiễn nàng. Họ đi suốt một ngày. Khi nàng đã ngồi vào trong toa tàu tốc hành và khi hồi chuông thứ hai đã réo lên, nàng bỗng nói:

- Cho tôi nhìn anh... nhìn anh một lần nữa. Thế...

Nàng không khóc nhưng buồn rười rượi, trông như người ốm, gương mặt nàng run run.

- Tôi sẽ nghĩ đến anh... nhớ đến anh. - Nàng nói - Trời sẽ phù hộ anh, anh ở lại đây nhé. Đừng nghĩ xấu về tôi. Chúng ta chia tay nhau vĩnh viễn, điều ấy là cần thiết, bởi vì chúng ta hoàn toàn không nên gặp nhau nữa. Trời sẽ phù hộ anh...

Con tàu vội vã rời khỏi ga, lát sau, ánh đèn trên đó đã khuất, liền đó, tiếng động cơ của đoàn tàu cũng không còn nghe thấy nữa, mọi việc xảy ra đều như cố tình mau chóng chấm dứt cái điên rồ, quên lãng ngọt ngào ấy. Một mình đứng lại trên sân ga, mắt đưa nhìn về khoảng trời mờ mịt phía xa, Gurốp lắng nghe tiếng dế kêu, tiếng gió reo qua dây điện thoạt với cảm giác như vừa mới tỉnh ngủ. Anh nghĩ rằng, đây, trong đời anh lại có thêm một cuộc phiêu lưu và cuộc phiêu lưu ấy cũng đã kết thúc và bây giờ chỉ còn có những kỷ niệm... Lòng anh tràn ngập một nỗi buồn, một niềm xúc động. Anh cảm thấy đôi chút hối hận, bởi vì, anh nghĩ, người đàn bà trẻ trung ấy, người mà anh không bao giờ gặp nữa, sống bên anh không chút hạnh phúc. Anh đối xử với nàng rất vồn vã và chân thành, nhưng trong cách đối xử ấy, trong cách âu yếm nàng vẫn có cái gì cười cợt ám ảnh, vẫn phần nào có cái trịch thượng thô thiển ở một người đàn ông luôn được hưởng sung sướng, thêm nữa anh lại nhiều tuổi hơn nàng gần đến hai lần. Lúc nào nàng cũng gọi anh là người nhân hậu, người cao thượng, phi thường... Chắc là nàng tưởng tượng anh là một người khác, không như thực chất của anh, và thế có nghĩa là anh đã lừa dối nàng...

Ngoài ga, hương vị của mùa thu đã đến, gió thổi mát lạnh.

“Cả mình cũng đến lúc phải về phương Bắc thôi. – Gurốp vừa đi khỏi nhà ga vừa nghĩ – Về thôi”.

III

Ở Matxcova đã là mùa đông, lò sưởi đã làm việc. Sáng sáng trước khi trẻ con đi học và uống nước chè, trời hãy còn tối và người bảo mẫu phải thắp đèn lên một lúc. Trời đã lạnh lắm. Và khi những bông tuyết đầu tiên rơi xuống, ngày đầu tiên ngồi trên xe trượt, người ta sẽ khoan khoái nhìn mặt đất trắng xóa, nhìn những mái nhà phủ tuyết, hơi thở sẽ nhẹ nhàng, đều đặn, và lúc ấy chắc mọi người đều nhớ lại những tháng năm thời thơ ấu. Ở những cây bồ đề, những cây bạch dương trắng xóa vì sương giá có vẻ gì như chào mời sẵn đón, dễ gần hơn những cây tùng, cây cọ, bên cạnh những thứ cây ấy, người ta không còn muốn nhớ đến biển, đến núi nữa.

Gurốp là người Matxcova. Anh trở về đây vào một hôm trời lạnh rất đẹp, và khi anh khoác tấm áo bành tô lông lên mình, xỏ tay vào đôi găng ấm áp rồi đi dọc phố Pêtrốpca, khi vào chiều thứ bảy, anh lại nghe tiếng chuông nhà thờ, thì chuyển đi xa vừa qua cùng những nơi anh đến bỗng trở nên mất hết vẻ kỳ thú với anh.

Dần dần anh lại lao vào cuộc sống ở Matxcova, anh đã bắt đầu ngẫu nhiên đọc ba tờ báo mỗi ngày và nói rằng vì giữ nguyên tắc nên không đọc báo Matxcova. Những khách sạn, câu lạc bộ đã bắt đầu thu hút anh. Anh lại muốn dự những bữa tiệc liên hoan, kỷ niệm. Anh cảm thấy hời lòng hời dạ khi những luật sư, nghệ sĩ nổi tiếng đến chơi nhà anh hoặc anh đã từng đánh bài với một giáo sư ở Câu lạc bộ bác sĩ. Anh đã có thể ăn hết một liễn xúp to tướng.

Anh tưởng rằng chỉ chừng một tháng sau, hình ảnh Anna Xécghêépna sẽ phai mờ trong tâm trí anh, thỉnh thoảng anh sẽ chỉ còn nằm mơ thấy nụ cười đầy xúc động của nàng, như đã nằm mơ thấy bao người khác. Nhưng hơn một tháng đã qua, những ngày đông rét mướt nhất đã tới mà mọi điều trong tâm trí anh còn rõ rệt, tưởng như anh mới chia tay với

Anna Xécghêépna hôm qua. Những hồi ức ấy ngày càng thêm rõ nét. Những lúc tiếng trẻ con học bài vắng sang phòng anh, những lúc nghe thấy tiếng đại phong cầm hay bản tình ca vang lên trong khách sạn, những lúc gió tuyết cuốn vào trong chiếc lò sưởi lớn... những lúc ấy tự nhiên trong ký ức anh bỗng sống lại tất cả: từ những chuyện xảy ra trên bến tàu, ngoài bờ biển, đến những buổi sáng sớm mây mù trên núi cao, những con tàu từ Phêôđôxia, những cái hôn... Anh đi đi lại lại rất lâu trong phòng mình, hồi tưởng lại và tự mỉm cười. Dần dần những hồi ức ấy trở thành mơ ước, và trong tưởng tượng quá khứ hòa nhập với những gì sẽ xảy ra trong tương lai. Anh không phải nằm mơ thấy Anna Xécghêépna, mà là thấy nàng đi bên anh, theo anh khắp mọi nơi như một cái bóng. Nhắm mắt lại, anh như thấy nàng trước mặt, còn xinh đẹp hơn, trẻ hơn, dịu dàng hơn ngày trước và chính bản thân anh cũng cảm thấy mình tốt hơn so với hồi ở Ianta. Tối tối nàng như ngắm nhìn anh từ chiếc tủ đứng đựng sách, từ phía lò sưởi, từ góc phòng; anh nghe thấy hơi thở nàng, tiếng sống áo nàng sột soạt nhẹ nhàng, âu yếm. Đi ngoài phố, anh đưa mắt tìm kiếm xem có ai giống nàng không...

Một nhu cầu muốn giải bày, muốn chia sẻ những kỷ niệm ấy giài vò anh. Nhưng ở nhà thì không thể nói đến mối tình của mình được, mà ở ngoài thì lại không có ai để tâm sự, không thể thổ lộ với hàng xóm cũng không thể nói ở nhà băng. Mà nói điều gì mới được chứ? Chẳng lẽ lúc ấy anh đã yêu nàng sao? Chẳng lẽ đã có cái gì đẹp đẽ, thơ mộng, bổ ích cho anh hay đơn thuần là một cái gì thú vị trong quan hệ của anh với Anna Xécghêépna sao? Và thế là anh phải nói mông lung, mơ hồ về chuyện phụ nữ, chuyện tình yêu. Những lúc đó không ai đoán được có cái gì đã xảy ra; chỉ có vợ Gurốp là cau đôi mày đen rậm của mình và nói:

- Dimitri, vai một người kên kiệu, rỗng tuếch không hợp với anh đâu.

Có lần vào một đêm khuya, khi anh cùng bạn chơi bài, một quan chức, bước ra khỏi Câu lạc bộ bác sĩ, anh không nén được nữa và thốt lên:

- Ô, nếu ông bạn biết được mình đã làm quen với một người phụ nữ đáng yêu như thế nào ở Ianta!

Viên quan chúc ngồi vào chiếc xe trượt và xe đã bắt đầu chạy đi; nhưng bỗng y quay lại và gọi to:

- Đơmitri Đơmitrit!

- Cái gì vậy?

- Lúc này thế mà anh đứng đấy: thứ cá chiên ấy có mùi rồi!

Những câu nói thường nghe ấy không hiểu sao lại tự nhiên làm anh bực bội; anh cảm thấy những tiếng ấy thật bẩn thỉu, hạ thấp phẩm giá con người. Những thứ đạo đức, những con người ấy kỳ quặc, man rợ biết bao! Những đêm này vô nghĩa, những ngày này buồn bã, vô vị biết bao! Những cuộc đánh bài điên loạn, ăn uống lỗ mãng, say rượu, những cuộc nói chuyện quanh đi quẩn lại một đề tài! Những việc làm vô tích sự, những cuộc nói chuyện lặp đi lặp lại ấy cướp mất đi phần thời giờ tốt nhất, phần sinh lực quý giá nhất và kết cục là để lại một cuộc sống tầm thường, tẻ ngắt, một cái gì ngu độn, vậy mà không làm sao đi khỏi, chạy thoát được, hết như đang sống trong một nhà thương điên hay giữa một trại tù nào.

Suốt đêm hôm ấy, Gurốp không ngủ được, lòng tràn đầy bực tức, và cả ngày hôm sau anh bị nhức đầu. Những đêm tiếp theo anh vẫn khó ngủ, khi thì ngồi trên giường nghĩ ngợi, khi thì đi đi lại lại trong phòng. Anh chán bợn trẻ con, chán nhà băng và chẳng buồn đi đâu hết, chẳng buồn nói gì hết.

Vào những ngày nghỉ lễ tháng 12, anh sửa soạn đi và nói với vợ rằng anh cần tới Pê-téc-bua để chạy việc cho một anh bạn trẻ. Nhưng rồi anh lại đi X. Để làm gì? Anh cũng không tự mình biết rõ được. Anh muốn gặp Anna Xécghêépna, nói chuyện với nàng và hẹn hò gặp nhau, nếu có thể được.

Gurốp đến X. vào một buổi sáng và thuê căn phòng sang trọng nhất trong khách sạn. Trong căn phòng ấy, toàn bộ căn nhà trải một lớp dạ lính màu xám, trên bàn đặt một bình mực ngả màu xám vì bụi kèm tượng người kỵ sĩ cưỡi ngựa tay cầm mũ giơ lên, nhưng đầu đã gãy cụt. Người hầu phòng cho anh

biết mấy tin tức cần thiết: Fôn Đidêrit ở phố Cựu Gôntraronaia, tại nhà riêng, cách khách sạn không xa lắm. Fôn Đidêrit sống sung túc, ung dung, có xe ngựa riêng và cả thành phố đều biết ông. Người hầu phòng gọi nhầm họ ông là Đoruturit.

Gurốp chậm rãi đi về phía phố Xtarơ-Gôntraronaia và kiếm tìm ngôi nhà ấy. Một bức rào sắt nhọn màu xám chạy dài phía trước ngôi nhà.

“Nhìn thấy bức rào ấy chắc ai cũng phải bỏ chạy” – Gurốp nghĩ vậy và đưa mắt nhìn lên cửa sổ, nhìn lên bờ rào.

Anh suy tính: hôm nay là ngày nghỉ và thế có nghĩa là chắc chắn chồng nàng sẽ có nhà. Đàng nào thì vào ngôi nhà ấy bây giờ cũng bất tiện và làm phiền người khác. Còn nếu viết giấy để lại thì mảnh giấy ấy có thể rơi vào tay người chồng, và lúc đó mọi việc sẽ hỏng hết. Tốt nhất là chờ đợi dịp may. Gurốp đi qua đi lại trên đường phố ấy, bên cạnh bờ rào và chờ dịp may đó. Anh nhìn thấy một người ăn mày bước vào cổng nhà và một đàn chó liền chạy bổ tới. Một giờ sau anh nghe thấy những tiếng đàn dương cầm yếu ớt không rõ rệt vọng ra. Chắc là Anna Xécghêépna đang đánh đàn. Cánh cổng đồ sộ bỗng thình lình mở rộng và Gurốp thấy một bà lão bước ra, theo sau là con chó bông trắng quen thuộc dạo nào. Gurốp muốn gọi con chó lại gần, nhưng tim anh bỗng đập liên hồi, và vì quá xúc động anh không còn nhớ tên con chó con ấy nữa.

Gurốp vẫn đi, mỗi lúc một thêm cảm tức bức rào sắt xám xịt, anh đã bắt đầu bực bội nghĩ rằng Anna Xécghêépna đã quên anh và có lẽ đã say sưa với một người nào khác, điều đó là hoàn toàn tự nhiên đối với một người đàn bà trẻ từ sáng sớm đến tối mịt phải nhìn thấy cái bức rào đáng nguyên rủa này. Anh trở về khách sạn và ngồi rất lâu trên đi-văng, không biết phải làm gì, sau đó anh đi ăn cơm và nằm ngủ rất lâu.

“Toàn là chuyện ngu xuẩn và rắc rối. – Gurốp nghĩ thế, khi đã tỉnh dậy và đưa mắt nhìn phía cửa sổ tối sẫm: trời đã tối rồi – Chẳng hiểu sao lại ngủ đẫy giấc thế. Biết làm gì đêm nay đây?”.

Anh ngồi lặng trên chiếc giường trải một tấm chăn xám rẻ tiền hết như trong các bệnh viện và tự trách móc, giận dữ mình:

“Đấy, người đàn bà có con chó nhỏ của anh đây... cuộc phiêu lưu của anh đấy... Bây giờ thì cứ ngồi thế nhé!”.

Sáng hôm nay, khi còn ở ngoài ga, một tấm quảng cáo với dòng chữ to tướng đã đập vào mắt anh: công diễn lần đầu vở “Gêisa”. Anh sực nhớ lại điều ấy và đi đến rạp hát.

“Rất có thể nàng sẽ xem những cuộc công diễn lần đầu”
– Anh nghĩ.

Rạp hát chật ních người. Như ở mọi rạp hát tỉnh lẻ khác, rạp này cũng có một làn khói mờ như sương phía trên chùm đèn, dải bao lơ ồn ào trên tầng hai. Trước khi mở màn, ở hàng trên cùng những người sang trọng ở địa phương đứng chấp tay ra đằng sau. Trên lô dành riêng cho quan tỉnh trưởng, ở hàng trước, con gái ông ta đang ngồi, vai quàng một chiếc khăn lông rất to, còn chính tỉnh trưởng thì khiêm nhường ngồi phía đằng sau; chỉ nhìn thấy được hai tay ông mà thôi. Tấm màn che động đậy, các nhạc công thi nhau lên lại dây đàn. Khi khán giả còn đang lục tục vào và tìm chỗ ngồi, Gurốp chăm chú đưa mắt tìm bốn phía.

Đến lượt Anna Xécghêépna bước vào. Nàng ngồi xuống hàng ghế thứ ba và khi Gurốp nhìn nàng, trái tim anh bỗng thất lại, anh chợt hiểu rằng, giờ đây, trên thế giới này, đối với anh không ai gần gũi hơn, thân quý hơn, quan trọng hơn người phụ nữ này. Mất hẳn vào giữa đám người tỉnh lẻ, tay cầm cặp kính thô thiển, người đàn bà nhỏ nhắn không có gì nổi bật ấy giờ đây đã choán hết cả cuộc đời anh, đã là niềm vui, nỗi khổ của anh, là hạnh phúc duy nhất mà anh hằng mong ước bấy lâu. Trong cái âm thanh ngân ngấm của một dàn nhạc tồi, của những cây đàn viôlông xấu xí rẻ tiền, anh để cho tâm trí anh nghĩ đến nàng, nghĩ rằng nàng thật xinh đẹp biết bao. Anh nghĩ ngợi và mơ ước...

Cùng vào với Anna Xécghêépna và, sau đó, ngồi xuống bên cạnh nàng, là một người còn trẻ, râu quai nón thanh thanh, dáng người rất cao và hơi gù gù. Mỗi bước đi, anh ta

lại gật gật đầu xuống, có cảm tưởng rằng anh ta luôn luôn cúi đầu chào. Chắc đó là chồng nàng, người mà trong những phút cay đắng ở lanta Anna Xécghêépna đã gọi là một nô bộc. Thực ra, trong cái dáng người dài ngoẵng, bộ râu quai nón, và cái trán hơi hói cũng có cái vẻ ngoan ngoãn, nhún nhường. Anh ta cười ngọt ngào, bên dưới cổ áo, chiếc huy hiệu chứng nhận bằng cấp nào đó lấp lánh trông hết như mảnh số đeo của người hầu phòng.

Hết màn thứ nhất, người chồng trở ra hành lang hút thuốc lá, nàng ngồi lại trên chiếc ghế bành. Gurốp cũng ngồi ở dưới nhà. Anh bước gần đến bên nàng và nói giọng run run, miệng cười gượng gượng:

- Chào chị.

Nàng đưa mắt nhìn anh và gương mặt nhợt nhạt tái hẳn đi. Nàng lại hoảng sợ nhìn anh lần nữa như không tin vào chính mắt mình, bàn tay nàng nắm chặt lấy chiếc quạt và cặp kính nhòm: chắc nàng đang phải tự gắng sức lắm để khỏi phải ngã ngất đi. Cả hai đều im lặng. Nàng vẫn ngồi còn anh thì vẫn đứng; vẻ lúng túng bối rối của nàng vừa rồi làm anh sợ hãi, anh không dám ngồi xuống bên cạnh. Đàn sáo lại nổi lên, Gurốp bỗng cảm thấy ghê rợn khi nghĩ rằng có lẽ mọi người ở khắp các lô xung quanh đang chăm chú nhìn anh. Nhưng rồi nàng bỗng đứng dậy và đi ra phía cửa; anh cũng đi theo nàng. Cả hai người cứ đi một cách kỳ dị như thế. Họ đi theo hành lang lên cầu thang gác, lúc lên lúc xuống, loáng thoáng qua trước mặt họ là những người ăn vận quần áo quan tòa, giáo học, quan lại, ai cũng đeo huy hiệu, loáng thoáng bóng các bà, áo bành tô treo trên giá. Gió lùa qua, mang theo mùi thuốc lá đang cháy dở. Trái tim anh đập rộn ràng, anh nghĩ: “Trời, có những người này, dàn nhạc này để làm gì!”.

Trong giây lát ấy, Gurốp bỗng nhớ lại cái buổi chiều tối trên sân ga, sau khi tiễn Anna Xécghêépna đi rồi, anh tự nhủ, sự việc thế là kết thúc và họ không bao giờ gặp lại nhau nữa. Nhưng thực ra cái điểm kết thúc ấy còn xa vời biết bao!

Đến một cầu thang nhỏ hẹp, tối tối, nơi có treo biển đề: Lối vào “ămphitêát” (một khu vực trong rạp hát, ở phía sau

những chỗ ngồi chính), Anna Xécghêépna dừng lại.

– Anh làm tôi sợ quá! – Nàng vừa nói, vừa thở rất nặng nhọc, nét mặt nàng còn nguyên vẻ nhợt nhạt, sửng sốt – Ôi anh làm tôi sợ quá! Tôi thật dở sống dở chết. Anh đến đây làm gì? Làm gì?

– Anna, cô hãy hiểu cho tôi, hãy hiểu tôi... – Gurốp nói vội vàng, giọng nhỏ nhẹ – Tôi van cô, xin cô hiểu tôi...

Nàng sợ hãi nhìn anh, ánh mắt nàng như cầu khẩn, như chan chứa yêu thương. Nàng dăm dăm nhìn anh như để cố khắc sâu vào tâm khảm những đường nét trên gương mặt anh.

– Ôi, tôi thật khổ! – Nàng không nghe anh, nói tiếp – Lúc nào tôi cũng nghĩ đến anh, sống bằng những hồi tưởng về anh. Tôi muốn quên đi, quên hết đi, nhưng làm sao, làm sao anh lại đến đây?

Phía trên cao, có hai cậu học trò đang hút thuốc và đưa mắt nhìn xuống dưới. Nhưng mặc họ, Gurốp vẫn kéo nàng lại gần mình rồi hôn lên má, lên mặt, lên tay nàng.

– Anh làm gì vậy, làm gì vậy! – Nàng vừa sợ hãi nói, vừa đẩy anh ra – Chúng ta đều mất trí cả rồi. Anh hãy đi khỏi nơi này ngay hôm nay. Đi ngay bây giờ thôi... Trước các vị thần linh, tôi van anh, tôi xin anh đừng... Người ta đang đi lại phía này đấy!

Có người nào đang đi lên thang gác.

– Anh phải đi khỏi nơi này... – Anna Xécghêépna nói tiếp, giọng thì thầm – Anh nghe không, anh Đơmitrit? Tôi sẽ đến Matxcova với anh. Chưa bao giờ tôi được sống hạnh phúc, cả bây giờ đây cũng đang bất hạnh và sẽ không bao giờ, không bao giờ được sống hạnh phúc, không bao giờ! Vậy thì hãy đừng bắt tôi phải khổ sở thêm nữa! Thế với anh rằng, tôi sẽ đến Matxcova. Bây giờ thì chia tay thôi! Anh thân yêu, anh quý mến, anh rất tốt của em, giờ thì chúng ta phải tạm xa nhau anh ạ!

Nàng nắm chặt tay anh rồi vội vã bước xuống cầu thang, đầu ngoái lại nhìn anh hoài; nhìn đôi mắt nàng, cũng biết được rằng, trong cuộc đời, nàng đúng là một người không có

hạnh phúc... Gurốp đứng lại một lúc, lắng tai nghe ngóng, cho đến khi chung quanh đã yên lặng, anh mới tìm giá áo của mình và rời khỏi nhà hát.

IV

Từ dạo ấy, Anna Xécghêépna bắt đầu đến Matxcova với anh. Cứ độ khoảng hai ba tháng nàng lại rời khỏi X. Nàng nói với chồng rằng nàng cần đi Matxcova để gặp một giáo sư chuyên chữa bệnh phụ nữ nào đó của nàng, chồng nàng thì nửa tin nửa ngờ. Đến Matxcova. Anna Xécghêépna nghỉ tại khách sạn “Chợ Xlavo” và cho ngay một người đội mũ đỏ đến báo với Gurốp. Gurốp đến với nàng và ở Matxcova không hề có ai biết việc đó.

Có một lần vào một buổi sáng mùa đông, Gurốp đi đến gặp nàng bằng cách như thế (người đến báo tin từ tối hôm trước lại không gặp được anh ở nhà). Đi bên anh là đứa con gái lớn, mà Gurốp muốn đưa đến trường và đi cùng đường. Tuyết rơi từng bông rất to và ướt át.

– Bây giờ là 3 độ trên 0, thế mà tuyết vẫn rơi. – Gurốp nói với con gái – Nhưng cái ấm áp đó chỉ có ở trên mặt đất thôi, còn ở trên tầng cao khí quyển thì nhiệt độ lại hoàn toàn khác.

– Ba ơi, tại sao mùa đông lại không có sấm hử ba?

Anh lại giải thích điều đó. Anh vừa nói vừa nghĩ rằng, đó anh đang đi đến chỗ hẹn hò, mà không một ai biết điều ấy, và chắc là sẽ chẳng bao giờ có ai biết đến. Trong anh đồng thời có hai cuộc sống: một cuộc sống lộ ra bên ngoài mà ai cần cùng thấy, cũng biết, một cuộc sống đầy những sự thật ước lệ, những lừa dối ước lệ, giống hệt như cuộc sống của bạn bè và người quen anh; còn một cuộc sống nữa thì lại đang lặng lẽ, kín đáo trôi qua. Và, vì một sự sắp xếp kỳ quặc nào đó những sự kiện có thể là tình cờ, mà tất cả những gì hệ trọng, cần thiết, thích thú với anh, những gì mà anh chân thành yêu, anh không lừa dối mình, những gì tạo nên cốt lõi của cuộc đời anh, thì lại bí mật trôi qua dưới mắt người đời; và tất cả những gì là dối trá lừa đảo, là cái vỏ bề ngoài mà anh nấp vào để che đậy sự thật chẳng hạn như việc làm trong nhà băng,

những cuộc tranh cãi ở câu lạc bộ, cái câu cửa miệng: “loại người hạ đẳng”, những buổi cùng vợ đi dự tiệc... tất cả đều phơi bày ra ngoài hết. Anh tự ngẫm nghĩ và suy ra những người khác. Anh không tin những gì anh thấy, và bao giờ cũng cho rằng ở mỗi người, đằng sau tấm màn bí mật, như đằng sau màn đêm tối, có một cuộc đời thực, cuộc đời thú vị nhất đang ẩn náu. Mỗi cuộc đời riêng đều tồn tại trong bí mật và có lẽ một phần vì thế mà những người có văn hóa đều thiết tha mong muốn sao cho bí mật riêng tư của mỗi người đều được tôn trọng.

Đưa con gái đến trường xong, Gurốp rẽ vào khách sạn “Chợ Xlavo”. Anh cởi bỏ áo bành tô ở tầng dưới, bước lên cầu thang và khẽ gõ vào cửa phòng. Anna Xécghêépna vận chiếc váy áo màu xám mà anh rất thích. Trông nàng mệt mỏi vì đi đường và vì phải chờ đợi. Suốt từ tối hôm qua đến giờ nàng đã phải chờ. Gương mặt nàng nhợt nhạt. Nàng nhìn anh, không mỉm cười. Và khi anh vừa vào trong buồng, nàng đã gục đầu lên ngực anh. Họ hôn nhau rất lâu tưởng chừng như đã hai năm không gặp nhau.

– Thế nào, em sống ở đấy ra sao? – Gurốp hỏi – Có gì mới không?

– Anh đợi em một tí, em kể ngay bây giờ cho anh nghe... Em không thể...

Nàng không nói được nữa và khóc nức lên. Nàng quay sang bên và đưa khăn lau nước mắt.

“Thôi, cứ để nàng khóc, còn mình thì ngồi một lúc vậy” – Gurốp nghĩ và ngả mình vào chiếc ghế bành.

Sau đó anh giật chuông gọi người đưa nước chè đến và khi anh uống trà, nàng đứng quay mặt về phía cửa sổ... Nàng khóc vì xúc động, vì ý nghĩ buồn tủi rằng cuộc đời của cả hai người sao mà bất hạnh thế, họ chỉ có thể gặp nhau giấu giếm, lẩn tránh mọi người như những tên trộm! Chẳng lẽ cuộc đời của họ chưa tan nát rồi sao?

– Thôi, đừng khóc nữa em! – Anh nói.

Anh cảm thấy rất rõ rằng đối với anh còn rất lâu, không biết đến bao giờ, mọi tình này mới chấm dứt. Ngày Anna

Xécghêépna càng gắn bó với anh hơn, ngưỡng mộ anh hơn, và thật là vô nghĩa nếu nói với nàng rằng tất cả những điều đang xảy ra một lúc nào đó đều phải có kết thúc, mà nếu có nói như vậy, chắc nàng cũng không tin.

Anh bước đến bên nàng và ôm lấy đôi vai nàng, để âu yếm, trêu đùa nàng. Cùng lúc ấy, anh nhìn thấy bóng mình trong gương.

Mái tóc anh đã bắt đầu điểm bạc. Anh cảm thấy lạ lùng rằng những năm gần đây anh già đi, tàn tạ đi chóng quá. Đôi vai mà anh đang đặt tay lên khẽ rung rung và nóng hổi. Lòng anh tràn ngập một niềm thương cảm cuộc đời này, một cuộc đời còn ấm áp và xinh đẹp, nhưng có lẽ đã gần đến lúc bắt đầu trở nên héo mòn, heo hắt như cuộc đời anh. Vì lẽ gì mà nàng yêu anh như vậy. Đối với những người phụ nữ, bao giờ anh cũng để lại ấn tượng một con người khác, không giống con người anh trong thực tại, và không phải họ yêu chính anh mà là yêu con người tưởng tượng của họ, yêu con người suốt đời họ đi tìm kiếm. Sau này, khi nhận thấy nhầm lẫn của mình rồi, họ vẫn còn yêu. Và không một ai trong bọn họ cảm thấy mình hạnh phúc bên anh. Thời gian trôi đi, anh làm quen với phụ nữ, gần gũi họ, rồi lại rời xa, nhưng chưa bao giờ yêu; có tất cả mọi điều, duy chỉ có tình yêu là chưa đến.

Chỉ đến bây giờ, khi trên đầu anh tóc đã bắt đầu điểm bạc, anh mới yêu, yêu thực sự chân thành – lần đầu tiên trong cả đời mình.

Nàng và anh yêu nhau tha thiết như những người rất gần gũi, gắn bó với nhau, như vợ chồng, như những người bạn âu yếm. Họ có cảm tưởng rằng chính số mệnh đã tạo họ ra cho nhau, và không hiểu rằng làm sao mà anh lại có vợ và nàng lại có chồng. Họ như hai con chim trời cùng đàn, một con trống, một con mái, cùng bị bắt và nhốt vào hai cái lồng khác nhau. Họ tha thứ cho nhau tất cả những gì trong quá khứ mà họ cảm thấy ngỡ ngàng, tha thứ tất cả những gì trong hiện tại và cùng cảm thấy rằng mối tình này đã làm thay đổi hẳn cả hai người.

Ngày trước, trong những phút buồn rầu, Gurốp tự an ủi mình bằng đủ mọi điều suy xét, bất cứ điều nào đến với đầu óc anh. Bây giờ anh không còn tâm trí đâu để mà suy xét nữa, lòng anh chỉ còn tràn ngập một niềm thương cảm lớn, anh muốn trở nên chân thành, dịu dàng.

– Đừng khóc nữa em, em thân yêu của anh. – Gurốp nói
– Em đã khóc rồi, rồi lại... Thôi chúng ta nói chuyện với nhau một lát, thử nghĩ xem có cách gì không.

Sau đó họ bàn với nhau rất lâu, nói với nhau rằng, làm sao để thoát khỏi cái cảnh phải lẩn tránh, lừa dối mọi người, phải sống ở những thành phố khác nhau, rất lâu mới được gặp nhau. Làm sao mà thoát khỏi những ràng buộc tai ác này?

– Làm sao? Làm sao? – Gurốp đưa tay nắm tóc mình và hỏi – Làm sao bây giờ?

Có cảm giác rằng chỉ ít lúc nữa thôi là lối thoát sẽ được tìm ra, và lúc ấy, một cuộc đời mới, thật đẹp đẽ sẽ đến; nhưng cả hai người đều thấy rõ rệt rằng còn xa lắm, xa lắm mới đến ngày kết cục, và những gì rắc rối nhất, khó khăn nhất chỉ vừa mới bắt đầu.

1899

Phan Hồng Giang dịch

NHU NHƯỢC

Một hôm tôi gọi cô Iulia Vasilievna – gia sư của bọn trẻ đến phòng làm việc. Đã đến hạn thanh toán tiền công cho cô ấy.

Cô ngồi xuống đi, cô Iulia Vasilievna. – Tôi nói – Tôi sẽ thanh toán tiền công cho cô. Tôi chắc cô cũng cần tiền, nhưng là một người tự trọng nên chắc cô không tiện hỏi, đúng không? Chúng ta đã thoả thuận với nhau là 30 rúp một tháng nhỉ.

– 40 rúp chứ ạ...

– Không, chỉ 30 rúp thôi. Tôi có ghi vào sổ rồi mà. Bao giờ tôi cũng chỉ trả cho gia sư 30 rúp một tháng thôi. Xem nào, cô đã làm cho chúng tôi hai tháng rồi nhỉ.

– Hai tháng 5 ngày ạ....

– Không chính xác hai tháng. Tôi có ghi đây mà. Vậy là phải trả cho cô 60 rúp... trừ đi 9 ngày chủ nhật... Các chủ nhật cô chỉ đưa thằng Kolia đi dạo thôi mà, có học hành gì đâu... cộng 3 ngày lễ...

Cô Iulia Vasilievna mặt đỏ bừng, tay mân mê gấu áo, nhưng vẫn không nói gì.

– 9 chủ nhật, 3 ngày lễ vị chi là 12 rúp. Thằng Kolia bị ốm mất 4 hôm, không học, cô chỉ trông mỗi con Varia... 3 ngày cô bị đau răng vợ tôi cho cô nghỉ buổi chiều... 12 với 7 là 19. Sáu mươi rúp trừ đi 19 rúp, vậy chỉ còn 41 rúp, đúng không cô?

Mắt trái của cô Iulia đỏ ngầu và ngân ngấn nước mắt, cằm cô run lên bần bật. Nhưng chỉ thấy cô ho và xì mũi, tuyệt nhiên không nói lời nào!

– Đêm giao thừa cô đánh vỡ cái tách uống trà với các đĩa cùng bộ. Tôi sẽ trừ tiền lương của cô đi 2 rúp nữa... Thực ra cái tách ấy đắt hơn kia, vì đó là đồ gia bảo mà, nhưng thôi! Cũng không nên so đo quá với cô. Một lần do cô không cẩn

thận đã để thằng Kolia trèo lên cây làm rách mất chiếc áo khoác... Trừ thêm 10 rúp nữa... Rồi cũng vì cô lơ là nên con hầu đã ăn cắp mất đôi giày của con Varia. Cô phải trông nom chúng cẩn thận chứ. Tôi trả lương để cô dạy dỗ và trông chúng nó cơ mà...VẬY trừ tiếp 5 rúp... Hôm mồng 10 tháng giêng cô mượn của tôi 10 rúp...

- Tôi có mượn đâu ạ... - Giọng cô lulia nghèn nghẹn.

- Tôi đã ghi cả đây mà lị.

- Vâng, thế cũng được ạ.

- VẬY là 41 trừ đi 27 còn lại 14.

Lúc này thì hai mắt cô giáo trẻ đã đầy nước... Trên chiếc mũi thanh, cao của cô đã lấm tẩm mồ hôi. Thật tội nghiệp!

- Tôi chỉ vay vợ ông có 3 rúp. - Giọng cô run run - ĐÚNG có một lần 3 rúp mà thôi.

- Thế à? VẬY mà tôi không hề biết gì cả. Thảo nào trong sổ tôi không thấy ghi. 14 rúp trừ 3 còn 11. Đây, tiền lương của cô đây, cô giáo thân mến ạ! 3 này, 3 này, 3 này, 1 rúp, 1 rúp. Xin cô nhận cho?

Và tôi đưa cho cô 11 rúp. Cô nhận lấy chúng bằng những ngón tay run rẩy rồi nhét vào túi.

- Cám ơn ông. - Cô nói thì thầm.

Tôi đứng dậy và tiến lại phía cô. Một sự tức giận xâm chiếm lấy tôi. Tôi cáu phát điên lên.

- Cô cám ơn cái gì? - Tôi sẵng giọng.

- Vì ông đã trả lương cho tôi...

- Nhưng cô không thấy là tôi ăn chặn của cô, bóc lột cô hay sao? Cô còn cám ơn cái nỗi gì?

- Ở những nơi khác người ta còn chẳng trả cho tôi đồng nào kia.

- Không trả ư? Cũng dễ hiểu thôi! Thì tôi cũng vừa đùa cô đấy thôi. Tôi muốn dạy cho cô một bài học. Nhưng xin cô cứ yên tâm, tôi sẽ trả đủ 80 rúp cho cô. Chúng ở trong chiếc phong bì kia kia, tôi đã chuẩn bị sẵn rồi. Nhưng tôi không hiểu tại sao cô lại có thể nhẫn nhục đến thế? Sao cô không cãi lại tôi? Sao cô cứ ngồi im như thóc thến. Chẳng lẽ có thể nhu nhược đến thế sao?

Cô giáo mỉm cười rầu rĩ và tôi đã đọc được trên mặt cô hai chữ "có thể". Tôi đã xin lỗi cô gia sư vì bài học tàn nhẫn vừa rồi và đưa cho cô cả 80 rúp mà cô đáng được nhận trong sự ngạc nhiên đến tột độ của cô. Cô ngượng nghịu cảm ơn và lui ra. Tôi nhìn theo cô hồi lâu và chợt nghĩ: "Trên đời này làm kẻ mạnh mới dễ làm sao!".

TRẦN VÀ THỎ

Gần như là sự ngạo mạn bỉ ổi, ấy thế mà gã Sở Khanh già trong truyện ngắn này lại có thể làm đau trái tim người tử tế. Nhưng đó là cuộc sống, sự tàn nhẫn trong đời thường... hình như Anton Tsekhov đã cười buồn buồn nói như vậy.

Pyotr Semyonich, một tay chơi đã đến thời kỳ mệt mỏi, đầu bị hói, mặc chiếc áo ngủ bằng nhung có nút tua màu đỏ sẫm, tay đang mân mê những sợi tóc mai mềm mại, tiếp tục nói:

- Đây *mon cher* (bạn thân mến), nếu bạn thích đây là một phương pháp khác - một phương pháp tinh vi nhất, khôn khéo nhất, độc địa nhất và cũng là một phương pháp nguy hiểm nhất cho các ông chồng. Chỉ có các nhà tâm lý học và các tay sành sỏi tâm lý phụ nữ mới có thể đem ra áp dụng. Trong khi sử dụng phương pháp này, the *conditio sine qua non* (điều kiện không thể thiếu) là phải kiên trì hết mực. Phương pháp không thích hợp với những ai không biết cách chờ đợi và kiên nhẫn. Theo đó, nếu bạn đang tìm cách chà mói vợ của người đàn ông nào đó, thì bạn phải giữ một khoảng cách xa nàng chừng nào tốt chừng đấy. Vừa khi bạn thấy nàng quá đổi quyến rũ thì hãy chấm dứt ngay việc thăm viếng, càng ít gặp càng hay và chính lúc ấy buộc lòng bạn phải từ bỏ thú vui được chuyện trò với nàng. Bạn gây ảnh hưởng với nàng từ đằng xa. Chẳng qua toàn bộ vấn đề là một cách thôi miên vậy thôi. Hẳn nhiên là nàng không nhìn thấy bạn nhưng nàng vẫn chịu ảnh hưởng của bạn, cũng giống như con thỏ cảm nhận được tia nhìn chăm chăm của con trăn. Bạn thôi miên nàng không phải bằng đôi mắt nhưng bằng cái lưỡi khôn khéo của bạn. Và con đường tốt nhất không gì bằng, là thông qua người chồng của nàng.

Chẳng hạn tôi say đắm yêu N.N và tôi muốn chiếm đoạt nàng. Đâu đấy, ở câu lạc bộ hoặc ở nhà hát, tình cờ tôi gặp

chồng nàng.

- Vợ anh thế nào? - Tôi làm như vô tình hỏi anh ta - Này, chị ấy là một phụ nữ thật duyên dáng. Tôi vô cùng ngưỡng mộ chị, anh ạ.

- Ở... nàng có gì mà mê hoặc cậu đến vậy hả? - Người chồng hả hê đó buột miệng hỏi.

- Chị ấy đẹp nhất, thanh tú nhất. Chị có thể làm cho đá cũng phải động lòng yêu chị. Các anh là những ông chồng u mê đến lạ. Chỉ trong thời gian hưởng tuần trăng mật các anh mới nhận ra được giá trị của các bà vợ. Anh không thấy vợ anh là một phụ nữ lý tưởng sao? Này này, hãy mở mắt ra mà nhìn, mà tận hưởng số phận đã dâng tặng cho anh một người vợ như thế. Chỉ có những người đàn bà loại ấy mới thật sự cần thiết cho thời buổi này, thế hệ này.

- Ở nàng có gì mà anh cho là khác thường chú? - Người chồng gạn hỏi.

- Chị kiêu diễm, chị duyên dáng, tràn đầy sức sống, chân thật, ngây thơ, thẳng thắn, đồng thời cũng rất chi là khó hiểu.

Và chuyện như thế còn đẫy xa hơn nữa. Ngay đêm đó, người chồng trước khi ngủ, chắc chắn sẽ thủ thỉ với vợ:

- Này em, anh mới gặp Pyotr. Hắn ca tụng em hết mực. Hắn mê mẩn vì em. Theo lời hắn thì em là một người đàn bà tuyệt đẹp, vô cùng yếu điệu và lại khó hiểu nữa. Rằng em có thể yêu một cách lạ lùng. Tất nhiên hắn nói rất nhiều về em... ha ha...

Sau đấy, vẫn không gặp nàng nhưng tôi vẫn nhắm tìm chồng nàng.

- Tiện thể, anh bạn già này... - tôi nói với anh - hôm qua một họa sĩ tôi quen đã đến tìm gặp tôi. Một ông hoàng nào đấy đã ra lệnh hắn phải vẽ chân dung có vẻ đẹp đặc biệt Nga. Vẽ như vậy hắn sẽ được thưởng hai ngàn. Hắn nhờ tôi tìm giùm một người mẫu. Tôi có ý định giới thiệu vợ anh với hắn nhưng bản thân tôi không thể làm được. Tuy nhiên chị ấy chính là mẫu người hắn đang cần. Khuôn mặt chị thật đáng yêu. Một người mẫu tuyệt vời như vậy mà thoát khỏi đôi mắt của nhà nghệ sĩ thì thật là tủi hổ. Quá là tủi hổ!

Ông chồng nào cũng đều nịnh vợ nên nhất định là sẽ lặp lại những lời ấy cho vợ mình nghe. Buổi sáng, người vợ sẽ ngồi rất lâu trước gương, ngắm soi nhan sắc của mình và trầm nghĩ: Do đâu anh ấy lại cho rằng khuôn mặt mình tiêu biểu người Nga nhỉ?

Vậy mà mỗi lần soi gương là nàng lại nghĩ đến tôi. Trong thời gian ấy, tôi vẫn làm như vô tình gặp gỡ chồng nàng. Sau mỗi lần gặp mặt ấy, người chồng khi trở về nhà cứ trân trân nhìn mặt vợ.

- Tại sao anh nhìn em như thế?

- Cái thằng cha Pyotr lại phát hiện là con mắt này của em thì đen hơn con mắt kia. Cả đời anh, anh có thấy gì đâu.

Người vợ lại ngồi trước gương, ngắm soi nhìn mình hồi lâu, suy nghĩ:

- Ủ, mắt trái hình như hơi đen hơn mắt phải... Không, mắt phải đen hơn mắt trái... Nhưng có lẽ với anh ấy thì như thế.

Sau lần gặp thứ tám hoặc thứ chín, người chồng nói với vợ:

- Anh gặp Pyotr tại nhà hát. Hắn xin lỗi đã không đến thăm em, lý do là không có thì giờ. Hắn nói hắn bận bù đầu. Hình như anh thấy khoảng bốn tháng nay hắn không đến thăm hai vợ chồng mình. Anh trách hắn chuyện này nhưng hắn rồi rít xin lỗi, hẹn xong việc sẽ đến thăm.

- Nhưng đến khi nào công việc mới xong?

- Theo hắn nói, ít nhất phải một hoặc hai năm. Chẳng hiểu hắn làm cái quái quỷ gì. Ôi thằng cha thật lạ lùng! Hắn quấy rầy anh hoài như một tên khùng, lái nhải đủ điều: "Này, tại sao vợ anh lại không lên sân khấu nhỉ? Với một ngoại hình hấp dẫn như thế, với sự thông minh và đa cảm như thế mà ru rú làm người đàn bà nội trợ thì là một cái tội đối với chị. Chị ấy phải rũ bỏ mọi thứ. Hãy đi đến nơi nào mà tiếng nói bên trong thôi thúc. Những đòi hỏi tầm thường không thể dành cho những người đàn bà như thế bao giờ. Những phẩm chất như chị ấy thì không thể bị trói buộc trong thời gian và không gian".

Tất nhiên người vợ chỉ có ý tưởng mơ hồ về những gì câu chuyện thổi phồng kia muốn nói đến, tuy nhiên nàng mền mẫn cả người vì nổi ngất ngây đến nghệt thở ấy.

- Thật vô lý! - Nàng thốt lên, làm ra vẻ hững hờ - Anh ta còn nói gì nữa không?

- Hẳn nói là nếu hẳn không bận rộn thì hẳn búng em ra khỏi anh ngay. Anh trả lời với hẳn là, thích búng thì cứ búng đi, anh không vì em mà đọ kiếm với hẳn đâu. Hẳn liền la lên: "Ồ, anh không hiểu chị ấy. Điều quan trọng là phải hiểu chị ấy. Chị ấy là một người khác thường, dữ dội, sẽ tìm lối thoát cho xem. Thật đáng tiếc tôi không phải là Turgenev, bằng không tôi sẽ đưa chị ấy vào tiểu thuyết ngay". Anh không sao cười được. Em à, hẳn mê mết vì em đấy. Anh mới nghĩ thầm: Ờ giá như người anh em sống với nàng hai, ba năm thì người anh em sẽ ca cẩm một giọng khác thôi. Một thằng cha quái gở!

Người vợ khốn khổ ấy kết thúc bằng một nỗi giày vò khao khát mong được gặp mặt tôi. Tôi là người duy nhất hiểu được nàng, chỉ với tôi nàng mới thổ lộ hết tâm can. Song lẽ tôi vẫn bướng bỉnh không đến thăm nàng. Đã lâu rồi nàng không gặp tôi. Người chồng vừa ngáp vừa truyền đạt những lời nhận xét của tôi và dường như nàng nghe được chính giọng nói của tôi, nhìn thấy rõ đôi mắt long lanh của tôi.

Thời gian tâm lý đã điếm. Một buổi tối, người chồng về nhà, mở miệng nói:

- Anh mới gặp Pyotr Semyonich. Hẳn trông đờ đẫn, ủ rũ, chán chường.

- Sao thế? Anh ta có chuyện gì à?

- Anh không rõ. Hẳn than là chán quá. Hẳn nói: "Tôi cô độc. Không bà con thân thích. Không bạn bè. Không một ai hiểu tôi. Không một ai để tâm tình. Không ai hiểu tôi cả. Tôi chỉ mong có mỗi một điều: chết quách cho xong!".

- Đồ điên rồ! - Người vợ bật thốt lên, nhưng trong thâm tâm thì nàng nghĩ: Đáng thương thật! Mình hoàn toàn hiểu anh ấy! Mình cũng cô độc. Cũng không có ai để hiểu mình trừ anh ấy ra. Còn ai ngoài mình để thấu hiểu tâm trạng của anh ấy?

- Đúng là một thằng cha quái gở! - Người chồng tiếp tục
- Hắn còn nói thế này: "Quá chán chường tôi không sao ở nhà
được. Suốt đêm tôi đi thơ thẩn trong công viên".

Người vợ sốt vó cả lên. Nàng ngắc ngoải muốn chạy vụt
đến công viên để thấy - dù chỉ bằng một mắt thôi - người đàn
ông hiểu được nàng mà giờ đây đang mang tâm trạng thất
vọng đến thế. Ai biết được chứ? Nếu mình nói chuyện với anh
ấy, nếu mình nói một vài lời để an ủi anh ấy thì may ra anh ấy
khỏe khoắn hơn. Nếu mình nói rằng anh đã có một người bạn
hiểu anh, đánh giá được anh thì có có lẽ anh sẽ tỉnh người lại.
Nhưng mà điều này không thể... Phi lý quá. Thậm chí mình
không được có ý nghĩ như thế nữa kia. Nếu mình không lưu ý,
mình sẽ yêu anh ấy mất, mà như vậy quả là xuẩn ngốc và
buồn cười biết bao.

Khi chồng nàng ngủ say, nàng liền ngẩng cao đầu, nó
nóng như lửa đốt ấy, ngón tay ép chặt lên môi, suy nghĩ:
Chuyện gì sẽ xảy ra nếu bây giờ mình liêu lĩnh ra khỏi nhà.
Rồi sau đó, mình sẽ bịa ra chuyện đến quầy thuốc, đến nha sĩ.
Mình phải đi thôi. Nàng quyết định.

Kế hoạch của nàng đã sắp sẵn: Mình đi theo cửa phía sau
ra khỏi nhà, đón taxi đến công viên; một khi đến đấy, mình sẽ
đi bộ ngang qua anh ấy, liếc mắt nhìn anh rồi quay về nhà.
Như thế nàng sẽ không làm tổn thương nàng và cho cả người
chồng của nàng.

Nàng mặc quần áo, vội vã rời khỏi nhà, lao vút đến công
viên. Công viên tối đen, vắng vẻ. Những thân cây trụi yên
giác. Không thấy một bóng người. Nhưng nàng chợt thấy có
bóng người. Chắc chắn là người đó rồi. Toàn thân nàng run
rẩy, chầm chậm nàng tiến về phía tôi... và tôi tiến về phía
nàng. Trong giây lát cả hai chúng tôi đều đứng bất động, nhìn
sâu vào mắt nhau. Một khoảnh khắc khác lại trôi qua lặng lẽ
và... con thỏ bất lực chui vào mõm con trăn.

VỊ HÔN PHU

Người đàn ông với cái mũi tím tím đi lại phía cái chuông và miễn cưỡng rung chuông. Đám đông từ nãy đến giờ đứng im bất động bỗng nháo nhào chạy ngược chạy xuôi. Những chiếc xe chở hành lý chạy rầm rầm trên sân ga. Người ta bắt đầu chằng dây trên các toa tàu. Đầu tàu rít lên một tiếng nghe đến chói tai rồi nối vào các toa. Xa xa ở đâu đó có người làm rơi một cái chai đánh xoảng... Mọi người chào tạm biệt nhau, nghe thấy những tiếng nức nở và cả giọng nói thì thầm của những người phụ nữ...

Trước cửa một toa hạng hai có một đôi trai gái đang từ biệt nhau. Cả hai đều khóc.

– Tạm biệt, em yêu của anh! – Người đàn ông vừa nói vừa hôn vào mái tóc bạch kim của cô gái – Tạm biệt! Anh buồn quá! Anh sẽ không chịu nổi mất... Vậy là anh phải xa em những một tuần. Đối với trái tim kẻ đang yêu thì một tuần ấy dài bằng một thế kỷ, em biết không? Tạm biệt... Lau nước mắt đi em, đừng khóc nữa...

Hai hàng nước mắt của cô gái dàn dụa khắp mặt, có một giọt nước mắt rơi vào môi chàng trai.

– Tạm biệt Varia thân yêu! Cho anh gửi lời thăm mọi người. À quên, nhân tiện anh dặn này, nếu em gặp anh Mac-cốp thì đưa cho anh ấy 25 rúp hộ anh nhé.

Chàng trai moi từ trong túi ra tờ 25 rúp và đưa cho Varia.

– Em cố gắng trả giúp anh nhé. Anh nợ anh ý mà. Trời ơi anh chẳng muốn xa em chút nào cả...

– Đừng khóc anh Pêchia! Thứ 7 này nhất định em sẽ về với anh. Anh sẽ không quên em chứ?

Mái tóc bạch kim của cô gái Varia ngã vào ngực Pêchia. Quên ai? Quên em ư! Chẳng lẽ anh lại có thể quên được em ư?

Tiếng chuông thứ hai đã vang lên. Pê chia ôm chặt Varia vào lòng, khẽ chớp mắt rồi khóc nức lên như một đứa trẻ.

Varia vít lấy cổ người chồng sắp cưới và cũng thối thức theo.

Hành khách lục tục lên tàu. Chàng trai hôn cô gái lần cuối và ra khỏi toa tàu. Anh đứng bên ngoài cửa sổ dưới sân ga lấy chiếc khăn mùi xoa trong túi áo ngực ra để vẩy Varia dụi đôi mắt ướt đẫm nước vào má Pêchia....

- Mời tất cả mọi người lên tàu thôi! - Ông trưởng tàu ra lệnh - Chuông thứ 3 bây giờ đấy.

Hồi chuông thứ 3 đã gióng lên. Pêchia vẩy khăn tạm biệt người yêu. Bỗng nhiên mặt anh đỏ ra. Anh đập tay lên trán đánh đập và nhảy lên toa tàu như một kẻ mất trí.

Varia - chàng trai hốt hển không ra hơi - Anh vừa đưa cho em 25 rúp để trả Mac-cốp ấy mà, em yêu ơi, cho anh xin cái giấy biên nhận. Mau lên! Giấy biên nhận là em đã cầm 25 rúp ấy mà! Trời ơi, làm sao tôi có thể quên một việc hệ trọng như thế kia chứ?

- Muộn rồi anh ơi! Tàu bắt đầu lăn bánh mất rồi.

Đoàn tàu chuyển bánh. Chàng trai nhảy bổ xuống sân ga, khóc nức lên và giơ khăn tay lên vẩy.

- Thế nhớ gửi cho anh giấy biên nhận qua đường bưu điện nhé - Anh chàng hét với theo đoàn tàu.

Khi đoàn tàu đã khuất bóng chàng trai chỉ còn biết dấm nức ầm ức: "Trời ơi! Ta đúng là một thằng ngốc! Đưa tiền mà lại không bắt cô ấy viết giấy biên nhận. Thật là sơ suất quá! Giờ thì cô ấy sắp đến nơi rồi còn gì? Trời ơi là trời!".

Hà Việt Anh dịch

[i] *Gêxôtrat: người Hy Lạp, năm 356 trước Công nguyên đã đốt đền Actêmida Ephecxaia để tên mình trở thành bất tử.*

[ii] *Ephian: nhà hoạt động chính trị của Athens thời cổ. Năm 480 trước Công nguyên đã phản bội, chỉ cho quân Ba Tư lối đi vòng qua khe Phermôpinxki. Toán dân binh Xpacta ở Hy Lạp bảo vệ khe núi này đã hy sinh một cách anh dũng.*

[iii] *Ở nước Nga thời Nga hoàng, các viên chức tòng sự tại các cơ quan dân sự được sắp xếp theo các thang bậc đặt ra từ 1722. Tất cả có 14 bậc. Cao nhất là các quan chức từ bậc 4 đến 1.*

[iv] Nguyên văn: chữ P trong bảng chữ cái Nga.

[v] Sazen bằng 2,134m

[vi] Trong nguyên bản, Rothschild nói năng không rõ ràng, mạch lạc, tiếng Nga ngọng. Miêu tả sự khiếm khuyết của Rothschild, tác giả muốn nhấn mạnh tới sự thay đổi trong tâm lý của Iakov. Khi Iakov còn sống, những khuyết tật của Rothschild làm ông khó chịu, nhưng trước lúc ông chết, những khuyết tật đó làm cho ông thương xót, ân hận vì đã xử tệ với nó, song cái chính là ông đã nhìn thấy tài năng và sự nhạy cảm âm nhạc của nó, tâm hồn nó...

[vii] Đêxiachin: bằng 1,09 hec ta.

[viii] Trong nguyên bản, không có lời đề tặng. Xét thấy nó không hại gì đến tinh thần và văn bản truyện ngắn, nên người dịch mạn phép mà thêm vào, vì một động cơ rất cá nhân. (chú của Ng.T.)

[ix] Trong bản dịch là: “nàng đi như đi đến chỗ mình”.

[x] Bản tiếng Pháp: la télègue – xe ngựa 4 bánh ở Nga.

[xi] Năm verstes ; 1 verste = 1067 mét.

[xii] 1 rouble ăn 100 kopecks, tiền Nga vào thế kỷ 17.

[xiii] Trong một góc, người ta đặt tranh thánh và ngọn đèn nhỏ, gọi là “góc đỏ”, nơi thiêng liêng của căn nhà. Ăn cắp đồ đạc ở chỗ này là nghịch đạo.

[xiv] Tiếng Nga : Starosta, là người đại diện nông dân, làm trung gian giữa chủ đất và tá điền.